

NGUYỄN HIỆN LÊ

# ĐỜI NGHỀ SĨ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## *ĐỜI NGHỆ SĨ*

NGUYỄN HIẾN LÊ

# ĐỜI NGHỆ SĨ

*(In theo bản thảo chép tay của tác giả)*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## TỰA

*Đa tài thường đa tật; nhất là các nghệ sĩ phương Tây ở thế kỉ XIX, thế kỉ lãng mạn, đam mê, cuồng loạn thì lại càng nhiều tật vì không khí chung của thời đại.*

*Nhưng họ có tài, cảm xúc sâu sắc hơn ta, tưởng tượng dồi dào hơn ta, phô diễn được nỗi lòng cùng tư tưởng một cách tinh tế hơn ta, miêu tả được thiên nhiên một cách chân xác, bóng bẩy hơn ta. Họ vừa là những đại biểu của nhân loại - vì là người thường như chúng ta, có tâm tư của chúng ta - vừa là những vì sao lấp lánh, những bông hoa rực rỡ tô điểm cho vũ trụ.*

*Và ngay cả những kẻ nhiều tật nhất, tâm hồn cũng có một vài điểm khả ái: Chateaubriand về già chịu nghèo để giữ thanh danh, Goethe rất khiêm tốn, nhận rằng đã mang ơn rất nhiều của tiền nhân cũng như của người đồng thời...*

*Đáng quý hơn cả là hết thảy đều có đức chung này: càng có tài lại càng trau dồi cái tài, cần cù làm việc suốt đời, chỉ nhắm mỗi mục đích là lưu lại cái đẹp cho hậu thế.*

*Goethe bỏ ra non sáu chục năm viết kịch Faust.*

*Chateaubriand đã xếp bản thảo tập Hồi kí vào thùng, niêm phong lại, giao cho một chàng khế, rồi lại mở ra, sửa lại nữa trước khi mất.*

*Maugham chịu đói rét mười năm để luyện cây viết, sáu mươi lăm tuổi mới nghỉ vì không muốn làm “đơ thêm những bức họa cũ” của ông.*

*Disney coi tiền bạc chỉ là một phương tiện để làm việc, kiếm được bao nhiêu đem dùng hết vào việc cải tiến nghệ thuật, không hưởng thụ một chút gì.*

*Còn Balzac thì suốt đời “bị cực hình vì bút và mực”, uống cà phê đậm, ngâm chân vào nước hột cải để viết ngày viết đêm, sửa bản thảo cả chục lần; tới khi đau, bác sĩ bảo phải nghỉ, ông đáp: “Nghỉ! Ai mà chẳng biết toa thuốc đó! Nhưng làm sao mà nghỉ được?”*

*Ôi! Họ thật đáng phục mà cũng đáng thương!*

*Sài Gòn ngày 1.8.1979.*

NGUYỄN HIẾN LÊ

# WALT DISNEY

## THI SĨ CỦA MÀN ẢNH

(1901 - 1966)

- Dù có bằng cấp cao, có tài năng tới đâu, cũng đừng nên đòi giữ những địa vị chỉ huy vội, cứ bắt đầu từ những địa vị thấp nhất đã.
- Tiến chỉ là một phương tiện để làm việc.
- Tiến bộ là hai bước tiến lên rồi một bước thụt lùi, mà bước thụt lùi đó không có nghĩa là sự tiến bộ ngưng hẳn.
- Những ngày chúng ta sống trên trái đất này chỉ như một vệt cực nhỏ lưu lại trên đồng cát của bờ biển thời gian.

**(Walt Disney)**

Dale Carnegie, trong cuốn *Little - known facts about well - known people* (The World's Work - 1947) gọi Walt Disney là người đã tạo được một tài sản nhờ một con chuột và ba con heo.

Một tờ báo khi hay tin ông mới mất (vì bệnh), viết một bài kỉ niệm ông, cũng gọi ông là “người đã xây dựng một đế quốc (mà kinh đô là Disneyland) trên một con chuột”.

Tôi thích gọi ông là thi sĩ của màn ảnh hơn. Ông là một thi sĩ vì ông yêu trẻ em, yêu loài vật, yêu hoa cỏ, thiên nhiên, và yêu những mộng đẹp, có bao nhiêu tiền, đem dùng hết để thực hiện những mộng của ông mà làm cho cả nhân loại mơ mộng. Lần nào coi những phim: “Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn” (Blanche - Neige et les sept nains), “Hai vạn hải lý dưới đáy biển” (20.000 lieues sous les mers), “Sa mạc sinh động” (Désert Vivant), “Bí mật của đời sống” (Secrets de la vie)... tôi cũng có cảm tưởng được sống trong một thế giới ảo mà thực, thực mà ảo, được nhìn và nghe những bài thơ trường thiên ca tụng đời sống với muôn ngàn màu sắc rực rỡ và âm thanh du dương của nó. Tôi rất tiếc là không được thấy cái thế giới thần tiên mà ông tạo được ở Disneyland - xứ của Disney - và tôi mong rằng nhân cái chết của ông, một nhà sản xuất phim nào ở Huê Kỳ sẽ quay những cảnh trong “xứ” đó, làm một phim tài liệu cho thế giới được biết. Nghe nói Krouthchev khi qua Huê Kỳ, tính ghé đó một buổi hình như bị từ chối khéo, và ông ta lấy làm ân hận lắm.

Walter Disney (Walt là tiếng Walter đọc gọn lại)



Walt Disney và thế giới tạo hình của ông



sinh ở đầu thế kỉ này (tháng chạp năm 1901) tại Chicago, nhưng ông thuộc vào lớp nhà đại kinh doanh Mỹ của hậu bán thế kỉ trước như Andrew Carnegie, Rockefeller... lớp người thân lập thân (người Anh gọi là self-made man), không được học hành nhiều, không có của cải cha mẹ để lại, tay trắng làm nên nhờ có tài trí, có óc mạo hiểm, nhất là nhờ sức làm việc không ngừng liên tiếp bốn năm chục năm.

Ta nên nhớ cuối thế kỉ trước, nước Mỹ chưa được khai phá hết, phương tiện giao thông còn khó khăn, trường học còn thiếu thốn, nên dân chúng ở thôn quê còn giữ được tinh thần chiến đấu, tự tin: Họ tôn trọng kiến thức nhưng không quá đề cao nó như các học giả ở châu Âu, họ không hề mặc cỡ rằng không có bằng cấp cao trong tay, không cho rằng sự học hành dở dang có thể ngăn cản bước đường thành công của họ được. Ngày nay, mức sống ở Âu, Mỹ đã cao, sự học đã được phổ biến, hóa ra dễ dàng, người ta quá chú trọng tới bằng cấp cho nên số người có tinh thần chiến đấu, mạo hiểm giảm đi; và đọc tiểu sử các nhà đại kinh doanh ở thế kỉ trước, ta thấy kích thích, phấn khởi gần như đọc tiểu sử các nhà thám hiểm. Những bài học chiến đấu, gian lao của họ rất cần cho thế hệ trẻ bây giờ, nhất là ở nước ta.

Song thân của Disney nghèo, có bốn năm người

con. Phụ thân ông làm rất nhiều nghề: trồng cam, mở khách sạn, làm thợ mộc... mà không khá, năm 1910 đứng ra phát hành báo ở Kansas, trong một khu vực có khoảng mười ngàn độc giả. Walt Disney lúc đó chưa đầy mười tuổi, với người anh kế ông là Roy, phải lãnh việc giao hai tờ báo: tờ *Morning Times* và tờ *Evening and Sunday Star*. Thời đó, sự giáo dục trong gia đình rất nghiêm khắc, con cái phải nghe lời cha mẹ răm rắp, nếu không thì bị đòn. Hai anh em Disney được lệnh cha, phải giao báo tận tay người mua, nếu không thì ít nhất cũng phải đặt báo ở trước cửa mỗi nhà rồi lấy phiến đá hay cục gạch chặn lên. Phụ thân hai ông còn cấm dùng xe đạp để giao báo nữa, sợ quen cái thói ngồi trên xe liệng tờ báo vào sân rồi phóng lại nhà khác.

Làm công việc đó Walt phải dậy từ ba giờ rưỡi sáng, đón xe cam nhông chở báo, rồi đem đi phát liên, tới sáu bảy giờ mới xong. Luôn trong năm sáu năm như vậy, dù mưa rào, dù bão tuyết, ông cũng không bỏ một ngày nào, trừ những khi đau ốm. Có lần, giao báo cho một nhà giàu có lò sưởi, ông nằm ngủ ngay ở trước cửa nhà đó để hưởng chút hơi ấm, khi tỉnh dậy phải hấp tấp làm nốt công việc cho kịp giờ về ăn sáng rồi đi học.

Không có tiền ăn quà, hai anh em ông phải lén lút

làm thêm nhiều công việc khác như lau chùi xe tang, giao trứng, bơ, thuốc... để kiếm thêm vài cắc mỗi ngày. Trong vài năm ông dành dụm được một số tiền, đưa cho cha giữ giùm, đến khi xin lại để tiêu thì ông cụ bảo đã đem bỏ vào một công việc làm ăn rồi.

Từ đó ông càng ráng kiếm nhiều tiền riêng để gây vốn nhưng không gởi cha nữa. Trong khi bạn học về nhà nghỉ ngơi, ăn cơm thì ông lại giúp việc cho một tiệm mứt hoặc đi bán báo trong một khu vực mới mà không cho cha hay. Tóm lại, ông muốn làm ăn riêng.

Về già, kể lại chuyện đó cho các con, ông bảo: “Ông nội các con nghiêm khắc quá nên tự nhiên ba phản ứng lại như vậy. Ba ráng tránh, không mắc lỗi lầm đó với các con... Nhưng ba phải nhận rằng ông nội có một đức quý là nghèo thì nghèo, hễ con cái muốn mua sách thì ông nội không khi nào tiếc tiền”.

Walt Disney sớm có khiếu về môn vẽ. Năm bảy tuổi, một bác sĩ quen cột một con ngựa rồi bảo ông vẽ. Tuy bị cột, con vật vẫn quay đi quay lại hoài, ông phải chạy quanh nó để ghi từng nét. Bác sĩ đó khen bức họa và thưởng ông một số tiền.

Ông cũng thích môn kịch, cùng với bạn bè soạn lấy những vở ngắn để diễn chơi, hầu hết là những vở

khôi hài. Ông lại học nhạc, nhưng không có khiếu về môn này.

Gần cuối thế chiến thứ nhất, gia đình ông trở lại Chicago. Lúc đó ông mười sáu tuổi, vừa đi học vừa làm công trong một hãng chế mứt, vừa dự những lớp học vẽ ở một trường Mỹ thuật tư.

Nhưng không được bao lâu, ông phải vô tập sự ở Sở Bưu Điện Chicago để mưu sinh, rồi khai gian tuổi để nhập ngũ, bị đuổi về.

Khi chiến tranh chấm dứt, Hồng Thập Tự Chicago cần năm chục người tình nguyện qua Pháp để săn sóc các thương binh Mỹ. Ông cũng khai gian tuổi nữa và được tuyển dụng qua Pháp lái xe Hồng Thập Tự.

Hồi này ông kiếm được khá tiền. Ông cùng một người bạn đi lượm những nón của lính Đức trên các mặt trận và các hầm núp để bán lại cho các lính Mỹ sắp hồi hương làm kỷ niệm chiến tranh. Ông dùng tài vẽ để sơn những nón đó một cách nham nhở, cho ra vẻ một nón cũ, bắn một phát súng sáu vào chiếc nón rồi xin vài sợi tóc ở một tiệm hớt tóc, giắt vào lỗ súng đó cho thêm tính cách “hiện thực”. “Khách hàng” của ông bị gạt, ông bán được một giá cao nhưng đủ khôn khéo để bán in ít thôi: mỗi chuyến xe chỉ bán một cái

nón “chế tạo” theo kiểu đó để giữ được giá mà người mua khỏi nghi ngờ.

Trong mười một tháng đó ở Pháp ông học khôn được nhiều, luyện được tinh thần tự lập, tự xoay xở lấy, cho nên sau này ông thường ca tụng chế độ quân dịch.

Năm mười bảy tuổi, ông về nước, tinh thần già giặn như một người lớn và trong túi đã có một số vốn nho nhỏ.

Phụ thân ông muốn ông vô làm một hãng mút ở Los Angeles, ông lắc đầu, đòi sống bằng nghề vẽ. Ông cụ la lên: Muốn làm nghệ sĩ ư? Muốn nhập bọn với những quân vô lại đó ư? Ông không cãi, lẳng lặng đi về tỉnh cũ của ông ở Kansas, xin vô giúp việc một hãng quảng cáo, hãng *Gray Advertising Company*. Ông vẽ thử một tấm cho chủ hãng coi. Chủ hãng ưng ý, trả ông năm chục Mỹ kim mỗi tháng. Ông mừng quýnh, không thốt được một lời, chạy một hơi về khoe với một bà cô. Ông làm việc được sáu tuần, học được hết những mảnh khõe trong nghề thì vừa tới lúc hết mùa quảng cáo, chủ hãng cho ông nghỉ việc.

Ông bàn với một người bạn, cùng nhau đứng ra làm ăn lấy. Họ lại đề nghị với ông chủ nhiệm tờ *The Restaurant News*, cơ quan của một nhóm chủ khách sạn:

- Tôi sẵn lòng chỉ huy giùm công việc nghệ thuật trong tòa soạn của ông.

- Hân hạnh lắm, nhưng báo tôi nhỏ quá, không có công việc đó.

- Vô hại... Ông cứ thu xếp cho chúng tôi một chỗ nào đó trong tòa soạn, rồi chúng tôi sẽ vẽ quảng cáo cho ông. Ông chẳng mất một xu nào cả và có thể khoe rằng tờ báo có một nhóm chuyên viên về nghệ thuật.

Ông chủ nhiệm hoan hỉ nhận lời. Thế là chẳng tốn một đồng nào, ông đã có được một “xưởng vẽ”. Lần lần ông làm quen với các nhà in, các nhà kinh doanh trong châu thành và lãnh được “com-măng”, ngay trong tháng đầu đã kiếm được một số tiền lớn hơn tiền công ở *Gray Advertising Company*. Tự làm chủ mình, dù công việc nhỏ nhoi tới mấy, cũng vẫn thích hơn đi làm công.

Một hôm, ông đọc trên báo thấy tin hãng Phim *Kansas City Film Ad Company* cần một người vẽ hí họa. Ông lại hỏi. Họ bắt ông phải vẽ chuyên cho họ, suốt ngày và trả ông bốn chục Mỹ kim một tuần. Ông nhận lời và bắt đầu chú ý tới môn hoạt họa (dessin animé). Năm đó ông mười chín tuổi (1920).

Ông vừa vẽ vừa tìm hiểu kỹ thuật chụp hình, hát bóng, bao nhiêu sách ở thư viện Kansas viết về hai

môn đó, ông đều mượn về đọc hết, để dành tiền mua một máy quay phim, quay những xen khôì hài ngắn ngắn, lấy ngay tên một viên Giám đốc ba nhà hát bóng ở Kansas, ông Laugh-O-Grams Newton để đặt tên cho loại phim đó, nhờ vậy gây được cảm tình với ông ta.

Ông vẽ nhiều phim hoạt họa để quảng cáo, bắt đầu nổi tiếng trong xứ.

Ông mượn một căn nhà làm xưởng đăng báo tìm thanh niên để dạy nghề hoạt họa cho; vẽ những phim hoạt họa *Con Mèo đi hia* (Le Chat Botté), *Em Bé quàng khăn đỏ* (Le Petit chaperon rouge), theo những truyện cho trẻ em của Perrault. Phim rất ngắn, chiếu không đầy bảy phút, nhưng được hoan nghênh. Lúc này ông đã thành một ông chủ, có phòng giấy, có nhân viên đàn ông hoàng rồi. Nhưng ông vẫn chưa mãn nguyện. Kiếm được ít tiền quá. Ông muốn thành công rực rỡ kia, ông muốn chinh phục kinh đô hát bóng kia. Năm 1923, ông lên xe lửa lại Hollywood.

Mới tới, ông có cao vọng được làm giám đốc kỹ thuật trong một hãng sản xuất phim, nhưng sau khi nghiên cứu kỹ hoạt động trong các phim trường, tìm hiểu nghệ thuật điện ảnh, ông khiêm tốn hơn, tự nhận rằng mình còn phải học hỏi nhiều lắm, từ những công việc nhỏ nhoi nhất. Sau này, rút kinh nghiệm đó ông

thường khuyên các thanh niên mới vào nghề, dù có bằng cấp cao, có tài năng tới đâu, cũng đừng nên đòi giữ những địa vị chỉ huy vội, cứ bắt đầu từ những địa vị thấp nhất đã.

Mấy tháng đầu kiếm việc không được, số tiền dành dụm tiêu đã gần hết thì một dịp may tới: Phim *Alice* của ông chiếu ở Kansas được một nhà phân phối phim ở Hollywood để ý tới; và nhà đó đề nghị với ông vẽ cho một loạt phim hoạt họa cũng dùng truyện em *Alice* sẽ trả 15.000 Mỹ kim cho 12 phim.

Ông và ông Roy (từ đây hai anh em hợp tác chặt chẽ với nhau) nhận lời ngay và phải đi vay mượn để có một số vốn. Khi ông đã giao được sáu phim rồi, hãng phim thấy phim không được khán giả hoan nghênh, muốn hủy bỏ giao kèo... Walt Disney đáp:

- Nhưng phim thứ bảy đã xong rồi, không lẽ bỏ ư?

Thế là phải cho chiếu và chính phim đó đã đem lại sự thành công cho anh em Disney. Trong ngành kinh doanh cũng như trong nghệ thuật, sự thành công có khi chỉ cách sự thất bại có một bước ngắn. Kinh nghiệm của Walt Disney cũng y như kinh nghiệm của Somerset Maugham.

Thành công rồi ông mới nghĩ tới việc lập gia đình với cô Lillian Bounds. Cô nghèo, làm thư ký cho ông,



lương mỗi tuần mười lăm Mỹ kim, rất siêng năng, tận tình làm việc, không hề so đo. Khi hai người mướn nhau, cô mời ông về nhà mình để giới thiệu với mẹ. Ông đáp rằng bộ đồ của ông cũ quá, sờn tay và bạc màu coi bệ rạc lắm, để ông sắm bộ đồ mới đã.

Ông hỏi ý kiến anh, vì ông Roy giữ túi tiền. Ông anh bằng lòng nhưng ra điều kiện là không được mua một bộ giá trên ba mươi lăm Mỹ kim. Ông mua một bộ cắt sẵn bốn mươi Mỹ kim, ông anh cũng chịu lòng.

Họ cưới nhau năm 1928. Hai năm sau, loạt phim về *Alice* hết được hoan nghênh. Ông tạo một “nhân vật” mới, con thỏ Oswald. Nhưng làm cho ông nổi danh khắp thế giới là con chuột Mickey. (Mickey Mouse). <sup>(1)</sup>

Về sự xuất hiện của con chuột này, người ta đã dựng nên nhiều truyền thuyết. Diane Disney Mille (con gái lớn của ông) kể lại như sau trong cuốn *The Story of Walt Disney* (bản dịch ra tiếng Pháp của Nathalie Gara - Hachette - 1960, nhan đề là *L' - Histoire de Walt Disney*):

“Người ta cho rằng con Mickey là do một con

---

(1) Tạp chí *Lectures pour tous* số octobre 1966, trong bài *Qu'est-ce qui fait rêver Walt Disney*, đã mắc một lỗi nặng, hai lần chép là Mickey Mouth (Miệng Mickey).

chuột thực thường leo lên tấm ván để vẽ cửa ba tôi khi người... ở Kansas. Quả là ba tôi rất yêu những con vật nhỏ đó. Hỏi ba tôi, người đáp: “Trái lại với hầu hết các truyền thuyết khác, truyền thuyết này có nhiều phần đúng. Ban đêm, ba làm việc, các con chuột nhất thường lục lọi thỏa thích trong giỏ giấy vụn của ba. Ba bắt chúng, nhốt vào những cái lồng nhỏ, đặt ở trên bàn làm việc. Có một con mà ba thích nhất, khi rời Kansas, ba thả nó ra ngoài đồng”.

Khi nảy ra ý vẽ những phim hoạt họa về chuột, ông cần đặt tên cho vai chính trong phim, hỏi ý bà:

- Anh muốn gọi nó là con chuột *Mortimer*. Mình nghĩ sao?

Bà không thích tên đó, lựa tên Mickey.

Nhưng trước khi làm cho ông nổi danh, con chuột Mickey đã gây biết bao nỗi lo lắng và khó khăn cho ông.

Chúng ta khó tưởng tượng được một phim hoạt họa chiếu trong hai mươi giây thôi, tổn mất bao nhiêu công phu: 480 hình vẽ và 50.000 nét vẽ. Nghĩa là mỗi giây phải chụp rồi chiếu hai mươi bốn hình vẽ, như vậy khán giả mới thấy những cử động liên tiếp, chứ không thấy những hình rời rạc. Về mỗi cử động của con Mickey phải vẽ mười sáu tám hình.

Đó là nói về phim câm.

Năm 1927, ở Mỹ, phim nói đầu tiên đã xuất hiện: phim *Chanteur de Jazz*. Muốn cho phim hoạt họa của ông khỏi chết, Walt Disney phải làm cho nó nói được, nghĩa là phải có nhạc, có tiếng nói và những âm thanh đó phải cùng phát với các cử động của con chuột cho có sự phù hợp. Mỗi giây qua hai mươi bốn hình, nếu tiết điệu của nhạc là nhịp hai, thì mỗi giây phải có hai nhịp, mỗi nhịp cho mười hai hình.

Ông phải tìm nhạc công để giúp việc, lập một dàn nhạc; vay tiền các ngân hàng, muốn vậy phải thuyết phục các nhà tư bản đó rằng phim con chuột Mickey của ông sẽ được hoan nghênh.

Sau bao nhiêu lần thí nghiệm, tốn kém rất nặng, phim hoàn thành, lần đầu tiên đem chiếu ở Broadway, khán giả cười gằn vỡ rụp khi nghe con chuột Mickey nói được y như người. Sự thành công vượt sức tưởng tượng của hai anh em ông, nhất là ông Roy vì ông này luôn luôn cần nhằn rằng tốn kém quá, e lỗ thôi.

Một nhà phân phối phim ở New York đề nghị với ông sản xuất một loạt phim Mickey nữa. Lúc này ông đã có thể làm cao và đặt điều kiện: muốn chiếu mỗi phim hoạt họa của ông thì phải đưa ông trước 5.000 Mỹ kim, rồi khi chiếu phải chi cho ông 40 phần 100 số

tiền bán vé. Họ phải chấp nhận những điều kiện đó.

Nhiều người thấy ông thành công, bắt chước kỹ thuật của ông. Có kẻ còn mua chuộc các người giúp việc ông để kéo họ về làm cho mình nữa, nhưng họ đều thất bại, vì họ chỉ muốn kiếm tiền, còn ông thì trái lại, chỉ yêu nghệ thuật, muốn tiến hoài, cải thiện hoài kỹ thuật, không khi nào ngừng, do đó không ai đuổi kịp ông.

Bao nhiêu tiền thu được về phim trước, ông đem dùng hết để sản xuất phim sau, có khi còn phải đi vay thêm. Số nhân viên tăng lên hoài mà ông bà phải coi sóc hết thảy; suốt ngày ở xưởng cho tới khuya, tới bữa ăn thì chạy ra quán, nuốt vội mấy miếng rồi trở về làm việc. Vì vậy mà năm 1931, ông đau. Thần kinh suy nhược, mất ngủ, tinh tình quạu quọ, hễ có ai kêu điện thoại, là ghen thờ, muốn khóc. Ông bà phải nghỉ ngơi, đi du lịch ít lâu. Khi trở về Hollywood ông thấy đầy đủ sinh lực để vượt một bước khó khăn nữa.

Lúc đó là thời kinh tế khủng hoảng; lại thêm phim màu mới xuất hiện. Ông phải cải tiến phim hoạt họa cho kịp thời, phải vẽ màu. Ông thương thuyết với nhà Technicolor để được độc quyền dùng phương pháp Technicolor cho phim hoạt họa của ông trong hai năm.

Ông thí nghiệm kỹ thuật mới đó vào phim: *Fleur*

*et arbres* (Hoa cỏ và cây cối). Vừa có màu lại vừa có nhạc: chim chóc riu rít bên cạnh những đóa hoa tươi thắm, làm khán giả say mê trong mười phút. Phim được giải thưởng của Hàn lâm viện nghệ thuật và khoa học điện ảnh. Trước kia ông đã được giải thưởng Oscar vì những phim Mickey.

Giữa thời kinh tế khủng hoảng, tất cả các xí nghiệp khác đều rút bớt chi phí, thải bớt nhân viên; ông trái lại, tuyển thêm nhân viên, cấp dưỡng cho một số vào học ở Viện Mỹ thuật Los Angeles, lái xe đưa đón họ, vẽ xưởng lại đào tạo thêm họ nữa bắt họ phải “phân tích cử động”. Trước kia ông theo kỹ thuật này: cho một người mẫu đứng theo một tư thế nào đó, các họa công nhìn mà vẽ; rồi người mẫu đổi qua tư thế khác, họa công cũng nhìn theo đó mà vẽ. Thành thử họa công không nhận xét được những biến chuyển từ tư thế này qua tư thế khác, vì vậy mà các bức vẽ không gọi được những cử động tự nhiên.

Ông thay đổi phương pháp, cho quay phim mỗi cử động rồi chiếu chậm lại cho họa công coi và nhận xét. Ông quay phim cả những tấm kính đang bể, những bọt xà bông phồng lên rồi vỡ, những giọt nước chảy vô một cái thau, những khói thuốc quay trong không khí dưới cánh quạt máy, những trái banh cao su rớt xuống đất rồi nảy lên, những vế mặt khi giận

dữ, khi vui cười, những lần môi mấp máy khi nói. Chẳng hạn nói câu: “ông mạnh giỏi không?”, môi ta mấp máy bốn lần, mỗi lần một khác, phải ghi nhận kỹ mỗi lần rồi vẽ hình hoạt họa mới đúng sự thực được. Ông quay phim cả các loài vật, và ông dựng được gần như một sở thú cho các họa công của ông nhận xét.

Ông cho rằng bấy nhiêu cũng chưa đủ, vì ông nhận thấy loài vật nhất ở trong chuồng cử động khác lúc chúng sống tự do ở giữa thiên nhiên. Ông sai một số người đi quay phim các loài vật ở giữa thiên nhiên. Do đó mà phim hoạt họa của ông rất đủ tính cách hiện thực, và sau này ông nảy ra ý quay phim những phim tài liệu làm mê khán giả.

Ông Roy thấy phí tổn nặng quá, cần nhản hoài; ông chỉ mỉm cười, kiếm được bao nhiêu tiền, trút hết cả vào công việc. Tôi đã nói: ông chỉ dùng tiền để thực hiện những mộng đẹp của ông thôi mà!

Ông cố tìm những người có tài bắt chước tiếng kêu của các loài vật: tiếng gà gáy, vịt kêu, chim hót, ngựa hí... và gặp được một người như vậy - tên là Nash - ông muốn liền, trả một số tiền công rất cao. Số người giúp việc ông, hồi thịnh nhất, lên tới 1.500. Một phần do ông đào tạo từ nhiều năm trước.

Năm 1931 ông hoàn thành phim *Ba con heo con*.

Phim nổi danh liên cũng như những phim Mickey hồi trước. Mỗi con heo có một cá tính riêng, rất dễ thương, và điệu hát “Who’s afraid of the big bad wolf, the big bad wolf, the big bad wolf?” (Ai sợ con chó sói lớn hung dữ, con chó sói lớn hung dữ, con chó sói lớn hung dữ), chẳng bao lâu truyền khắp trong nước. Thanh niên nào cũng hát câu đó. Và hễ nhắc đến Disney thì người ta nhớ ngay tới hình ảnh con chuột Mickey và ba con heo con. Có người tính rằng phim *Ba con heo con* đem lại cho ông một số lời là 600.000 Anh bảng, nhưng ông bảo chỉ được lời 25.000 Anh bảng sau khi làm việc tận lực trong hai năm.

Lúc đó danh ông vang khắp hoàn cầu. Theo Dale Carnegie, ở Alaska, dân Esquimau thích phim Mickey tới nỗi thành lập một hội gọi là Hội Con chuột Mickey. Các nhà sản xuất đồ chơi ở Mỹ, xin phép ông dùng hình con chuột Mickey và ba con heo con. Một nhà sản xuất đồng hồ chuông, nảy ra cái ý dùng ngón tay con Mickey làm kim chỉ giờ, phút, nhờ vậy mà số bán nhảy vọt lên.

Nhưng phim ông ấp ủ từ lâu là phim *Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn*, nội dung rút trong một truyện trẻ em bất hủ của anh em Grimm.

Ông muốn rằng phim đó phải là phim hoạt họa

đúng sự thật nhất, đẹp nhất và dài nhất nữa. Ngay phim *Ba con heo con* cũng chỉ chiếu được có tám phút. Ông định phim *Nàng Bạch Tuyết* phải chiếu được tám mươi phút, mười lần dài hơn. Nghe dự định đó, ông Roy nhăn mặt. Tiền đâu? Tình sơ sơ cũng mất đến nửa triệu Mỹ kim. Rồi có thu đủ vốn không đây?

Ông không nghe lời can của anh, nhất định thực hiện cho được. Nàng Bạch Tuyết phải đẹp tuyệt trần. Mỗi chú lùn phải có một cá tính riêng. Phải có tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng suối róc rách... Những cái đó đều dễ cả. Ông kiếm được một thiếu nữ mười bảy tuổi, thân hình mảnh mai, nét mặt thanh tú, cử động mềm mại, uyển chuyển vì nàng biết múa (phụ thân nàng làm giám đốc một trường dạy vũ). Các họa công của ông phân tích kỹ những nét mặt cùng cử động của nàng rồi thêm bớt, châm chước, vẽ thành Nàng Bạch Tuyết.

Khó nhất là kiếm được một giọng nói hợp với nàng tiên đó. Ông buộc rằng giọng của Bạch Tuyết phải cho thính giả cảm giác như từ tiên giới bay xuống. Có giọng tốt lại phải biết hát nữa thì mới đủ điều kiện.

Ông phải người tìm cho ông “kỳ quan” đó. Để cho khỏi bị ảnh hưởng vì vẻ mặt của các thí sinh, ông ngồi



trong phòng giấy, bắt máy ghi âm để nghe họ nói và hát trong một phòng bên.

Một hôm người ta giới thiệu ông một em mười bốn tuổi giọng rất tốt. Ông nghe xong, lắc đầu: giọng trong thật, nhưng có vẻ như giọng một người ba chục tuổi. Phải tìm một giọng trẻ trung kia. Rốt cuộc, thí sinh được tuyển là nàng Deanna Durbin, sau này nổi tiếng trên màn ảnh. Nàng sinh trong một gia đình ca sĩ, tiếng như tiếng chim.

Phim mới quay được nửa chừng thì số tiền vay ở ngân hàng Bank of America đã hết hạn. Muốn vay thêm thì phải cho người đại diện ngân hàng coi những cảnh đã quay rồi xem công việc ra sao. Ông miễn cưỡng phải chiếu cho viên Phó chủ tịch ngân hàng tên là Joe Rosenberg xem vài cảnh:

Trong khi chiếu, Rosenberg chỉ nhún vai, thỉnh thoảng thốt một tiếng “À”. Chiếu xong, ông ta đi ra, vươn vai, ngó chung quanh rồi nói những chuyện bâng quơ, không phê bình một lời nào cả.

Disney toát mồ hôi nhĩ bụng: “Nguy rồi”.

Mãi đến khi lên xe hơi để về, Rosenberg mới thản nhiên bảo:

- Ông sẽ tha hồ mà hốt bạc.

Disney mừng như người sắp chết đuối mà được

vớt. Rốt cuộc, khi phim hoàn thành, tính số, tổn hết thấy là 1.700.000 Mỹ kim<sup>(1)</sup>. Roy trước kia chỉ dự tính có 500.000 Mỹ kim. Thời đó chưa hề có phim nào tốn kém như vậy. Mất trọn hai năm. Cuối năm 1937, phim ra mắt khán giả, chiếm kỷ lục về số thu. Liên tiếp hơn năm tuần, rạp hát bóng lớn nhất ở New York đầy nghẹt người coi. Chỉ trong những rạp chiếu độc quyền phim đó, số thu cũng đã được tám triệu Mỹ kim. Ta nên nhớ hồi đó, giá mỗi vé rẻ lắm. Sau này phim *Autant en emporte le vent* thu được từ hai chục tới ba chục triệu Mỹ kim, nhưng mỗi vé đắt gấp năm vé phim *Bạch Tuyết*. Tới 1960, số thu của phim *Bạch Tuyết* được vào khoảng mười lăm triệu Mỹ kim.

Sau phim đó tới phim *Pinocchio*, cũng rất tốn kém (hai triệu rưỡi Mỹ kim), và cũng lời nhiều. Hai anh em Disney trả hết nợ nần, còn dư được hai triệu Mỹ kim dùng để cất những phim trường tối tân ở Burbank (Californie).

Trong khi xây cất, thân phụ ông hỏi ông:

- Này Walter, xây cất của nợ này rồi dùng vào việc gì được?

- Thừa ba, để quay phim.

---

(1) Sau này phim *Nàng công chúa ngủ trong rừng* tốn trên năm triệu Mỹ kim.

- Con không hiểu ý ba rồi. Nếu làm ăn mà không khá thì dùng nó vào việc gì được?

- Dạ... dùng làm đường được lắm.

Sau vụ Trân Châu Cảng, Mỹ lâm chiến. Ông Roy bảo ông:

- Tình hình tài chính của mình nguy kịch rồi đấy. Thiếu ngân hàng bốn triệu rưỡi Mỹ kim. Vừa xây cất phim trường Burbank, vừa quay những phim *Pinocchio*, *Bambi*, *Fantasio* mà lúc này cả thị trường châu Âu mất rồi.

Nghe vậy, ông bật cười. Ông Roy bực mình:

- Vui lắm sao, mà cười?

- Không, tôi nhớ lại hồi anh em mình thiếu một ngàn Mỹ kim mà không ai cho vay. Nay ngân hàng chịu cho mình thiếu bốn triệu rưỡi Mỹ kim. Đâu có nguy như hồi trước, anh?

Con người đó không bao giờ quan tâm tới tiền bạc cả. Không phải là ông không biết giá trị của tiền bạc. Thiếu ai tiền ông lo trả cho hết thì mới yên tâm. Nhưng ông chỉ coi tiền bạc như một phương tiện để làm việc thôi. Không muốn gom tiền để hưởng thụ. Ông không có lấy một chiếc du thuyền nữa.

Hai anh em Disney đành phải kêu cổ phiếu là bốn triệu Mỹ kim, một phần năm cổ phần dành cho nhân viên. Khi gặp Henri Ford, ông kể lại chuyện đó; ông vua xe hơi khuyên ông:

- Nếu phải bán một cổ phần cho ngân hàng thì thà bán hết đi.

Sau này Walt Disney mới thấy lời khuyên đó là từng trải. Hễ để cho các nhà lý tài trong các ngân hàng có cổ phần và xen vô công việc làm ăn của mình, thì mình sẽ mất hết độc lập, không thể sáng tạo, sản xuất như mình muốn nữa. Họ không nghĩ tới nghệ thuật, không nghĩ tới kỹ thuật, chỉ biết kiếm lợi cho nhiều thôi.

Trong thế chiến thứ nhì, công ty Disney gặp nhiều nỗi khó khăn: thị trường thu hẹp chỉ còn không đầy một nửa, tức châu Mỹ vì mất hết các châu khác; một số lớn nhân viên nhất là các họa công phải nhập ngũ. Đáng buồn nhất là không còn sự cạnh tranh nữa, nên nghệ thuật không tiến được. Khán giả không đòi hỏi những phim hay, có lẽ không có cả cái tâm trạng bình tĩnh để thưởng thức được nghệ thuật. Khi người ta phải lo nghĩ về cả trăm chuyện: từ tính mạng người thân ở mặt trận tới ký đường, hộp sữa, thuốc vải... thì gặp phim nào người ta cũng coi, miễn giết được thì

giờ. Cho nên những phim dở nhất cũng đông khán giả. Mà Disney nhất định không chịu sản xuất những phim dở, còn như sản xuất những phim hay thì thiếu nhân viên, tốn kém quá mà nhất định sẽ lỗ. Cổ phần của ông mất giá từ 25 Mỹ kim tụt xuống còn 3 Mỹ kim. Ông đau lòng phải thải bớt nhân viên, đau lòng thấy những người cộng tác với mình cả chục năm rồi cũng không tin mình nữa, đem bán rẻ cổ phần đi. Ông không trách họ, ông chỉ tự trách mình thôi.

Đúng lúc đó thì chính phủ muốn ông hợp tác, giao cho ông công việc quay những phim tài liệu ở Nam Mỹ để gây cảm tình với các dân tộc Argentine, Brésil, Pérou, Chili... để giúp người Huê kỳ hiểu họ và để họ hiểu lẫn nhau.

Sau ông còn quay nhiều phim cho không quân, thủy quân, cả cho bộ Tài chánh nữa để nhắc nhở người ta đóng thuế. Hầu hết đều là những phim hoạt họa. Có một phim hí họa để giễu Hitler. Ông giúp nước được đặc lực, cho nên Hitler đã mật sát ông, bảo những phim trường của ông ở Hollywood là những xưởng chế tạo cho chiến tranh.

Mấy năm chiến tranh đó, công ty Disney chỉ đủ sống lây lất. Hòa bình trở lại, ông hết nhãn vốn. Các người cộng tác với ông lục tục trở về, nhưng đã mất

cái nếp cũ, thiếu tinh thần đồng đội, lòng yêu nghề, ông lại mất công huấn luyện lại.

Rồi vô tuyến truyền hình xuất hiện, cạnh tranh với ngành điện ảnh. Ông một mặt vẫn sản xuất những phim hoạt họa như *Cendrillon*, *Peter Pan* (hai phim này rất thành công), một mặt hướng qua ngành “phim giáo dục”, sau đổi tên là “phim tài liệu”, vì hai tiếng “giáo dục” làm cho khán giả nghi ngờ rằng phim khô khan quá, có tính cách tuyên truyền nữa.

Phim đầu tiên là phim *L'île aux phoques* (Đảo hải báo). Chiếu thử ở Pasadena trong một tuần lễ. Trong khi chiếu ông phân phát năm ngàn tờ giấy hỏi ý kiến và cảm tưởng của khán giả. Đại đa số đều hoan nghênh. Hàn lâm viện Nghệ thuật và khoa học Điện ảnh tặng phim đó một giải thưởng nhưng các nhà phân phối phim, ngu xuẩn, cho là phim khô khan, không hấp dẫn, không chịu thuê. Bực mình, ông phải mượn một rạp hát bóng ở Broadway để chiếu lấy. Chiếu liên tiếp ba bốn tháng mà vẫn còn đông khách. Bọn phân phối phim lúc đó mới lại xin lỗi ông và có kẻ còn tiếc rằng phim ngắn quá nữa.

Từ đó loạt phim “C'est la vie” (Đời đây này) mỗi ngày một phát triển, lấn át cả loại phim hoạt họa *Mickey*, *Ba con heo con* gây cho khắp thế giới những phút ngạc

nhiên và say sưa. Chúng ta được hưởng tất cả những cảm giác của một nhà thám hiểm, một nhà bác học, lại được hưởng những cảm hứng dào dạt của một thi nhân, của một triết gia, vì trong những phim đó chúng ta thấy được những cái bí mật, rùng rợn, những cái đẹp đẽ, thi vị cả cái triết lý của đời sống nữa. Chúng ta nhìn những cánh hoa xòe ra lần lần mềm mại và rực rỡ màu sắc: còn điệu múa nào đẹp hơn nữa! Chúng ta theo dõi một con gấu đen đi kiếm mật: nó nặng nề như vậy mà khôn lanh và... cũng tham ăn như các em bé vậy. Chúng ta phục tài trí và đức kiên nhẫn, siêng năng của con thắt (castor): nó nhỏ yếu chẳng có một khí cụ nào cả, chỉ dùng răng, chân và đuôi mà xây được những cái đập một cách rất nhanh chóng và vững bền không kém những cái đập của các kỹ sư. Và chúng ta yêu tất cả vạn vật, từ con chim, con kiến, con bọ hung tới con voi, con báo, con sư tử. Chúng ta yêu tất cả vũ trụ.

Có phải vì Disney gây được cho ta lòng “phiếm ái” đó, mà năm 1966, có người đề nghị ông ứng cử giải Hòa bình Nobel không? Nữ ký giả Oriana Fallaci lại phỏng vấn ông về tin đó (*Lectures pour tous* số Octobre 1966), ông ngạc nhiên, hỏi lại:

- Đề cử tôi ư? Nhưng tôi có làm gì cho hòa bình đâu?

Ông tuyệt nhiên không nghĩ tới danh vọng đó, chỉ muốn ghi lại thiên hình vạn trạng của vũ trụ cho chúng ta thôi. Người ta bảo Fabre là thi sĩ của côn trùng. Tôi cho Disney là thi sĩ của vũ trụ. Fabre ghi lại trên giấy. Ông ghi lại trong cuộn phim. Ông bỏ tấc công trình của Fabre. Coi phim ông ta thích thú hơn là đọc Fabre. Trẻ đã thích mà càng già lại càng thích.

Ông tốn công biết bao để quay những phim “C’est la vie”. Ông dặn kỹ các người giúp việc ông:

- Đừng tiếc phim. Không có gì rẻ bằng phim. Cứ quay thật nhiều đi, đừng bỏ một chi tiết nào cả.

Họ thường ngừng quay khi trời xẩm tối. Ông bắt họ cứ tiếp tục quay khi nào không nhìn thấy hình trong ống kính nữa mới thôi. Nhờ vậy mà phim *Thung lũng của loài thát* (La vallée des Costors) có những xen chiếu các con thát làm việc tới tối mịt. Màn ảnh càng tối xuống thì khán giả càng chăm chú theo dõi từng cử động của con vật, và càng thấy thích thú.

Để quay phim *Sa mạc sinh động* (Le désert vivant) ông dùng bốn năm nhà sinh vật học giỏi chụp hình, gửi vô sa mạc; phim chỉ chiếu được nửa giờ; ông thấy ngắn quá, ông bắt họ trở lại sa mạc, quay tiếp. Phí tổn là năm trăm ngàn Mỹ kim, nhưng lời được sáu bảy triệu Mỹ kim.



Phim *Sư tử Phi Châu* (Lions d'Afrique) tốn hai năm để quay. Nhân viên phải đậu xe cam nhông ở giữa rừng cả tuần lễ để "săn" hình, nhờ vậy mà chụp được nhiều cảnh lạ, như cảnh một con tê sa lầy, cảnh một con sư tử tấn công mồi, cảnh một bầy chim múa theo một điệu nhạc của Liszt.

Phim *Bí mật của đời sống* (Les secrets de la vie) chuyên quay về các loài côn trùng: Chúng ta thử tưởng tượng nỗi khó khăn khi chụp các động tác của con kiến trong ổ của nó. Phải quay làm nhiều lần rồi chấp nối các hình lại. Ta thấy những con kiến nắm bít lấy nhau để bắc cầu cho các bạn từ chiếc lá này qua chiếc lá khác. Tinh thần đồng đội của chúng thực đáng phục. Thứ nhất là khi ta được mục kích những dây leo đưa những vòi ra run rẩy, dò dẫm kiếm một chỗ niu, kiếm được rồi thì quán lấy rồi hướng về phía mặt trời mà tìm ánh sáng và sinh khí. Thì ra cây cỏ cũng thông minh ư? Vạn vật trong vũ trụ đều theo luật đó: Gắng sức chiến đấu để tìm ánh sáng và sinh khí, mà tiến lên.

Năm 1960 ông thực hiện một phim về loài ong mà ông tính sẽ mất ba năm. Ông còn dự định nhiều phim nữa: Phim *Thế giới và nhân loại* (People and Places) quay những tài liệu về các dân tộc ở Alaska, ở Thái Lan, ở đảo Samoa... Đã khám phá trên mặt đất, ông

còn muốn khám phá ở đáy biển nữa. Ông muốn bổ túc công việc của Jules Verne, quay phim *Hai vạn hải lý dưới đáy biển* (20.000 lieues sous les mers). Phim đó hoàn toàn ghi lại sự thực, tuyệt nhiên không dùng một thuật giả tạo nào cả.

Đồng thời ông vẫn tiếp tục sản xuất những phim hoạt họa... Phim *The lady and the tramp* (nhân đề tiếng Pháp là *La Belle et le clochard*) chiếu truyện hai con chó: một con chó cái đẹp đẽ có chủ và một con chó đực lang thang, đã được khán giả Sài Gòn hoan nghênh gần bằng phim *Nàng Bạch Tuyết*. Trước khi mất ông còn kịp quay một phim hoạt họa nữa, theo cốt truyện *Le livre de la jungle* của Kipling. Nghe nói phim này sẽ đem chiếu ở Âu, Mỹ. Chỉ coi mấy tấm hình giới thiệu trong một tờ báo chúng ta cũng đã mê rồi: một em nhỏ, em Mowgli ngồi vào lòng một con gấu, nói chuyện với một con khỉ, đi chơi với một con báo đen... Tôi đoán phim sẽ tả tất cả những vẻ ngây thơ rất dễ thương của tuổi thơ, tuổi gần với thiên nhiên và loài vật nhất. Còn gì cảm động bằng cảnh em bé kết bạn với loài vật.

Lần lần tài chánh của ông vượng lên. Ông thu vô được rất nhiều tiền, nhưng lại dùng hết để thực hiện một mộng vĩ đại nữa: tạo một thế giới huyền ảo cho trẻ em và người lớn, thế giới Disneyland.

Khi đem ra bàn tính với bạn bè, ai cũng cho ông là khùng. Chính các con ông cũng nghĩ vậy.

Ông mua một khu đất rộng ba mươi mẫu, trước là một vườn cam bỏ hoang ở phía Nam Los Angeles rồi kiếm được bao nhiêu tiền ông dốc cả vào đó, mỗi năm cả chục triệu Mỹ kim, liên tiếp mười một năm nay.

Ông dời đồi, đào sông, bắc cầu, xây dựng lâu đài - một lâu đài cao 21 thước như trong truyện *La Belle au Bois dormant* - rồi tạo đủ các trò chơi lành mạnh và mới mẻ cho trẻ em và người lớn. Người ta tính đã có sáu chục triệu người vô coi, trong số đó có hàng chục vị quốc vương và quốc trưởng. Phải mượn 206 người quét dọn. Nội năm 1966 đã thu được 116.000.000 Mỹ kim thực là một vườn chơi vĩ đại nhất thế giới.

Vào đó trẻ em sẽ gặp vua Arthur và các kỵ sĩ của ông, gặp Alice ở xứ đầy những kì quan, gặp Nàng Bạch Tuyết với bảy chú lùn và nàng Công Chúa ngủ trong rừng. Chúng có thể đi tàu trên sông rồi bị cướp đánh, nhưng Peter sẽ tới đúng lúc để cứu. Chúng có thể đánh đu vào cái ngà một con voi, nằm lên lưng một con cá sấu rồi phóng trên dòng nước, cưỡi lên đầu một con tê - nhưng coi chừng nhé, phải bít cho chắc, kéo khi nó ngáp thì nhào xuống sông đấy.

Luôn luôn ông tạo ra những trò chơi mới cho hợp

thời. Ngày nay khách vô coi có thể ngồi trong hỏa tiễn mà bay lên cung trăng, chui xuống một tiềm thủy đình mà “thám hiểm”, ngắm những mỏm san hô, những con cá đủ màu sắc kỳ dị, cảnh hoang tàn của lục địa Atlantide, và nghe tiếng hát mê hồn của nữ thần đầu người đuôi cá.

Nếu bạn nhớ nhung thời cổ thì xin mời bạn lên một chiếc xe ngựa rồi du lịch cảnh miền Tây Mỹ hồi xưa, đánh bài với bọn đi tìm vàng (không được cụng li - vì trong Disneyland người ta không bán rượu, sợ bọn lưu linh say bí tử rồi phá phách, văng tục) mua bán với bọn Da Đỏ, nhìn họ khiêu vũ và nghe họ ca hát những điều từ hai trăm năm trước.

Bạn sẽ được nghe những bông phong lan hát lên những điệu du dương khi ngồi một chiếc xe bánh gỗ do lừa kéo vô một khu rừng. Có những cái hang với thạch nhũ, những cái thác, những đường hầm, và có cả một bãi sa mạc.

Và bạn sẽ giật mình khi thấy Tổng thống Lincoln ngồi trong một cái ghế bành, mỉm cười với bạn rồi đứng dậy, đấng hăng, diễn thuyết cho bạn nghe về dân chủ, về tự do. Có bà sợ quá, hét lên. Có người lại cảm động muốn khóc. Để tạo người máy đó ông đã tốn không biết bao nhiêu tiền, và chỉ nhắm mỗi mục

đích nhắc chúng ta nhớ chính sách dân chủ của Lincoln để duy trì, phát huy nó.

Thế giới kỳ ảo ông tạo ra đó, chính ông lại ít khi dám đặt chân tới, vì ông có cái trang cách nào thì cũng có người nhận ra được, chạy lại cản đường, xin chữ ký và thiên hạ sẽ bu lại làm ông mất cả buổi. Ông đành phải tới ban đêm, ngồi trong một phi cơ riêng, bay lượn ở trên không để ngắm những ánh đèn đủ màu từ dưới chiếu lên. Mỗi tháng ông tới vài lần như vậy rồi nghỉ đêm lại trong một căn phòng ở trên cái trại của nhân viên cứu hỏa.

Khi hay tin ông mất Disneyland treo cờ rủ và các họa công của ông ngưng vẽ bản đồ cho một Disneyland thứ nhì, vì ông định bỏ ra năm trăm triệu Mỹ kim để tạo một Disneyland ở Floride nữa. Không biết rồi chương trình đó có phải bỏ dở không.

Trước khi mất ông muốn thực hiện thêm nhiều phim hoạt họa để giúp quần chúng hiểu những bí mật của nguyên tử, những thực hiện của khoa học trong cuộc du hành không gian.

Ông rất khiêm tốn. Có người đề nghị với ông ra ứng cử Tổng thống vì ông là người được dân Mỹ mến nhất. Ông cho đó chỉ là một lời nói đùa. Người ta gọi ông là một nghệ sĩ, ông cũng không chịu, chỉ nhận

mình làm cái nghề sản xuất phim.

Có lần ông bảo “những ngày chúng ta sống trên trái đất này chỉ như một vệt cực nhỏ lưu lại trên động cát của bờ biển thời gian.”

Lời đó làm cho tôi nhớ lời Einstein nói với Gandhi: “Ngài mới là một vĩ nhân. Tôi chỉ như một em bé chơi trên bờ biển và may mắn tìm được vài cái vỏ ốc đẹp hơn những vỏ ốc khác, thế thôi.”

Con gái ông, cô Diane, hồi sáu tuổi vẫn không biết cha mình là một danh nhân, hỏi ông:

- Ba, tại bạn con nó bảo Ba là Walt Disney, phải vậy không Ba?

- Con biết rồi mà!

- Danh nhân Walt Disney chính là Ba ư?

Ông gật đầu, mỉm cười.

- Vậy Ba cho con xin chữ ký nhé?

Trước sau ông nhận được chín trăm giải thưởng, trong số đó, có những bằng cấp tiến sĩ danh dự của Đại học đường Harvard và Yale, 31 giải Oscar, 32 huy chương của 32 quốc gia.

Nhiều trường ở Mỹ mang tên ông từ khi ông còn sống.

Khi người ta giới thiệu ông với vua Thái Lan, vị quốc vương này đáp ứng:

- Tâu Bệ Hạ, chết, xin lỗi, thưa ông, tôi cảm động quá. Tôi cùng lớn lên với con Mickey của ông đấy.

Ông đáng là một vị quốc vương lắm chứ! Quốc vương của thế giới Điện ảnh vì từ xưa chưa có nhà quay phim nào được như ông, mà sau này cũng không chắc có nhà nào theo kịp ông, tạo được một Disneyland như ông. Mà danh ông chắc còn trường tồn, trong khi vô số quốc vương chẳng còn được ai nhắc tới.

Bí quyết thành công của ông ở đâu? Trong cuộc phỏng vấn, ông nói với Oriana Fallaci:

- Dĩ nhiên, tôi là một người lạc quan. Nhưng lạc quan mà có đủ óc thực tế để hiểu rằng tiến bộ là hai bước tiến lên rồi một bước thụt lùi, mà bước thụt lùi đó không có nghĩa là sự tiến bộ ngưng hẳn (...) Khi âm thanh xuất hiện trên màn ảnh, không còn ai thích xem phim hoạt họa nữa; nhưng tôi đã áp dụng kỹ thuật âm thanh vào những hoạt họa của tôi và khắp thế giới đã nhiệt liệt hoan nghênh những phim đó. Tôi rầu rĩ khi thấy, sau thế chiến, phim hoạt họa không làm cho khán giả thích nữa và tôi đã trải qua những ngày chán nản, thực là chán nản, nhưng rồi tôi đã quay những

phim về loài vật và thiên hạ đã nhiệt liệt hoan nghênh những phim về loài vật.

Người khác gặp những khó khăn đó chắc đã bỏ cuộc. Ông thẳng nỗi nhờ lạc quan, tự tin và nhất là nhờ tinh thần cầu tiến, làm việc hoai. Suốt ngày ông đôn đốc công việc ở phim trường, chú ý tới từng chi tiết một, đi từ bàn này tới bàn khác, không mấy khi ngồi ở bàn giấy. Đêm tối ông suy nghĩ để tìm ý mới. Thật ra ông làm việc mười bốn giờ một ngày. Một hai tháng trước khi mất ông còn bảo:

- Tôi còn đủ những cơ quan trời cho, trừ hai cái hạch hầu long (Amygdale). Tôi tin rằng tôi còn sống được lâu. Và lại tôi cần phải sống lâu, rất cần, vì còn nhiều việc phải làm quá. Còn phải xây dựng hai thành phố nữa, tôi đã mua đất rồi. Một thành phố Mùa Đông ở núi Sequoai để trượt tuyết và một thành phố Mùa Hè ở Floride. Thành phố này rộng gấp 170 lần Disneyland cũng sẽ mang tên là Disneyland và chia làm hai khu vực: Ngày Nay và Ngày Mai...

Vậy là ông đã làm việc liên tiếp non nửa thế kỷ, cho tới khi chết. Nhưng nếu chỉ có thế thôi, nghĩa là nếu ông chỉ có những đức: lạc quan, thực tế, kiên nhẫn chiến đấu và cặm cụi làm việc thì ông cũng chưa hơn gì nhiều nhà doanh nghiệp khác. Ông hơn họ ở chỗ



bao nhiêu tiền kiếm được trút hết vào những mộng của ông để tạo những mộng kỳ ảo cho nhân loại. Ông đã thực hiện được những cái mộng của anh em Grimm, Perrault, Andersen, Fabre, Jules Verne, Mark Twain, Kipling... Ông khiêm tốn không tự nhận là một nghệ sĩ, nhưng trong lịch sử Điện ảnh, ai là người đáng mang danh nghệ sĩ hơn ông?

# WILLIAM SOMERSET MAUGHAM



(1874-1965)

- Cứ sáng tác cho có nghệ thuật, làm vui người đọc, người nghe, người nhìn, rồi đôi khi có vô tình công kích cuộc sống thì những độc giả thông minh sẽ tự rút trong tác phẩm ra được mọi bài học.
- Tôi thuộc vào lớp trước... Xưa kia người ta rất chú trọng tới hình thức và bố cục. Ngày nay chỉ hạng văn nhân mới để ý tới cái đẹp trong bút pháp. Chẳng hạn những truyện ngày nay không phải là những câu chuyện nữa, chỉ là những ấn tượng thôi.
- Bức kiểu mẫu giản dị nhất - tức cuộc đời một người sinh ra, lớn lên làm việc, có vợ có con, rồi chết - có lẽ lại là bức kiểu mẫu hoàn toàn nhất.
- Không thể tìm được sự yên ổn tâm hồn trong công việc hay trong vui thú, ở ngoài đời hay trong tu viện đâu. Phải tìm nó trong nội tâm mình.

(S.Maugham)

Ông là một trong những nhà văn sáng tác nhiều nhất của thế kỷ, viết đều đều, liên tiếp sáu chục năm (tác phẩm đầu tay: *Liza of Lambeth*, xuất bản năm 1897, và tác phẩm cuối cùng: *Points of view* xuất bản vào khoảng 1959<sup>(1)</sup>, lưu lại một sự nghiệp gồm 25 vở kịch, 30 truyện dài, 120 truyện ngắn và vài tập Cảo luận.

Có tác giả viết về nhiều loại hơn ông, chẳng hạn J.P. Sartre còn viết về triết lý; nhưng riêng về tiểu thuyết thì ai cũng phải nhận rằng ít có tài năng nào đa diện như tài năng của ông: Ông tả đời sống dân nghèo trong các ổ chuột ở khu Lambeth tại Luân Đôn (*Liza of Lambeth*); ông chế giễu xã hội trưởng giả của Anh *Mr. Craddock, The Constant Wife, The Breadwinner*, ông mỉa mai giới văn sĩ Luân Đôn (*Cakes and Ale*) ông đả đảo chiến tranh (*For services rendered*, ông tiểu thuyết hóa tiểu sử họa sĩ Gauguin (*The moon and sixpence*<sup>(2)</sup>, ông viết lịch sử tiểu thuyết (*Catalina, Then and Now*<sup>(3)</sup> viết một bản tự truyện (*Of human bondage*<sup>(4)</sup>, lại viết cả truyện trinh thám (*Ashenden or the*

---

(1) Chúng tôi chưa được đọc cuốn này, nhớ mãi mãi một tờ báo nào đã giới thiệu qua loa bầy, tám năm nay.

(2) Bản tiếng Pháp của Bà E-R-Blanchet trước mang nhan đề *L'Envouté*, nay đổi lại là *La lune et soixante quinze centimes*.

(3) Bản tiếng Pháp: *Plus ça change* của nhà Plon.

(4) Bản tiếng Pháp: *Servitude humaine* của Bà E-R-Blanchet, bản tiếng Việt cắt bớt: *Kiếp người*, của Nguyễn Hiến Lê.

*British agent*), ghi chép cả phong tục các quần đảo Polynésie ở Thái Bình Dương (trong nhiều truyện ngắn mà nhà Arthème Fayard đã gom lại và dịch thành cuốn *L'archipel aux sirènes và cuốn Le Sortilège malais*)...

Bối cảnh tiểu thuyết của ông rải rác gần khắp thế giới: Từ Anh qua Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Ý, Y Pha Nho, Mỹ, Ai Cập, Mã Lai, Hương Cảng, Trung Hoa...

Tác phẩm của ông đa phong phú, đa diện mà lại được nhiều độc giả hoan nghênh nhất. Về kịch, vở *Rain* (Mưa) đã được diễn trên bốn năm rưỡi, đã được phóng tác ra tiếng Pháp và diễn ở Ba Lê rồi đưa lên màn ảnh tám lần. Riêng ở Nữ Ước, kịch đó được diễn liên tiếp trên hai năm, và một lần một số nhà phê bình nổi danh ở Nữ Ước đã bầu kín để lựa mười vở kịch hay nhất thì kịch *Hamlet* của Shakespeare đứng đầu số rồi tới kịch *Rain*.

Truyện dài, truyện ngắn của ông đã được dịch ra mọi thứ tiếng <sup>(1)</sup> và từ trước tới nay đã bán được 80

---

(1) Riêng ở nước ta, ngoài bản dịch, cuốn: *Of human bondage* Kịch người còn có bản dịch cuốn *The painted veil: Bức bình phong* của Nguyễn Minh Hoàng, bản dịch cuốn *Up at the villa: Cái đêm hôm ấy* của Giản Chi (nhà Cảo Thom 1961); bản dịch *The Razor's Edge: Lưỡi dao cạo* do sở Tư Thư bộ Quốc Gia giáo dục xuất bản. Truyện ngắn cũng đã dịch được nhiều nhưng mới đăng trên báo, chưa in thành sách.

triệu bản (theo báo Time số 24-12-65; Jean Knecht trong tuần báo Le Monde (Sélection hebdomadaire) 16 đến 22-12-65 bảo là 25 triệu, e sai), năm 1965 đã in thêm hai triệu bản; và riêng cuốn *The Razor's Edge*, từ khi xuất bản, (1944) tới nay đã bán được 5 triệu bản. Truyện *Of Human bondage*, đã ba lần đưa lên màn ảnh, lần cuối cùng vào khoảng năm 1963.

Nhờ những thành công đó mà ông gây được một gia sản đồ sộ (khoảng 50 triệu quan Pháp hiện nay = 10 triệu dollars mới, vào bậc nhất trong số các nhà cầm viết chỉ thua có Tolstoi. Theo Jean Knecht thì những họa phẩm ấn tượng ông sưu tập trong nửa thế kỷ, đem bán đấu giá năm 1962 được bảy triệu quan Pháp, theo hối suất chính thức vào khoảng trăm triệu bạc.

“Có lẽ vì sách ông bán chạy như vậy, ông kiếm được nhiều tiền quá như vậy, nên có kẻ đã trách ông là ham tiền.

Ông đáp:

*“Tiền là cái giác quan thứ sáu của con người, nhờ nó mà năm giác quan kia mới tinh nhuệ.”*

Có người lại chê ông là chỉ biết kể chuyện, không có tư tưởng lập trường gì cả. Ông không cãi lại:

“Tôi thuộc vào cái lớp trước. Tôi không mấy ưa văn học hiện đại. Xưa kia người ta rất chú trọng tới hình thức và sự bố cục. Ngày nay, chỉ hạng văn nhân mới để ý tới cái đẹp trong bút pháp. Chẳng hạn những truyện ngày nay không phải là những câu chuyện nữa, là những ấn tượng thôi”.

Ông tự nhận rằng mình chỉ là một người kể chuyện mà theo ông, thuật kể chuyện không được đưa luân lý vào, không được khen, chê, nhất là không được thuyết giáo. Không bao giờ ông có cái ý dùng nhân vật trong truyện mà đề cao đạo đức hoặc mạt sát trụy lạc.

Về truyện ngắn ông coi Guy de Maupassant là bậc thầy. Trong cuốn *Points of view* ông ca tụng Guy de Maupassant là viết truyện ngắn rất hay, không ai sánh kịp. Phê bình truyện *La parure* của Maupassant ông bảo: “... Ta có thể đem truyện ấy ra kể trong bữa ăn hoặc trong phòng hút thuốc trên chiếc tàu và mọi người đều chăm chú nghe... Cốt truyện được mô tả một cách ngắn nhưng đầy đủ, sáng sủa”.

Ông còn khen Maupassant là có tài viết một truyện hai lần, một lần dài vài trăm chữ, một lần dài vài ngàn chữ mà đọc bài thứ nhất không thấy một chữ nào thiếu, đọc bài thứ nhì, không thấy một chữ nào thừa.

Cả hai thuật đó, thuật hấp dẫn và thuật không thiếu

không thừa, ông đã theo kịp, có khi còn vượt Maupassant: nhiều truyện ngắn của ông như *Rain*, *The Fall of Edward Barnard* (Sự trụy lạc của Edward Barnard), *Mr. Know-All* (Ông Cái gì cũng biết), bố cục rất chặt chẽ, chi tiết đầy đủ, dồi dào mà không ruộm, hễ đã bắt đầu đọc rồi thì không thể ngừng được.

Còn một điểm nữa, người ta cũng thường trách ông: ông cũng như Maupassant, bi quan đến cái mức “cynique”<sup>(1)</sup>. Người ta dẫn lời ông nhận xét dưới đây về một nhân vật - bác sĩ Saunders trong truyện *Le fugitif* - của ông để đập lại ông:

“Ông ta coi cái thiện cái ác cũng chỉ như trời nắng và trời mưa thôi, cũng vậy hết, không yêu không ghét. Ông ta nhận xét chứ không mạt sát. Và chỉ cười.”

Lời trách cứ đó cũng đúng. Nhân vật chính trong truyện nào của Maugham cũng có tật xấu: giả dối, tàn nhẫn, ích kỷ, nghiêm khắc, hoặc lỗ bịch, kỳ cục.

Chẳng hạn trong truyện ngắn *Rain*, mục sư Davidson tự khoe mình là một người bất khuất, can đảm, rất đạo đức, hết lòng hy sinh cho Chúa và tin đồ thổ dân, ông ta lớn tiếng nói:

---

(1) «Cynique» tiếng Pháp, tạm có nghĩa là “dửng dưng, khinh miệt, bất cần đời”.

*«Làm sao tôi có thể bảo dân tin ở Chúa được nếu chính tôi tôi không làm gương cho họ. Trong cơn nguy mà họ cho gọi thì họ biết rằng thế nào tôi cũng tới trừ phi là một việc ngoài sức con người. Thử nghĩ coi, Chúa có lẽ nào bỏ tôi trong khi tôi làm việc cho Ngài?»*

Và trong những cơn giông tố ông thường ngồi một chiếc ca-nô đi từ đảo này qua đảo khác giữa Thái Bình Dương để cứu giúp, an ủi các con Chiên.

Nhưng con người mà ta tưởng là có thể tử vì đạo, rút cuộc tự tử vì một gái điếm: Ông ta bậy bạ với ả Thompson, rồi xấu hổ quá phải tự cắt cổ, để ả phải ghê tởm chửi tất cả bọn đàn ông:

*- Bọn đàn ông các người! Bầy heo nhóp nhúa! Thằng nào như thằng nấy. Hết thấy là đồ heo! Đồ heo!*

Maugham mĩa mai hết thấy các hạng người, không chừa một hạng nào, từ bọn buôn Chúa tới bọn trụ cột Đế quốc Anh (tức bọn quan cai trị thuộc địa của Anh), bọn văn sĩ họa sĩ chính khách, quân nhân, con buôn... Trong số cả ngàn nhân vật ông đã tạo ra, ta không gặp được một nhân vật nào dễ thương như Pierre Bezoukhov trong *«Chiến tranh và Hòa bình»* của Tolstoi, hoặc như David Copperfield của Charles Dickens.

*The painted viel* cũng là một truyện ngoại tình như



*Anna Karénine*, mà Walter, người chồng bị nhục không có thái độ quân tử như Karénine, hấn làm li, thâm độc, tìm cách giết vợ một cách tàn nhẫn mà người vợ lại không chết và chính hấn mới chết. Sau khi chồng chết ở một miền hẻo lánh tại Trung Hoa, Kitty trở về Hương Cảng, gặp lại tình nhân cũ mà nàng đã thấy rõ thái độ Sở Khanh bỉ ối, nhưng mặc dù khinh thì khinh, nàng vẫn không chống cự lại nổi sức quyến rũ của hấn và lại hiến thân cho hấn nữa.

Đó. Đại loại xã hội trong truyện ngắn truyện dài của Maugham là như vậy. Hình như ông không ưa gì bọn đàn ông mà cũng không có cảm tình gì với bọn đàn bà. Đàn ông thì bỏ bê vợ con, phản bội bạn bè, chỉ nghĩ tới nghệ thuật như nhân vật chính, Charles Strickland (tức Gauguin) trong truyện *The moon and Six pence*. Đàn bà thì chẳng biết gì tới chồng con như Julie Lambert, một đào hát năm chục tuổi tới khi bị nhân tình bỏ rơi, tìm cách trả thù, làm nhục tình địch của mình trên sân khấu (*La Comédienne*). Hoặc họ là một quả phụ sang trọng, đứng đắn, rồi chỉ vì một đêm trăng, thất thân với một gã lang thang, gần như một tên ăn xin (*Up at the villa*). Hoặc họ là một con người kỳ cục như Larry trong *The Razor's Edge* thác mắc đi tìm ý nghĩa của đời sống mà tìm không ra đến nỗi như quên hết cả mọi nhu cầu, trong lúc ái ân mà «y như

một người bạn quá đến nỗi quên cả ăn, nhưng có ai bày những món ăn ngon ở trước mặt thì ăn ngấu ăn nghiền, ngon lành lắm”.

Trong tác phẩm của ông ta chỉ thấy một số ít nhân vật là dễ thương, nhưng những nhân vật đó hầu hết là phụ, chẳng hạn những bà phước ở Meitan-phu trong *the painted veil*, hoặc gia đình Athelny trong *Of human bondage*.

Cho nên người ta chê ông thiếu lòng trắc ẩn là phải. Đọc truyện ông, ta nhớ lại vẻ mặt của ông: nghiêm khắc, lạnh lùng, kiên cường, mỉa mai, cay độc, trán rộng và cao, cặp mắt thì gờm gờm mà đặc biệt là cặp môi mỏng, mím chặt lại, hai mép trệ xuống.

Cặp mắt và cặp môi đó rõ là khinh đời. Cơ hồ như ông cho con người là thiếu nghị lực, bị hoàn cảnh chi phối; mà hoàn cảnh thì rất bất ngờ: hoặc là những trận mưa day dứt, ranh mãnh đều đều từng giọt đập vào cân não của ta làm cho ta hóa điên lên có những hành động bậy bạ như trong *Rain*; hoặc là một ánh trăng huyền ảo và những tiếng nhạc du dương làm mê loạn cả ngũ quan của ta như trong *Up at the villa*, hoặc là một cái đầm trong veo, mát rượi và tịch mịch ở giữa rừng nó thu hút ta, ta rời nó không được rồi cuộc gởi xương ta ở đáy đầm, như trong *l'Etang*.

Muốn hiểu tại sao ông có nhân sinh quan chua chát đó, ta cần biết tiểu sử ông.

Ta có thể nói rằng Maugham có đủ những hạnh phúc một người cầm viết nào cũng ước ao. Danh vọng cũng như ai: tại biệt thự La Mauresque ở Cap-Ferrat ông đã tiếp những bức vua chúa và danh nhân như Churchill, Wells, Cocteau, quận công Windsor, vua Thụy Điển, vua Thái Lan... Giàu có thì ít nhà văn nào bằng; mà thọ hơn cả Tolstoi (ông 91 tuổi, Tolstoi 82 tuổi). Muốn cái gì được cái nấy: muốn đi du lịch khắp thế giới thì ông đã du lịch gần khắp thế giới, chỉ trừ Nam Phi và Nam Mỹ là chưa đặt chân tới, thích chơi tranh thì tha hồ mua tranh, một bức Picasso của ông bán đấu giá được 1.200.000 quan.

Xét bề ngoài như vậy thì ai mà chẳng bảo rằng ông được Trời biệt đãi, nhưng sự thực trời cũng chẳng chiều gì ông hơn ai. Hồi nhỏ ông đã khổ sở, điều đúng, nhờ một nghị lực gang thép ông mới tự gây dựng được sự nghiệp; và khi gây dựng được rồi, ngoài cái vui du lịch, chơi tranh, cơ hồ ông không được hưởng cái vui nào khác: gia đình lủng củng, tới phải li dị, rồi về già bất hòa với người con gái độc nhất tới nỗi cha con đưa nhau ra tòa, và mấy năm trước khi chết, vừa lòa vừa điếc, ông thường phàn nàn: "Tôi ngán cái đời này quá rồi. Tôi chỉ muốn chết thôi!"

Ông sanh ngày 25-1-1874 ở Ba Lê, nơi đó thân phụ ông, H.O. Maugham làm cố vấn pháp luật trong tòa đại sứ Anh. Hồi nhỏ ông học tiếng Pháp, cho nên sau này khi về Anh, ông chỉ bập bẹ được ít tiếng Anh, bị bạn bè khinh bỉ gọi là “Frenchie thẳng nhai con Pháp!”.

Tám tuổi mồ côi mẹ. Bà cụ bị bệnh lao mà các y sĩ thời đó lại khuyên bà nên sanh đẻ nhiều, càng nhiều càng có lợi cho sức khỏe; và trước sau bà sanh liên tiếp năm người con rồi thì mất. Hai năm sau, thân phụ ông cũng qui tiên. Thế là năm anh em ông phải về Anh, sống nhờ một ông chú hay bác làm mục sư ở Whitestable, miền Kent.

Ông đau khổ vì tính tình nghiêm khắc của ông chú (hay bác) đó, vì không khí lễ giáo, mực thước thời đó ở Anh. Mười tám tuổi ông vào học một trường quý phái ở Canterbury, trường King's College, sống ba năm trong những phòng tối tăm của một thánh đường cổ, nơi đó người ta huấn luyện những học sinh dự bị vào các trường đại học Oxford hoặc Cambridge. Ông có tật cà lăm bị bạn bè chế giễu; nên hóa ra lảm lì, ít giao du. Tật đó làm ông đau khổ tới già, ông chú muốn cho ông thành một mục sư, luôn luôn thuyết phục ông tin Chúa, thờ phụng Chúa. Nhưng tính tình ông độc lập,

không chịu sự câu thúc, càng bị thuyết phục, ông càng sa đọa và sau cùng ông bỏ đạo luôn. Không những vậy, ông còn oán các mục sư là giả đạo đức, cho nên sau này trong tác phẩm, thường mỉa mai họ cay độc.

Ông không vô Oxford hay Cambridge, mà xin qua Heidelberg (Đức) để học về sinh ngữ và triết lý. Được ít lâu, ông qua Ba Lê, muốn tập nghề viết văn, nhưng ông chú ngăn cản, ép ông học Y khoa như thân phụ ông. Ông miễn cưỡng vâng lời về Luân Đôn học ở Saint Thomas's Hospital. Trong mấy năm học, ông chịu cực khổ: ăn uống thiếu thốn, không có tiền tiêu vặt, ngày nghỉ chỉ vô Viện Tàng cổ ngắm tranh, hoặc đọc những truyện du ký để mơ mộng những phương trời xa lạ. Năm 1898 ông tốt nghiệp, được làm hội viên Hội các nhà giải phẫu và y sĩ. Nhưng ông không trị bệnh cho ai cả, chỉ muốn viết văn thôi.

Trong hồi học Y khoa, ông tiếp xúc thường với bọn dân nghèo, sống trong những ổ chuột ở xóm Lambeth (Luân Đôn) và ông viết truyện *Liza of Lambeth* (1897). Ông dùng bút pháp hiện thực bèn nhọn tố cáo xã hội Anh nhưng thời đó còn là thời phong kiến lễ nghi nghiêm khắc của Nữ hoàng Victoria, nên độc giả không ưa loại truyện đó và ông bị chỉ trích dữ dội.

Ông không thất vọng, vẫn tiếp tục tập viết luôn trong mười năm, nhin đói để viết, quyết chí lập nên sự nghiệp để thiên hạ phải kính trọng mình để bù lại mặc cảm tự ti vì tật cà lăm.

Cả quãng đời đau khổ đó, sau này ông chép lại gần đúng trong truyện *Of human bondage*, chỉ thay đổi ít chi tiết. Nhân vật Philip trong truyện chính là ông: Cũng mồ côi cha mẹ, cũng nhờ một ông bác làm mục sư, ông Carey, ở Blackstable cũng vào học trường King's School cũng có một tật, bị bạn bè chế giễu vì tật thọt chân.

Nỗi đau khổ, tủi nhục của Philip là nỗi đau khổ tủi nhục của ông.

Philip mới vô trường đứng một mình trong sân thì một đứa bạn ngó chân nó:

- «Chân trò làm sao đó!

*Bất giác Philip kéo bàn chân tàn tật lại, giấu nó sau chân kia.»*

Rồi thằng kia thỉnh linh đá mạnh vào ống chân Philip. Vì không ngờ nên Philip tránh không kịp. Nó đau điếng đi rất dữ dội ngạc nhiên.

*«Một lát sau một đứa khác hỏi nó có chơi đánh cầu không. Nó đáp:*

- *Không, tôi có tật ở chân.*

*Đứa kia cúi xuống nhìn rồi đỏ mặt. Philip biết rằng bạn ăn hận vì lời”.*

*(...) Từ đó Philip hóa ra dễ cảm một cách ghê gớm. Nó rón tránh không bao giờ chạy để người ta khỏi để ý đến tật của nó, và nó có một thái độ đặc biệt. Thường thường nó đứng yên một chỗ, chân có tật giấu sau chân lành. Không thể nhập bọn chơi với bạn được, nó sống như lạc lõng làm khách bàng quan mà ngó hành động của bạn. Nó thấy như có một hàng rào giữa mình và bạn”.*

Cả ông Carey, cả thầy giáo của nó, sau này lớn lên, cả nhân tình của nó ả Mildred, tóm lại là bất kỳ ai, hễ bất bình với nó một chuyện gì là cũng đem cái tàn tật của nó ra mà làm nhục nó, và lần nào nó cũng đỏ mặt tía tai lên.

Khi cuốn *Of human bondage* được hoan nghênh nhiệt liệt, một nhà phê bình nặng lời mặt sát Maugham, ông đáp:

*«Nhờ tôi là một thằng tàn tật khốn nạn mà ông nói đó, nên tôi mới viết được đời nhân vật trong truyện đó. Cái tật thọt chân của nhân vật đó chính là cái tật cầ lăm của tôi đấy.»*

Thốt ra lời đó, giọng ông rui rui, ông rung rung nước mắt muốn phát điên lên.

Cũng như Maugham, Philip không chịu vào (Oxford để sau này làm mục sư cũng qua Heidelberg (Đức) học trong một hai năm rồi qua Ba Lê học vẽ trong vài năm nữa, sau cùng trở về Anh, học nghề Kế toán ít lâu, rồi bỏ nghề đó, vô học Y khoa ở trường Saint Luke (Luân Đôn). Và cũng như Maugham, nhân vật Philip đã có hồi đói, hết nhãn tiền, không dám trở về nhà trọ, phải ngủ ở công viên và uống nước máy:

*«Philip dạo trên bờ sông êm đềm và mát mẻ, phía Chelsea Embarkment, cho tới khi mệt quá, bước không nổi nữa mới ngủ thiếp trên một cái ghế. Chàng ngủ như vậy được bao lâu! Chàng bỗng giật mình tỉnh dậy: một người canh sát đánh thức chàng bảo đi chỗ khác. Nhưng đó chỉ là giấc mộng: mở mắt ra không thấy ai cả. Như cái máy chàng lại tiếp tục dạo mát. Tới Chiswick chàng lại đánh một giấc, nhưng không lâu vì nằm ghế đau mình quá. Đêm sao mà dài thế. Chàng rùng mình. Sa đọa tới nước này ư? Chưa xót quá! Như mình - lúc đó Philip là sinh viên Y khoa mà phải ngủ bờ ngủ bụi! (...) Chàng lại đi. Trời đã sáng. Trong cảnh tĩnh mịch, huyền ảo của bình minh con sông chảy uy nghi. Trời hôm đó sẽ đẹp, không có một gợn mây. Philip thấy mệt lắm và đói*



*như cào ruột, nhưng không dám ngồi sợ bị cảnh sát đuổi. Chàng muốn rửa mặt (...) Chàng lang thang như vậy nhiều ngày. Đói quá muốn té xỉu, không còn đủ sức để kiếm việc nữa. Gân cốt như tê liệt rồi. Chàng thảm khóc, mới đầu cho vậy là xấu hổ, nhưng sau thấy nhờ khóc mà dễ chịu (...) Nhịn đói đã quen rồi, chàng không thấy khổ vì đói nữa mà vì mệt. Ý tự từ ám ảnh chàng và chàng rán gạt nó đi. Đêm nào chàng cũng tự hứa rằng hôm sau sẽ viết thư cho ông Nixon hoặc cho Lawson (bạn học, để cầu cứu) nhưng rồi xấu hổ quá vì phải tự thú, chàng lại thôi, không viết”.*

Chắc hẳn Maugham đã dùng những kinh nghiệm của ông để viết đoạn đó. Trong mười năm tập viết, ông phải chịu cảnh cơ hàn. Bạn bè, họ hàng khuyên ông bỏ nghề đó đi, trở lại nghề y sĩ, nhưng ông không nghe, kiên quyết đeo đuổi mục đích cho tới ngày thành công, năm 1907.

Thành công tới một cách rất bất ngờ. Hồi đó ông đã bỏ tiểu thuyết để viết kịch. Ông viết xong một vở kịch nhan đề là *Lady Frederick*. Bản thảo nằm trong ngăn kéo một ông bầu gánh hát đã mấy năm, rồi một hôm, vì một vở kịch nào đó thất bại, ông ta kiếm một kịch khác để diễn đờ, đợi ngày gặp được một kịch ăn khách hơn. Ông ta rút ra vở *Lady Frederick* mà ông đã

đọc qua, cho là chẳng hay ho gì, may ra thì diễn tạm được ít tuần. Bất ngờ vở đó thành công rực rỡ. Khắp thành phố Luân Đôn ai cũng nói tới. Từ hồi Oscar Wilde tới nay chưa có kịch gia nào làm cho người Anh vui thích như vậy. Tên William Somerset Maugham bỗng nổi lên như cồn:

*«Tức thì hết thấy các ông bầu hát ở Luân Đôn tranh nhau xin kịch của ông (...) và chỉ trong có vài tuần, ba kịch của ông được đem diễn trong các rạp lớn. Tác quyền chảy vô như suối. Các nhà xuất bản tranh nhau xin ký giao kèo với vị thiên tài mới xuất hiện đó»<sup>(1)</sup>.*

Hết bị sự đói rét ám ảnh rồi, ông cố hăng hái viết những hài kịch. *Mrs Dot, Jack Straw...* Giọng ông mỗi ngày một chua chát hơn, ông mỉa mai xã hội Anh, ông chế giễu tục lệ hôn nhân trong *Penelope* và *Smith*, và danh ông truyền khắp thế giới. Khi thế chiến thứ nhất sắp bùng nổ, ông cho diễn vở *The Land of Promise*. Ông phải qua Gia Nã Đại sống mấy tháng để thăm nhून cái không khí mà ông muốn diễn trong vở kịch.

Đầu thế chiến thứ nhất ông nhập ngũ, mới đầu phục vụ trong Quân y, rồi sau qua cơ quan Tình báo của Anh (Intelligence Service). Ông chép lại thời đại

---

(1) Dale Carnegie - *Five minutes biographies* - The World' work.

đó trong truyện *Ashenden or the British agent*.

Năm 1915, khi núp trong hầm ngoài mặt trận Flandres ở Pháp, để quên cảnh rên siết ở chung quanh, ông sửa bản thảo cuốn *Of human bondage* mà nhiều nhà phê bình khen là tác phẩm quan trọng nhất của ông. Ông bắt đầu viết nó từ mấy năm trước. Nhiều gánh hát yêu cầu ông soạn kịch cho họ, ông từ chối hết, chuyên chú viết tập bán tự truyện đó để trút hết những ký ức đau khổ trong thời niên thiếu nó cứ ám ảnh ông hoài, làm cho ông không yên được.

Tôi đã đọc tác phẩm đó tới ba lần, lần nào cũng thấy thích và khi dịch tôi lại càng thấy thích hơn nữa <sup>(1)</sup>.

Nhiều người cho nó là rườm (tác phẩm dài trên sáu trăm trang) động tác biến chuyển chậm chạp, nhất là trong phần đầu. Lời chê đó đúng. Chính Maugham cũng nhận rằng ông viết cuốn đó chỉ để tự giải thoát, nghĩa là ông viết cho ông hơn là cho độc giả, vì vậy nhiều đoạn chỉ có nghĩa với ông mà độc giả không thấy thú.

Những đoạn tả phong tục Anh trong gia đình mục sư Carey, hoặc trong trường học King's School, quả

---

(1) *Kiếp người* Nguyễn Hiến Lê dịch Lửa Thiêng Sài Gòn xuất bản trước 1975, Văn học Hà Nội tái bản, 1997.

thật là không hấp dẫn đối với độc giả Việt Nam. Nhưng bỏ những đoạn đó đi - và trong bản dịch «*Kiếp người*», chúng tôi đã cắt đi khá bộn - thì tác phẩm rất cảm động, lôi cuốn ta rất mạnh và tiết ra một nhân sinh quan khoáng đạt, giản dị, vui đời, lành mạnh.

Truyện gồm năm sáu chục nhân vật, mà nhân vật nào - dù là rất phụ, chỉ xuất hiện trong vài trang - cũng có một tính tình riêng, một ngôn ngữ riêng, không lẫn với nhân vật khác được. Đặc biệt nhất là nhân vật Mildred, Sally và bà Carey, vợ một mục sư, bác gái của Philip.

Bà già Carey thực là một bà già Á Đông. Lần nào đọc truyện, tôi cũng liên tưởng tới bà ngoại tôi, các bà cô tôi. Không có con, len lén sống bên cạnh một ông chồng ích kỷ, bủn xỉn gàn như tàn nhẫn, bà không hề than thân trách phận, khi đón đưa cháu chồng là Philip về nuôi, bà cưng nó như con. Nhưng nào Philip đâu có hiểu nỗi lòng của bà, chỉ đòi đi cho kỳ được, qua Đức học mấy năm, chẳng nên chuyện gì rồi trở về nhà.

*«Bà mục sư ôm chầm lấy cháu, vui quá, phát khóc. Philip vừa cảm động vừa ngượng. Không ngờ bác gái yêu mình đến thế.*

*- Văng con, bác cô độc quá.*

*Rồi e lệ, run run, bà hỏi:*

- Về nhà, con thấy thích không?

- Dạ thích lắm chứ.

Mặt bà nhăn nheo quá, và thân thể khô đét như lá mùa thu tưởng như gió thổi bay đi được”.

“Dạ thích lắm chứ”. Nhưng mới chưa hết một vụ hè, chàng lại đòi đi nữa, lần này đi Ba Lê học vẽ. Ông mục sư ngăn cản, nhất định không cho tiền. Chàng chẳng cần, định bán những di vật của cha để có tiền đi.

«Bà Carey làm thỉnh, lên gác đội chiếc nón đen rồi lại ngân hàng.

Một giờ sau bà về, đưa cho Philip một bao thư.

- Cái gì đó, thưa bác?

Bà mỉm cười, e lệ:

- Chút quà mọn cho con.

Chàng mở bao thư ra, thấy mười một tấm giấy mười đồng và một gói nhỏ bằng giấy đầy tiền vàng.

- Bác không thể để cho con bán di vật của ba con được. Tiền đó là tiền bác gửi ngân hàng. Hết thầy được khoảng hai trăm đồng.

Philip đỏ mặt lên, rưng rưng nước mắt.

- Chao ơi! Bác thương cháu quá, nhưng cháu không thể nhận được.

Hồi về nhà chồng, bà Carey có sáu trăm đồng và bà trân tàng số tiền đó để chi phí những lúc bất ngờ, làm những việc thiện, mỗi năm mua quà tặng chồng và Philip, lần lần số tiền hao đi.

- Sao lại thế con? Bác ân hận rằng đã tiêu pha quá nhiều, nay chỉ còn bấy nhiêu thôi. Con nhận đi cho bác vui.

- Nhưng bác cũng cần dùng tiền chứ?

- Không đâu. Bác giữ nó để phòng lúc bác trai mất trước bác (...); nhưng bác chẳng còn sống bao lâu nữa đâu, con ạ”.

Và ít lâu sau bà cụ mất, không được thấy mặt cháu.

Tâm lý đó không có gì lạ; các bà già thường hi sinh cho con cháu, nhưng trẻ bao giờ cũng nghĩ tới tương lai của mình trước hết, không hiểu được lòng người già; vậy mà lần nào đọc lại những hàng trên tôi cũng bùi ngùi.

Nhân vật Mildred còn được tác giả khắc bằng những nét bén nhọn hơn nữa. Bà Carey hi sinh bao nhiêu thì ả ích kỷ bấy nhiêu. Ả trợ trên, đến cái mức vô liêm sỉ. Chỉ quý tiền và khoái lạc. Ả phản bội Philip

mấy lần. Lần đầu bỏ Philip đi theo một người Đức đã có vợ con, bị hấn bỏ khi ả có mang; ả trở về với Philip, Philip tha thứ cho hết, bao bọc ả tới khi ả sanh xong, lại coi đứa con riêng của ả như con mình. Lần thứ nhì ả lại phản bội nữa, và đau đớn thay, với một bạn thân của Philip, lần này chàng cũng lại tha thứ cho cả hai. Khi ả thành một con điếm, bệ rạc, lại vác mặt dày lại nhờ vả chàng. Chàng lại bao cho cả mẹ lẫn con. Được ít lâu, sau một chuyện xích mích do ả gây ra, trong lúc chàng đi học, ả phá tan tành hết đồ đạc trong nhà, rồi bỏ đi. Lần thứ tư bị bệnh nặng, ả lại tới nhờ cậy chàng, chàng vui vẻ giúp, còn muốn cứu vớt ả ra khỏi chỗ nhơ nhớp nữa, nhưng ngựa đã quá quen đường cũ, chàng không sao cản được.

Vậy mà mấy năm sau, giữa một phố đông có lần thoáng gặp một người hình dáng giống ả, Philip vẫn còn hồi hộp. Có lẽ trong tất cả các truyện của Maugham không có nhân vật chính nào xấu xa như Mildred và cũng không có nhân vật nào dễ có cảm tình của ta bằng Philip. Nhưng đọc hết truyện, ta cũng không ghét Mildred. Ta thấy những trắc trở, phản bội đó như do số phận của hai người cả. Nếu Mildred không bị gã sỡ khanh gốc Đức kia bỏ rơi, hoặc được sống với người tình nhân thứ nhì, bạn của Philip, thì có lẽ ả không đến nỗi sa đọa, bị ối như vậy. Mà nếu Philip yêu được

nàng Norah thì đời của chàng tất sẽ sung sướng. Do cái duyên phận cả. Cho nên ta chỉ thương họ mà không ghét họ. Cứ xét tâm lí nhân vật Philip, tôi có thể đoán rằng Maugham đau khổ nhiều nên mới thường có giọng chua chát, nhưng vẫn có một tấm lòng đa cảm, thương người, mà cũng không bị quan hãm.

Philip sau được một gia đình bình dân, chất phác mà tốt bụng, cứu giúp, gia đình Athelny. Gia đình này nghèo, có bữa sáng lo bữa tối, nhưng vui vẻ và đoàn kết, cả vợ chồng con cái đều coi Philip như người nhà, bao bọc cho, kiếm việc cho làm. Nhất là người con gái lớn, nàng Sally, thực dễ thương. Nàng tận tâm lo cho cha mẹ và các em, yêu Philip một cách đắm thắm mà kín đáo, tới cái mức gần như quên mình mà chỉ lo hạnh phúc cho chàng. Nhờ hưởng được chút gia tài của ông bác, chàng tiếp tục học xong Y khoa, và thấy tấm lòng quý hóa của Sally, chàng bỏ cái mộng viễn du, mà chàng ấp ủ từ mười năm trước, để sống với nàng, làm một viên y sĩ trong một miền quê gần biển, giữa đám dân chài chất phác.

*«Cần gì Y Pha Nho với các châu thành Cordova, Toled, Leon, cần gì những ngôi chùa ở Miến Điện, những đảo san hô ở Nam Hải. Chẳng châu Mỹ thì đừng! Từ trước tới nay chàng chỉ đeo đuổi một lý tưởng (...). Cứ sống hoài trong tương lai như thế thì hiện tại luôn luôn*



*trôi qua kẽ tay chàng thôi. Chàng nghĩ tới cái tham vọng vẽ một bức tranh rắc rối tuyệt đẹp bằng hàng hà sa số những cái vô nghĩa trong đời; sao chàng không nhận thấy rằng bức kiêu mẫu giản dị nhất - tức cuộc đời một người sinh ra, lớn lên làm việc, có vợ, có con, rồi chết - có lẽ lại là bức kiêu mẫu hoàn toàn nhất. Có thể rằng chịu khuất phục hạnh phúc là tự nhận rằng mình thua đấy, nhưng bại trận như vậy còn hơn nhiều cuộc thắng trận khác”.*

*Nghĩ vậy rồi chàng hỏi Sally:*

*« Anh tính hỏi cưới em.*

*- Em cũng hơi ngỡ như vậy, nhưng em không muốn làm cản trở các dự định của anh.*

*- Có cản trở gì đâu?*

*- Thế còn những cuộc du lịch Y Pha Nho và đầu đầu đó nữa của anh?*

*...*

*- Nhưng em có muốn lập gia đình với anh không?*

*- Có lập gia đình thì chỉ với anh thôi chứ còn với ai nữa”.*

Sally cũng là một thiếu nữ của phương Đông nữa, nàng có thể sinh ở Hà Đông, ở Sa Đéc, và cái triết lý

của Philip cũng là triết lý bình dị, yêu đời của phương Đông. Vì vậy mà tôi thích *Of human bondage*. Nó trong trẻo như trời hè sau một cơn mưa. Nó không làm cho ta thắc mắc như trong *The moon and six pence*, nhất là trong *The Razor's Edge*. Nhân vật trong hai tác phẩm này xa lạ với ta quá, kỳ quặc quá, ta phục tác giả là khéo phân tích tâm lý, khéo tạo tình tiết, nhưng ta không yêu được những nhân vật đó.

Bà Carey, Sally, mới là bà con với chúng ta. Họ lặng lẽ sống, khoan hồng mà hi sinh, họ không rửa đời, không trách người, phân phát tình thương cho người khác mà không đòi hỏi lại một chút gì, chính họ mới tạo hạnh phúc cho nhân loại, và xã hội nào có được nhiều con người như vậy mới là một xã hội văn minh. *Of human bondage* được coi là một tác phẩm cổ điển của thế kỷ, một bản ca «Chúc phúc» quả là đáng.

Nhưng chính Maugham thì không được hưởng hạnh phúc của Philip. Năm 1915, ông cưới cô Wellcome, một thiếu nữ quý phái lố lăng, ông bà sanh được một cô con gái, Isabelle và năm 1927 li dị nhau.

Từ khi có tiền, ông đi du lịch khắp thế giới. Cũng như Philip, ông rất yêu phong cảnh Y Pha Nho, yêu miền Mã Lai và những quần đảo ở Thái Bình Dương. Năm 85 tuổi ông đi thăm lần cuối cùng các nước Viễn

Đông, có ghé nước ta. Năm 90 tuổi, ông còn ước mong được thăm lại Capri, Dế Thiên Dế Thích và Marrakech ở Maroc. Có lần một người hỏi ông thích ở nơi nào hơn hết, ông do dự giữa Nhật Bản và Tahiti. Rốt cuộc ông lựa Nice, tại mỏm Saint-Jean-Cap Ferrat; ở đây trời biển cũng xanh, cây cối cũng xum xuê gần như các đảo trên Thái Bình Dương.

Đi tới đâu ông cũng nhận xét để viết truyện. Tàu ghé một bến nào là ông lại có thêm đề tài với cảnh vật cho tác phẩm của ông. Về Y Pha Nho, ông lưu lại được hai cuốn hay: *The land of Blessed Virgin* và *Don Fernando*. Qua Trung Hoa, ông viết cuốn *The painted veil* mà một số người cho là tác phẩm kỹ thuật cao nhất, xây dựng chặt chẽ nhất của ông. Các quần đảo Thái Bình Dương đã gợi hứng cho ông rất nhiều. Những truyện ngắn và dài bất hủ như *Rain*, *The fall of Edward Barnard*, *L'étang*, *Le fugitif...* đều ghi được những cảnh đẹp thiên nhiên của trời biển bao la. Văn ông tả miền đó cũng rất nên thơ:

«*Nhưng nơi chàng - Lawson - thích nhất là một cái đầm cách Apia một hai cây số (...)*

*Một dòng sông nhỏ, nước chảy mạnh, sủi bọt trên những hòn đá rồi sau khi tỏa thành một làn nước sâu, nó thoát ra, nhẹ nhàng và trong suốt, vượt một chỗ cạn lội qua được, có nhiều phiến đá lớn mà thổ dân thỉnh*

thoảng lại giặt đĩa hoặc lặn hụp. Những cây dừa thanh lịch phủ phiếm chằng chịt dây leo, chen chúc nhau trên bờ và soi hình trên làn nước xanh (...) (tiết ra) cái èo là và khoái lạc thom tho làm mê lòng người (...).

Tại đó chàng gặp Ethel lần đầu (...). Nàng lộ khoan thai, tự nhiên, làn tóc xõa ở phía sau. Chàng nhìn nàng lộ qua cái đầm rồi lên bờ. Như tất cả các phụ nữ bản xứ, nàng quấn khăn choàng mà tắm, và chiếc khăn ướt dán vào người, làm nổi bật thân hình yếu điệu của nàng. Nàng quấn tóc lại. Trông nàng đứng, thân nhiên như vậy, người ta phải liên tưởng tới những nữ thần của rừng, của suối (...). Chàng có cảm tưởng lạ lùng rằng mình là vật vô hình. Những đoạn thơ đã quên mất một nửa hiện lên trong óc chàng, những đoạn thơ về xứ Hi Lạp mà hồi ở trường chàng đã học qua loa.

Khi quấn chiếc khăn choàng rồi, nàng lạnh lùng đi về, và chàng thấy ở chỗ chàng đứng một bông búp đỏ. Bông đó dùng để trang sức mó tóc, nàng đã gỡ ra khi lộ xuống nước rồi quên đi, bỏ lại. Chàng cầm bông lên ngó, lòng xao xuyến lạ. Mới đầu chàng định giữ làm kỷ niệm nhưng sau nghĩ cái thối đa cảm đó con nít quá, chàng liệng đóa hoa mà lòng hơi thất lại, khi thấy nó biến mất trong dòng nước" (1).

---

(1) L'Etang.

Thực là đẹp như mộng. Cảnh đó là cảnh thường thấy ở nước ta. Tôi còn nhớ một lần làm việc ở thác Khôn (Lèo) đã gặp một cảnh y hệt vậy, và khi đọc Maugham cái thú của tôi tăng lên một lớp nữa.

Trong những truyện ngắn đó, Maugham phân tích ảnh hưởng của khí hậu các đảo miền nhiệt đới trên Thái Bình Dương tới tâm lý tính tình người da trắng. Người thì tìm được ở đó một hạnh phúc mê hồn như Edward Barnard - chàng mê cảnh mê người đến quên cả vị hôn thê nét na, sang trọng chung tình ở Anh, quên cả tương lai của chàng - kẻ thì chịu những đau khổ tủi nhục ê chề sau một thời gian sung sướng như Lawson trong *L'Etang* - nhưng hầu hết đều đổi tính, mất cả nghị lực, chí phấn đấu mà đồng hóa ít nhiều với thổ dân. Có người ngờ ông ghét văn minh phương Tây mà đề cao lối sống thiên nhiên là vì vậy.

Mũi nhọn cây viết của ông chĩa thẳng vào bọn truyền giáo với bọn quan cai trị Anh. Họ tự phụ, giả dối, hẹp hòi, phách lối, tàn nhẫn nếu không trụy lạc, say bí tỉ, lúc nào cũng kè kè cái ve huyết-ki, rồi chết một cách thê thảm như trong truyện *Before the Party*.

Toàn là chuyện bịa cả. Chính ông cũng nhận vậy. Ông bảo một lần gặp một cặp vợ chồng trong một bữa

com thường: Chồng làm một nhân viên hành chính trong các thuộc địa Anh; vợ có vẻ tầm thường, lẳng lơ, khoe rằng đã làm cho chồng chữa được tật nghiện rượu. Chỉ có vậy thôi mà ông xây dựng thành một truyện thể thảm kinh khủng, truyện *Before the Party*: ông cho cô vợ trong cơn giận dữ cầm chiếc móc chặt cổ chồng ở Bornéo rồi thản nhiên tuyên bố rằng chồng đã tự tử trong một cơn say.

Hoặc như truyện *Rain*. Ông thấy một con điếm vội vã xuống một chiếc tàu. Vợ chồng một ông mục sư cũng đi chuyến tàu đó. Tới Pago-Pago, họ lên bờ rồi phải ở lại vì trong đảo vừa phát bệnh sởi, nhà cầm quyền không cho ai ra khỏi đảo. Maugham tưởng tượng thêm một trận mưa dầy dút hằng tuần chưa hết mà viết nên một bi kịch bất hủ. Mới đầu ông đặt cho truyện cái nhan đề là Sadie Thompson. Viết xong ông coi là truyện tầm thường, không nhớ tới nữa; rồi một hôm đưa cho một người bạn đọc, người này thích quá khuyên ông soạn thành kịch. Ông nghe lời, không ngờ thành công ngoài sức tưởng tượng.

Truyện tuy bịa nhưng tác giả khéo xây dựng, khéo phân tích tâm lý, thêm thắt chi tiết nên ai đọc cũng tưởng như thật, cũng bị truyện lôi cuốn. Nếu ông không viết gì khác ngoài những truyện ngắn đó ra thì cũng

đủ nổi danh rồi. Jack London, Stefan Zweig cũng viết về các quần đảo ở Thái Bình Dương nhưng cả hai đều kém ông về phương diện đa dạng, về phương diện đào sâu tâm lý, nhất là về bút pháp dí dỏm một cách tế nhị.

Chẳng hạn, trong *Rain*, mục sư Davidson mấy đêm liền, xuống phòng ả điếm Thompson để cầu nguyện cho ả, an ủi ả cho tới khi mệt lả mới về phòng mình, mới chợp mắt đã mộng thấy những cái kỳ dị. Bà vợ kể lại với cặp vợ chồng bác sĩ Macphail:

- Sáng nay ông ấy bảo tôi rằng ông ấy mộng thấy dãy núi Nebraska.

Bác sĩ Macphail bảo:

- Kỳ quá ta.

Ông Macphail nhớ lại có lần ngồi xe lửa đi ngang qua Châu Mỹ, ngó qua cửa sổ thấy dãy núi Nebraska. Núi đột khởi giữa một cánh đồng, tròn và nhẵn, tựa những hang chuột chũi vĩ đại. Ông ngạc nhiên sao thấy nó giống vú đàn bà quá”.

Từ khoảng 1930, ông lại ở miền Nice, mỗi ngày viết đều đều bốn giờ buổi sáng, không hơn không kém.

Ông đã bỏ việc soạn kịch, nghĩ rằng, theo ngành đó, không thể phát triển hết tài năng của mình được, và ông chuyên viết tiểu thuyết.

Ông viết *The moon and six pence, Cakes and ale, Theater, Christmas Holiday, Up at the villa...*

Đầu thế chiến thứ nhì, ông rời Pháp, qua Mỹ, viết được hai truyện *Then and now* - một lịch sử tiểu thuyết về Machiavel và César Borgia - và cuốn *The Razor's edge*.

Sau thế chiến thứ nhì, ông viết *Rencontres et Hasards* và nhiều truyện ngắn. Người ta đã dùng nhiều truyện ngắn đó để dựng nên phim *Trio*, phim *Quartet*, và đưa truyện *Of human bondage* lên màn ảnh. Nhưng ông không thích viết truyện phim, mặc dầu những phim kể trên đã đem lại cho ông một số tiền lớn, đủ cho ông mua được những họa phẩm mà ông thích.

Năm 1947, ông viết truyện *Catalina* bối cảnh là Y Pha Nho để mỉa mai những kẻ buôn Chúa.

Theo Georges Reyer trong tạp chí Paris Match 25-12-65, thì về già ông vẫn còn hận đời. Viết cuốn *Of human bondage* ông chưa trút hết được những ấn ức đau xót, ông còn viết thêm một tập ký ức chua chát nữa: *Looking back* trong đó ông kể lại tất cả những bi thảm trong đời ông: Cưới vợ rồi li dị, kiện con gái... Ông phàn nàn rằng chỉ có người thư ký của ông, Allan Scarle là thương ông thôi, là chịu chia xẻ cảnh cô độc của ông thôi.



Ông đã định truất quyền gia tài ba triệu quan của con gái để cho hết Allan Searle, nhưng luật sư hai bên khéo dàn xếp để ông bỏ ý định đó đi.

Truyện đó làm tôi nhớ tới Léon Tolstoi. Tolstoi mấy năm trước khi chết rất bất bình về vợ, cũng viết di chúc để hết những văn phẩm và nhật ký cho một môn đệ thân tín. Những tài liệu đó, một nhà xuất bản chịu trả một giá kinh khủng là một triệu “rúp”. Nhưng sau vụ đó cũng thu xếp được.

Lạ lùng hơn nữa là trong *Of human bondage*, viết từ hồi 1915, cũng có một nhân vật ở trong hoàn cảnh Maugham lúc về già, Bác sĩ South cũng đã du lịch khắp thế giới, cũng chỉ có một người con gái, cũng xích mích với con gái và chàng rể, cũng ở cô độc tại một nơi gần biển rồi khi Philip tới giúp việc thì ông ta mến như con, hứa sẽ để hết gia tài lại cho Philip. Nếu South là một nhân vật hoàn toàn do Maugham tưởng tượng thì ta sẽ phải ngờ rằng ngay từ hồi trẻ ông đã có một linh giác về hậu vận của mình.

Từ năm 1938, ông định không viết truyện nữa, tự biết rằng có viết thêm thì chỉ làm “dư thêm những bức họa cũ” của ông thôi, nên ông vui lòng “nhường chỗ của mình cho người khác” một chỗ mà ông đã chiếm non nửa thế kỷ. Để độc giả hiểu mình hơn, ông viết

những tập cáo luận: *The summing up* và *Points of view*.

Ông tự xét mình một cách rất sáng suốt. Như trên chúng tôi đã nói, ông nhận Maupassant là thầy, nhưng ông phục nhất Balzac, Dickens, Dostoievski, và Tolstoi.

Ông cho Balzac là tiểu thuyết gia vĩ đại nhất, cho «*Chiến tranh và Hòa Bình*» là tiểu thuyết vĩ đại nhất của nhân loại vì nó mênh mông, gồm có rất nhiều nhân vật, chép một thời đại quan trọng trong lịch sử bằng một nghệ thuật rất cao: mô tả cực kỳ khéo léo, gọi được hình ảnh trọn vẹn của một đời người trong một quốc gia rộng lớn. Mặc dầu có nhiều đoạn chán, chẳng hạn đoạn Pierre Békhouzov vào hội Tam Điểm, tác phẩm đó đáng gọi là một thiên anh hùng ca.

Còn chính ông thì ông chỉ cho rằng mình đứng đầu bọn tiểu thuyết gia hạng nhì thôi: “Có một vài hài kịch của tôi sẽ được người ta nhắc nhở trong một thời gian, và một số ít truyện ngắn hay nhất của tôi sẽ được đưa vào các tuyển tập! Tôi nhận rằng bấy nhiêu chẳng nhiều nhõm gì, nhưng có còn hơn không”.

Đành rằng chính những văn hào như Stendhal, Voltaire, A.E. Housman cũng chỉ được ông sắp vào “bàn nhì” như ông, nhưng có lẽ ông đã hơi nhũn khi ông quên kể những truyện dài của ông. Sẽ còn nhiều thể hệ ham đọc *Of human bondage*, *The Razor's Edge*,

*The moon and six pence, The painted veil...*

Ông lại có một thái độ khoáng đạt: khi một nhà xuất bản xin phép ông cắt bớt nhiều đoạn trong *Of human bondage* để in vào loại Sách bỏ túi, ông vui vẻ chấp thuận liền, không một chút do dự. Ông bảo:

*«Tiểu thuyết gia nào mà nghĩ rằng mỗi chữ của mình viết ra đều có tính cách thiêng liêng, rằng hề bỏ đi một dấu phết, đổi chỗ một dấu chấm phết thì tác phẩm sẽ hỏng, là nhà ấy diên khùng. Một tiểu thuyết không phải là một công trình khoa học, cũng không phải là một công trình kiến trúc.»*

Từ mấy năm nay, lòa và gàn như điếc, ông sống cô độc ở Cap-Ferrat.

Năm ngoái, buổi tối ngày sinh nhật của ông, một bà bạn già lại thăm, hỏi ông thích cái gì nhất. Ông đáp:

- Cái gì cũng thích: một món ăn ngon, một thứ rượu ngon. Dù rượu không cũ lắm nhưng hề ngon là được. Tóm lại, cái gì cũng thích! Mà gặp được chị đây, tôi cũng thích lắm!

Chín mươi tuổi, mà cũng vẫn có lúc ham sống như vậy. Nhưng cuối năm ngoái, khi ông đau nặng, phải vào dưỡng đường Anh - Mỹ ở Nice, chính bà bạn đó vô thăm, hỏi:

- Anh Willie, anh thích gì? Hoa hay trái cây?

Ông nhăn mặt đáp:

- Hoa ư? Sớm quá. Còn trái cây thì trễ quá rồi!

Biết mình sắp chết mà ông vẫn còn cái giọng hài hước.

Nói xong rồi, sực nhận ra rằng đã thốt ra câu đó tron tru, không hề cà lăm, ông chua chát tiếp:

- Chị thấy không? Chung cục tốt đẹp đấy nhỉ. Khi gần chết thì tôi hết cà - cà lăm rồi.

Và ông chết với một nụ cười chua chát: lời đó là lời cuối cùng của ông. Suốt đời, ông không quên cái tật cà lăm của mình, cả những thời danh vọng lên tới tột đỉnh, được cả thế giới ngưỡng mộ gọi ông là *nhà quý phái Nam Hải*" (gentleman des mers du sud) mà ông vẫn đau khổ vì nó. Nhưng chính cái tự ti mặc cảm đó đã làm cho ông cương quyết chiến đấu ba phần tư thế kỷ, chiến đấu trên một khu vực gay go nhất, khu vực văn chương, khu vực kịch và tiểu thuyết, và ông đã thành công ngoài sức tưởng tượng của ông. Sau này tất sẽ có nhiều người nghiên cứu đời ông mà viết thêm được nhiều trang về mặc cảm tự ti trong các bộ tâm lý học.

Trong truyện *The painted veil*, bà Mỵ Nhất tu viện

Mei-tan-Fu khuyên Kitty:

*- Đây con, không thể tìm được sự yên ổn tâm hồn trong công việc hay trong vui thú, ở ngoài đời hay trong tu viện đâu. Phải tìm nó trong nội tâm mình.*

Lời đó thực sâu sắc. Dù cầm cổ viết lách, dù du lịch khắp năm châu, Maugham cũng vẫn không tìm được sự yên ổn tâm hồn. Ông đã biết rằng phải tìm nó ở trong nội tâm mà suốt đời tìm vẫn không được. Phải chăng cái kiếp người nó như vậy?

Báo chí đăng tin: ông nằm ở dương đường Nice năm ngày; các bác sĩ không chữa nổi, người ta chở ông về biệt thự La Mauresque ở Cap-Ferrat. Ông mê man cho tới khi mất, ngày 16-12-1965.

# GOETHE

(1749-1832)

- Tôi thành công là nhờ cần cù làm việc, thế thôi.

Goethe

- Hết thấy chúng ta đều sống tập thể (...), đều nhận được và học được của tiền nhân cũng nhiều bằng của người đồng thời với ta.

Goethe

- Ngày nay văn học quốc gia không có nghĩa gì nhiều nữa, đã tới thời đại của văn học thế giới, và chúng ta có bổn phận giúp cho thời đại đó mau xuất hiện.

Goethe

## MỘT NGƯỜI ĐA TÀI VÀ RẤT KHÓ HIỂU

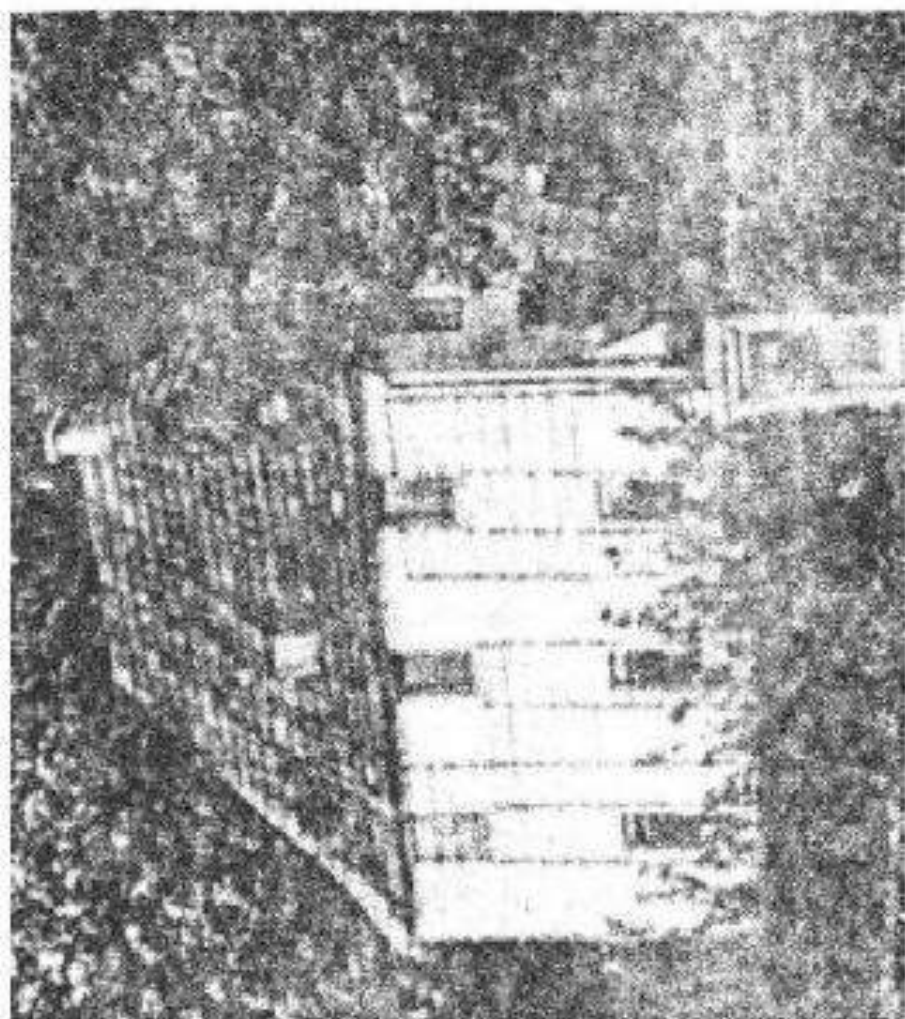
Goethe cũng như Léonard de Vinci, Vương Dương Minh, thuộc vào hạng người rất hiếm của nhân loại mà thiên tài gồm nhiều phương diện, có thể nói là đầy đủ. Léonard de Vinci là một họa sĩ, một nhà điêu khắc,



*Goethe năm 77 tuổi qua nét vẽ Schberr.*



*Goeth qua nét vẽ J.H. Lips năm 1791.*



*Căn nhà của Goeth ở Weimar.*



một kĩ sư, một kiến trúc sư, một nhà bác học, Vương Dương Minh là một triết gia, một nhà cai trị, một vị tướng lãnh, một văn sĩ; Goethe là một văn sĩ, thi sĩ, một nhà chính trị và một nhà khoa học. Ông viết đủ loại: anh hùng ca, thơ lãng mạn, tiểu thuyết, kịch, phê bình văn học; làm cố vấn chính trị, ông được nhiều người nghe. Phán đoán sáng suốt, mà có óc nghiên cứu khoa học, ông đưa ra nhiều ý kiến mới mẻ: những tập *Sự biến hóa của thảo mộc*, *Quang học*, *Luận về màu sắc* đặt ông ngang hàng với các nhà khoa học danh tiếng châu Âu. Nhưng vinh quang của ông vẫn là đệ nhất thi hào của Đức, cũng như Shakespeare là đệ nhất thi hào của Anh.

Ông thọ 83 tuổi (1749-1832), viết từ hồi 18 tuổi cho tới mấy ngày trước khi chết, nghĩa là viết 65 năm, lưu lại một sự nghiệp gồm 143 cuốn, trong số đó có 63 tác phẩm văn nghệ, 16 cuốn nhật kí, 14 tập nghiên cứu khoa học, 50 tập thư từ, và 5 cuốn “ngữ lục” ghi chép những lời ông nói với môn đệ.

Tác phẩm của ông thực đa tạp, con người ông thực nhiều mâu thuẫn tới nỗi Valéry phải tự hỏi có phải Goethe cố ý “bồi dưỡng những mâu thuẫn của mình” không; không tin Chúa mà lại có tinh thần thần bí, đa dục, cuồng nhiệt mà lại uy nghiêm; nhưng có tác giả lại bảo, nếu xét kỹ thì thấy tất cả những bất hợp điệu

đó vẫn hòa hợp với nhau thành một hòa điệu.

Tôi không biết đã có tác giả nào vạch rõ được cái hòa điệu đó ra sao không; nếu vạch được thì vị tất đã được mọi người chấp nhận vì trong trăm rưỡi năm nay, người ta vẫn không ngớt nghiên cứu về ông. Tôi năm 1912 đã có tới 22.000 tác phẩm viết về ông, chỉ nội nhan đề 22.000 cuốn đó in ra cũng đặc 2 cuốn sách rồi. Rồi riêng ở Pháp, từ 1912 đến 1948, có thêm được 429 cuốn viết về Goethe nữa! Ở Anh, Mỹ, con số chắc không kém, ở Đức con số chắc còn lớn hơn! Kinh khủng chưa! Thậm chí các nhà chuyên môn phải nhận rằng suốt đời không sao đọc hết sách về Goethe được, nên đã tính hợp nhau lại phân công mỗi người nghiên cứu về một khía cạnh, hoặc một thời kì, nhưng như vậy mỗi người có một chủ kiến, nghiên cứu xong cả rồi, tổng hợp lại cách nào cho nhất trí? Rồi cuộc dự định đó phải bỏ. Và người ta phải nhận rằng không làm sao hiểu đúng được Goethe.

## NƯỚC ĐỨC Ở THẾ KỶ XVIII

Goethe tự hào rằng sinh vào một giờ rất tốt: đúng lúc chuông gõ mười hai tiếng, ngày 28 tháng 8 năm 1749, ở Francfort-sur-le-Main.

Sau hiệp ước Westphalie năm 1646, Pháp chiếm Alsace, nước Đức chia rẽ. Có tới ba trăm rưỡi vương

hầu tranh giành nhau ảnh hưởng. Bên cạnh nước Áo theo Công giáo, mọc thêm nước Phổ theo đạo Tin lành.

Năm 1740, Frédéric II lên ngôi ở Phổ, chú trọng tới võ bị, Phổ mạnh lên, nhưng mặc dầu ông ta coi Louis XV, vua Pháp, là kẻ thù của mình, mà vẫn trọng văn minh Pháp, vẫn khinh Đức ngữ là “chỉ nên đem dùng với loài ngựa”. Chẳng riêng gì Đức, cả châu Âu hồi đó đều coi tiếng Pháp là thanh nhã nhất, phục nước Pháp là “xứ của ánh sáng”, gọi thế kỷ XVIII của Pháp là “thế kỷ của ánh sáng”. Cuốn *L'Esprit des lois* (Vạn pháp tinh lý) của Montesquieu xuất bản năm 1748, ba năm sau, Diderot và D'Alembert bắt đầu xuất bản bộ *Bách khoa tự điển*; còn Voltaire thì được Frédéric II mời qua Phổ, đãi như thượng khách. Chính Vua Phổ đó bảo rằng Đức mới chỉ sản xuất được một thiên tài, Leibniz (1646-1716) hiếm hoi quá; ông mong sau này sẽ có thêm nhiều thiên tài nữa; trong khi chờ đợi, được sống ở cái thế kỷ của Voltaire, ông ta cũng mãn nguyện rồi.

Lời ước ao của ông ta được thực hiện. Hậu bán thế kỷ XVIII, nhiều bậc thiên tài xuất hiện ở Đức: về nhạc, sau Bach (1685-1750), Haendel (1685-1759) tới Mozart (1756-1791), Beethoven (1770-1827); về văn học có Klopstock (1724-1803), nổi tiếng về tập đoàn thi trữ tình *Odes* ngâm vịnh thiên nhiên, ca tụng tình

yêu, tổ quốc...; Lessing (1729-1781) chống lại ảnh hưởng của Pháp; Herder (1744-1803) đề cao dân ca bảo thơ phải tự nhiên, ngẫu phát thì mới hay. Nhưng hai thiên tài làm vẻ vang nhất cho Đức là triết gia Kant (1724-1804) và thi hào Goethe.

### CHA MẸ

Jean-Wolfgang sinh trong một gia đình phong lưu, chứ không quý phái. Ông cố làm thợ rèn, ông nội làm chủ tiệm may rồi làm chủ khách sạn. Thân phụ, Jean-Gaspard Goethe được một cái hàm “cố vấn của nhà vua”, ba mươi tám tuổi mới cưới Catherine Elisabeth Textor, trong một gia đình chuyên môn về luật. Hai ông bà chỉ có một con trai, Jean -Wolfgang sinh năm 1749 và một con gái, Cornélie sinh năm 1750. Vậy Goethe chỉ hơn em có một tuổi; hai anh em quý mến nhau lắm, hồi nhỏ, có chuyện gì Goethe cũng kể hết cho em nghe.

Cậu không ưa cha vì cha quá nghiêm, mà mến mẹ hơn vì tính bà vui vẻ, đọc nhiều sách. Được di truyền của mẹ óc thông minh mẫn tiệp, tính hay mĩa mai, nhưng khoan hòa, ngay thẳng. Bà đau nặng, lúc gần mất mà còn có người không hay, phái gia nhân lại mời bà dự một cuộc hội họp nào đó. Bà bảo: “Về thưa với bà rằng bà cố vấn đi không được vì bà đang chết

đây”. Rồi bà dặn dò sau khi đưa ma bà, làm thức ăn đãi khách khứa ra sao. Đó tâm hồn bà như vậy.

## TUỔI THƠ

Goethe hồi nhỏ thông minh nhưng không phải là thần đồng. Học tại nhà ít lâu rồi vô trường, nhưng ghét tánh hung bạo của bạn học, cậu lại học ở nhà. Chữ viết rất tốt (hồi đó ở châu Âu cũng như hồi xưa ở nước mình, người ta chú trọng tới nét chữ lắm), nhưng chánh tả dở. Cậu có một tật là khứu giác rất nhạy, không chịu được mùi thuốc lá, cũng như Marcel Proust khi bị bệnh suyễn. Một phần có lẽ vì thần kinh của họ mẫn cảm quá.

Năm mười lăm tuổi, cậu mê một thiếu nữ, nàng Gretchen, rất đẹp, nhưng không dám lại nhà nàng, đón nàng ở nhà thờ và say mê ngó nàng suốt buổi lễ, cũng không dám cất tiếng chào hỏi nàng nữa. Mỗi tình đầu tiên đó mở cho cậu thấy “cả một vũ trụ - mới mẻ, đẹp đẽ, toàn thiện” mà sau này về già Goethe ghi lại trong kịch *Faust*. Nhưng Gretchen cho cậu là con nít, chỉ coi cậu như một em trai. Lòng tự ái bị thương tổn, cậu rần quên nàng, không tìm cách gặp nàng nữa, nhưng lòng vẫn đau khổ, và cậu rời khỏi Francfort. Tuổi thơ của Goethe tới đây chấm dứt.

## HỌC LUẬT NHUNG THÍCH VĂN THƠ

Năm sau, 1765, tuân lời cha, cậu lại Leipzig học luật. Hồi đó không cần có bằng cấp, chỉ cần có một sức học nào đó thôi, cũng được vô đại học. Cậu biết kha khá tiếng La Tinh (môn chính), biết thêm tiếng cổ Hi Lạp, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Anh, học qua loa một chút toán, ghét môn sử, rất thích đọc Thánh kinh (nhưng không chịu học về tôn giáo), thích cả môn nhạc, môn vẽ, muốn thành họa sĩ. Cậu tự thú có hai tật: không thể học được cái gì thiết thực, và làm việc gì thì làm cho mau, không muốn tí mĩ tốn thì giờ mà không bỏ công. Vậy khi vô đại học, Goethe mới chỉ có một số kiến thức tạp nhạp về sinh ngữ và cổ ngữ.

Cậu không ưa môn luật, học ít lâu rồi bỏ, xoay qua văn chương. Mà hồi đó chẳng cần giỏi luật, hề viết tiếng La Tinh cho hay là được bằng cấp; như vậy cậu có thêm một cơ để chuyên về văn. Cậu chê các giáo sư, chỉ trọng ông Gellert dạy văn khoa. Cậu tập làm thơ, và để luyện ngoại ngữ, viết một tiểu thuyết bằng hai ba ngoại ngữ, tưởng tượng một gia đình có sáu bảy anh em tản mác khắp thế giới, và cho họ nói tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng La Tinh.

Nhưng trước hết, cậu tập sống, tập giao du đã. Leipzig hồi đó còn có tên là *Petit-Paris* (Paris nhỏ);

dân chúng bắt chước nếp sống sang trọng, thanh nhã ở Paris. Tới Leipzig, Goethe liệng ngay bộ áo quê mùa, may cắt ở nhà mà sắm một bộ đồ thật bảnh, sửa giọng nói để làm quen với các gia đình sang trọng: Nhờ bạn giới thiệu, cậu lại ở trọ nhà ông bà Schonkopf. Mới được mấy ngày cậu đã ve vãn cô Annette, con chủ nhà, la cà các quán rượu, làm bộ ăn chơi. Làm mười hai bài thơ, nắn nót chép lại, đóng thành tập ngoài đề: *Tập của Annette*. Thơ có chút phong vận và nhiều cuồng ái. “Được mười hai nam độc giả và hai nữ độc giả. Tất cả chỉ có bấy nhiêu người. Tiếng tăm mà ồn quá thì tôi không ưa”.

Bài *Đêm phảng phất* cái giọng thơ của Klopstock:

*Tôi vui lòng rời căn nhà lá*

*Nơi người yêu tôi ở,*

*Và tôi nhẹ bước dạo chơi.*

*Trong khu rừng hoang vắng.*

...

*Ôi! Đêm đẹp và êm đềm làm sao!*

*Khó mà diễn nổi niềm vui thích, khoái lạc đó.*

*Nhưng, vòm trời kia, ta muốn trả lại người*

*Cả ngàn cái đêm như đêm này*

*Nếu người yêu của ta chịu tặng ta một đêm thôi*

Nhưng Annette đã có người khác yêu và Goethe ghen lồng ghen lộn. Khi thấy gã đó ngồi sau chiếc ghế của nàng, Goethe nghiêng răng, toàn thân bùng bùng: “Tôi tưởng lúc đó có thể chết được lắm, như uống phải thứ thuốc độc tự tay nàng đưa cho tôi... Có ai khổ sở như tôi không, mặc dầu tôi giàu có, có nhiều tham vọng và nhiều đức tốt!”.

Suốt mấy trang gào thét, than thở như vậy. Chàng có cái tật tưởng tượng mình bị đàn bà phản, mà lại rất tự ái.

Chàng không tính cưới nàng, mà chàng lại quá ghen, nên dần dần nàng xa chàng.

Trong thời gian đó, chàng làm quen với một họa sĩ, Adam Oeser, siêng năng học vẽ và nhờ Adam mà hiểu được cái đẹp bình dị, mềm mại, của các nghệ phẩm cổ Hi Lạp.

Tháng tám năm 1768, Goethe khạc ra máu, lo ngại, vội vàng rời Leipzig mà không từ biệt gia đình Schonkopf. Ngày mùng một tháng chín, chàng về tới Francfort “như một kẻ đắm tàu”. Vậy là non ba năm ở Leipzig, Goethe không học được gì về luật, chỉ học thêm được ít sinh ngữ và họa, viết được ít bài thơ, hai kịch ngắn: *Tính bất thường của tình lang* và *Kẻ đồng*



*lõa*, cả hai đều có giọng nồng nhiệt, nhưng kịch dưới chua chát hơn.

## UA NHỮNG TƯ TƯỞNG THẦN BÍ

Thấy con về nhà, học hành chẳng được gì mà lại đau ốm. Ông Jean Gaspard bất bình, nhất là trong mấy năm đó ông làm ăn không khá. Không khí trong nhà khó thở trong một thời gian, rồi sau cũng tạm êm.

Goethe ho, có hạch ở cổ (có lẽ là bị bệnh lao), nên phải dưỡng sức khá lâu, nhờ tình âu yếm của em gái mà vui vui.

Thân mẫu chàng lúc đó chơi thân với cô Klettenbery, một người theo phái *piétisme* do một nhóm tín đồ Tin lành thành lập thế kỷ XVII, chủ trương sống một đời khổ hạnh. Tính tình cô tự nhiên, thân mật, Goethe rất quý, sau này tả cô trong cuốn *Wilhelm Meister*. Cô cho rằng hễ sống thì phải có lúc đau ốm và nên kiên nhẫn chịu đựng. Vốn ưa sự thần bí và thích đọc Thánh kinh, Goethe hồi nhỏ thất vọng về ông thầy dạy đạo, bây giờ gặp cô, nghe lời khuyên bảo của cô, mà tinh thần dịu xuống, tin đạo hơn. Chàng lui tới các tín đồ phái *piétisme*, chịu ảnh hưởng của họ, đọc các sách về thuật luyện kim, thuật thần bí trị bệnh. Chàng muốn tin rằng có một thế giới thần linh chỉ huy cả vũ

trụ và đôi khi người sống có thể tiếp xúc với giới đó được. Những tư tưởng đó giúp chàng sau này viết vài đoạn trong kịch *Faust*.

Bệnh ho bớt thì lại bị bệnh loét ở họng và đau bao tử. Thân mẫu chàng mời tín đồ phái piétisme lại cúng kiếng, chữa bệnh bằng cách thần bí.

Bệnh trở đi trở lại rồi sau bớt hẳn. Chàng tò mò thí nghiệm phép luyện kim; công việc đó mở đường cho những thí nghiệm khoa học sau này ở Weimar.

Mùa xuân năm 1770, sau mười tám tháng nghỉ ngơi và trầm tư về những lẽ huyền bí, Goethe lại thấy hăng hái muốn xa nhà. Thân phụ chàng bắt chàng học tiếp môn luật và lần này chàng xin lại Strasbourg ở miền Alsace, lúc đó thuộc Pháp.

## T

### LẠI STRASBOURG - ẢNH HƯỞNG CỦA HERDER - PHONG TRÀO STURM UND DRANG

Tháng ba Goethe tới Strasbourg; cảnh vật rực rỡ màu sắc và ngào ngạt hương thơm. Không khí ấm áp, dòng sông Rhin lấp lánh uốn khúc ôm những cù lao xanh mướt. Lòng Goethe tung bồng bước vào một thế giới mới có nhiều nét Pháp hơn là Đức; Strasbourg

không phải chỉ là một “Paris nhỏ” như Leipzig mà là “phòng ngoài của Paris”, vì các thanh niên quý phái trung Âu, tây Âu đều lại học ở Strasbourg để cho cử chỉ, ngôn ngữ được thanh nhã một chút, trước khi tới kinh đô ánh sáng là Paris.

Goethe kiếm chỗ trọ, ghi tên vào ban luật rồi lo may sắm quần áo, sửa lại tóc cho hợp mốt Strasbourg. Dân chúng Strasbourg hồi đó không chống Pháp, trái lại lấy làm vinh dự được Pháp thừa nhận là công dân của một đô thị tự do, gần như độc lập. Hạng quý phái thường nói tiếng Pháp, còn hạng bình dân nói một thứ tiếng Đức miền Alsace, một thổ ngữ mà người Đức ở các miền Bắc đôi khi không hiểu.

Có óc tò mò và vẫn không thích môn luật học, Goethe ghi tên thêm vào môn Y học, theo học các bài về giải phẫu. Rất nhạy cảm, sợ tiếng động, sợ các mùi lạ, không dám trông các người bị thương, chỉ nghe tiếng chó sủa cũng đã giật mình, mà chàng học môn đó là để rán tự làm chủ được mình, nên được cảm xúc của mình. Chàng đi theo một đoàn quân để quen nghe tiếng trống, leo lên gác chuông nhà thờ ngó xuống đường để chống với sự chóng mặt, đương đem lại các nghĩa địa để quen với bóng tối mà không rùng rợn, và bây giờ học y khoa để quen nhìn các thầy ma. Nhưng mặc dầu nhiều thiện ý, chàng vẫn thất bại; cho tới suốt

đời, Goethe không làm sao dám nhìn những người hấp hối, dù họ là người thân đi nữa; sau này, thân mẫu chàng mất mà chàng không về, nguyên do chính vì vậy.

Cũng như ở Leipzig, Goethe học ở trường thì ít mà học ở ngoài đời thì nhiều. Trong số các bạn thân của chàng, ta nên kể Jung, Lenz, nhất là Herder có ảnh hưởng rất lớn tới đời của Goethe và đóng một vai trò quan trọng trong văn học sử Đức.

Herder gốc ở Königsberg, lúc đó làm tùy viên cho một vị công tước đi du lịch, ghé Strasbourg để chữa mắt. Ông ta là một nhà thần học, có lúc giảng đạo lại có lúc làm gia sư, về thông minh, thanh nhã, lớn hơn Goethe năm tuổi mà đã nổi danh nhờ hai tập tiểu luận về văn học. Trí óc phong phú, sáng suốt của ông ta làm nảy nở thiên tài của Goethe; nhờ ông mà Goethe hiểu được cái đẹp của ca dao, nhận định được những xu hướng mới trong văn học, tìm hiểu những văn minh ngoại quốc.

Herder bảo dân tộc nào cũng có lúc thịnh lúc suy. Dân tộc Pháp đã có một thời rục rờ, bây giờ tới thời tàn: Voltaire đã già nua, sứ mạng của Pháp đã chấm dứt, bây giờ tới phiên dân tộc Đức lên thay. Goethe phục ông ta lắm và cũng nghĩ như ông ta rằng mình

có sứ mạng tạo một đế quốc mới về tinh thần. Chàng cùng với Klinger, Lenz, H-L Wagner họp thành một nhóm văn sĩ trẻ chung quanh Herder, dịch tập thơ *Ossian* của Anh, nghiên cứu Shakespeare và các tác giả cổ Hi Lạp, đả đảo chủ trương duy lí của các văn hào Pháp: Montesquieu, Diderot, Voltaire mà gây một phong trào mới gọi là *Sturm und Drang* (giông tố và xung phong), một phong trào lãng mạn hung hăng đả đảo các qui tắc cổ điển, đề cao sức mạnh của bản năng. Cuộc cách mạng về văn học đó bắt nguồn từ Anh (tập thơ *Ossian*), phát triển ở Đức rồi truyền qua Pháp, tạo nên nền văn học thế kỷ XIX của Pháp.

\*

## MỐI TÌNH VỚI FRÉDÉRIQUE

Ở Strasbourg, Goethe lại biết thêm một mối tình mới. Một bạn học ở Y khoa dốt chàng lại thăm gia đình mục sư Brien và chàng gặp nàng Frédérique con gái của mục sư, mười tám tuổi. Nàng có cái đẹp của một thôn nữ. Gia đình nàng gốc gác ở Pháp, tiếp đãi chàng rất thân mật. Chàng với nàng dắt nhau đi dạo cảnh đồng ruộng, chèo thuyền trên sông Rhin, chàng làm thơ tặng nàng:

*Anh trông thấy em, và một niềm vui êm đềm  
Từ cặp mắt đẹp của em chảy vào lòng anh.  
Tim anh ở ngay bên cạnh tim em  
Và anh chỉ thở cho em.  
Một ánh sáng xuân hồng hồng  
Chiếu trên khuôn mặt kiều diễm của em.  
Và tấm lòng em âu yếm anh, hỡi Trời!  
Anh mong được hưởng mà thực là không đáng.  
(Hoan nghênh và vĩnh biệt)*

“Không đáng”, vì Goethe chỉ muốn hưởng chút vui lãng mạn thôi chứ không có ý cưới nàng, không phải vì gia đình nàng không xứng mà vì:

“... Không, không thể được... Cưới nàng tức là tự hạn chế tôi lại. Bốn phận đầu tiên là phải phát triển tất cả khả năng của mình. Tôi sẽ luôn luôn là Goethe. Tôi đã có lí khi yêu Frédérique vì tôi đã thành thực yêu nàng. Tới lúc nào tôi thấy cần phải trốn nàng để canh tân tôi thì sẽ trốn nàng mà vẫn là Goethe”.

Chàng cúi đầu, quất ngựa rời nhà nàng mà không dám quay lại nhìn nàng lần cuối: nàng đứng ở lề đường, nước mắt rùng rùng. Chàng ích kỷ, tàn nhẫn? Có lẽ. Cơ hồ như chàng sợ lập gia đình, sợ bị “tự hạn chế”. Và mãi đến năm bảy mươi bốn tuổi, Goethe mới cưới

vợ. Con người đó chỉ nghĩ đến sự nghiệp của mình thôi.

Tám năm sau, chàng mới trở lại nhà nàng. Nàng vẫn quý chàng, nhưng an phận, nhu mì, nàng không hề cố gọi lại tình cũ, vẫn vui vẻ cùng chàng dặt nhau lại dưới vòm cây xưa để tâm sự. Nàng hi sinh cho chàng để khỏi làm hại sự nghiệp văn chương của chàng. Mỗi tình trong sạch đó, chàng kể lại trong tập *Thơ và sự thực*. Các nhà khảo cứu văn học sau này kiếm ngôi nhà của nàng nhưng gia đình nàng đã đi nơi khác, không còn lưu lại dấu tích gì cả.

Mấy tháng đó Goethe rất sung sướng. Bây giờ tới lúc phải học thi vì thân phụ viết thư thúc lấy cho xong bằng cấp luật. Chàng làm một luận án tiến sĩ, có những tư tưởng quá bạo về tôn giáo, ban giám khảo không chấp nhận. Chàng làm một luận án khác để lấy bằng cấp cử nhân. Bằng cấp này dễ: không cần phải trình các giáo sư. Viết bằng tiếng La Tinh, rồi đọc trước một nhóm bạn bè, trả lời được những lời chỉ trích là được chấp nhận. Thân phụ chàng bất mãn vì chàng không được bằng cấp tiến sĩ, nhưng tự an ủi rằng có bằng cử nhân, Goethe cũng làm luật sư được. Còn Goethe thì tự phong ngay chức *Doktor* (tiến sĩ) vì cho rằng cử nhân trường đại học Strasbourg cũng có giá trị bằng tiến sĩ một trường đại học khác ở Đức.

Một số bạn bè khuyên chàng nên ở lại Strasbourg xin làm việc trong công sở Pháp, chàng từ chối, muốn làm một “thiên tài khác người” kia.

## MỘT LUẬT SƯ YÊU VĂN NGHỆ

Tháng tám 1771, Goethe về nhà, mở phòng luật sư, làm được vài tháng rồi chán, giao hết hồ sơ và công việc lại cho thân phụ và vài người phụ tá để lo “làm văn nghệ”.

Trong đầu óc chàng lộn xộn biết bao dự định: kịch, diễn văn kỷ niệm Shakespeare, tùy bút, tiểu luận, thơ, viết về César, Socrate, Prométhée...

Tình cờ chàng kiếm được một cuốn sách cũ nhan đề là *Tiểu sử ông Goetz von Berlichigen*, người có bàn tay sắt xuất bản ở Nuremberg khoảng bốn chục năm trước.

Trong một bức thư cho bạn, ngày 29.11.1771, chàng bảo: “Tôi tập trung hết tinh thần vào một công việc nó làm cho tôi quên cả Homère và Shakespeare. Tôi viết một kịch về đời một nhân vật cao thượng nhất của Đức”.

Sự thực nhân vật cao thượng đó, Goetz von Berlichigen chỉ là một thứ hiệp sĩ ăn cướp, kiểu hảo hán lục lâm của Trung Hoa, mà Goethe theo phong



trào Sturm und Drang tạo thành một vị anh hùng chống đối với những kẻ hủ lậu đương thời và chiến đấu cho tự do.

Chàng viết một hồi trong mấy tuần thì xong, chép làm vài bản gửi cho bạn bè. Herder đọc rồi thất vọng, cho rằng Goethe đã bắt chước Shakespeare và kịch viết hỏng. Giọng văn mạnh mẽ, thô bạo, nhiều hình ảnh đay, nhưng tình tiết rất lộn xộn: truyện tình, rồi đấu độc, chém giết nữa, lại cả cảnh trong gia đình có con nít bi bô. Không thể nào diễn được. Goethe nghe lời Herder sửa lại.

Chàng và Merck gia nhập một phái lãng mạn ở Darmstadt gần Francfort. Họ viết báo, làm thơ chưa gặp nhau lần nào cũng ôm nhau hôn: “À, anh đấy ư”, rồi hề bạn hơi tỏ ý lạnh nhạt thì khóc lóc, viết thư trách móc. Bọn “thánh sống Darmstadt” đó rủ nhau ngao du trên bờ sông Rhin, la hét om sòm, lại thăm một nữ sĩ, bà La Roche. Goethe viết bài phê bình các tác phẩm văn học, có khi chẳng thèm đọc chỉ coi nhan đề, lật một vài trang, thấy một câu nào chàng ưa hay ghét, thế là đủ viết một bài để ca tụng hay đả kích rồi - đả kích nhiều hơn là ca tụng.

## MỐI TÌNH VỚI LOTTE

Thân phụ chàng thấy chàng lêu lổng, cho chàng

lại Wetzlar để tập sự thêm ở tòa án. Tòa án Wetzlar là tòa tối cao của Đức thời đó nhưng cực kỳ bê bối. Có tới trên 16.000 vụ ngấm lại đó, chưa xử, vụ nào cũng kéo dài hàng mấy năm. Các quan tòa lương ít quá, không đủ tiêu phải ăn hối lộ. Người ta gọi tới 24 ủy ban thanh tra, nhưng chỉ càng thêm lộn xộn vì mỗi ủy ban đưa một ý kiến.

Thấy vậy Goethe chán nản, chẳng buồn tới tòa, mà đi ngao du ngắm cảnh: “Mỗi cây mỗi bụi là một bó hóa và người ta muốn được làm một con cánh cam để được chìm vào cái biển hoa đó.”

Trong một cuộc khiêu vũ ở thôn quê chàng gặp Charlotte Buff mà mọi người quen gọi là Lotte. Nàng thường bận áo trắng, cài băng hồng, có vẻ đẹp của một thôn nữ, tự nhiên, nhẹ nhàng. Nàng đã nghe tiếng chàng thông minh, có tài nên có lòng mến, nhưng đã hứa hôn với một thanh niên có tương lai trong miền là Kestner. Còn chàng thì mê nàng liền, ngày nào cũng lui tới nhà nàng, nhìn nàng săn sóc một bầy em rồi cùng với nàng ra vườn hái quả.

Vị hôn phu của Lotte thấy vậy hơi buồn, Lotte hiểu ý Kestner nói thẳng với Goethe rằng nàng đã đính hôn với Kestner và sẽ giữ lời hứa. Goethe chỉ còn có cách rút lui. Một đêm trăng, cả ba người họp nhau một lần

cuối cùng ở trong vườn, chuyện trò với nhau, rồi hôm sau Goethe trở về Francfort, sau khi nhờ Kestner trao cho nàng một bức thư:

“... Em Lotte, anh cũng mong sẽ trở lại, nhưng có trời biết được bao giờ... Bây giờ vắng vẻ, chỉ có một mình anh, anh có thể khóc được... Anh không thể tiếp tục như vậy được nữa”.

Khi đọc thư, nàng rung rung nước mắt.

Về Francfort, chàng treo ở đầu giường tấm hình cắt bóng bán diện của nàng và trước khi đi ngủ, lăm lăm nói chuyện với hình. Chàng vẫn thư từ với cặp Kestner - Lotte và một hôm Kestner cho chàng hay một gã tên là Jérusalem mà họ quen ở Wetzlar, thất vọng vì tình đã tự tử bằng súng lục. Chàng nhờ Kestner cho biết rõ mọi chi tiết về vụ đó, rồi viết một hồi trong bốn tuần xong truyện *Những nỗi đau khổ của chàng Werther*.

## CẢ CHÂU ÂU KHÓC WERTHER

Tác phẩm đó viết theo thể thơ (1774) gần là một tự truyện. Werther yêu một thiếu nữ Charlotte; vì nàng đã đính hôn, nên Werther từ biệt nàng. Sau khi nàng xuất giá rồi chàng trở lại thăm, sống thân mật với vợ chồng nàng, nhưng rồi đau khổ quá, Werther tự tử.

Vậy Goethe đã dùng mối tình của mình với Lotte và sự tự tử của Jérusalem để dựng nên truyện. Dĩ nhiên chàng đã tưởng tượng thêm: Charlotte không hẳn là Lotte mà Werther không hẳn là Goethe, nhưng người quen nào đọc cũng nhận ra được cuộc tình ái của chàng trong đó.

Sách in xong, chàng gửi ngay hai bản, một để tặng Lotte, một để tặng Kestner và dặn họ phải đọc riêng.

Đọc xong Charlotte suy nghĩ vẫn vo, tự hỏi mình có lỗi với Goethe không, còn Kestner thì giận dữ, trách chàng là không tôn trọng sự thực. Goethe ngạc nhiên, không ngờ rằng Kestner lại không hiểu mình, cho truyện đó là truyện thực, chứ không phải tiểu thuyết.

Tác phẩm được hoan nghênh nhiệt liệt. Cả nước Đức khóc cho thân phận chàng Werther. Thanh niên ăn bận như Werther, thiếu nữ ăn bận như Charlotte, cũng áo trắng và băng hồng. Thậm chí có nhà dựng trong vườn một bệ kỷ niệm Werther. Người ta làm thơ về Werther. Vô số chàng và nàng thất tình tự tử như Werther. Người Pháp cũng say mê đọc Werther. Từ truyện *La Nouvelle Héloïse* của Rousseau, chưa có tác phẩm nào làm cho cả châu Âu cảm động như Werther. Sau này Chateaubriand viết truyện *René* cũng là chịu ảnh hưởng của Werther. Goethe còn ghi lại rằng ngay

người Trung Hoa cũng vẽ hình Lotte và Werther lên các đồ bằng sứ. Những đồ cổ đó lúc này mà còn thì giá đắt kinh khủng. Chính Napoléon cũng thú đã đọc mấy lần Werther. Danh tiếng của Goethe bỗng vang lừng. Từ lúc đó cho tới hồi già, người ta chỉ gọi ông là tác giả truyện *Werther* mãi lúc gần chết ông mới thành tác giả kịch *Faust* Nhưng cũng có người phản đối. Trong khi “bệnh dịch” Werther đang lan tràn, một sĩ quan viết: “Tự tử vì không được ngủ với một người con gái, còn có gì điên hơn”. Đúng là giọng nhà binh! Werther trong truyện mà đã lấy gì làm điên. Werther ngoài đời còn điên hơn nhiều, mà chẳng phải chỉ ở thời Werther, thời này mà chẳng vậy ư?

Một người khác phản đối một cách văn chương hơn, viết cuốn: *Nỗi vui của Werther*, cho Werther tự tử vờ, bắn súng mà không có đạn, chỉ sém lông mày thôi, chứ không chết, Lotte cảm động quá, sẵn sóc chàng như sẵn sóc em nhỏ, rồi họ dặt nhau vào buồng, sau khi chế giễu anh chồng Albert Kestner. Ôi! Cái chuyện văn chương, sao mà lảm điều lí thú thế.

Phải nhận rằng văn trong Werther cô đọng và có nhiều đoạn dài trữ tình, đẹp như thơ. Goethe bảo ông đã say mê viết, như trong một cơn thụy du. Ngay từ đầu truyện người ta đã thấy cái chết lớn vốn đây đó và cảm giác ấy mỗi lúc một tăng cho tới đoạn cuối: “Một

người hàng xóm trông thấy lóe lửa và nghe tiếng súng nổ”.

## GÖTTE NỔI DANH, HỌC KHOA COI TƯỚNG

*Werther* ra đời, phong trào *Sturm und Drang* phát triển bùng nổ. Herder phải nhường địa vị lãnh đạo văn đàn cho Goethe. Thu từ và khách khứa từ mọi nơi đổ lại Francfort. Goethe viết một loạt tiểu ca kịch: *Clavigo*, *Claudin ở Villabella...* và một kịch năm hồi *Stella*.

Bọn quý phái tới làm quen với chàng. Có cả một linh mục ở Eurich, tên là Lavater, lớn hơn chàng tám tuổi, nổi tiếng về môn coi tướng, tác giả một sách *Coi tướng để hiểu rõ về con người và về ái tình*. Bộ gồm bốn cuốn dày cộm, in trên giấy thượng hảo hạng, có rất nhiều hình, được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hòa Lan. Lavater cho rằng mặt có cái gì không cân đối thì là tướng có tài riêng. Mà mặt của Goethe không cân đối. Ông ta trọng Goethe, Goethe cũng khen ông ta là “thông minh nhất, tốt bụng nhất, sâu sắc nhất vân vân...”. Xin học thuật coi tướng của ông - chàng vốn tò mò - tạo một số danh từ mới cho khoa coi tướng.

Ít lâu sau chàng chán, giao du với một “dị nhân”

khác, nhà giáo dục và tiên tri Basedow, sáng lập những phương pháp giáo dục mới theo thuyết Rousseau.

Mấy năm đó là những năm vui vẻ, sôi nổi nhất của Goethe, sáng tác mạnh và đương thời ghen kịch *Urfaust* mà có người dịch là *Faust nguyên thủy*.

Chàng đã nổi danh rồi, nhiều nơi ngấp nghé, nhưng chàng vốn chưa lưu ý tới chỗ nào cả.

Một hôm một người bạn dắt lại thăm gia đình Shonemann, một nhà giàu có nhất, làm chủ ngân hàng ở Francfort. Chàng gặp cô Lili, gần như bị cặp mắt của cô thôi miên. Cô mới mười sáu tuổi, sang trọng, sống xa hoa, hay làm duyên làm dáng. Có cả một đám thanh niên sẵn sàng quì ở dưới chân cô. Cô muốn đùa với ái tình, không ngờ hai người phải lòng nhau. Goethe hỏi cưới, cả hai gia đình đều không bằng lòng vì gia thế cách biệt nhau quá. Goethe đi chơi Thụy Sĩ với vài người bạn, khi trở về vẫn còn muốn cưới cô, nhưng sau một phần vì gia đình khuyên răn, một phần vì chàng “sợ sống”, sợ lập gia đình, nên lui dần và trốn Francfort một lần nữa, đi Weimar, do lời mời của đông cung thái tử hầu quốc Weimar và chàng quen trong một cuộc du lịch. Chuyến xa nhà tưởng chỉ vài tháng không ngờ kéo dài tới suốt đời chàng.

## HẦU QUỐC WEIMAR

- Tình trạng nước Đức thời đó cũng tựa tình trạng Trung Hoa đầu thời Chiến quốc, chia thành mấy trăm hầu quốc. Riêng miền Thuringe gồm hai mươi bảy hầu quốc, trong số đó có Weimar.

Mỗi hầu quốc nhỏ tí tẹo cũng có đủ một triều đình, cung điện, quân đội. Một “kinh đô” như Weimar thực ra chỉ là một làng gồm sáu ngàn dân nghèo khổ, đường phố chỉ như đường mòn, dơ dáy, lồi lõm. Có vài “lâu đài” không lớn hơn mấy biệt thự của giới trung lưu. Thái tử Weimar, Công tước Charles Auguste... sống với vợ mới cưới trong ngôi nhà trần đồ nát mà không sửa được. Bếp ở bên kia đường cái và mỗi bữa ăn gia nhân phải bung thức ăn qua đường. Công tước ở tầng lầu nhì, công tước phu nhân ở tầng lầu nhất, một phòng làm chỗ họp cho các đại thần. Thật tiêu điều.

Charles Auguste cũng như các thái tử khác đương thời, hồi trẻ đi du học, du lịch các đô thị, để ý kiếm hạng nhân tài, sau này lên ngôi, sẽ vờ về làm cố vấn hoặc làm quan trong triều. Ông ta thích Goethe nên mời tới Weimar.

Họ họp ý nhau lắm và mới đầu cùng với một số “đại thần” sống một cuộc đời phóng túng, phá phách y như một bọn du đảng: trượt tuyết, đi săn, vào nhà



dân ve gái, lẫn những thùng rượu của một lái buôn xuống tận chân núi rồi cười! Có lần họ họp các phu nhân trong một phòng, uống rượu sâm banh với nhau, say sưa rồi ôm càn vợ một vị đại thần đứng bên cạnh công tước phu nhân. Họ còn khoe rằng không có một triều đình nào vui vẻ như vậy. Goethe đem theo bản thảo tập *Faust* viết dở, đọc cho bọn họ nghe, họ phục tài chàng và một tiểu thư chép tay lại cho chàng. Chàng thấy đời sống vui thật là vui.

### SÙNG THẦN GOETHE

Nhưng rồi cũng phải nghĩ tới việc “trị nước” chứ! Vì Charles Auguste đã lên ngôi từ ngày mồng ba tháng chín năm 1775. Ông ta có óc canh tân quốc gia, tính cương quyết, hơi tàn bạo, muốn cho các lão thần về vườn mà dùng bọn trẻ. Mới đầu dùng Goethe làm cố vấn, nghe lời Goethe mời Herder tới, giao cho chức Tổng Giám mục, triều đình không ai phản đối mạnh vì Herder xứng đáng, có tài thuyết giáo... Thấy vậy, Charles Auguste mạnh bạo tiến một bước nữa, phong cho Goethe một chức cao ở triều đình. Lần này thì các đại thần bất bình, cho rằng Goethe chỉ nổi danh nhờ tiểu thuyết *Werther* chứ có tài cán gì mà giao cho trọng trách. Charles Auguste trả lời họ: “Nếu tấ sĩ Goethe là một người gian xảo thì quyết định của chư vị là phải.

Nhưng Goethe là người trung thành, thẳng thắn, lòng dạ rất tốt mà lại đa tài, nhiều người rất sáng suốt đã khen tôi thu dụng được ông ta; vậy thì tôi nên giao trọng trách cho ông ta chứ”.

Goethe lại khéo thu phục nhân tâm nên sự phản đối dịu dần. Ông được cử vô cơ mật viện, lương cao vào bậc nhì trong triều, được nhà vua rất tin dùng.

Tình thân giữa Charles Auguste và Goethe cũng hơi lạ lùng, họ như một cặp tình nhân, cưới ngựa đi chơi với nhau, kiếm gái với nhau, có khi ngủ chung với nhau, chuyện gì cũng tâm sự với nhau. Tóm lại Goethe là sủng thần của Charles Auguste. Thời đó, khắp các triều đình, Tây cũng như Đông: Đức, Pháp, Trung Hoa... đều theo một chính sách mà người Âu gọi là “chính trị chặn gối” (politique d'oreiller), nghĩa là bọn sủng thần và sủng phi nếu không nắm hết quyền hành thì cũng ảnh hưởng rất lớn tới các vị hoàng đế, quân vương.

Sủng thần Goethe tuy là bạn “tác hỉ” của Charles Auguste nhưng cũng biết lo trị dân, can ngăn nhà vua bớt săn bắn khởi phá hoại mùa màng. Ông lại thích đi khắp nơi “thăm dân cho biết sự tình”, nhân tiện ngao du sơn thủy tìm hứng làm thơ.

Một hôm ông tìm được một cái mỏ bạc đã từ lâu

không khai thác nữa. Ông xuống tận đáy mỏ xem xét rồi về lập một Ủy ban mỏ để khai thác lại mà cứu vãn tình thế tài chính nguy ngập của hâu quốc. Vì có óc tò mò, nhân việc đó ông nghiên cứu môn địa chất học, và làm các thí nghiệm hóa học. Nhưng rồi mỏ bị ngập nước, công việc phải bỏ, tổn bọn tiền.

Làng nào cũng thường bị hỏa hoạn, ông nghiên cứu cách phòng hỏa, không có kết quả vì dân và triều đình đều nghèo, không thể mua dụng cụ mới được.

Apolda là trung tâm kĩ nghệ duy nhất trong nước sống về nghề dệt. Ông tìm cách khuếch trương kĩ nghệ đó. Ông lưu tâm nhất tới canh nông, đón một kĩ sư Anh chuyên về phân bón và về công việc dẫn thủy nhập điền. Khi thi hành việc phân phối lại đất đai, bọn chủ điền chống đối dữ dội, ông phải bỏ.

Ông còn nhiều sáng kiến nữa muốn rút các khoản chi tiêu để ngân sách được quân bình, rút bớt số quân để có tiền sửa sang đường sá... nhưng thực hiện không được. Rốt cuộc trong mấy năm ông giúp Charles Auguste, lợi cho Weimar không được mấy, nhưng kiến thức và kinh nghiệm của ông rất tăng tiến.

## MỘT NGÀN BẢY TRĂM BỨC THƯ TÌNH

Mới tới Weimar được tám ngày, ông đã làm quen

với bà Charlotte von Stein, ngự tiền phu nhân của Hoàng hậu. Bà lớn hơn Goethe bảy tuổi, cha Đức, mẹ Anh, chồng là Nam tước Stein, làm đại thần. Hồi đó bà đã có ba con. Bà không đẹp, nhưng sang trọng, mảnh mai, thành thực, thùy mị và hơi buồn: “Nhà tướng số” Goethe coi nét mặt của bà đoán rằng tâm hồn bà dịu dàng, cao đẹp, rồi bảo: “Nên giăng lưới câu đi”. Nghe người ta kể lại lời đó, bà không ưa Goethe: bà không phải là hạng phụ nữ có thể “câu” được.

Vậy mà rồi Goethe cũng câu được và trong mười mấy năm viết cho bà hơn 1.700 bức thư! Thư của bà chắc cũng có, nhưng ít, sau bị đốt hết không còn lưu lại.

Weimar nhỏ như một làng, đường sá hẹp, đứng nhà bên đây nhìn thấy rõ mọi vật trong nhà bên kia đường, nên không có việc nào xảy ra mà không bị bọn đây tớ, bồi bếp, vú em kháo nhau, loan truyền khắp nơi; thậm chí đến đời tư của nhà vua trong “cung cấm” mà dân chúng cũng biết hết. Vậy mọi người thì thăm về mối tình giữa Goethe và bà Von Stein, nhưng ông Von Stein cho là chuyện thường - hồi đó cả châu Âu cho sự ve vãn vợ người là thường; vả lại hình như bà Von Stein cũng nghiêm trang, ít nhất là mối tình đó cũng kín đáo một chút.

Goethe mê bà ta lắm, gọi bà là “thuốc xuân”, “bùa mê” là “niềm an ủi duy nhất” của mình, người “hướng đạo thân yêu” của mình, “sửa được những nhược điểm” cho mình, v.v...

Bà quả có ảnh hưởng tới tâm hồn Goethe. Ông ta hóa ra nghiêm trang hơn, già dặn hơn, bớt bông bột như hồi chủ trương đường lối Sturm und Drang. Ông ta đem một cậu con của bà Stein về nhà dạy dỗ, rồi lại nuôi một thiếu niên gần như đần độn nữa.

Cả Goethe và Charlotte đều ưa vẽ, Charlotte lại tập tễnh làm văn, thị hiếu coi mỗi hợp nhau lắm; nhưng rồi không hiểu vì chuyện gì Goethe bất mãn về nàng: “Đàn bà như những cái đĩa bạc trong đó chúng ta đặt những trái vàng... Những nhân vật phụ nữ tôi tạo ra đều hoàn hảo cả, tốt đẹp hơn những phụ nữ mà chúng ta gặp trong đời”.

Rồi tới khi Goethe lại Leipzig đón đào hát Corona về hát và diễn kịch cho triều đình Weimar thì Charlotte nổi ghen và hai người giận nhau.

## THI SĨ CỦA TRIỀU ĐÌNH

Vì hỏi đó Goethe chẳng những làm cố vấn cho Charles Auguste, tể tướng, bộ trưởng Quốc Phòng, thanh tra công chánh... mà còn làm “Giám đốc các

cuộc vui” (Directeur des plaisirs) nữa, nghĩa là làm thi sĩ của Triều đình, giám đốc trường Học và tổ chức các hội hè, các buổi khiêu vũ, diễn kịch. Ông đã được phong tước và kí tên Nam tước đại nhân Von Goethe (chữ *Von* của Đức cũng như chữ *De* của Pháp là biểu hiệu của quý phái).

Chúng ta cứ tưởng chỉ dân tộc Trung Hoa đời Đường mới sinh thơ: từ vua chúa tới các đại thần, các con buôn, các ca nhi... đều ham làm thơ. Làm lớn. Châu Âu ở thế kỷ XVIII, thì cũng vậy: Nữ Nga hoàng Đại đế Catherine soạn kịch thi từ với Diderot; Frédéric đại đế của Đức làm tiểu thi bằng tiếng Pháp bàn về chiến tranh, về các tật nói xấu hoặc nịnh hót... làm cho Voltaire lắc đầu thở dài mỗi khi ngài Ngự đưa cho sửa; vua Thụy Điển Gustave viết kịch rất khá. Ông lớn bà lớn nào mà không làm thơ, viết văn, cũng không vẽ, khắc thì ít nhất cũng phải biết soạn nhạc: có vậy mới thực là quý phái.

Triều đình Weimar nhỏ quá, nghèo quá, tiền đâu mà nuôi một ban kịch như triều đình Versailles, nên các vị đại thần và các phu nhân phải soạn lấy kịch, diễn lấy (Goethe diễn cũng giỏi như ai) để tiêu khiển chứ! Muốn cho thêm hào hứng triều đình phái Goethe đi đón nàng Corona về Weimar; nàng đẹp, có học thức, biết bốn sinh ngữ. Nhà vua trả lương nàng rất hậu và

chỉ yêu cầu nàng lâu lâu mới ngâm một bài thơ hoặc đóng một vai trong một màn kịch nào đó thôi. Dĩ nhiên nàng phải chiều chuộng cả Hoàng thượng Charles Auguste và “cụ lớn” Goethe. Cả ba thường dắt nhau đi chơi, tiệc tùng bên bờ suối, dưới bóng cây. Và đúng như trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine: hai con gà trống đương vui vẻ sống với nhau thì một con gà mái xen vào... Nhưng chuyện đó không quan trọng, họ chỉ xích mích sơ sơ thôi rồi lại biết quý lẫn nhau.

Trong thời gian đó (1776-1786) Goethe vẫn sáng tác: Thơ tặng Charlotte như những bài *Chỉ đôi ta, Cặp tình nhân đáng thương, Vĩnh biệt, em ơi, Vì Trời đã bắt vậy, Tình anh yêu em là một niềm an mệnh bất tuyệt...* Các nhà phê bình cho bài trên là rất hay, nhưng phải đọc trong nguyên tác mới được, vì không tài nào dịch nổi cái nhạc tuyệt diệu trong đó; Thêm một tập thơ nữa có tính cách triết lí, tôn giáo: *Giới hạn của nhân loại, Thần linh*; và vài ba kịch như *Iphigénie ở Tauride, Torquato Tasso*. Lúc này ông đã có một quan niệm về con người, không đề cao con người để chống lại với thần linh nữa mà coi con người là hàng em của thần linh, con Thượng Đế thì là cái lí tưởng cao cả nhất mà con người có thể quan niệm được. Ông đã bỏ chủ trương lãng mạn mà theo phái cổ điển.

Kịch *Iphigénie ở Tauride* (1779) mượn đề tài của

Euripide, kịch gia thời cổ Hi Lạp. Goethe đề cao sự hi sinh. Lời rất du dương, kịch có cái vẻ đẹp cổ kính, được coi là một tác phẩm cổ điển của ông.

*Torquato Tasso* (1780) là một kịch năm hồi bằng thơ diễn nỗi đau khổ của một thi sĩ Ý khi yêu một thiếu nữ. Tình tiết rất đơn giản mà tâm lí sâu sắc (Goethe có gói gắm nỗi lòng mình trong đó). Cũng rất cổ điển, khác xa với kịch *Stella* viết năm 1776, hồi mới tới Weimar. Kịch này có tính cách lãng mạn, tả một chàng bị lôi kéo giữa vợ và tình nhân.

Ông lại kiếm đề tài để viết một tiểu thuyết giáo dục nhan đề là *Wilhelm Meister*.

## KHOA HỌC GIA GOETHE

Được Charles Auguste chiều chuộng, Goethe rất tự do, muốn làm gì thì làm, có khi vắng mặt hàng tháng mà vẫn lãnh đủ lương.

Ông được phái qua Thụy Sĩ vay tiền một ngân hàng để cứu nguy cho quốc khố Weimar. Cuộc thương lượng kết quả, ông càng được trọng dụng, thành một nhà ngoại giao, được phái đi sứ các triều đình khác ở Đức.

Và vẫn học thêm, nghiên cứu các môn: thảo vật học, khoáng chất học, tập vẽ, giải phẫu.

Tháng ba năm 1784, ông viết thư khoe với Herder:



“Tôi đã tìm thấy, không phải vàng không phải bạc, mà là một vật làm cho tôi vui vô tả: tìm thấy một cái xương ở giữa hai xương hàm xai (os intermaxillaire) của loài người. Xương đó là cái “chủ yếu” của loài người.”

Trước kia người ta cho rằng chỉ loài vật mới có xương đó, loài người không có. Bây giờ ông kiểm được nó và chứng minh được rằng loài người khác loài vật không phải chỉ do cơ thể mà do bản chất. Đó là điều phát kiến đầu tiên của ông, ông hãnh diện lắm, viết một thiên khảo luận để trình bày lí thuyết của mình. Mới đầu các nhà bác học coi thường, mãi đến năm 1820 người ta mới nhận rằng ông có lí, nhưng trong thời gian đó, người ta biết thêm rằng đồng thời với ông, một nhà bác học Pháp, Vicq d’Azyr cũng phát kiến được như ông. Ông uất hận lắm, không thừa nhận công trình của Vicq d’Azyr, làm bộ như không biết ông ta nữa. Ông hãnh diện về công trình khoa học đó hơn là sự nghiệp văn chương của ông.

Ở Weimar mười năm, thấy chán, ông muốn đổi lối, xin phép Charles Auguste cho ông nghỉ giả hạn trong một thời gian vô định. Công việc ở triều đình đã chạy đều đều, nhà vua thấy không có gì trở ngại, cho ông nghỉ mà vẫn được ăn lương. Ông không cho ai biết ông đi đâu cả. Và ngày mùng ba tháng chín năm

1786, ông mang tên giả: Jean Philippe Molter, lên đường qua Rome. Chỉ có Seidel, thư kí và quản gia thân tín của ông là biết ông đi du lịch nước Ý. Ông dặn hăn: “Tôi giấu hết thầy mọi người đấy... Có ai hỏi thì cứ đáp tôi sắp về nghe...”

## CUỘC DU LỊCH Ý

Thời gian ở Ý, sau này ông ghi lại và gọi là *Cuộc du lịch Ý*. Nó kéo dài gần hai năm, từ tháng 9 năm 1786 tới tháng 6 năm 1788. Sự thực ông không “du lịch” theo nghĩa chúng ta hiểu, vì ông không phải chỉ đi coi các thắng cảnh, các di tích; mục đích chính của ông là thay đổi chỗ ở, thay đổi không khí và có lẽ tự canh tân mình nữa. Ông mang theo kịch *Iphigénie* để viết lại thành thơ, tới đâu cũng nhận xét phong cảnh, đất đai, sinh vật, cây cỏ. Ông vẽ - vì ông vẫn còn muốn làm họa sĩ - và xếp đặt, chuẩn bị cho in Toàn tập thi văn của ông.

Vì giấu tên thật, ông có thể tự do la cà nhưng xóm bình dân và ông cảm thấy khoan khoái: thời tiết, không khí, ánh sáng miền Nam này êm đềm, vui tươi hơn miền Bắc của ông nhiều.

Ông ghé Vérone, Vicence, Padoue, Venise “châu thành tuyệt đẹp trên một đảo” đó. Đầu tháng mười

một ông tới Rome, ở lại đây lâu nhất. A, thú quá, tha hồ đi dạo coi các cổ tích, rồi vẽ, viết. Charles Auguste cho ông lãnh lương đủ; lại không có vợ con bận bịu ở bên, nên ông có tâm trạng một học sinh nghỉ hè.

Rome hồi đó nghèo; châu thành chỉ có 160.000 dân, so với các thị trấn khác của Ý thì rất lạc hậu: dinh thự đổ nát hoặc cũ kĩ, dân chúng nửa quê nửa tỉnh, nghèo đói, các đàn bò lang thang kiếm cỏ trong các lâu đài bỏ hoang thời cổ.

Naples trái lại, lớn gấp ba Rome, đông đúc, thịnh vượng, tấp nập. Ông bỏ tên giả là Moller mà dùng tên Van Goethe. Triều đình Naples không có gì đặc biệt. Vua Ferdinand đi săn hoải, mọi việc giao cho một viên tể tướng gốc Anh, huân tước Acton.

Tới đây ông được tin tức ở Weimar: Charles Auguste chỉ mong Frédéric đại đế mất, để làm phụ tá ông vua kế vị. Các đại thần phàn nàn rằng Goethe được ăn lương để đi ngao du sơn thủy còn họ phải làm việc như trâu. Ông thân nhiên, tiếp tục đi chơi Sicile, học vẽ với Philippe Hackert, họa sĩ của vua Ferdinand. Hackert bảo ít gì cũng phải học thêm một năm nữa. Ông thấy không bổ công, lại bỏ.

Rồi tới Palerme. Chính trong một vườn ở Palerme, ông bị ám ảnh vì một ý đã có từ hồi trước: “Có thứ cây

nguyên thủy không? Nó ra sao? Chắc phải có chứ, chắc mọi thảo mộc phải được tạo ra theo một kiểu mẫu nào chứ”.

Ông trở về Rome ở thêm một thời gian lâu nữa, lần này giao du nhiều. Công việc in bộ toàn tập của ông tiến hành, nhưng kịch *Faust* thì vẫn mới chỉ viết được mỗi một cảnh, ông bỏ dở nó để nghĩ về một kịch khác *Nausicaa*.

*(Tôi thấy tôi thực được tái sinh, được canh tân, hoàn toàn sung sướng... Càng ngày tôi càng nhận thấy rõ ràng tôi sinh ra để làm thơ, và trong mười năm tới đây, tôi sẽ luyện tài năng đó... Thời gian ở Rome rất có lợi cho tôi: Tôi hiểu tôi và từ nay bỏ môn vẽ”.*

Ông búi gói từ biệt Rome, đi một mạch về Weimar, không ghé Francfort mặc dầu mẫu thân ông rất mong đợi.

## “CÔ NƯƠNG” VULPIUS

Cuộc “du lịch” Ý đó đã đánh dấu một khúc quẹo trong đời sống và sự nghiệp Goethe, ông vui vẻ nhắc hoài tiếng “tái sinh”. Ông đã tìm được sự quân bình nội tâm.

Về tới Weimar, ông được 39 tuổi. Charles Auguste vẫn trọng ông, trong thư từ, vẫn coi ông như ngang

hàng, giọng rất thân mật. Goethe không lãnh một chức vụ gì nhất định cả, tự coi mình là một “công dân của vũ trụ”, một vị thượng khách của hầu quốc Weimar; nhưng Charles Auguste vẫn dành cho ông một ghế ở Nội các. Ông vẫn lãnh lương mà cả năm chẳng lại họp một lần.

Một hôm, một thiếu nữ hai mươi ba tuổi lại dâng ông một lá đơn xin ông cứu giúp anh hay em của cô ta. Cha cô là một tiểu công chức đã chết, nhà nghèo, cô làm công cho một tiệm làm bông giả. Cô ta tên là Christiane Vulpius, coi được được chứ không đẹp. Ông rán giúp cho anh hay em của cô, rồi mà yêu cô ta, gọi tới nhà mình chơi hoài.

Dân Weimar bàn tán, kháo nhau, chê bai, bất bình. Charlotte gần năm chục tuổi, thường đau ốm, thấy vậy nổi giận, đau khổ lắm. Bà ghen một phần, tự thấy nhục nhã một phần. Ngài cựu tể tướng Goethe, thi hào của Đức, bạn tâm tình tao nhã của mình mà bây giờ sa đọa tới mức đó, sống chung với “cô nường” Vulpius, xấu xí, dốt nát, may lắm thì mới biết đọc, ăn nói thì quê mùa, “một thứ con gái chỉ để...”.

Một vài vị lão thần còn bảo: “Cái hạng bách tính đó, dù có phong cho họ tước này tước nọ, cất họ lên chức này chức nọ thì cũng vẫn không sao bỏ được cái

bản chất bách tính của họ”.

Mặc, thiên hạ muốn nói gì thì nói. Người độc lập là người biết sống theo sở thích. Mà “con bé” biết hầu hạ ông, bấy nhiêu đủ rồi. Các bà quý phái diêm lệ, thanh nhâ, thông minh thật đấy nhưng đòi hỏi ông nhiều quá, bắt ông phải chiều chuộng nhiều quá, bây giờ ông muốn được thông thả.

Sau này, năm 1806, ông mới làm hôn thú, gọi nàng là “bạn gái thân và trung thành của mình”, “đã giúp cho mình được rất nhiều”; nhưng bây giờ ông vẫn cứ gọi nàng là “cô Vulpus”. Năm 1789, cô sanh một đứa con trai được Charles Auguste đỡ đầu, rồi kéo một đám bà con họ hàng lại ở, và Goethe vui vẻ nuôi hết.

Ông có cảm giác mình là một cây tùng trơ trọi, gần khô héo - 40 tuổi rồi, còn gì nữa - và chỉ có nàng là cây đặng cây cát, “quấn lấy ông” thôi, chỉ nàng mới “phủ lên thân tùng một thứ lá tươi mát”, nên ông sung sướng. Sống với nàng được năm năm, có con với nàng rồi, ông mới báo tin cho mẫu thân hay, bà cụ mừng rằng có cháu nội, không trách móc gì cả.

Mặc dầu vậy Goethe vẫn thấy ngượng ngượng vì dân Weimar, vẫn không chấp nhận mối tình đó của ông. Họ càng ghét Christiane khi thấy nàng sau mấy lần sanh, hóa ra sô sê, ăn nói thô tục, lại thường say bí

tử nữa. Mãi sau, Goethe mới làm hôn lễ lên. Duy có mẹ triết gia Schopenhauer là hơi lịch sự, chịu tiếp đãi nàng và bảo với thiên hạ: “Goethe đã cho cô ta mang tên mình thì tôi cũng có thể cho cô ta một chén trà được chứ.”

## HOẠT ĐỘNG MẠNH VỀ VĂN HỌC VÀ KHOA HỌC

Trong bốn năm 1788-1792, ông sáng tác khá mạnh, cả về văn học lẫn khoa học.

Về văn học, sau cuộc du lịch ở Ý, ông hiểu thêm cái đẹp cổ điển Ily Lạp nên văn thơ ông càng có tính cách cổ điển. Vũ trụ, xét bề ngoài, thực đa dạng, phức tạp, nhưng vẫn có cái gì nhất trí, vẫn theo một qui luật. Ông cảm thấy rằng sự diễn biến của vạn vật phản ánh một sự hòa hợp. Ông vẫn thích thiên nhiên, nhưng ông đồng ý với Spinoza, cho thiên nhiên không hỗn độn mà có một trật tự như thiêng liêng. Ông nghiên cứu khoa học theo hướng đó và sáng tác nghệ thuật cũng theo qui tắc đó: thi sĩ phải như cổ nhân tìm ra được cái gì bất biến trong sự tạp đa của hình thức, phải gạt bỏ mọi yếu tố có tính cách quá cá thể đi, mà tìm cái gì có tính cách tiêu chuẩn.

Ông sửa lại hai kịch *Iphigénie ở Tauride* và *Torquato Tasso* theo chủ trương đó; viết tập *Bi ca Rome*, tập thơ *Phúng thích Venise*, dịch truyện *Con cáo* và vài

vở kịch ngắn.

Về khoa học, ông nghiên cứu sự biến hóa của thảo mộc, cơ cấu của các loài vật và quang học. Ông nghĩ rằng thảo mộc cũng như loài vật cùng cấu tạo theo một cách thức. Trong loài thảo mộc cơ quan nguyên thủy là lá; trong loài vật cơ quan đó là đốt xương sống và óc chỉ là sự khuếch trương của xương sống. Ông viết một cuốn trình bày sự biến hóa của thảo mộc, một cuốn nữa về sự biến hóa của loài vật, một cuốn thứ ba luận về màu sắc. Bạn bè ít ai hiểu ông mà các nhà bác học cũng nghi ngờ học thuyết của ông.

Trong công việc nghiên cứu đó, ông vẫn có thái độ nghệ sĩ, tài tử. Đó là phong trào chung ở thế kỉ XVIII, thời mà các môn học chưa có ranh giới rõ rệt, môn này thường lấn qua môn khác; mà lại thêm nhiều môn mới ở thời kỳ phôi thai, không cần phải là nhà chuyên môn cũng bước vô được, các dụng cụ thí nghiệm lại sơ sài, ai cũng có thể chế tạo lấy, cho nên ta thấy có nhiều nhà “khoa học tài tử” tìm tòi về hai ba môn, giúp cho khoa học và kĩ thuật tiến bộ.

Ví dụ Prestly - bạn của Goethe - là một nhà thần học mà cũng lưu tâm tới quang học, có một phòng thí nghiệm nhỏ xíu mà phát kiến được các chất oxygène,



ammoniaque, Oxyd de carbone, acide chlorhydrique, mở đường cho Lavoisier. J.J.Rousseau văn hào Pháp, cũng viết một cuốn về thảo vật học. Franklin làm nghề in, chế tạo được cây thu lôi. Montgolfier làm giấy mà chế tạo được khinh khí cầu đầu tiên.

Goethe cũng thuộc vào hạng đó. Tự biết mình thông minh, ông muốn làm một vài phát minh để lưu danh với thiên hạ. Chưa ai giảng về các màu sắc. Thôi thì ông lãnh công việc đó.

Ông mượn được của một giáo sư ở Iéna vài cái lăng kính (prisme) để thí nghiệm. Rồi một hôm ông nhớ rằng hồi nhỏ, người ta dạy ông rằng nhìn qua một lăng kính sẽ thấy nhiều màu sắc; ông chiếu thử lăng kính lên tường mới quét vôi, thấy tường vẫn trắng, không có màu nào khác cả, thế là ông cho ngay rằng thuyết của Newton sai: ánh sáng không thể phân tích thành nhiều màu được. Ông bảo: “Ánh sáng là vật đơn giản nhất, không thể phân tích được nhất, đồng chất nhất không phải là một hợp chất, nhất là không gồm nhiều màu”. Rồi ông làm vô số thí nghiệm, tự tạo những điều kiện có lợi cho thuyết của ông, hòng đả đảo thuyết của Newton. Ông chưa có được tinh thần khoa học.

## VỀ CHÍNH TRỊ, CHỦ TRƯỞNG NHƯ NHỎ GIẢO

Năm 1789 cách mạng phát sinh ở Pháp làm cho cả Âu châu dao động. Goethe nhờ cực kì mẫn cảm, đã thấy từ trước “cuộc địa chấn” đó rồi. Ông có tánh coi thường những học thuyết chính trị đương thời mà chỉ quan tâm tới con người và biến cố. Những tiếng “tự do” hay “chuyên chế”, ông cho là vô nghĩa hết. Ông muốn người ta nhìn thẳng vào sự thực, vào hiện trạng xã hội chứ đừng lí thuyết.

Trong các cuộc “thăm dân” và du lịch, ông rất chú ý tới nông dân, quý mến hạng người chất phác; khi cầm quyền ở Weimar ông thấy rõ rằng triều đình “sống bằng cao huyết của nhân dân” nên khuyên Charles Auguste bớt săn bắn để đỡ hại mùa màng của dân, giảm các chi tiêu để ngân sách được thẳng băng nhẹ phẫn gánh vác cho dân... Không khi nào ông đứng vào phe nhà cầm quyền mà đàn áp kẻ nghèo.

Nhưng ông rất ghét những sự nổi dậy của đại chúng vì ông cho rằng đại chúng không biết phán đoán. Trong một bức thư cho Eckermann, ngày mừng bốn tháng giêng năm 1824, đại khái ông bảo: “Hồi đó, tôi không thể thích cách mạng Pháp được vì ngày nào, giờ nào cũng thấy những ghê tởm của nó, mà chưa

đoán được những hậu quả tốt của nó. (...) Nhưng tôi cũng không ưa chế độ độc đoán. Tôi tin chắc rằng một cuộc cách mạng lớn xảy ra không bao giờ là lỗi của dân chúng cả, mà là lỗi của chính phủ. Nếu chính quyền luôn luôn công bằng và siêng năng lo cho dân, đưa ra những cải cách hợp thời chứ đừng để cho dân phần uất quá, phải dùng đến sức mạnh, thì cách mạng làm sao còn xảy ra được”.

Vì vậy ông không thương hại các ông vua bị truất phế. Ông cho một ông vua ngốc nghếch, nhu nhược như Louis XVI, bị dân “cầm chổi đập, đuổi đi” cũng là đáng. Tóm lại chủ trương của ông cũng gần như chủ trương của các nhà Nho: dân vi quý, nhưng dân chúng không phải là giai cấp sáng suốt; vua chúa phải yêu dân, lo hạnh phúc cho dân, nếu không thì dân có thể thay vua được.

## TRẦN VALMY VÀ NƯỚC CỘNG HÒA ĐẦU TIÊN CỦA ĐỨC

Bản tâm Goethe chỉ muốn ở xa quan sát Cách mạng Pháp, nhưng rồi bị lôi cuốn mà phải dự một cách miên cưỡng vào biến cố của thời đại.

Charles Auguste năm 1792 cầm đầu một đạo kỵ binh Phổ cùng với các Đồng minh Áo giao chiến với

quân Pháp ở Valmy. Ông gói các tài liệu, bản thảo về Newton, về màu sắc, bộ tự điển vật lí của Gehler rồi theo quân vương của ông.

Trong sử người ta cho trận Valmy là trận của Đồng minh Đức Áo bảo thủ, phản động chống lại cách mạng Pháp; một bên là bọn lính đánh thuê một bên là lính tình nguyện nhiệt thành chiến đấu cho tổ quốc, cho chế độ Cộng Hòa, cho lí tưởng. Quân lính hai bên phải dầm mưa, lội bùn, nã súng vào nhau suốt bốn giờ đồng hồ, rồi Tổng tư lệnh quân đội Đồng minh là Brunswick tuyên bố: “Chúng ta không thắng được rồi!”. Tới chiều tối, đạn dược gần hết, tiếng súng thưa dần. Trong thời gian đó, Goethe đi thăm mặt trận, ghi chép để sau này viết cuốn: *Chiến dịch Pháp*.

Cuốn này mãi đến năm 1821 mới xuất bản. Khi viết ông đã già, nhiều việc đã quên; vả lại ông không phải là một sử gia, chỉ là một nghệ sĩ, nên không sao tránh khỏi nhiều lầm lẫn, thiên kiến. Ông viết:

*Mới buổi sáng, người ta chỉ nghĩ tới chuyện nường tụi Pháp và «thịt» họ; người ta hoàn toàn tin vào quân đội và vào công tước Brunswick (...); mà bây giờ ai nấy cứ làm lũi đi, không ngó người chung quanh, hoặc có ngó thì chỉ để chửi rửa nhau thôi. Trời xẩm tối, chúng tôi do ngẫu nhiên mà quây quần nhau (...), hầu hết mọi người đều làm thinh (...) sau cùng một người hỏi*

*tôi nghĩ sao về trận này. Tôi đáp: Từ nơi này và từ ngày hôm nay, bắt đầu một thời đại mới của lịch sử thế giới, mà các ông có thể nói rằng mình may mắn được chứng kiến”.*

Lời đó của Goethe thành bất hủ: trận Valmy đã giúp cho cách mạng Pháp thành công, nó lại là trận đầu tiên của nhân loại mà hai bên chiến đấu cho ý thức hệ. Ảnh hưởng của nó rất lớn, mặc dầu không đổ máu bao nhiêu: phía Phổ mất 184 người, phía Pháp 150 người. Thời đó chiến tranh không toàn diện như ngày nay: quân lính cứ giao phong với nhau, dân chúng bên này vẫn qua du lịch bên kia được, vẫn phỏng vấn, chuyện trò với quân địch được.

Vậy Phổ thua, chế độ quân chủ ở Pháp mà Đồng minh muốn cứu vãn bị lật đổ, vua Louis XVI bị dân chúng giam, quân Pháp tiến vào Đức.

Một tướng Pháp, Custine không được lệnh của thượng cấp, tự ý đem 18.000 quân chiếm miền Rhénanie tính thành lập một nước Cộng hòa đầu tiên ở đó, và hi vọng chính thể đó sẽ lan tràn khắp nước Đức.

Ông ta tiến vô Mayence, dân chúng thấy quân Pháp “hiền” quá, giúp đỡ mình mọi việc, nên không

chống cự. Một nhóm người yêu tự do còn thành lập một hội chính trị, trồng “cây tự do”, rồi cầm cờ tam sắc của Pháp mà nhảy múa, ca hát. Người ta gọi họ là nhóm Clubiste (do chữ Club của Anh mà người Trung Hoa dịch là Câu lạc bộ).

Custine tập hợp dân chúng hỏi: “Các ông chấp nhận hiến pháp mới của Pháp không? Hay muốn có một hiến pháp riêng, hay là muốn giữ chế độ cũ”. Họ đáp: “Chúng tôi trọng nước Pháp lắm, nhưng bẩm sinh ưa bình tĩnh (nghĩa là sợ cách mạng), nên muốn một giải pháp “quân chủ ôn hòa”. Custine thất vọng: “Dân Rhénanie muốn làm nô lệ!” và Goerge Forster (một người trong nhóm Clubiste) bảo phải “bắt buộc họ theo chế độ tự do mới được”.

Rốt cuộc người ta hội họp, rồi tuyên bố “dân chúng Rhénanie xin được sáp nhập với Pháp”, phái ba đại biểu tới Paris để dâng kiến nghị đó lên chính phủ cách mạng Pháp. Thế là quốc gia Cộng hòa đầu tiên được thành lập, nhưng thọ chỉ được ít tháng. Năm sau đồng minh Phổ Áo đem 45.000 quân lại vây Mayence. Quân của Custine cố thủ, sau dân chúng đói quá, xin đầu hàng, bọn Clubiste một mớ trốn thoát một mớ bị giết, một mớ bị xử tử vì tội phản quốc, thật là một hài kịch biến thành một bi kịch. Custine sau này bị khiển trách

là không được lệnh mà hành động bậy để quân đội bị tiêu diệt, ông ta cố tự bênh vực mà cũng không thoát chết.

Trong thời gian đó Goethe chỉ lo nghiên cứu về màu sắc, chẳng màng gì tới chính trị. Ông cũng tấn công, nhưng chỉ tấn công thành trì của Newton; cũng muốn thành lập một nước Cộng Hòa, nhưng một nước Cộng Hòa của các nhà trí thức kia.

Mặc dầu vậy, khi dân chúng nổi loạn muốn giết các người trong nhóm Clubiste, ông cũng quát lên, ngăn cản họ. Ông thực can đảm, cứu được mạng một người.

Sau vụ đó, ông trở về Weimar và từ nay không dự vào một biến cố lịch sử nào nữa. Từ 1791 tới 1795 ông chú trọng tới việc nghiên cứu màu sắc hơn, viết được ít cuốn tầm thường ghi lại các biến cố: *Công dân - tướng lĩnh*, *Bọn cuồng nhiệt* (1793), *Thiếu nữ ở Oberkirch* (hai cuốn này bỏ dở), *Lời đàm đạo của các người Đức xuất ngoại* (1795).

## HỢP TÁC VỚI SCHILLER

Mười hai năm sau (1794-1805) là một giai đoạn mới trong đời sáng tác của Goethe, nhờ ông gặp một thiên tài mới, Schiller.

Schiller sinh năm 1759, nhỏ hơn Goethe mười tuổi, chịu ảnh hưởng của Rousseau, bi quan, ghét văn minh, xã hội thời đó thích lý tưởng, có giọng thơ trữ tình, viết tập *Tội ăn cướp* (tả một tên ăn cướp đạo đức, có tình nhân loại) và cũng có óc tò mò, đọc rất nhiều về sử, triết.

Ông ta bắt đầu nổi danh trong khi Goethe đi du lịch bên Ý, và tháng bảy năm 1787, lại Weimar, “kinh đô văn hóa của Đức” thời đó, mong được gần gũi các “vị khổng lồ Weimar”, tức Goethe, Herder, Wieland. Nhưng mới đầu ông ta thất vọng: Herder chưa đọc một tác phẩm nào của ông cả, Wieland có đọc nhưng lại chê là thiếu tế nhị, còn Goethe thì không vồn vã, có vẻ ít nói, khinh khỉnh. Tính tình ông ta trái hẳn với Goethe: viết ban đêm, thành thử phải uống cà phê đậm, gần sáng mới ngủ, gần trưa mới dậy, vẫn viết lung củng lại hay triết lí.

Charles - Auguste cho ông ta một chức giáo sư chết đói (không có lương, sinh viên góp tiền học, đưa cho thầy và chỉ có lèo tèo vài ba chục cậu), thành ra Schiller phải viết báo để kiếm thêm, cùng với một nhà xuất bản ra một tạp chí lấy tên là *Quang âm* (Les Heures) có tính cách vừa văn học vừa khoa học. Ông ta đã được Kant, Herder hứa viết giúp, muốn làm thân với Goethe, viết một bức thư nổi tiếng phân tích thiên



tài Goethe một cách rất sâu sắc rồi gửi cho Goethe (1794). Goethe thích quá, nhận lời hợp tác ngay, mời Schiller lại chơi nhà mình nửa tháng để cùng nhau thảo luận.

Họ nhận thấy rằng quan niệm về nghệ thuật của họ không khác nhau bao nhiêu: mỗi người theo một đường, Goethe thì thích thiên nhiên và rút được kinh nghiệm của Ý; Schiller thì suy tư về triết lí; nhưng cả hai đều nuôi một lí tưởng cao đẹp về nhân loại, đều ưa cái đẹp cổ của Hi Lạp.

Sự hợp tác của họ có lợi cho cả hai: Schiller được hưởng kinh nghiệm, kiến thức quảng bác của Goethe; Goethe nhờ Schiller mà tìm hiểu triết gia bậc nhất châu Âu thời đó, Kant, và do lời khuyên của Schiller, chuyên chú vào văn nghệ hơn là vào khoa học, nhất là ông được một người bạn thân đọc tác phẩm của mình, biết khen mà cũng biết chê, nghĩa là hiểu được mình. Có thể nói, nhờ Schiller mà Goethe bước vô một khúc queo mới trong đời.

Hai người đều đề cao nghệ thuật cổ điển, muốn phục cổ, định những qui luật cho văn thơ. Trong thời gian đó Goethe viết tập thơ *Herman và Dorothee*, tác phẩm nổi danh ngang với *Werther*. Tập đó gồm chín khúc dâng lên cho chín Thi thần. Truyện rất giản dị,

cổ điển: Hermann, con trai duy nhất của một chủ quán đi cứu tế dân chúng trong cuộc xâm lăng của Pháp, gặp nàng Dorothee lưu lạc, yêu nàng rồi cưới nàng mặc dầu cha mẹ không bằng lòng. Một truyện tình nên thơ trong một bối cảnh vĩ đại (cuộc Cách mạng Pháp) làm cho độc giả xúc động.

Ông tiếp tục viết kịch *Faust* nhưng cũng lại bỏ dở nữa. Năm 1797, viết nhiều khúc hát.

Năm 1805 Schiller và Goethe đều đau nặng; Goethe bình phục lần lần còn Schiller thể chất yếu ớt, hồi nhỏ lại khổ sở, thiếu thốn, nên không chống nổi lại bệnh, mất ngày mùng chín tháng năm, hồi 46 tuổi. Hay tin, Goethe rất thương cảm: “Tôi đã tưởng rằng tôi chết, không ngờ là bạn tôi mất và mất anh ấy tôi mất nửa cuộc đời của tôi!”. Ông có thiện chí muốn viết tiếp một kịch mà Schiller bỏ dở: *Démétrius*, nhưng gặp nhiều trở ngại, thực hiện ý đó không được.

#### MỘT TÁC PHẨM KÌ DỊ: *WILHELM MEISTER*

Tác phẩm quan trọng nhất của Goethe trong thời kết thân với Schiller là cuốn: *Những năm tập sự của Wilhelm Meister*. Tác phẩm bắt đầu viết từ năm 1777. Goethe có thói làm việc từ từ, rất ít khi viết xong một hơi một tác phẩm lớn, thường viết được một phần rồi

bỏ đó, làm công việc khác, lúc nào cao hứng viết tiếp, và sửa đổi một số tình tiết trong phần cũ. Truyện *Wilhelm Meister* là một điển hình về lối làm việc đó.

Thực ra ông đã có ý viết từ hồi xuất bản truyện *Werther* nghĩa là từ năm 1775; trong mười năm đầu ở Weimar, ông viết xong bản thứ nhất, nhan đề là *Thiên chức đóng kịch của Wilhelm Meister*; bây giờ ông sửa lại thành *Những năm tập sự của Wilhelm Meister*; đó chỉ mới là phần đầu, trên hai chục năm sau, ông viết tiếp *Những năm du lịch*, tức phần nhì, rồi cho in *Những năm tập sự của Wilhelm Meister* với *Những năm du lịch* thành hai cuốn; còn bản đầu tiên; *Thiên chức đóng kịch của Wilhelm Meister*, ông bỏ, mãi tới năm 1910 người ta mới tìm thấy bản thảo ở Thụy Sĩ và gọi nó là bản “Meister nguyên thủy” rồi xuất bản nó một trăm hai mươi lăm năm sau khi tác giả viết xong!

Không có một tiểu thuyết nào kì dị như truyện Meister: kì dị vì tác giả đã sửa chữa, viết lại rất nhiều, các bản sau khác hẳn sơ bản; kì dị vì tác giả bàn về rất nhiều vấn đề trong đó, vì có vài nhân vật độc đáo, nhiều đoạn rất hay mà cũng nhiều đoạn rất dở; kì dị vì truyện không có đoạn kết, cơ hồ như Goethe còn muốn viết tiếp mà rồi chết, không kịp hoàn thành được; kì dị vì Goethe không theo một qui tắc nào cả, cao hứng thì viết, viết cho mình chứ không cho độc giả, thậm chí

ông còn chế giễu những người nào muốn tìm một ý chính làm nòng cốt cho truyện. Ông bảo: “Tác phẩm đó thuộc loại bí hiểm nhất, chính tôi cũng không tìm ra được “chìa khóa” của nó. Hỏi gặng ông đáp: *«Xét cho kĩ thì cơ hồ như truyện đó muốn diễn ý này; Con người mặc dầu ngu ngốc và lảm lẩn đủ thứ nhưng nếu được «một bàn tay ở trên cao» dắt dẫn thì cũng có thể đạt được một kết quả tốt»* <sup>(1)</sup>.

Dĩ nhiên, ông có quyền nói như vậy, nhưng độc giả thì không nhận ra được vậy. Mà ông có lúc bảo nhân vật chính trong truyện, Wilhelm Meister, là “một con chó tội nghiệp”, có lúc lại bảo hẳn là chính ông.

Thực khó mà tóm tắt truyện được. Mới đầu ông kể truyện một thanh niên con nhà khá giả đi theo một gánh hát để thực hiện “thiên chức đóng kịch” của mình, tả đời sống và tính tình của bọn đào, kép; rồi sau ông đổi ra thành một truyện có tính cách giáo dục để ông tự do bàn về giáo dục, về nghệ thuật, lịch sử văn học Đức trong mười năm trước, về bản tính con người v.v... rồi lại thành một truyện tình, một truyện du lịch, mạo hiểm (phần thứ nhì) có đủ những pha cước bóc; những cảnh sống xa hoa của giới quý phái v.v...

---

(1) Chúng tôi cho in ngã.

Trong số những nhân vật phụ, có một em gái, đúng hơn là một thanh niên ái nam ái nữ, rất dễ thương mà tính tình khó hiểu, và một thiếu nữ phóng đảng, nàng Philine, hai nhân vật đó đều khá độc đáo.

Ai muốn hiểu truyện cách nào cũng được, cho nên chúng ta không thể phê phán gì cả, bảo là hay cũng được, bảo là dở cũng được; nó kì dị thế thôi.

Năm 1803 ông viết kịch *Đứa con rơi* đề tài rút trong tập *Hồi kí của nữ công tước Conti*. Đứa con rơi đó là một em gái cha mẹ đều quý phái, bị mẹ tham tiền ép gả cho một thường dân. Chú ý của ông là ghi lại vài giai đoạn của cuộc Cách mạng Pháp.

## NAPOLÉON VÀ GOETHE

Napoléon lên ngôi hoàng đế. Goethe cũng như mọi người Đức khác, đau khổ vì tổ quốc bị Napoléon chiếm, nhưng trước sau ông vẫn phục Napoléon và Napoléon cũng trọng ông. Cả hai người đều biết rằng mình là hạng thiên tài, hiểu tài của nhau.

Ngày mừng hai tháng mười năm 1808, Goethe yết kiến Napoléon ở Erfurt. Ông giữ kín việc đó, mãi đến 1824 mới chép lại.

Napoléon đang ăn trưa, Daru và Tayllerand đứng hầu ở bên. Napoléon vẫy Goethe lại, chăm chú ngó

ông rồi bảo: “Ông xứng đáng làm người”. Goethe cúi đầu. Napoléon hỏi:

- Ông bao nhiêu tuổi.

- Sáu mươi.

- Khéo giữ gìn sức khỏe đấy... Ông đã viết kịch?

Goethe chỉ trả lời vắn tắt mấy tiếng.

Napoléon kéo câu chuyện về tiểu thuyết *Werther*, chê một đoạn không tự nhiên. Goethe nhận là đúng, Napoléon lại trở về kịch, chê một vài kịch là diễn những tư tưởng về vận mạng, bảo:

- Những tư tưởng đó thuộc về một thời đại kém văn minh. Bây giờ vận mạng có nghĩa gì đâu? Chính trị tạo nên vận mạng.

### “TRIỀU ĐÌNH GOETHE”

Hỏi đó Goethe không lưu tâm gì tới chính trị, được dân chúng trọng vọng, ngưỡng mộ như một vị cha già. Các văn sĩ lớp trước: Wieland, Schiller, Herder, Lavater đã chết rồi, chỉ còn mình ông.

Ông thành lập một “triều đình” riêng trong đó Riemer đóng vai quan thị vệ. Goethe đón ông ta tới để dạy học cho cậu con, Auguste, rồi ông ta làm hết mọi việc lặt vặt trong nhà: viết thư, sửa ấn cáo, có khi sửa

văn nữa. Ông ta học hành cũng khá, rất tận tâm với chủ, lần lần nắm hết quyền hành, khách khứa ở xa muốn yết kiến Goethe, ông cho vô mới được vô. Tiền công chẳng được bao nhiêu, nhưng quý Goethe nên từ chối các chỗ khác để được hầu hạ thi sĩ, rồi lần lần ông tự coi mình với Goethe là một, trong thư thường xưng: «*Chúng tôi*»: “chúng tôi đang viết cuốn *Đồng khí tương cầu* (Affinités électives - tên một tác phẩm của Goethe).

Hồi quân Pháp xâm chiếm Đức (1806), một bọn lính Pháp say rượu gây với Goethe, Christiane can đảm chạy lại đứng trước ông, che chở cho ông, nhờ vậy ông thoát chết. Nghĩ tới tấm lòng hi sinh đó, ông lúc đó mới làm hôn thú với Christiane. Christiane sống thêm được mười năm nữa, và nuôi một thị nữ trẻ, nàng Ulrich. Khi Christiane đau ốm, Ulrich thay bà hầu hạ Goethe. Nàng cũng ngưỡng mộ, tận tâm với Goethe không kém Riemer; khi Christiane chết, Riemer cưới nàng và hai vợ chồng cùng ở lại trông nom cho Goethe.

Cậu Auguste tư chất tầm thường, biếng học, không có địa vị gì trong nhà cả.

Danh tiếng Goethe vang lừng khắp châu Âu, các nhà quyền quý và danh nhân khắp nơi thường lại thăm hoặc thư từ với ông.

Ông tiếp tục viết kịch *Faust*, nhưng vẫn không

xong, bỏ dở để viết một kịch khác, *Pandore*, có tính cách thần bí, và một tiểu thuyết: *Đồng khí tương cầu*.

Truyện sau viết rất mau, in cũng mau, nên có tính cách nhất trí cũng như *Werther*. Truyện tả hai mối tình bất hợp pháp đều đưa tới một kết cục bi thảm. Goethe cho rằng trai gái dễ hợp nhau thì nhất định tự hấp dẫn lẫn nhau, như một số chất hóa học có ái lực với nhau (affinité), hề gặp nhau là hóa hợp với nhau.

Cặp vợ chồng Edouard và Charlotte cưới nhau trẻ để giữ một lời ước hẹn cũ chứ không phải vì yêu nhau. Bạn của họ là viên Đại úy lại ở chơi với họ đúng vào lúc Charlotte cũng gọi một người cháu tới. Thế là xảy ra sự đồng khí tương cầu; viên Đại úy và Charlotte bị thu hút với nhau; còn Edouard quyến luyến với Odile, cháu của vợ.

Charlotte và viên Đại úy can đảm tự thắng lòng mình mà xa nhau. Charlotte cũng khuyên chồng rán quên Odile. Edouard nghe lời ra đi. Trong khi vắng chồng, Charlotte sanh một đứa con (của chồng chứ không phải của tình nhân), nhưng lòng nàng chỉ hướng về viên Đại úy, cũng như lòng của chàng chỉ hướng về Odile, thành thử đứa con giống cả viên Đại úy lẫn Odile. Odile rất mến đứa nhỏ, săn sóc nó như con mình.

Edouard trở về, gặp lại thiếu nữ, tỏ tình với nàng,



bản chuyện li dị để cưới nàng. Odile bằng lòng.

Nhưng rồi một tai nạn xảy ra: trong khi chèo thuyền, nàng vô ý, xúc động quá, để cho đứa nhỏ té xuống ao, chết đuối. Do đau khổ, nàng cảm thấy rằng mình đã có tội mà nhận lời Edouard. Nàng quyết định sẽ chịu tội, sẽ từ biệt các người thân rồi, nàng bỏ ra đi. Edouard gặp lại nàng, đưa nàng về nhà, an ủi nàng. Nàng nể lời, về nhà nhưng từ đó một mực làm thinh và chỉ ăn cho vừa đủ sống. Đau khổ, bứt rứt quá, chẳng bao lâu nàng chết. Edouard cũng chết theo. Charlotte chôn hai người ở bên cạnh nhau.

Tình tiết tuy hơi rắc rối, nhưng từ cách bố cục tới lời văn đều cổ điển. Tác giả muốn khuyên người ta phải tôn trọng luật hôn nhân, hi sinh hạnh phúc cho cá nhân; ông gọi cho ta suy tư về nhiều vấn đề tâm lí. Trong bốn nhân vật chỉ có Edouard là không chịu hi sinh nên Goethe bảo các bạn rằng ông không ưa nhân vật đó.

Cũng vào khoảng đó, Goethe bắt đầu viết tập tự truyện *Thơ và Sự thực* trong đó ông kể cả phong trào văn học Đức ở thế kỉ XVIII. Tuy có nhiều hồi kí sai, tác phẩm đó có giá trị lớn vì tả nhiều nhân vật, nhiều biến cố, bằng một giọng văn tô chuốt. Toàn bộ gồm sáu cuốn, mãi tới 1822 mới ra cuốn cuối.

“CÔNG DÂN CỦA VŨ TRỤ”

Từ năm 1806, Trung Âu luôn luôn bị nạn chiến tranh do Napoléon gây ra. Không thắng được Anh trên biển, ông ta quay lại muốn làm bá chủ trọn lục địa Âu. Đạo quân ông lớn nhất đương thời, gồm người Ý Pha Nho, Ý, Phổ ... Charles Anguste quốc vương Weimar thành một tướng dưới quyền Napoléon. Napoléon phải dùng quân ngoại quốc vì Pháp trong non hai chục năm cách mạng và chiến tranh, đã mất non hai triệu người; dân chúng đã ngăn chiến tranh, ngay Thống chế Pháp, Lannes, rất dũng cảm, chiến hữu của Napoléon, mà khi hấp hối (vì một viên đạn làm bay hai cái giò), cũng chửi rủa Napoléon, bảo “ngung” lại đi, đừng gây chiến nữa.

Goethe lúc này không ưa nhưng cũng không oán Napoléon, chú ý tới bộ phận tiêu hóa của loài sâu, tới máy bơm nước hồi đó mới chế tạo, hơn là tới cuộc hành quân của Napoléon để xâm lăng Nga. Một nhà ái quốc Đức, Arndt, ghét cay ghét độc người Pháp, ông khuyên: “Ông không bẻ nổi xiềng xích đâu. Con người đó (tức Napoléon) vĩ đại quá, ông không đủ sức chống lại”. Một thi sĩ trẻ tuổi Korner, gan dạ tấn công một đoàn xe Pháp, chết. Hay tin Goethe chỉ lắc đầu.

Người ta trách ông không tỏ tình thân ái quốc, không làm thơ chống lại Pháp như Korner, ông đáp: “Ngồi trong phòng mà làm những bài ca tiến quân, cái đó không phải là việc của tôi, đó là việc của Korner... Mỗi người có một cách phụng sự tổ quốc; ai nấy phải gắng hết sức mình, tùy thiên phú của mình”.

Quan niệm của ông như sau:

“Xét chung, lòng căm hận một dân tộc khác là một điều rất đặc biệt. Trình độ văn hóa càng thấp thì lòng đó càng mạnh; trình độ văn hóa đạt được một mức cao nào đó thì nó sẽ mất hẳn, lúc đó người ta như là vượt lên trên ý niệm quốc gia dân tộc, mà cùng đau khổ, cùng vui sướng với dân tộc láng giềng, với lân bang của mình. Trình độ văn hóa đó hợp với bản tính tôi, tôi đã đạt được nó khá sớm, trước khi tôi sáu chục tuổi”.

Có lẽ để tỏ rằng mình vượt lên trên ý niệm quốc gia trong chiến tranh Pháp - Nga (1812) ông đeo đây ngực huy chương của Pháp, Nga, Phổ, Áo.

Dĩ nhiên rất nhiều người không đồng ý với ông, nhưng thấy ông đã già và nổi danh khắp châu Âu, nên mặc ông nói gì thì nói.

Tháng tư năm 1814, dân chúng Weimar được tin

đồng minh đã chiếm Paris, Napoléon bị đày ra đảo Elbe. Triều đình Berlin yêu cầu Goethe soạn một vở kịch để mừng chiến thắng. Ông muốn từ chối, sau nể lời, miễn cưỡng viết một vở có tính cách ngụ ngôn: *Epiménide tỉnh dậy*. Epiménide là một thi sĩ, triết gia Hy Lạp ở thế kỉ thứ VII trước T.L. theo truyền thuyết ngủ năm mươi bảy năm rồi tỉnh dậy, đoán trước tương lai và thuyết giáo. Goethe muốn nói rằng mình cũng như Epiménide, sau bao lâu im hơi bậy giờ mới cất tiếng. Kịch đó dở. Giá ông một mực từ chối, đừng viết thì hơn.

#### 74 TUỔI HỎI CƯỚI MỘT CÔ 19 TUỔI

Mấy năm trước ông mập bệu, hồi này khỏe mạnh, quắc thước thêm. Bộ *Toàn tập* của ông bán rất chạy. Chưa có một văn nhân Đức nào lãnh nhiều tiền tác giả như ông: lần in thứ nhất 10.000 *thaler* (mỗi *thaler* bằng khoảng ba Mark thời nay, hơn ba quan mới của Pháp một chút), lần thứ nhì: 16.000 *thaler* <sup>(1)</sup>. Ngoài ra ông vẫn được hưởng lương thượng thư của triều đình Weimar. Ông già đó tính toán tiền nong thật chi li, ngại cái khoản thuế quá nặng, nên gửi thỉnh nguyện

---

(1) Vậy 16.000 *thaler* chưa thấm vào đâu, so với tiền tác giả của Tolstoi, Victor Hugo của thế kỉ sau.

lên triều đình xin giảm thuế cho ông vì lẽ rằng mình đã thành một nhân vật rồi, thư từ mọi nơi gửi tới nhiều quá, phải tốn thì giờ và tốn tiền hồi âm. Quả thực ông phải mượn vài thư kí để giúp việc. Nặng nhất là khoản tiếp khách. Bạn thân thì lại ở chơi ít lâu, còn người lạ thì ông chấp tay sau lưng đứng tiếp họ, hỏi vài ba câu vớ vẩn, chỉ bắt tay những người mà ông có thiện cảm.

Ông có một tật nữa, y như Alexandre Dumas-cha, ham huy chương. Trong thời chiến tranh Pháp - Nga (1802) mà ông đeo cả Bắc đẩu bội tinh của Pháp, huy chương Sainte-Anne của Nga và tất cả các huy chương của Phổ, Áo nữa.

Năm 1815, ông về thăm tỉnh nhà, Francfort, gặp một đào hát trẻ, Marianne Juno. Hai người yêu nhau, nhưng Goethe đã viết truyện *Đồng khí trong cầu* để khuyên người ta hi sinh, tự chủ, nên lần này, hành động như viên Đại úy trong truyện, cắt tình. Từ mấy năm nay theo trào lưu, ông tò mò tìm hiểu phương Đông, tức Hi Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập, Ba Tư, Ai Cập, Ấn Độ. Và nhân mối tình với Marianne, ông nảy ra ý viết tập *Cái đi-vãng đông-tây*, bốn năm vẫn chưa xong. Khung cảnh là phương Đông, giọng thơ nhẹ nhàng mà rực rỡ những màu sắc phương Đông. Tác phẩm không phải chỉ gồm những thơ tả tình mà còn có nguồn hứng tôn giáo, thần bí nữa.

Sau mối tình với Marianne, còn một mối tình cuối cùng nữa, nồng nhiệt hơn, và lần này ông không làm chủ được lòng mình.

Năm 1822 ông đau nặng đã tưởng chết, bình phục lại rồi, ông lại Marienbad để dưỡng sức và gặp cô Ulrique Von Levetzow. Mới đầu ông coi cô như con, thường cùng cô dạo mát, nghe nhạc, dự các cuộc tiếp tân, dạ hội.

Rồi mà ông yêu cô say đắm, và năm sau muốn cưới cô. Ông 74 tuổi, cô mới 19 tuổi. Ông hỏi một y sĩ tuổi đó cưới vợ có hại gì không? Y sĩ đáp vô hại. Rõ báo hại, ông y sĩ đó! Trong thâm tâm, ông ta có khỏi thấy vậy là mỉa mai không: Goethe vừa mới thập tứ nhất sinh năm trước.

Tức thì Goethe tâm sự với Charles Auguste. Vị quân vương này bảo: “Chà, lão già này, chỉ nghĩ tới gái to!”. Goethe năn nỉ riết, Charles phải nhận lời đánh tiếng giùm. Chắc ông ta nghĩ “Hắn trái chúng muốn lộ bịch thì mặc hắn”. Charles đích thân tới nhà ông bà Von Levetzow hỏi nàng Ulrique cho ông bạn già của mình, hứa đủ thứ: nếu Goethe chết trước thì triều đình sẽ cấp cho Ulrique một số tiền quả tuất lớn; nếu mẹ ghê và con chồng bất hòa với nhau thì triều đình sẽ cho “cặp vợ chồng son” một ngôi nhà riêng đối diện với cung điện.

Ông bà Von Levetzow nhất định từ chối và cô Ulrique cũng từ chối: cô không muốn có chồng, chỉ coi Goethe như cha thôi. Quả nhiên, sau này cô đi tu.

Goethe thất vọng nào nê, nhưng còn đủ sáng suốt để giữ một thái độ đàng hoàng: tuy gặp lại nàng mà không tỏ tình, còn nàng và song thân nàng vẫn kính trọng ông, ngày sinh nhật ông, vẫn tặng quà và lại chúc; có điều là không khi nào Ulrique ngồi một mình với ông nữa. Một đêm đi chơi về, nhìn ánh đèn trong thành phố tưởng đâu như các ngôi sao trên trời rớt xuống, ông ghi trong nhật kí: “Bé cái lằm về các vì sao” Ông già đó muốn tự mĩa mình chăng?

Thất vọng về tình, ông viết tập *Bi ca* rất hay, giọng thâm trầm, nửa an phận, nửa hi sinh. Thực lạ lùng, tám mươi tuổi, mà lòng còn xúc động như hồi trẻ, tư tưởng rất già giặn mà tình cảm vẫn dạt dào!

#### TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA GOETHE

Năm 1829 Goethe sửa lại phần: *Những năm du lịch* cho thêm vô truyện *Wilhelm Meister*. Vẫn giữ thể tiểu thuyết, nhưng động tác rất chậm, ông xen vô nhiều truyện ngắn, nhiều đoạn bàn luận dài về xã hội, nhất là về giáo dục.

Ông tưởng tượng một tỉnh gọi là “tỉnh sư phạm”.

Wilhelm gọi con lại đó học và họ dạy trẻ theo phương pháp như sau:

Tạo hóa đã cho mỗi người đủ những cái cần thiết cho hiện tại và tương lai. Nhưng có một cái mà không ai có sẵn khi mới sanh, mà lại không thể thiếu được nếu chúng ta muốn thành một người đàng hoàng về mọi phương diện. Cái đó là lòng kính. Phải kính trọng Thượng Đế, cha mẹ, người trên; phải kính những cái dưới chúng ta: đất và vạn vật; phải kính những người ngang hàng chúng ta, bạn bè và người đồng loại. Và quan trọng nhất phải tự kính trọng mình.

Vậy tôn giáo là do lòng kính chứ không phải lòng sợ mà phát sinh. Goethe vẫn trọng đáng Ki Tô, nhưng không nhận rằng Ki Tô là một vị thần linh, ông muốn có một tôn giáo chung cho nhân loại.

Mỗi người phải phát triển khả năng thiên bẩm của mình tới tột bực: người viết chữ tốt thì làm thư kí, người khéo tay thì làm thợ, người có tài vẽ thì vẽ... Vậy ông khuyên người ta phải chuyên nghiệp.

Và người nào cũng phải tôn trọng tất cả các tôn giáo khác, chấp nhận các chính thể khác, nghĩa là phải khoan hồng bao dung.

Rốt cuộc các nhân vật trong truyện hầu hết chỉ như những hình nộm, những máy phát thanh để ông



diễn tư tưởng của mình. Họ không sống đời của họ. Mà truyện cũng không có đoạn kết, ngưng ở chỗ Wilhelm cứu đứa con Félix khi nó sắp chết đuối. Có lẽ tới đó chấm dứt cuộc đời trước của Wilhelm mà bắt đầu một cuộc đời mới chẳng, chúng ta có cảm giác vậy chứ Goethe không nói ra.

### 80 TUỔI VẪN CÒN SÁNG TÁC

Những năm về già, cảnh gia đình ông không được vui. Christiane mất năm 1816, đã từ lâu họ sống với nhau chỉ do thói quen. Năm sau, cậu con, Auguste, cưới một thiếu nữ tên là Ottilie Von Pogwisch. Nàng thông minh có học, vui vẻ, lanh lẹ nhưng nhí nhảnh, làm đom làm dáng, tính tình bất thường và không biết trông nom cửa nhà, tiêu tiền như nước. Hai vợ chồng gây lộn nhau hoài, họ sinh được hai trai, một gái.

Khi Goethe muốn cưới cô Ulrique, Auguste bất bình với cha, đòi bỏ nhà đi lên Berlin và nói thẳng ra rằng cha cưới vợ kế như vậy là làm thiệt phần của cậu. Thấy con như vậy, ông càng chán ngán: nuôi báo cô nó, nó chẳng làm được gì và chỉ mong hưởng gia tài của mình. Năm 1830 Auguste chết ở Rome trước ông. Ba đứa cháu nội ông không có đứa nào khá.

Mấy năm cuối cùng, Goethe không ra khỏi nhà. Ngôi nhà khá lớn, chứa đầy đồ đạc; gần như một viện tàng cổ: đồ tặng làm kỉ niệm, huy chương, bằng cấp, mỹ phẩm các bộ sưu tập cây cỏ, đá, xương loài vật, và rất nhiều thư từ sách vở.

Tám mươi tuổi ông vẫn làm việc mạnh, có cả một bộ “tham mưu” gồm ba thư kí và mấy nhà chuyên môn, tức “các tự vị sống” của ông, cần một tài liệu gì thì ông hỏi họ: Riemer chuyên về cổ học, Meyer về nghệ thuật, Coudray về kiến trúc.

Mấy người đó rất tận tâm với ông. Ông đọc cho họ chép mỗi khi ông sáng tác. Ông chấp tay sau lưng, đi đi lại lại mà đọc y như nhìn trong sách vậy.

Họ còn ghi tất cả những lời ông nói với họ hoặc với khách khứa. Eckermann ngưỡng mộ ông nhất, “y như con kiến, gom góp tất cả bài thơ của ông, sắp đặt lại”. Chính Eckermann ghi lại những lời của ông, thành một bộ «*Ngữ lục*».

Ai tới chiêm ngưỡng ông cũng thấy ông oai nghiêm như một vị thần. Ông có vẻ như tin rằng mình sẽ sống trăm tuổi, thọ hơn Sophocle (gần chín chục tuổi còn sáng tác), cho nên ông cho nhân vật Faust của ông sống tới tuổi đó. Ông không nghĩ tới cái chết, có khi còn đem ra đùa cợt. Các nhà văn lớn trước đã

chết, nhiều nhà lớp sau cũng xuống hố. Nghĩ tới họ ông bảo: “Ai cũng có một sứ mạng, làm xong sứ mạng rồi thì đi, để công việc cho người sau”. Nhưng riêng ông thì ông cho rằng sứ mạng chưa xong, và ông chưa viết xong kịch *Faust* mà ông đã bắt đầu non sáu chục năm rồi.

## KỊCH FAUST

Faust là một nhân vật có thực, sống ở Đức vào khoảng cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI. Năm 1587, một tiểu thuyết gia đưa nhân vật đó vào truyện, làm thành một nhân vật thần thoại: Faust thèm khát khoái lạc mà cũng thích học hỏi, bán linh hồn cho quỷ, và quỷ cho gã hưởng mọi thú ở đời, hiểu được khoa học huyền bí.

Truyện bình dân đó được dân chúng rất hoan nghênh. Một văn sĩ Anh, Christophe Marlowe viết thành một kịch, cho Faust giao du với bọn hải tặc, đi chiếm đất đai và kho vàng ở các nước xa xôi.

Goethe hồi nhỏ, trong các chợ phiên thường được thấy diễn một vài đoạn về đời của Faust trong các tuồng múa rối; năm 1773 nảy ra ý soạn một kịch về Faust, lúc này ông chưa đọc tác phẩm của Marlowe.

Ông viết được vài xen, rồi bỏ dở; lâu lâu cao hứng

viết tiếp, sửa đi sửa lại hoài, tới năm 1790 cho xuất bản một khúc, khoảng nửa phần thứ nhất; năm 1808 cho xuất bản khúc tiếp theo, thế là xong phần thứ nhất. Rồi ông viết phần thứ nhì, sửa đi sửa lại hoài, tới khi gần mất (1832) gói lại kĩ lưỡng, gấn khăn, bảo đợi mình chết rồi mới xuất bản.

Nhân vật chính trong kịch là Faust, con qui Méphistophélès (gọi tắt là Méphisto), nàng Marguerite. Và nàng Hélène.

Trong phần thứ nhất dễ hiểu hơn, Goethe xen lẫn hồi kí của mình với truyền thuyết trong dân gian: Faust bán linh hồn cho Méphisto, ve vãn nàng Marguerite, có con rồi bỏ nàng. Nàng quá thất vọng, giết đứa con và bị xử tử. Nàng chết trong tay Faust, nhưng có một tiếng từ trên trời văng vẳng xuống bảo nàng vì ân hận mà được cứu rỗi.

Phần đó Goethe viết chủ ý để diễn trên sân khấu. Qua phần sau, ông đổi ý bi kịch thành một trường thi có tính cách triết lí, bàn về vũ trụ. Tác phẩm mở rộng ra, bao gồm một thế giới cao hơn, sáng sủa hơn, mệnh mông hơn: Faust muốn được “vinh quang”, giàu có. Xã hội Đức biến đi, xã hội lí tưởng Hi Lạp, thay vào. Méphisto thành một bạn của Faust; Faust hóa ra nhân vật tiêu biểu cho nhân loại lang thang để hoạt động -

chứ không phải để hưởng lạc nữa - mà thực hiện lí tưởng của mình. Đây là triết lý trong truyện: Mọi đầu không phải là lời nói, hoặc thân ngôn như Thánh Kinh bảo) cũng không phải là sự thông minh, không phải là sức mạnh, mà là sự hoạt động. Xuất hiện thêm một thiếu nữ: Hélène.

Nhưng rồi phải kết thúc và Goethe phải trở lại truyền thống trong dân gian, trở lại lời hứa hẹn giữa Faust và quỷ Méphisto, và kịch hóa ra lúng túng, khó gỡ mối, làm cho nhiều nhà phê bình bất mãn. Nhưng ai cũng nhận rằng kịch thật vĩ đại, tư tưởng rất sâu sắc mà lời thơ cực đẹp, ngang hàng với những tác phẩm bất hủ của Dante và Shakespeare, tuy không đều tay, nhưng có những đoạn hùng vĩ y như những cây cổ thụ trên một ngọn núi chót vót. Có đủ hết: ái tình, đam mê điên cuồng, Thượng Đế, quỷ, không khí thời trung cổ, thời cổ Hi Lạp, mà lại gọi cho ta biết bao suy tư. Chẳng những người Đức, mà người Pháp, người Anh cũng hoan nghênh nhiệt liệt, dịch ra liền rồi phân tích, phê bình, nghiên cứu. Có người còn bảo tác phẩm đó ai muốn hiểu ra sao cũng được, như vậy mới thật là thơ, mới thật là vĩ đại. Có lẽ lời đó đúng.

## NỀN VĂN HỌC THẾ GIỚI

Goethe được coi là ngôi sao bắc đẩu trên văn đàn châu Âu thời đó. Ông đọc sách rất nhiều, tìm hiểu các

văn hào nước khác.

Ông khen tập thơ *Orientales* của Hugo, chê truyện *Notre Dame de Paris*, đọc Walter Scott, Carlyle, Byron, thích Sainte Beuve, Stendhal, Balzac, Mérimée. Là lùng nhất, ông thích đọc phần đầu của Faust bằng tiếng Pháp do Gérard de Nerval dịch hơn là đọc lại nguyên bản của ông.

Chính ông nảy ra cái ý mở màn cho nền văn học thế giới, bằng cách dịch những tác phẩm bất hủ của nhân loại để các dân tộc hiểu lẫn nhau, rút lẫn kinh nghiệm của nhau.

Ông bảo:

“Ngày nay do những liên quan chặt chẽ giữa Pháp, Anh, Đức, chúng ta có thể sửa chữa lẫn cho nhau. Đó là cái lợi lớn nhất của nền văn học thế giới”.

“Ngày nay văn học quốc gia không có nghĩa gì nhiều nữa, đã tới thời đại của văn học thế giới và chúng ta có bổn phận giúp cho thời đại đó mau xuất hiện”.

“Tôi mang ơn người Ili Lạp và người Pháp rất nhiều; món nợ của tôi với Shakespeare, Sterne, Goldsmith thật là vô tận”.

Chính ông cũng làm công việc phổ biến văn học ngoại quốc cho đồng bào ông hiểu. Ông khuyến khích,

chỉ huy công việc dịch của một nhóm dịch giả có tài, và ông cũng dịch nữa: Byron, Diderot, Manzoni.

Ông rất nhũn nhặn:

“Người ta cho tôi là số mạng rất tốt, rất sung sướng; quả thực tôi không có gì phàn nàn về đời tôi, nhưng xét cho cùng, tôi thành công là nhờ cần cù làm việc thể thôi”.

“Hết thầy chúng ta đều sống tập thể (...) đều nhận được và học được của tiền nhân cũng nhiều bằng của người đồng thời với ta... Trong cuộc đời dài của tôi, tôi quả đã thực hiện được vài việc mà tôi có thể lấy làm hãnh diện. Nhưng nói thẳng thắn ra, tôi có gì đặc biệt riêng của tôi đâu, ngoài cái khả năng và cái khuynh hướng biết nghe, nhận xét, lựa chọn rồi diễn lại, một cách hơi khéo léo những cái tôi trông thấy, nghe thấy. Tác phẩm của tôi đâu phải do tài của tôi mà do những người và vật ở chung quanh gọi cho tôi cả”.

Ông không hãnh diện nhiều về sự nghiệp văn thơ của ông, mà buồn rằng công trình nghiên cứu khoa học của ông không được người đời coi trọng.

## CHIẾN ĐẤU VỚI CÁI CHẾT

Năm 1831 ông rất suy nhược, gầy ốm, khòm lưng, gần như một bóng ma. Ông sợ nhất mùa đông, ru rú

trong phòng, không dám ra ngoài. Ông mong đợi từng ngày mùa xuân trở lại. Ngày 15 tháng ba năm sau, khi tiết xuân mới hiện, ông sai người đánh xe đưa ông đi dạo cảnh, bị lạnh, về nhà sốt, nằm liệt giường.

Sáng sớm hôm sau bác sĩ Vogel tới, cho toa, bớt được kha khá, nhưng đêm 19 rạng ngày 20 bệnh trở lại nặng hơn. Ngày 22, bệnh lại giảm và Goethe đã mừng: “Xuân tới rồi đây, tôi sẽ hết lạnh”. Chỉ vài giờ sau, ông đã hấp hối.

Coi thật tội nghiệp. Ông lao đò sợ chết, cố chiến đấu với cái chết, quỳnh lên, vội vàng leo lên giường kiểm cách nằm cho thoải mái, lăn lộn, thấy không êm, rên rỉ, hét lên, mặt tái mét; ông rời giường, lại ngồi chiếc ghế bành, mồ hôi vã ra, khoảng giữa trưa tắt nghỉ ở trên ghế. Khi gần tắt nghỉ, tay ông vẽ trong không trung rồi viết lên trên chiếc mền phủ đầu gối, đặt cả dấu phết, dấu chấm phết. Sau cùng ông viết một chữ lớn, chữ W. Có lẽ là ông viết chữ đầu của tên ông: Wolfgang.

Lời cuối cùng của ông là: “Cho sáng thêm đi”. Ông muốn bảo mở rộng cửa sổ ra. Nhưng người sau lại hiểu theo một nghĩa khác <sup>(1)</sup>.

---

(1) Tiếng Đức là: Mehr Licht! Tiếng Pháp: Plus de lumière. Có thể hiểu theo nghĩa nửa là: Từ nay hết ánh sáng.



Rất nhiều danh sĩ phê bình Goethe. Flaubert bảo: “Ông Goethe thực xứng đáng là một người! Ông ta có đủ hết, cái gì cũng có!”

Lamartine hết lời khen: “Ông ấy là thiên tài bậc nhất của thế kỉ, không còn ngờ gì nữa”.

Nhưng Nietzsche lại cho không có người Đức nào đáng khinh bằng Goethe; Paul Claudel bảo Goethe là một “con lừa vĩ đại, uy nghi”.

“Thật là từ cực đoan này tới cực đoan khác” đúng như Goethe đã tự phê phán mình.

# CHATEAUBRIAND

(1768-1848)

- *Con người có luôn luôn biết rõ mình muốn gì không?  
Có luôn luôn chắc chắn về điều mình suy nghĩ không?*  
Chateaubriand.

- *Tôi biết rõ rằng tôi chỉ là một cái máy viết sách.*  
Chateaubriand.

- *Từ kinh Phúc Âm tới bộ Xã ước, chính các cuốn sách  
đã gây nên các cuộc cách mạng.*  
Bonald.

## DÒNG DỜI QUÍ PHÁI

Ở Pháp, thế kỉ XVII, nhà văn nhà thơ nào có tiếng tăm cùng lãnh một chức lớn nhỏ hoặc nhận một chút ân huệ của triều đình, họ cho như vậy nếu không phải là vinh dự thì cũng là tự nhiên: La Fontaine làm Sở



*Chateaubriand qua nét vẽ Girodet*

Thủy Lâm, Corneille, Molière, Racine diễn kịch cho Triều đình...

Qua thế kỉ XVIII mới có một số nhà văn có thể nói là độc lập, dám công khai chỉ trích chính quyền như Voltaire, phải trốn ở Ferney, gần biên giới Pháp - Thụy Sĩ để hễ thấy động tĩnh là lẩn qua Thụy Sĩ. Họ là chiến sĩ mở đường cho Cách mạng 1789, chứ chưa thực hoạt động chính trị.

Cuối thế kỉ đó ta mới thấy Chateaubriand hoạt động chính trị, nêu gương cho các nhà văn lớp sau như Lamartine, Victor Hugo, Goerge Sand... Sở dĩ vậy là nhờ cuộc Cách mạng 1789. Vốn dòng dõi quý tộc hai mươi một tuổi đã mục kích Cách mạng, rồi phải xuất ngoại, mẹ và chị bị giam, gia sản bị tịch thu; sau lại mục kích cuộc cách mạng 1830, Chateaubriand dù muốn hay không cũng bị lôi cuốn vào những cuộc phong ba của thời đại mà phải làm chính trị, có lúc làm cách mạng nữa. Nhưng trước sau ông vẫn là một nghệ sĩ và sự nghiệp của ông vẫn là sự nghiệp một nghệ sĩ mặc dầu chịu ảnh hưởng nhiều của thời cuộc.

Ông nội ông là François de Chateaubriand vào hàng quý tộc cổ cựu, làm lãnh chúa ở Villeneuve, khi mất (năm 1729), theo tục miền Bretagne thời đó, để lại cả gia sản cho người con cả; ba người con sau chỉ

được chia nhau một số tiền nhỏ, đành phải làm ruộng như nông dân thường hoặc sung vào lục quân hay thủy quân của nhà vua.

René Auguste, người em thứ nhì, muốn vô thủy quân, nhưng không đủ tiền để ăn học, lại Saint Malo để mưu sinh: buôn bán, nhất là buôn mọi da đen; và cướp biển, rình các tàu của Anh, hề thấy đủ sức là tấn công. Hai nghề ấy, được triều đình công nhận là chính thức. Nhờ vậy năm 1773, ba mươi lăm tuổi ông ta đã phong lưu, cưới một thiếu nữ cũng là quý tộc trong triều hai mươi bảy tuổi, cô Apalline de Bedée, rồi mua được một thành trại <sup>(1)</sup> xây từ thời Trung cổ ở Combourg.

Hai ông bà sinh được sáu người con, người con út là François-René, tức văn hào Chateaubriand, ra đời ngày mùng 4 tháng 9 năm 1768. François-René có một người anh cả: Jean Baptiste và bốn người chị, người chị thân nhất với cậu là Lucile hơn cậu bốn tuổi.

## TUỔI THƠ CÔ ĐỘC

Mới sanh cậu rất yếu ớt, phải nuôi vú, ba tuổi mới

---

(1) Thời Trung cổ, các lãnh chúa cất trại mà có thành lũy như thành để chống cướp và kẻ thù.

về ở với cha ở Combourg; còn mẹ tính tình xung khắc với cha, có học, mộ đạo, ham vui, ham chính trị, ở lại Saint Malo. Cho tới khi chín tuổi cậu lúc thì ở với cha, lúc thì ở với mẹ. Ngay từ nhỏ đã tỏ ra bướng bỉnh, hay gây lộn, suốt ngày lang thang với trẻ con hàng xóm, tối mới về nhà, mặt mày lem luốc, quần áo tả tơi. Nhưng rất tự ái, buồn rằng mình nghèo hơn bạn, không được cha mẹ săn sóc như bạn.

Tuổi thơ, cậu chỉ yêu biển (Saint Malo ở ngay bờ biển), người vú nuôi đầu tiên “của cậu” là cô Lucile vì cô cũng bị cha mẹ bỏ bê như cậu, đồng cảnh nên hiểu nhau, thương nhau.

Năm 1777, thân phụ cậu gọi vợ và các con về ở cả Combourg. Combourg là một thành phố cổ hơn là một cái trại, bốn góc có bốn cái tháp, vì tất cả đã lâu đời, nên không khí rùng rợn, lạnh lẽo; người ta đồn trong nhà có ma hiện hình thành một lãnh chúa già có một chân gỗ, đi đâu cũng có một con mèo theo sau.

Thân phụ muốn cho cậu sau này thành một sĩ quan thủy quân. Nên cho cậu vô học trường trung học ở Dol. Học giỏi, môn nào cũng vào hạng ưu, nhất là môn cổ ngữ La Tinh. Vẫn bướng bỉnh và can đảm: ông thầy nào mà dọa đánh thì cậu phản kháng liền.

Nhưng gần tới tuổi dậy thì, nhân đọc một vài cuốn

không đứng đắn như truyện *Confessions mal faites* (Những lời thú tội bậy bạ) mà sinh ra mơ mộng, tính dục sớm phát.

Học bốn năm ở Dol, cậu lại Rennes học thêm để thi vào hải quân. Học giỏi, hai năm sau đậu được bằng cấp sĩ quan tập dịch, nhưng vì gia đình không vận động, nên đợi hoài mà Paris không gửi bằng cấp tới. Cậu đổi ý, muốn đi tu, vô học trường trung học Dinan, rồi cũng lại bỏ về Combourg ở với cha mẹ.

Thân phụ cậu rất nghiêm khắc, cứ đúng giờ thì thức dậy, ăn uống, đi câu hoặc dạo mát, suốt ngày gần như không hỏi han vợ con; cả nhà thấy ông thì lấm lét, im bật, đợi ông đi khuất rồi mới dám vui vẻ chuyện trò... Sống trong không khí đó, cậu gần như cô độc, càng mơ mộng đàn bà, vợ vẫn ngắm cảnh thiên nhiên, nghe tiếng chim tiếng gió; mà đâm ra chán đời; cậu nghĩ tới tương lai: chẳng có nghề gì cả, trời sinh mình làm gì đây? Một lần cậu chua chát quá lấy cây súng đi sẵn để tự tử, nhưng súng không nổ. Sau đó cậu năn nỉ cha mẹ cho đi qua Mỹ hoặc Gia Nã Đại. Thân phụ cậu bằng lòng.

Đúng lúc đó, anh cả cậu đã vận động cho cậu được làm thiếu úy ở Cambrai. Thân phụ cậu đưa cho một trăm đồng tiền vàng và dặn: “Liệu mà tiêu. Tao già rồi và đau ốm, chẳng còn sống bao lâu nữa đâu. Rán sống

cho ra con nhà gia giáo, đừng làm hổ tổ tiên”.

Để lại Trung đoàn ở Cambrai, cậu ghé Paris thăm anh, lại chào vài phu nhân, một bà tỏ vẻ thân mật với cậu quá, cậu sợ, chạy trốn. Cậu không thích đời sống phóng dăng, phù phiếm, giả dối của dân Paris mà thích đời giản dị, thân mật trong quân đội hơn.

Tháng chín năm 1786, được tin cha mất, cậu xin nghỉ giả hạn về đưa đám. Chia gia tài: đất đai về cả người anh cả, cậu chẳng có gì cả.

Năm sau anh cậu gọi cậu lên Paris, tính nhờ ông De Malesherbes vận động cho cậu một chức nhỏ gì ở triều đình vì cậu là dòng dõi quý tộc. Cậu được vào hầu vua Louis XVI, rồi theo sau nhà vua trong một cuộc săn bắn. Cậu vụng về làm sao, để ngựa mình phóng lên tới chỗ con mồi trước nhà vua. Điều đó tối kị. Nhưng Louis XVI không giận mà chỉ cười. Cậu lại vụng về thêm một lần nữa, chẳng xin Hoàng thượng xá tội cho. Rồi hôm sau lần, không vô triều nữa, đợi có cơ hội trở về quê.

Không biết làm gì, chẳng lẽ ăn không ngồi rồi hoài, cậu lại lên Paris, được ông cựu Thượng thư De Malesherbes coi như con cháu, khuyên đọc các tác phẩm của Rousseau (hồi trước ông ta che chở Rousseau), tìm hiểu thêm về thảo mộc học và địa lí.



TRONG THỜI KỲ CÁCH MẠNG ĐI MỸ

Tháng sáu năm 1789, sau khi nghỉ ngơi khá lâu ở quê cậu lại lên Paris. Lần này trong nước đã xôn xao: dọc đường nông dân bắt xe ngừng lại, hỏi giấy thông hành. Cả Paris như lên cơn sốt.

Ngày 14 tháng bảy, dân chúng chiếm ngục Bastille. Chateaubriand bình tĩnh ngó họ vừa phá tường vừa ca hát. Chàng đoán được hậu quả của một biến cố như vậy. Tuy không chống những tư tưởng tự do và bình đẳng, chàng ghê tởm những bạo động trong cuộc cách mạng: chàng đã thấy một người phá ngục Bastille cài vào “ve” áo một miếng tim của một nạn nhân tên là Flesselles. Ốc chàng hướng về cách mạng nhưng tim chàng, bản năng của chàng kéo chàng về phía triều đình. Nhất là từ khi thấy hai cái đầu lâu cắm lên hai ngọn giáo, đem bêu ở khắp đường, chàng phần uất quá, không sao nén lòng được: “Tội đã man! Như vậy mà gọi là tự do à?”. Và chàng chỉ mong được ra khỏi nước Pháp.

Nhưng rồi chàng lại do dự một thời gian lâu, một phần vì tính tình mơ mộng, một phần vì đương có một mối tình nào đó.

Tháng giêng năm 1791 chàng mới quyết định qua “thăm hiểm” châu Mỹ, do lời khuyên của ông De

Malesherbes: “Tôi sẽ như bọn “Thanh giáo”<sup>(1)</sup> thế kỉ XVIII di cư qua Virginie, tôi sẽ vô rừng như vậy còn hơn là ở Pháp.”

Mấy năm trước nhờ đầu cơ vợ, chàng để dành được một số tiền, đủ làm lộ phí. Chàng về thăm quê rồi xuống chiếc tàu buồm *Saint Pierre* qua Mỹ, trong túi có một bức thư của hầu tước De la Roueric giới thiệu với cựu Tổng thống Mỹ Washington. Năm đó chàng hai mươi ba tuổi, thân hình mảnh dẻ, đầu lớn, vai nhô, trán mênh mông, mắt mơ mộng, cằm dài và có vẻ cương quyết. Tính tình u sầu mà buồn bĩnh, đa cảm và bạo dạn, tự đắc về dòng dõi, thích cô độc, yêu thiên nhiên và văn chương.

### MỘT CÁCH “THÁM HIỂM”

Chateaubriand rất thích cuộc vượt biển đầu tiên này. Trong một cơn dông chàng muốn bắt chước nhân vật Ulysse của Homère nhờ thủy thủ buộc chàng vào cột buồm, rồi ở trên đó chàng gào hét: “Ôi! dông tố, người chưa đẹp bằng hình ảnh của người do Homère tả!”

Chàng giữ hết những hình ảnh của biển cả mong

---

(1) Puritain.

được thành một Homère thứ nhì: “Hàng ngàn ngôi sao lấp lánh trên vòm trời tối tăm, biển mênh mông không thấy bờ, trời vô biên mà nước cũng vô biên! Chưa bao giờ sự vĩ đại của Thượng Đế làm cho tôi xúc động bằng những đêm mà trên đầu tôi là cõi mênh mông, dưới chân tôi cũng là cõi mênh mông”.

Chàng quả là một Don Quichotte mà có tâm hồn thơ, ngắm cảnh không phải để hưởng thú mà để làm văn, văn đã đeo gọt và êm đềm.

Sau ba tháng lênh đênh trên biển, chàng tới vịnh Chesapeake ở Mỹ, buổi tối hôm đó lên bờ: “Một cô gái da đen mười ba mười tuổi gần như lửa lò, vẻ đẹp kì dị mở cửa rào, như nàng Đêm trê. Chúng tôi mua bánh ngô, gà mái, trứng, sữa... Tôi tặng cô bé Phi châu chiếc mũi soa của tôi: một nàng nô lệ đã tiếp đón tôi trên cái xứ của tự do”. Chàng đã vô tình mà thốt ra câu có ý nghĩa biểu trưng đó.

Nhưng rồi châu Mỹ làm cho chàng thất vọng ngay: tụi Quaker mà chàng tưởng rằng đạo đức lắm, cũng con buôn như ai; Washington mà chàng tưởng sống bình dị như một lão nông, ngày ngày cắm cày kêu “vát vát!” ở ngoài ruộng, thì ngồi xe bốn ngựa, tiền hô hậu ủng, đi dạo cảnh; còn tụi mọi Iroquois chàng tưởng chất phác, dễ thương như Rousseau đã tả, thì cũng có

đủ những tật xấu như đồng bào của chàng ở Saint-Malo, ở Paris.

Chỉ có cảnh thiên nhiên ở Mỹ là tuyệt. Chàng mua hai con ngựa, mướn một người dẫn đường rồi đi “thăm hiểm”. Hình như chàng tới thác Niagara, pháo đài Pittsburg và lang thang vài tuần trong miền Ohio và miền Thượng - Mississippi. Một thi sĩ như chàng cần gì phải đi khắp đó đây, coi cho thật nhiều; biết được dăm ba cảnh đặc biệt là đủ rồi. Đủ cho chàng viết một đoạn tả *Một đêm với các người mọi châu Mỹ*, một đoạn về *Mặt trời lặn trên biển...* Mỗi cảnh đó gồm hằng chục hằng trăm chi tiết; rồi sau có muốn tả những cảnh khác, bịa đây vài chi tiết, kia vài chi tiết, xếp đặt lại, sửa đổi, tưởng tượng thêm là đủ thành một bài hay. Chàng ghi chép tiếng gió trong lá, ánh trăng trên đồng cỏ, màu sắc của cỏ cây, của nền trời, ít cảnh đời sống của dân mọi, vẻ đẹp của hai thiếu nữ miền Floride nhất là chép vài chục tên cây cỏ, loài vật lạ lạ, rồi thôi, chẳng cần “thăm hiểm” thêm nữa. Khi người ta có thiên tài thì nhận thấy mau mà cũng hiểu mau.

## TRÊN ĐƯỜNG LƯU VONG - ĐỀ CAO KITÔ GIÁO

Và năm tháng sau chàng về Pháp, có đủ tài liệu để viết truyện *Atala*. Phải về ngay chứ. Sống ở Mỹ làm sao mà nổi danh văn sĩ được. Với lại chàng hay tin vua

Louis XVI đã trốn khỏi Paris, nóng ruột muốn biết tình hình trong nước ra sao.

Mùng hai tháng giêng năm 1792, chàng đặt chân lên đất Pháp: Cảnh mọi nơi còn hỗn độn hơn trước: Về thăm mẹ và các chị rồi, chàng muốn làm tròn phận sự thần dân đối với Louis XVI, gia nhập đạo quân của các vị công hầu, mà chống lại quân Cách mạng. Nhưng trước hết, phải kiếm tiền đã. Cách kiếm tiền mau nhất là cưới vợ giàu. Chàng nể lời cô Lucile, cưới cô Céleste Buissou de La Vigne. Cuộc hôn nhân này tai hại: tính tình hai người khác nhau xa, cô rất ghét thơ, không hiểu thơ, lại hay ghen, hay mĩa mai, mà xét ra hồi môn chẳng có được bao nhiêu.

Cưới xong ít lâu, chàng cùng với anh, giả trang làm lái buôn rượu, lên qua Bruxelles (Bi). Ở đây chàng thấy bọn quý phái xuất ngoại huênh hoang mà sống xa hoa; chàng không ưa họ mà họ cũng khinh chàng là hạng “bà con nghèo”. Chàng lại ngay chỗ đóng quân, buồn cho tình hình, biết rằng đạo quân của các vị công hầu đó thiếu khí giới, thiếu cả tinh thần, không sao thắng nổi quân Cách mạng. Quả nhiên quân Cách mạng Pháp thắng quân Đức ở Valmy và quân của các công hầu tan rã. Chateaubriand vừa đau vừa đói khát, rách rưới, trở về Bruxelles, dọc đường mấy lần té xỉu bên đường.

Ở Bruxelles ít lâu, chàng di cư qua đảo Jersey, nơi đó ông cậu Bedée đã tới trước. Tháng giêng năm 1793 Chateaubriand hay tin vua Louis XVI đã bị chính quyền Cách mạng xử tử. Không muốn ăn bám ông cậu, chàng qua Londres.

Tại đây cũng có mấy ngàn người Pháp di cư qua. Họ làm mọi việc để sinh nhai, vẫn vui vẻ mà cũng vẫn chia rẽ vì giàu nghèo, vì tư tưởng chính trị (bọn bảo hoàng thủ cựu chống bọn quân chủ lập hiến); lạ lùng nhất là họ rất lạc quan, tin chắc rằng chỉ nội một tháng là Cách mạng sẽ bị tiêu diệt và họ sẽ được về nước, cho nên thấy ai mượn nhà quá một tháng thì họ cho là ngốc, là phản động nữa.

Thời này Chateaubriand thực long đong cơ cực: gầy, ốm, khạc ra máu, thiếu ăn, có hồi phải nhịn đói năm ngày, ngâm những miếng dạ, vải vào nước rồi mút; nhai cỏ, nhai giấy. Đúng lúc đó, ông cậu Bedée gửi qua cho bốn chục đồng tiền vàng, chàng mừng quá, tưởng chừng trông thấy “tất cả vàng của xứ Pérou”.

Một người bạn kiếm cho chàng công việc dịch tiếng La Tinh, viết sử và dạy học. Vẫn có tính tự ái, mới đầu chàng cho cái việc làm gia sư là nhục nhã (tổ tiên mấy đời chỉ mượn gia sư, chứ có bao giờ làm gia sư cho thiên hạ đâu); sau đành phải nhận, nhưng tự

xung là “hiệp sĩ Combourg” vì cái tên Chateaubriand khó đọc, người Anh phát âm nghe tựa như *shatter brian* (sợ vợ) nghĩa là điên điên khùng khùng.

Được tin ông Malesherbes bị xử tử, mẹ và hai chị Julie, Lucile bị giam vì “tội” có người thân xuất ngoại, chàng đau khổ, nhưng nhất định không ai thấy mình khóc, không giao thiệp với ai, suốt ngày viết sách (bộ sử: *Luận về các cuộc Cách mạng*), rồi lúc nào mệt thì thơ thần dạo những nơi vắng vẻ để gởi tâm sự vào thiên nhiên.

Một gia đình mục sư đón chàng dạy tiếng Pháp cho cô con gái Charlotte. Hai người mến nhau, và ông bà mục sư biết chàng là dòng dõi quý tộc, có học thức, có tư cách, muốn gả cô Charlotte cho chàng. Chàng thú thực rằng mình đã có vợ rồi, và phải từ biệt nơi mà chàng đã mấy tháng tìm được niềm an ủi đó.

Năm 1794, mẹ và hai chị được thả. Năm 1797, cuốn *Luận về các cuộc Cách mạng* in xong. Viết cuốn đó Chateaubriand không muốn làm một việc nghiên cứu về sử mà chỉ muốn giải đáp những vấn đề này: “Từ trước trong lịch sử nhân loại đã có những cuộc cách mạng nào? Có cuộc cách mạng nào giống cuộc cách mạng của Pháp hiện nay không? Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng Pháp. Chính phủ hiện thời của

Pháp đứng vững được không? Nếu có thì ảnh hưởng tới các quốc gia khác ra sao? Nếu không thì ảnh hưởng ra sao?

Toàn là những vấn đề lớn lao cả. Nhưng ý tưởng của tác giả thật kì dị. Ông nhận rằng chính thể dân chủ tốt đẹp nhất, nhưng không thực hiện nổi vì con người trụy lạc quá rồi; ông ghét cả chính thể quân chủ chuyên chế lẫn chính phủ cách mạng và khuyên độc giả nên theo ông qua sống một đêm trong rừng Mỹ châu để có một ý niệm về sự tự do tự nhiên của giống Mọi. Thế là ông có cơ để xen vô một đoạn tả cảnh đêm trăng trong rừng Mỹ châu: vầng trăng lững lờ trôi trên cánh rừng tĩnh mịch, văng vẳng tiếng thác Niagara ở xa xa đưa lại. Ông thích đoạn đó quá, trước tính đặt nó vô truyện *Natchez*, nay rút nó ra cho vô tập *Luận* này, sau lại rút nó ra nữa, đưa vô một cuốn khác. Quả tình đoạn đó hay thật: hình ảnh đẹp đẽ mà lời lẽ du dương, ai cũng khen là một bài thơ bằng văn xuôi.

Cả hai phe Cách mạng và Bảo thủ đều không ưa tập *Luận* của ông; ngay thân mẫu ông và ông cậu Bedée cũng cho là “bậy”. Nhưng một thi sĩ cổ điển, Fontanes, vào hàng môn đệ của Voltaire, nhận ra được tài của Chateaubriand và hai người kết thân với nhau ở Londres.

Năm 1798, thân mẫu ông mất trong cảnh nghèo



khổ, ông rất xót xa, lại cảm cố viết tập *Natchez* trong đó có hai bộ phận, sau này rút ra thành truyện *Atala* và truyện *René*.

Năm sau, nhân một tập thơ *Chiến tranh giữa các vị thần*, có tính cách phỉ báng, dâm dăng của Parny, Chateaubriand nảy ra ý bênh vực Ki-tô giáo. Không phải là một tập lí luận, và khi nào ông lí luận thì ông tỏ ra rất ngây thơ, chẳng hạn bảo rằng nhất định có Chúa, nếu không thì sao những tổ chim lại đẹp như vậy, con cá sấu lại đẻ trứng như trứng gà...; còn linh hồn bất diệt vì làm người ai cũng trọng mồ mả, vì cha mẹ ai cũng cảm động khi nghe em bé bập bẹ... Ông răn chúng tỏ rằng Ki-tô giáo nên thơ nhất, nhân đạo nhất, dễ làm nảy nở sự tự do, văn chương, nghệ thuật nhất. Tác phẩm khi hoàn thành, mang nhan đề là *Génie du Christianisme* (*Đặc tính thần kì của Ki-tô giáo*) và gồm bốn phần: Giáo lí, Thi vị, Mỹ thuật và Văn chương, Thờ phụng.

Phần tả tình, tả cảnh hay nhất: cảnh thiên nhiên, cảnh biển cả (cũng lại có cả cảnh rừng ở châu Mỹ), cảnh các giáo đường, tình của *Atala*, *René*, hồi kí tuổi thơ của tác giả... Nhiều đoạn rất hay, đúng là của một nghệ sĩ đại tài.

Sau mười năm xáo trộn vĩ đại, gây ra biết bao cuộc

đổ máu và tàn phá, dân chúng Pháp ngán cách mạng rồi, muốn có một chính quyền lập nổi được trật tự, trao quyền cho Bonaparte. Fontanes thành một người thân tín của Bonaparte và Chateaubriand nhờ ông ta kiếm cho một nhà xuất bản, vận động với Bonaparte xóa tên mình trên sổ đen các nhà quý tộc xuất ngoại.

Tháng ba năm 1800, Chateaubriand xin được một tờ thông hành mang tên là La Sagne ở Neuchâtel (Thụy Sĩ) và trở về Pháp sau bảy năm ở Anh.

## CẢ CHÂU ÂU MÊ ATALA

Đặt chân lên tổ quốc, ông thấy dân chúng thật cơ cực, đâu đâu cũng là cảnh tan hoang. Fontanes đi đón ông, vận động cho ông cư trú trên đất Pháp.

Đúng vào lúc Bonaparte hiểu rằng cần phải phục hưng tinh thần tôn giáo của người Pháp. Chính ông ta lại nhà thờ làm lễ và nói với bọn bảo hoàng: “Tôi sẽ tái lập tôn giáo không phải cho các ông, mà cho tôi”.

Fontanes nắm ngay lấy cơ hội, ca tụng tác phẩm của Chateaubriand, giới thiệu Chateaubriand với Joubert, với bà De Beaumont. Ai nấy đều khen văn Chateaubriand làm cho lòng mình rung động như một bản nhạc.

Chateaubriand muốn cho xuất bản ngay, bạn bè

khuyên hãy rút ra phần về *Atala* để dò xét phản ứng của độc giả đã. Khi *Atala* in xong, Chateaubriand tâm sự với một người bạn: “Vận mạng của tôi quyết định ngày mai đây. Một là tôi vẫn là một kẻ bần hàn, hai là tôi được lên mây”.

Ông được lên mây, tập truyện nhỏ đó được hoan nghênh ngoài sức tưởng tượng. Truyện tả mối tình của hai người Mọi ở Bắc Mỹ: chàng Chactus và nàng Atala. Chactus bị bộ lạc thù địch bắt, sắp giết thì Atala con gái của tù trưởng bộ lạc này cứu chàng, trốn đi với chàng, nhưng vì nàng theo đạo Ki-tô, tự cho rằng mình phải hoài hoài là một trinh nữ, không thể làm vợ chàng được, nên tự tử.

Truyện cảm động mà lại có màu sắc phương trời xa lạ, tả nhiều cảnh rất đẹp (cảnh hồ, cảnh rừng) ở Bắc Mỹ, nên khắp Paris rồi khắp nước Pháp, khắp châu Âu đua nhau đọc. Tới các quán trọ cũng vẽ hình Chactus, Atala để quảng cáo. Người ta thích những câu tả “thần không khí rũ mớ tóc xanh dương, thơm phức hương thông và tỏa cái mùi hổ phách nhẹ nhàng của các con cá sấu ngủ dưới gốc me trên bờ sông”.

Một số người cho là cầu kì, nhưng bọn họ là bọn cách mạng, mà Chateaubriand đâu phải viết cho bọn “con cháu của Voltaire”. Nhờ *Atala* mà Chateaubriand

quen được bà De Stael và người đàn bà đẹp nhất đương thời, bà Récamier. Sau lần gặp bà này ông về viết trong nhật kí: “Tôi muốn cầu Trời làm cho vị nữ thần đó già đi để bớt sự cách biệt giữa bà và chúng tôi... Khi tôi nghĩ tới bà thì tôi muốn quên bớt vẻ duyên dáng của bà để cho bà gần tôi hơn”.

André Maurois chép tiểu sử của Chateaubriand tới hồi này, tuyệt nhiên không nhắc gì tới nàng Céleste Bisson de La Vigne cả, không hiểu tại sao. Tại ông quên hay tại Chateaubriand cố ý quên vợ?

## NHÀ THƠ VÀ VỊ TỔNG TÀI

Công việc dò dư luận đó có kết quả rõ rệt: tất cả giới quý phái, thủ cựu đều hoan nghênh Chateaubriand, ông ta nóng lòng tung tác phẩm lớn của ông ra. Nhưng một số bạn thân, Fontanes và Joubert khuyên hãy khoan đã vì phe môn đệ của Voltaire, và phe cách mạng mấy năm trước đã lập một tôn giáo mới thờ “Đức Chí Tôn”, vẫn còn quyền thế, lên tiếng phản đối. Chateaubriand nghe lời họ, một mặt đeo gọt thêm tác phẩm để chờ thời, một mặt làm thân với gia đình Bonaparte: ông biết rằng ngôi sao của vị Đệ nhất Tổng tài đang lên. Ông nhờ Bonaparte mà được bôi tên khỏi sổ đen các người xuất ngoại (1801).

Năm 1802 biến cố dồn dập: tháng ba, Pháp kí với Anh hiệp ước Amiens, chấm dứt các chiến tranh cách mạng; Tháng tư Quốc hội lập pháp biểu quyết Điều ước Hòa thân <sup>(1)</sup> giữa Giáo Hoàng và Chính phủ. Tức thì tập *Génie du Christianisme* ra đời và ngày lễ Phục Sinh (18 tháng tư), ở nhà thờ Notre Dame tại Paris chuông đổ để ăn mừng thái bình và tôn giáo đã được phục hồi.

Cũng ngày hôm đó, trên tờ báo *Moniteur* sau lời tuyên bố của Bonaparte, đăng bài của Fontanes giới thiệu cuốn *Génie du Christianisme* mà ông coi là có tính cách vừa tôn giáo vừa chính thức.

Thực là một thắng lợi lớn lao cho Chateaubriand: ông tự cho mình cái công phục hồi tôn giáo, làm cố vấn cho chính quyền và ở trong nước chỉ có hai người đáng trọng nhất: Nhà thơ (tức ông) và vị Tổng tài (tức Bonaparte). Từ đó tham vọng chính trị của ông vô biên.

Ông bảo Fontanes vận động cho ông làm đại diện Pháp ở điện Vatican. Ông gửi tặng Bonaparte một cuốn, Nga hoàng một cuốn, dưng Đức Giáo hoàng một cuốn. Nhưng lạ quá, vẫn chưa có tin tức gì về vụ làm sứ thần ở Rome cả.

---

(1) Concordat.

Tháng ba năm sau, sách tái bản. Lần này gửi tặng Bonaparte, lời lẽ rất long trọng: "... Các dân tộc đều nhìn về ngài; nước Pháp, đất đai mở mang nhờ những thắng trận của ngài, đặt tất cả hi vọng vào ngài... Xin ngài tiếp tục đưa tay ra nâng đỡ ba chục triệu tín đồ Ki-Tô giáo ngày ngày cầu nguyện cho ngài ở dưới chân những bàn thờ mà ngài đã dựng lại cho họ".

Khi nhà thơ ve vãn chính quyền thì nhất định là "tuyệt!". Ngài Đệ nhất Tổng tài thỏa mãn vô cùng bảo: "Tôi chưa bao giờ được ca tụng khéo như vậy". Mặc dù vậy ông ta cũng chỉ thưởng nhà thơ một chức còm: bí thư sứ quán Rome. Chateaubriand mừng rơn: "Tôi đã nhờ cửa tôn giáo mà vô chính trường". Chỉ hơi buồn một nỗi là qua Rome thì phải xa hai bà "bạn" rất đẹp, bà De Beaumont, nhất là bà Custine. Vẫn không thấy André Maurois nhắc gì tới bà Chateaubriand.

## BÍ THƯ SỨ QUÁN ROME

Ở Rome, Chateaubriand quên rằng mình chỉ là bí thư, chẳng cần xin phép sứ thần, thượng cấp của ông, tự ý yết kiến Giáo Hoàng Pie VII, rất cảm động được Ngài gọi là "Chateaubriand thân mến". Tệ hơn nữa, ông ta tự tiện xin yết kiến vua Sardaigne, có lẽ vì không biết rằng nhà vua đương âm mưu chống lại chính phủ Pháp. Viên sứ thần bực mình, cấm ông không được

giao thiệp với Tòa Thánh và triều đình Sardaigne nữa, bắt ông ngồi vào một xó chuyên kí tên lên các tờ giấy thông hành. Bonaparte cũng thấy rằng ông đi quá lỗ, nói với Fontanes: “Bọn cầm bút, có chút danh vọng trên văn đàn rồi thì tự cho mình là trung tâm vũ trụ”.

Chateaubriand giận dỗi, cho rằng chức bí thư không xứng với tài mình, và muốn trở về đời sống thôn dã, xin đổi về Paris. Lúc này ông đã oán Bonaparte rồi, nên khi Bonaparte trở mời đọc tài, xử tử công tước Enghien một cách bất công, tàn nhẫn, Chateaubriand nộp đơn từ chức để tỏ ý phản kháng mà đứng vào phe đối lập. Bonaparte thân nhiên chấp nhận, tháng sau lên ngôi Hoàng Đế (2.5.1804).

### MỘT CÁCH “HÀNH HƯƠNG”

Mất chức tức là mất lương, gia sản không có, Chateaubriand túng bấn; lại thêm nỗi phải sống với bà vợ ông không ưa, rồi được tin người chị ông quý nhất, cô Lucile thất tình muốn điên, tự tử, ông rầu rĩ, tự cho mình là bị khổ nhục vì lí tưởng hay vì thiên tài nên nảy ra viết một cuốn về đời cặp vợ chồng *Tuấn giáo* ở thế kỷ thứ III: Cymodocée và Eudore. Tác phẩm còn có nhan đề là *Sự thắng lợi của đạo Ki Tô*, cũng có tính cách đề cao Ki Tô giáo như cuốn trước, cũng có nhiều đoạn tả cảnh rất hay (cảnh Hi Lạp, cảnh Palerme), tả

ình rất cảm động, nhưng vẫn cũng cầu kì quá, mất tự nhiên.

Ông về Villeneuve để sáng tác, đã xây dựng xong cốt truyện phác họa tính tình nhân vật, viết được đoạn đầu nữa, rồi thấy cần phải du lịch phương Đông (Hi Lạp, Jéusalem...) thì tác phẩm mới có màu sắc địa phương, có không khí thời cổ, mới lôi cuốn độc giả được, cũng như trước kia đã du lịch qua châu Mỹ rồi mới viết được truyện *Les Natchez*. Nhưng tiền đâu? Thời nào cũng vậy, nhà văn mà không phong lưu thì khó mà tạo được những công trình lớn.

Ông bèn trở lên Paris, tìm bạn bè giúp đỡ. Sự từ chức của ông làm cho các giới quý phái càng quý trọng. Lần này ông lại làm quen được một thiếu phụ rất đẹp, bá tước phu nhân Charles de Noailles. Hai người yêu nhau. Bà De Noailles cũng đang muốn đi du lịch Y Pha Nho. A! Nếu được đi thăm phương Đông rồi trên đường về, như vô tình gặp nhau ở Y Pha Nho, cùng dạo cảnh với nhau ít lâu thì thú quá. Nghe nói những cảnh đêm ở phương Đông mê li có phần còn hơn những đêm ở Tân Thế giới nữa: trời đầy sao, không khí mát mẻ mà tiếng ca hát vang lừng trong các vườn cam vườn hồng ngào ngạt hương thơm.

Vừa may đầu tháng 5 năm 1806, Hoàng hậu Nga



đọc tác phẩm *Le Génie du Christianisme* của ông, miễn tài tặng ông bốn chục ngàn quan, đủ để đi du lịch. Thế là Chateaubriand trước kia đóng vai thám hiểm, nay đóng vai hành hương.

Bà vợ rất mộ đạo, mặc dầu yếm ớt, cũng muốn tới Thánh Địa. Nếu bà đi theo thì cuộc hẹn hò ở Y Pha Nho kia còn thú nổi gì nữa? Chateaubriand vội vàng ngăn cản, viện lẽ nào là đường xa, mệt nhọc, ăn uống thất thường, nào là phương Đông nhiều quân cướp đường rất đối nguy hiểm; ông lại mang theo mấy cây súng sáu, súng trường và một thùng đạn cho vợ thấy rằng Cuộc hành hương này chẳng phải là một cuộc du lịch đâu mà là một cuộc mạo hiểm như vô rừng hoang Bắc Mỹ đấy. Bà hiểu ý ông, chứ chẳng phải là sợ, chỉ đưa ông tới Venise thôi rồi trở về, để ông “mạo hiểm” một mình.

Hai ông bà lên đường. Tới Lyon, bỗng nhiên một khâu súng nổ. Bà té xỉu, khi hồi tỉnh, bắt liệng hết súng đạn xuống dòng sông Rhône. Họ không thích Venise: “Nhà cửa lâu đài gì mà như những chiếc tàu neo quanh năm vậy. Không thấy mặt đất ở đâu. Cả tỉnh chỉ có một công trường Saint Marc là chỗ cho mọi người chiều chiều lại đó ngồi hong cho khô quần áo”.

Bà trở về, ông tiếp tục đi. Từ đây ông mới thấy

phong cảnh đẹp. Ông bảo cảnh rừng thác hùng tráng ở châu Mỹ chỉ hợp với tuổi trẻ, khi đã đứng tuổi, người ta ưa những nơi có cổ tích hơn. Khi trông thấy bờ biển Hi Lạp, ông như mê mẩn cả tâm thần. Biết bao cổ tích, biết bao hoài cảm. Tới các cổ chiến trường, ông hét vang lên tên những anh hùng Hi Lạp; đêm ông tưởng tượng những anh hùng đó về thăm ông.

Nhưng ông không ở đâu lâu cả, tới Thánh Địa chỉ ở có năm sáu ngày, chỉ vừa đủ thi giờ để ném nước sông Jourdain như hồi trẻ ông đã ném nước sông Mississippi. Người ta trách ông coi cảnh gì mà như bị ma đuổi, ông đáp rằng ông đâu có mục đích khảo cổ, chỉ tìm cảm xúc thôi mà.

Từ Palestine về Y Pha Nho, hành trình đã dài lại nguy hiểm vì sóng gió mất non bảy chục ngày mới tới Gibraltar. Dĩ nhiên khi ghé Ai Cập ông cũng ném nước sông Nil nữa. Tới Cadix, nơi hẹn hò, ông không gặp bà De Noailles. Nhưng rồi họ cũng gặp nhau trên đất Y Pha Nho và sau này mỗi lần nhớ tới cuộc du lịch Y Pha Nho. “Cái xứ của mộng, của ca hát” đó, lòng ông lại bồi hồi tiếc một thời gian tuy ngắn ngủi mà đẹp nhất trên đời ông.

“NHUNG CÒN TÔI ĐÂY”

Về nhà, ông không viết tiếp ngay truyện *Tuần giáo*

(Les Martyrs) mà lo làm chính trị đã.

Napoléon lên ngôi Hoàng đế năm 1804 tuyên bố ngôi vua sẽ cha truyền con nối và tỏ ngay một thái độ chuyên chế: bãi bỏ chế độ dân chủ, lập một ti công an mạnh mẽ mà Fouché làm trùm, thủ tiêu những kẻ đối lập, bắt Giáo Hoàng phải lại Paris dự lễ gia niệm và ông ta tự đặt mũ miện lên đầu mình. Những hành động đó làm mất lòng nhiều người trước đó ủng hộ ông.

Ông ta lại nuôi tham vọng thôn tính toàn thể châu Âu, thành lập một đế quốc như đế quốc La Mã.

Nước Anh đứng ra lập liên minh Anh - Áo - Phổ để chống lại. Napoléon tấn công Anh, hải quân Pháp đại bại ở Trafalgar; ông ta quay lại đánh Áo - Phổ, xua quân qua Trung Âu rồi Đông Âu. Chính vào lúc đó Chateaubriand đi du lịch về, thấy phong trào phản kháng đương lên, viết bài đả kích Napoléon trên tờ *Mercure*. Giọng ông vang lên y như các nhà hùng biện thời cổ Hi Lạp.

“Khi trong sự im lặng đê tiện, người ta chỉ nghe thấy vang lên tiếng xiềng xích của bọn nô lệ và tiếng mách lẻo của bọn mật vụ; Khi ai nấy đều run lên trước mặt bạo chúa... thì sử gia xuất hiện, lãnh nhiệm vụ trả thù cho các dân tộc. Néron thịnh lên cũng chẳng được lâu, vì Tacite đã ra đời trong Đế quốc rồi...”

Ông ta so sánh Napoléon với Néron, tự ví mình với Tacite, nhưng có vẻ giống Don Quichotte hơn là Tacite.

Bạn bè Chateaubriand đọc những bài đó đều thích thú nhưng rất dỗi sộ sệt; sộ nhất là bà Chateaubriand, còn ông thì dương con háng, vẫn huênh hoang: “Napoléon đã dẹp xong các vua chúa, nhưng còn tôi đây”.

Khi Napoléon kí xong hiệp ước Tilsitt với Nga Hoàng Alexandre, trở về Paris, đọc những lời mạt sát mình đó, nổi trận lôi đình, quát: “Ta sẽ sai chém hẳn trên bực thềm điện của ta”. Foutanes vội vuốt ve “Tâu Bệ hạ, tên tuổi Chateaubriand làm vẻ vang cho triều đại Bệ hạ, và sau này người ta sẽ nhắc tên ông ấy ở dưới tên Bệ Hạ. Với lại ông ta có âm mưu gì đâu, có làm được gì đâu, chỉ có cái tài đó thôi...”.

Napoléon hiểu dư rằng Chateaubriand chỉ là một gã Don Quichotte, nên nguôi nguôi. Với lại, bị vợ rầy, Chateaubriand đã khéo léo khen chính quyền trên tờ *Mercur*. Rồi cuộc Napoléon ra lệnh không cho Chateaubriand làm chủ bút tờ đó nữa, đặt bọn văn nô của mình vào tòa soạn. Nhưng chúng ta chẳng nên phàn nàn cho Chateaubriand: ông ta khoa giáo lên vài đường ngoạן mục như vậy và “một đám mưa vàng”

trút lên đầu ông: mới hôm trước còn lo tiền đi chợ thì hôm sau đã tậu được một biệt thự ở công Ô Paris. Có thể rút lui trong một thời gian để viết sách.

## LUI VỀ VƯỜN SÁNG TÁC

Ở *Thung lũng Chó Sói* (Vallée - aux - Loups) ông viết tiếp truyện *Les Martyrs*, và bắt đầu viết tập *Mémoires* (Hồi kí), truyện *Le dernier des Abencérages* (Người cuối cùng của dòng Abencérages), tập du kí *L'itinéraire de Paris à Jérusalem* (Hành trình từ Paris tới Jérusalem), và bi kịch *Moïse*. Chính trong thời này cậu Lamartine sau nổi danh thi hào, ngày ngày cùng với vài bạn lại rình ở cửa biệt thự của ông để mong thấy bóng dáng người mà cậu ngưỡng mộ. Dĩ nhiên một số “người đẹp” ở trong miền cũng lại ngưỡng mộ ông nữa và tình tình vốn phong nhã, dù đương lúc húng, ông cũng bỏ nàng thơ để tiếp đãi họ. Tài tử với giai nhân mà! Tài tử với giai nhân đâu có khó gặp nhau như các thi sĩ Trung Hoa vẫn thường than thở. Ít nhất là ở Pháp, đặc biệt là thế kỉ XIX, thế kỉ lãng mạn, họ thu hút nhau: Chateaubriand, Lamartine, Hugo, Dumas, Balzac... vị nào cũng gặp mấy chục giai nhân và cùng một lúc lui tới với vài ba nàng là ít: nguồn hứng của họ mà!

Có tiền có danh, có cảnh thiên nhiên ở chung

quanh, có nụ cười mỹ nhân ở bên cạnh vậy mà Chateaubriand vẫn than thở: “Tôi chỉ là một cái máy sản xuất sách”. Sao mà Hàn Lâm Viện vẫn cứ làm thình: Ông mà không đáng đứng vào hàng bất tử, thì ai mới đáng? Chính những lúc chán nản, tự lưu đày mình như vậy, ông sáng tác rất mạnh.

Năm 1809, ông cho xuất bản truyện *Martyrs* mà tôi đã giới thiệu ở trên. Thực ra truyện không hay bằng *Quo Vadis*; nhà phê bình Sainte Beuve hơi chê mĩa, bảo là một thứ mỹ phẩm cổ không phải chính hiệu; nhưng đọc cũng vui, cảm động và ảnh hưởng lớn tới các sử gia trẻ như Guizot, Augustin Thierry, gây nên phong trào phục hoạt không khí thời cổ.

*Le dernier des Abencérages* cũng viết xong thời ở Thung lũng Chó Sói nhưng mãi đến 1826 mới xuất bản. Đề tài là một mối tình bi thảm. Vì tôn giáo khác nhau: nàng theo Ki Tô giáo tên là Blanca; chàng theo Hồi giáo, tên là Aben-Hamet, hậu duệ cuối cùng của dòng Abencérage, một dòng quý phái rất có thế lực của vương quốc Grenade, thế kỉ XV. Không người nào chịu bỏ tôn giáo mình để sống chung với người yêu, rốt cuộc nàng bảo chàng: “Anh trở về sa mạc đi, vĩnh biệt anh”. Nói xong nàng té xỉu. Trong truyện có nhiều “xen” nghĩa hiệp mà nhân vật lại như những hình múa rối, không tự nhiên.

*L'itinéraire de Paris à Jérusalem* viết trong hai năm (1809-1811) có nhiều đoạn tả cảnh và hoài cảm viết rất nghệ thuật, mở đầu cho loại văn du kí thời sau.

Kịch *Moise* rất tầm thường, còn tập *Hồi kí* thì ông mới bắt đầu viết, đeo gọt từng chữ, tính dựng cho mình một pho tượng truyền lại hậu thế. Tác phẩm này ông định khi nhắm mắt rồi mới cho xuất bản.

“BUONAPARTE, MI BƯỚC XUỐNG ĐI!”

Napoléon ra lệnh cho Bộ trưởng bộ Nội vụ cứ mười năm một lần, phát những giải thưởng mười ngàn và năm ngàn quan cho các văn nhân, khoa học gia và nghệ sĩ. Lần phát giải thứ nhất định vào tháng 11 năm 1810.

Giải thưởng khá lớn, mà Chateaubriand đương cần tiền. Khắp châu Âu đều nhận ông là văn sĩ có tài nhất, nổi danh nhất của Pháp, nên ông chắc mẩm giải nhất sẽ về mình. Chính Napoléon cũng mong dùng giải thưởng đó để lấy lòng Chateaubriand và hai người sẽ hòa giải với nhau. Vậy mà các cụ trong Hàn Lâm viện lại “đánh hông” Chateaubriand. Napoléon nổi quạu, hỏi tại sao, các cụ đáp càn rằng cuốn *Le Génie du Christianisme* tối quá, viện mà thưởng thì thiên hạ sẽ cười chê; Napoléon quát tháo, các cụ đành phải nhượng

bộ, tuyên bố: tác phẩm đó không đáng thưởng, nhưng cũng có được ít đoạn hay và tác giả xứng đáng được vô viện khi nào có ghế trống.

Chỉ ít lâu sau, mĩa mai thay, Kẻ thù Chateaubriand nhất, cụ hàn Marie-Joseph Chénier thỉnh linh chết và viện mời Chateaubriand vô ngôi thay ghế của Chénier. Chateaubriand hoan hỉ lắm. Theo lệ, ông phải đọc diễn văn ca tụng người ông thay chân, mà ca tụng kẻ thù của mình, một kẻ đã mang tội thí quân, thì nhà bảo hoàng Chateaubriand không sao làm được.

Tới ngày bỏ phiếu, trong số 40 cụ Hàn, chỉ có mặt 23 cụ; Chateaubriand được 13 phiếu. Cả Napoléon lẫn Chateaubriand đều mừng. Napoléon mĩa các ông Hàn: “Các ông tể nhị thật: gặt tác phẩm mà lựa người”. Ông ta biết dư rằng nếu Bộ trưởng Công an không ra lệnh nghiêm ngặt cho các cụ Hàn thì các cụ đâu có chịu cho Chateaubriand vô viện.

Ai cũng tưởng như vậy thì Hoàng Đế và thi sĩ sẽ hòa giải nhau, không dè trong bài diễn văn, Chateaubriand đã mạt sát Chénier, tên Jacobin <sup>(1)</sup> thí quân, thù nghịch tôn giáo; lại còn đề cao tự do để ngầm đá đảo chính sách độc tài của Napoléon nữa.

---

(1) Trong Cách mạng 1789, đảng Jacobin là đảng Dân chủ cấp tiến, có tinh thần quá khích.



Napoléon nổi giận đùng đùng, đòi bôi bỏ hết những đoạn “xác láo” đó đi, Chateaubriand không chịu. Người ta yêu cầu ông viết bài khác, ông cũng không chịu. Thế rồi ông bỏ về Thung lũng chó sói, sống thiếu thốn với một bà vợ khó tính.

Năm 1812, ngôi sao của Napoléon lu mờ. Ai cũng đoán rằng sắp có một biến cố lớn lao. Chateaubriand mong dòng Bourbon sẽ trở về ngôi báu và ông viết một cuốn nhỏ: *De Buonaparte et des Bourbons*. Nội nhan đề đó cũng cho ta biết rằng ông đã Napoléon, không gọi là *Bonaparte* mà khinh bỉ gọi theo cái giọng Corse, giọng quê của Napoléon, là *Buonaparte*.

Trước kia ông khen Bonaparte là đại tài, nay ông gọi là một tên bạo chúa tàn nhẫn nhất, có tội với người Pháp, trị nước một cách vô lí, ngay cái vinh quang bách chiến bách thắng nay cũng mất nốt, tóm lại là một hạng ngụy vĩ nhân, ti tiểu như thằng hề, tư cách tầm thường, dòng dõi tầm thường, rồi gọi đích danh ông ta mà rầy: “Mi bước xuống đi, bước từ cái ngai vàng xây dựng trên những đổ vỡ của mi mà xuống đi. Chúng ta trục xuất mi...”.

Nhưng trục xuất Napoléon rồi thì đưa ai lên thay? Ông đáp: đưa dòng Bourbon. Phải là một quốc vương

hậu duệ của Saint Louis, Henri IV. Phải là Louis XVIII, một vị vương hầu sáng suốt, biết nhiều, biết rộng, ôn hòa, có lương thức, cương quyết mà lại triết nhân, yêu nghệ thuật...

Trong phần cuối Chateaubriand mắc lỗi lầm hoan hô Nga, Áo, Đức, những kẻ xâm chiếm đất Pháp, gọi họ là những ân nhân giải thoát cho Pháp.

Vì Napoléon vẫn còn cầm quyền, ông phải khóa cửa, viết lén và bà phải giấu kĩ bản thảo của ông. Vừa viết xong thì quân đội Nga và Phổ đã vô Paris, màu xanh và màu đỏ của cờ tam sắc bị chà đạp, nhà nào nhà nấy lo kiếm vải trắng để may cờ<sup>(1)</sup>, thu va thu vén từ miếng vụn nhỏ, và đâu đâu cũng nghe tiếng: “Quốc vương vạn tuế!”.

Chateaubriand vội vàng cho in gấp tập *De Buonaparte et des Bourbons* và dán giấy quảng cáo khắp thành Paris rằng: tác phẩm đó sẽ ra mắt độc giả nội ngày mai hay trễ nhất là ngày mốt”.

Napoléon bị truất ngôi và đày ra đảo Elbe. Trước khi đi ông ta kịp đọc tập đó và đã bình tĩnh phê phán: “Đoạn này đúng, đoạn nọ sai...”.

---

(1) Cờ của Vương thất màu trắng.

## MỘT CUỐN SÁCH BẰNG ĐẠO QUÂN TRĂM NGÀN NGƯỜI?

Ngai vàng về Louis XVIII. Chateaubriand tự cho mình có công đầu với vương thất và tập sách mỏng đó của ông có lợi cho Louis XVIII còn hơn một đạo quân trăm ngàn người nữa, cũng như cuốn *Le Génie du Christianisme* trước kia có lợi cho Napoléon. Ông muốn được thành cố vấn tối cao của đảng bảo hoàng. Fontanes trên tờ *Mercur* khéo léo ca tụng ông, gọi ông là “Tacite thời nay”.

Chateaubriand ca tụng Nga, Phổ đã giải phóng cho dân tộc Pháp, tin chắc thế nào Nga Hoàng Alexandre vô Paris cũng vời ông lại hỏi ý kiến. Nhưng Alexandre lại chẳng để ý gì tới ông, thú thực chưa đọc tập *De Buonaparte et des Bourbons* nữa. Chateaubriand nổi quạu.

Có người khuyên ông nên sửa đổi vài chữ cho đẹp lòng nước Anh, đẹp lòng một vị cố vấn của Nga Hoàng. Ông bằng lòng.

Sau cùng Louis XVIII vô Paris: người ta đổ xô nhau đi rước, thấy bóng ông ta, mọi người quì cả xuống. Coi ông ta thật thảm hại: già nua, bệnh tật. Nội các thành lập, bao nhiêu ghế thượng thư đã phân phát hết, sau cùng danh sách các quý tộc nghị viên cũng đã công bố

mà vẫn không thấy tên tác giả *De Buonaparte et des Bourbons*. Thế này là nghĩa làm sao? Bà Chateaubriand vốn ham chức tước còn hơn chồng, nổi dóa. Những người đã đau khổ nhất vì dòng Bourbon hồi trước, bây giờ bị người ta đối đãi như vậy đó! Thật là xấu xa!

Rốt cuộc Chateaubriand cũng được một địa vị còm: sứ thần Thụy Điển. Louis XVIII cũng như Napoléon tin rằng bọn thi sĩ mà cho làm việc triều đình, việc nước thì hỏng.

Chateaubriand chưa kịp đi thì Louis XVIII lại nghĩ muốn ông viết báo, viết sách ca tụng vương thất vì đó mới thực là sở trường của ông, nhà vua nghĩ vậy. Chateaubriand viết được vài bài, Louis XVIII thích lắm.

Rồi một tiểu công chức viết cuốn: *Rêveries de M. de Chateaubriand* để móc nhà thơ: nhắc thiên hạ nhớ rằng trước kia Chateaubriand đã đề tặng cuốn *La Génie du Christianisme* cho Napoléon ra sao. Rồi có kẻ lại moi cuốn *Luận về các cuộc cách mạng* mà ông viết hồi lưu vong qua Anh. Sao mà thiên hạ nhớ dai thế! Chán nản, Chateaubriand về ẩn ở Thung lũng Chó sói, không còn lấy một đồng trong túi.

Bỗng có tin đồn: “Hắn đổ bộ rồi!”<sup>(1)</sup> rồi “Hắn đã

---

(1) Napoléon từ đảo Elbe về đất Pháp.

tới Lyon” - “Hắn gấn tới Paris”. Người ta khuyên Louis XVIII cứ vững tâm ở lại Điện Tuileries, nếu có chết thì chết cho đàng hoàng, xứng đáng với một vị quốc vương”. Louis XVIII không thích chết đẹp như vậy nên vội vàng cuốn gói. Các cụ thượng thư chia nhau của kho và cũng trốn theo. Dĩ nhiên Chateaubriand không thể ở lại được, trốn theo nhà vua lại Gand (nước Bỉ), được phong chức quyền Thượng thư Nội vụ. Nội vụ lúc đó chẳng có công việc gì để làm; mỗi tuần chỉ cần viết một tờ báo cáo đăng trên tờ *Journal Universel*.

Liên quân Nga - Phổ - Anh lại giao chiến với quân đội Napoléon ở Waterloo. Louis XVIII thức suốt đêm để nghe ngóng tin tức. Sáng hôm sau triều đình Gand hay tin Napoléon đại bại, mừng rơn! Thế là sau một trăm ngày, Napoléon về rồi lại đi (lần này ra đảo Sainte Hélène); Louis XVIII đi rồi lại về.

Lại tranh giành nhau các ghế. Chateaubriand hi vọng nếu không được làm Thượng thư Nội vụ thực thụ thì thế nào cũng được một bộ khác. Bọn Tayllerand, Fouché, trước kia rất trung thành với Napoléon, bây giờ vẫn được trọng dụng. Còn Chateaubriand có công mật sát Napoléon, đề cao dòng Bourdon, rồi tòng vong thì chỉ được chức Quốc vụ khanh, chẳng có bộ nào cả, lương hai mươi bốn ngàn quan mỗi năm. Thôi cũng được, có còn hơn không. Louis XVIII có lẽ thấy mình

bất công, sai ghi tên ông vô danh sách Quý tộc nghị viện. Ông mừng rỡ.

Sau ông thấy nhà vua không muốn giao quyền hành cho mình, bất bình, đứng vào phe đối lập, lấy lẽ rằng làm Quốc vụ khanh ông có bốn phận phải can gián vua, vạch những lầm lẫn của vua: độc tài, không tôn trọng hiến pháp, không có tự do... Louis XVIII cách chức ông một cách tàn nhẫn, không đến bù một chút cũng chẳng vuốt ve một lời.

Nghèo túng quá, ông phải bán tủ sách và ngôi nhà ở Thung Lũng Chó sói. “Tôi từ này trần như nhộng”. Ông đem ngôi nhà ra xổ số: hai mươi bốn giấy số, mỗi số một ngàn quan. Mấy tháng sau chỉ có hai người mua, công tước phu nhân mua ba số, ông Lainé mua một số... Dành phải trả tiền cho họ vậy.

## BÀ RÉCAMIER

Trong thời gian đó ông thường lui tới bà Récamier mà ông đã thấy vẻ đẹp khuynh quốc mấy năm trước. Bà ta rất có thế lực, tất cả giới quý phái quyền uy ở Paris đều đeo đuổi bà, bà nhà nhận tiếp họ, trước mặt ai cũng tuyên bố rằng “tôi rất mang ơn nhà tôi” - “nhà tôi” là một ông già, bà chỉ coi như cha - chẳng để cho ai chiếm trái tim của mình cả, mà lại vẫn làm duyên

làm dáng nuôi chút hi vọng trong lòng họ, làm cho họ chết mê chết mệt. André Maurois gọi là là “tình nhân của một ngàn lẻ một buổi sáng”. Ba mươi bảy tuổi mà vẫn trẻ như thiếu nữ mười lăm. Được cả trăm người sẵn sàng dâng trái tim mà lúc nào cũng than mình cô độc. Không yêu ai hết thì làm sao mà không cô độc? Lúc này bà mới thấy rằng cái trò làm duyên làm dáng đó có hại cho mình. Bà bảo: “Tôi cần có người yêu tôi, bất kì ai”. Nhiều người cũng muốn lắm nhưng lại sợ cái thói làm duyên làm dáng của bà: con người đó làm sao mà thực tình cho được, rồi bỏ rơi mình thì chỉ thêm khổ. Có tấm gương nhà văn Benjamin Constant chỉ gần bà ta có một ngày mà đau khổ hai năm chưa hết.

Chateaubriand không ngại, cứ lui tới, có thiệt gì đâu. Vì đồng thời ông còn vài ba “nường” nữa mà. Bà Récamier bắt đầu động lòng vì thư tình của ông tuyệt hay, kiếm người (thì cũng lại là một ông mê sắc đẹp của bà) mua ngôi nhà của Chateaubriand: một cách kín đáo để giúp thi sĩ.

Từ đó ngày ngày, đúng ba giờ chiều Chateaubriand lại thăm bà và còn buộc bà trong khi tiếp mình không được tiếp ai nữa.

Chính nhờ bà khéo can và cũng khéo ngoại giao mà Louis XVIII với Chateaubriand giải hòa với nhau

và thi sĩ nhận chức sứ thần ở Berlin.

### SỨ THẦN Ở BERLIN RỒI LONDRES

Chateaubriand đi Berlin một mình, để vợ ở lại Paris - họ không có con. Ông được giới quý tộc Berlin quý trọng, nhất là các bà, vì danh tiếng của ông. Một tình nhân của ông ở Paris, bà De Dura, phàn nàn không nhận được thư đều đều; còn ông thì trái lại phàn nàn bà Récamier sao mà lười viết quá.

Sứ thần Chateaubriand ở Berlin vẫn có cái thói của bí thư Chateaubriand hồi ở Rome: không coi thường cấp ra cái gì cả, không muốn chỉ làm cái nhiệm vụ ngoại giao mà còn muốn làm thứ “đại chính trị” kia, ra lệnh cho Thượng thư của ông: “Sao, người ta có tính phái tôi đi hội nghị Troppan để đại diện nước Pháp không? Xin ngài tử tước cho tôi biết ngay về điểm đó”. - “Tôi không xin xỏ gì hết, chẳng muốn gì hết. Tổ quốc tôi đòi tôi, gia đình tôi đòi tôi đây, tôi phải về. Chức sứ thần này thấp quá hoặc cao quá đối với tôi. Mà chức Quốc vụ khanh cũng vậy.”

Giọng như thế thì ai mà chịu nổi. Rồi ông tự ý bỏ Berlin mà về: “Tôi xin nghỉ, tôi sẽ được nghỉ, tôi làm chủ tôi”.

Về Paris thì hay tin bạn thân của ông, Fontanes,



người đỡ đầu cho ông từ buổi mới, đã mất gần như thành linh. Hai người tuy chính kiến đôi khi khác nhau, nhưng vẫn trung thành với nhau.

Triều đình chia rẽ vì tinh thần đảng phái. Chateaubriand tin rằng sẽ lập nội các khác gồm toàn các người bảo hoàng, và ghế Thượng thư Ngoại giao thế nào cũng về mình. Nhưng người ta chỉ phái ông làm sứ thần ở Anh thôi.

Hai mươi ba năm trước, ông rách rưới, nghèo khổ lánh nạn qua Londres, lần này trở lại với phẩm phục vàng son rực rỡ của một vị đại thần. Ở Douvres, cả chục tiếng súng đại bác chào ông; kẻ hầu người hạ, các bà các cô sẵn đón ông. Bước vô dinh thự của ông ở Londres, ông nhớ lại căn gác xếp hồi trước. Dự những bữa tiệc mà nội một món ăn cũng tốn một số tiền đủ nuôi người nghèo cả năm, ông bùi ngùi nhớ lại thời phải ngâm vải, dạ vào nước để nút cho đỡ đói. Cuộc đời thực thặng trầm như trong mộng. Cái gì cũng là phù vân hết: ông viết thư về cho bà Récamier: “Ở đây, cứ ra đường một bước là tôi lại gặp lại một cái gì nhắc tuổi trẻ đau khổ của tôi, những bạn thân của tôi đã quá cố, những hi vọng của tôi hồi xưa, những công việc viết lách đầu tiên, những mơ mộng một ngày nào đó được vinh quang... Nay nghĩ lại, tất cả những ảo mộng đó không đúng cho tôi hồi đó hoài bão... Tôi hơi

khó ở vì mùi sơn, khói than và sương mù”.

Anh hoàng George IV niềm nở tiếp ông, các sứ thần khác coi ông như bậc đàn anh. Có lẽ vì vậy mà ông chưa kịp nghĩ tới người yêu cũ, mối tình đầu tiên của ông, cô Charlotte. Và cô tìm lại thăm ông. Thật là bất ngờ, ông vui lắm, rất nhã nhặn, lịch sự, âu yếm, nhưng vẫn là cái vẻ của một vị Sứ thần: “Tôi có thể giúp bà được việc gì không?”. Câu đó như một gáo nước lạnh xối lên đầu Charlotte, bà lúng túng, không biết đáp ra sao, rút lui và không trở lại nữa.

Vài tháng sau bà miễn cưỡng viết một bức thư cho ông, xin giùm một ân huệ cho một người quen, trong thư gọi ông là “Đại nhân”, tự xưng là “kẻ tôi tớ rất ti tiện của Ngài”. Ôi! Một mối tình cực trong sạch, thanh cao mà kết thúc như vậy! Không bằng một giấc mộng nữa!

Charlotte tuy vẫn còn duyên, nhưng chung quanh vị Sứ thần, có biết bao nhiêu bà và cô lộng lẫy, đủ cả Anh lẫn Pháp, bà nào cô nào cũng lại chuyện trò với ông cả buổi tối.

## CAN THIỆP VÀO NỘI BỘ Y-PHA-NHO

Mặc dầu vậy, ông vẫn không quên làm “đại chính trị”. Lúc đó Y Pha Nho ở trong cảnh hỗn loạn: đảng

Cách mạng muốn lật đổ vua Ferdinand VII vì ông ta độc tài và thối nát. Chateaubriand muốn thuyết phục Anh can thiệp vào vụ đó, và vận động để được cử làm đại diện cho Pháp ở hội nghị Verone.

Hội nghị này họp tháng chạp năm 1822. Các nước trong Thần thánh Liên minh: Nga, Phổ, Áo, Anh, Pháp đều phái đại diện tới để quyết định có nên can thiệp vào nội bộ Y Pha Nho không. Có ba đề nghị: Anh bàn không nên can thiệp vì thâm ý của Anh là muốn cho Y Pha Nho có nội chiến, yếu đi, mà Anh dễ thao túng các thuộc địa Y Pha Nho ở Nam Mỹ; Áo muốn can thiệp để diệt hết mầm cách mạng tự do dân chủ ở châu Âu và đề nghị dùng liên quân Nga, Áo, Phổ, Pháp; Chateaubriand vượt ve Nga và Áo. Xin để Pháp lãnh một mình nhiệm vụ đó.

Trên chính trường, ngôi sao của Chateaubriand chói lọi nhất: ông được bổ nhiệm làm Thượng thư Bộ Ngoại giao; ông làm việc rất hăng: đích thân viết tới khuya các bức thư mật thiết gửi cho nhà cầm quyền châu Âu để thuyết phục họ theo lập trường của mình: can thiệp vào nội bộ Y Pha Nho. Ông thành công, và triều đình Pháp sửa soạn chiến tranh Y Pha Nho.

Đảng tự do đang đàn phản đối: không một dân

tộc nào được quyền can thiệp vào nội bộ nước khác. Ông đáp lại:

“Từ hồi nào tới giờ, qui tắc đó vẫn có biệt lệ: một dân tộc có quyền can thiệp nếu quyền lợi của mình bị đe dọa; vì vậy mà thời Cách mạng Pháp, Anh tuyên chiến với Pháp”. Và lại theo ông, chiến tranh này là một dịp cho triều đình thành lập một đạo quân và mọi đảng phái gia nhập đạo quân đó mà đoàn kết với nhau, bớt chia rẽ nhau mà quốc gia sẽ mạnh. Cả phe hữu hoan nghênh ông nhiệt liệt. Nhưng dân chúng thần nhiên. Khi quân Pháp tới Bidassoa, một trăm năm chục nhà cách mạng Pháp và Ý lớn tiếng hỏi các binh sĩ: “Các anh đi làm việc gì đó? Giúp một tên bạo chúa trở lại ngai vàng ư?”

Quân Pháp vô Y Pha Nho mà chẳng phải giao chiến một trận nào, vì quân cách mạng đã bắt cóc vua Ferdinand VII mà rút lui rồi. Sau cùng bao vây pháo đài Trocadéro và giải thoát được Ferdinand VII. Chateaubriand rất hãnh diện: “Nếu chúng ta có chút giá trị mà thành công trong văn học thì cũng thành công được trên chính trị”.

Danh vọng của ông lên (ông nhận được cả chục huân chương của châu Âu) thì số mỹ nhân ve vãn ông lại càng nhiều: ông có tật yêu bà nào thì gọi tập *Hồi kí*

của ông cho bà ấy đọc; và bà nào muốn được ông quý thì cứ khen *Hồi kí* của ông hay.

Nhưng trên chính trường, càng thành công thì càng lắm kẻ thù, nhất là nếu mình lại tự cao, tự đại, coi thiên hạ là tầm thường. Một số người vạch những thất bại của chính sách Chateaubriand: Ferdinand VII được Pháp cứu thoát, đặt lại lên ngai vàng là con người tàn bạo, thất nhân tâm; lại thêm thói bội nghĩa, không nhớ ơn Pháp, không nghe lời khuyên của Pháp. Như vậy, chẳng có lợi gì cho Pháp cả; chỉ riêng Anh là có lợi: khuyếch trương thương mại ở Nam Mỹ. Họ âm mưu lật Chateaubriand và đầu tháng sáu năm 1824, Chateaubriand nhận được chiếu của nhà vua để ghé Ngoại giao lại cho Villèle.

Một lần nữa người ta đuổi ông một cách tàn nhẫn như đuổi một tên đầy tớ. Từ đây ông không trở lại chính trường nữa.

## TẠI SAO CHATEAUBRIAND THẤT BẠI TRÊN CHÍNH TRƯỜNG

Các định thủ của ông, ngay cả các chúa công của ông - Napoléon, Louis XVIII - đều cho rằng ông là một thi sĩ, thiếu óc thực tế, không thể làm chính trị được. Trong vụ Hội nghị Vérone và chiến tranh Ý Pha Nho,

ông rán chứng tỏ cho họ rằng họ lầm, một thiên tài như ông, viết văn hay thì làm chính trị cũng giỏi.

Thực ra sức thông minh và óc thực tế của ông không kém ai và nếu ông muốn “thành công” trên chính trường theo cái nghĩa của mọi người: giữ được lâu quyền cao và chức trọng thì ông cũng thành công được như ai vậy.

Nhưng ông không muốn thành công theo nghĩa đó; ông có một chủ trương: Bảo hoàng, trung thành với dòng vua chính thống nhưng không ưa chính sách độc tài, luôn luôn chiến đấu cho tự do ngôn luận; ông cho rằng chủ trương đó đúng, muốn người khác phải theo mình, phải trọng mình, nếu không thì ông giận dữ, không hợp tác nữa mà đứng về phe đối lập, nổi dóa lên mặt sát cả những người trên vì vậy mà không ai ưa ông được.

Ông không nhún nhận, không tròn trĩnh, khéo léo, kiên nhẫn, mà tự cao tự đại, tuy muốn được ban vinh dự đầy mà lại khinh những người ban vinh dự cho mình, nên gây nhiều sự xích mích, thù nghịch.

Nhiều người đàn bà có quyền thế giúp đỡ ông, như bà De Beaumont, bà De Custine, bà De Duras, bà Récamier; nhưng khi được quyền cao chức trọng rồi, ông sống một cuộc đời bê bối, lui tới với mọi hạng phụ

nữ, mà các bà đó đâm chán ông, coi ông là người không nghiêm trang, xa lánh ông, không che chở ông nữa.

Vậy trước sau ông vẫn là một nghệ sĩ, thích suy tư và sống cô độc, không tập hợp được một nhóm đồng chí để hoạt động chính trị, biết nhu biết cương, biết thuận chiều gió mà lái con thuyền cho tới bến; cho nên bảo ông không có óc thực tế cũng phải. Ông không phải là chính khách, chỉ làm chính trị một cách tài tử.

### RÚT LUI VỀ VIẾT TRUYỆN NATCHEZ

Bị hất cẳng một cách nhục nhã, Chateaubriand rất uất hận: “Người ta đuổi tôi ra như thể tôi là một tên ần cấp” - “Các ông thượng thư thù nghịch với tôi thì tôi cũng thù nghịch với họ.”

Độ nửa tháng không thấy triều đình vuốt ve, dền bù cho một chân sứ thần vì thời đó cũng như thời nay, hễ mất ghế thượng thư, bộ trưởng thì theo lệ, được bổ nhiệm làm Đại sứ - ông liền đứng vào phe đối lập, viết những bài cay độc trên báo *Débats*, mạt sát Villèle, người đã hất cẳng ông: “Muốn làm một ông lớn thời này, điều cần nhất là dốt tiếng Pháp” - “hạng bất tài mà lại học đòi Napoléon” - “óc cổ hủ, không biết những ý mới của thời đại” v.v...

Những lời chỉ trích như vậy chỉ để cho ông hả

giận chứ chẳng có kết quả gì cả.

Ngày 12 tháng 9 năm 1824, Louis XVIII băng, Charles X nối ngôi. Chateaubriand mong rằng Charles X sẽ vời mình về triều. Ông viết tập mỏng *Le roi est mort, vive le roi* (Cựu vương đã băng, vạn tuế tân vương) để ca tụng triều đại mới, và lãnh được một số tiền lớn.

Nhưng Charles X tỏ ra còn độc tài bảo thủ hơn Louis XVIII, Chateaubriand cảnh cáo: Thời đại này là thời đại của xe lửa, rồi đây sẽ đào kinh Panama thông Đại Tây Dương với Thái Bình Dương, nếu chính thể quân chủ cứ lằm lẩn thủ cựu thì dân chúng mỗi ngày mỗi hiểu biết thêm sẽ nổi loạn mà chính thể cộng hòa sẽ thắng. Lời tiên tri của ông đúng: chỉ sáu năm sau, một cuộc cách mạng nữa (1830) nổi lên, lật ngai vàng của Charles X.

Năm 1825, Chateaubriand kí hợp đồng với Ladvocat, nhường quyền xuất bản toàn tập của ông lấy số tiền vĩ đại: 550.000 quan. Sau Ladvocat khóc lóc, năn nỉ xin rút xuống, nếu không thì ông ta phá sản, rút rồi mà sau cũng phá sản.

Dược số tiền đó, ông dắt vợ qua Lausanne sửa lại và viết nốt các tác phẩm bỏ dở, cho thành một bộ gồm ba mươi hai cuốn. Hồi này ông mới hoàn thành tập



*Natchez*, một tập thơ bằng văn xuôi bắt đầu viết từ hồi ông nghèo khổ, kiểu cứ ở Londres: phần đầu gồm nhiều khúc theo kiểu Homère; phần sau là một tiểu thuyết mà René và Chactas là nhân vật chính. René - tính tình như Chateaubriand hồi trẻ - qua Mỹ, tại miền Louisiane, sống với bộ lạc Natchez, gặp một ông già đui, Chactas hồi trẻ có lần qua Pháp. René yêu nàng Céluta, cháu của Chactas; một tù trưởng bộ lạc Natchef tên là Onduré ghen với René, giết chàng, hãm hiếp Céluta và bị anh Céluta hạ sát để trả thù cho em gái. Văn du dương, nhiều hình ảnh, cảm động nhưng cũng có tật khoa đại, thiếu tự nhiên.

Ở Lausanne ít lâu, Chateaubriand trở về Paris, lại viết bài chỉ trích triều đình; nhất là khi Villèle ra lệnh khớp mỏ dư luận, kiểm duyệt gắt gao, ông chống đối kịch liệt, rốt cuộc Villèle phải chịu thua, rút chỉ thị về. Để tống khứ Chateaubriand, triều đình tặng ông chức sứ thần ở Rome, ông nhận liền.

## SỨ THẦN Ở ROME

Thế là sau hai mươi lăm năm sau, ông trở lại Rome và nhớ lại thời hàn vi của mình. Trước kia chỉ làm một tên bí thư quèn, chuyên giữ việc kí giấy thông hành, thì bây giờ là một vị đại thần, ngực đeo đầy huân chương hiên ngang vô chào Giáo Hoàng Léon XII và

Léon XII vội vàng thay áo để tiếp đón ngài ông phải đợi lâu, lại miễn cho ông qui nữa, thân mật kéo ông ngồi xuống bên cạnh.

Cũng vẫn thói cũ: ngày nào cũng viết những bức thư tình rất bóng bẩy, êm đềm cho bà Récamier “Đêm nay gió và mưa như ở Pháp: tôi tưởng tượng mưa và gió đập vào cửa sổ nhỏ của phu nhân; tôi thấy chiếc thụ cầm, chiếc dương cầm của phu nhân mà phu nhân đánh cho tôi nghe khúc tôi yêu thích nhất; vậy mà tôi ở Rome... Bốn trăm dặm và cả dãy núi Alpes chia cách chúng ta”. Nhưng đồng thời thi sĩ cũng viết những bức thư như vậy cho cả chục “phu nhân” khác.

Sáu chục tuổi rồi mà ông vẫn như hồi còn xuân, khiến một phu nhân phát ngượng và phát sợ. Ông tự cho mình là thiên tài lại già cả, có lúc trăng tráo như thằng hề.

Ông lại làm “đại chính trị”, thuyết phục Giáo Hoàng Léon XII theo những tư tưởng tự do của ông, và khi Léon XII mất, ông vận động để Giáo Hội bầu vị Giáo hoàng mới Pie VIII có thiện cảm với Pháp. Không biết có phải là công của ông không, mà ông khoe rầm lên: “Tôi đã thành công trong mọi việc... tôi chú ý tới mọi tiểu tiết... cặp mắt đại bàng của tôi đã nhận thấy v.v... Sao các ông có bằng lòng không? Tôi là một người

thạo nghề đấy chứ, phải không?”

Những Thượng thư bộ Ngoại giao không muốn cho ông thành công, không muốn nhận rằng ông thành công, chê sự lựa chọn tân Giáo Hoàng đó không có lợi cho Pháp; ông viết thư mắng lại: “Tôi đã sung sướng giúp được cho nhà vua nhiều như vậy, không ngờ lại nhận được bức thư nghiêm khắc đó mà một tên thư kí mất dạy nào ở bộ Ngoại giao đã thảo ra...”

Và ông đòi bỏ Rome mà về Paris.

## VĂN THƠ VÀ NGƯỜI ĐẸP

Tháng 5 năm 1829. Không khí Paris sôi động. Bà Récamier đoán rằng đông tố sắp nổi, ngại rằng ông về lúc này, nếu lãnh một chức trong triều thì cũng không ngồi lâu, mà nếu không được giao phó cho một ghế nào cả thì sẽ nói bậy nói bạ, bất lợi cho ông. Bà tìm cách kéo ông xa các hoạt động chính trị mà trở về hoạt động văn chương, mời giới văn nhân và quý phái ở Paris lại nhà bà để nghe đọc kịch *Moïse* của ông.

Kịch dở mà người ngâm lại càng dở - Chateaubriand bực mình, giật lấy, ngâm thay - nhưng thánh giả vẫn khen lấy khen để vì trọng thi sĩ mà nhất là quý bà Récamier, thành thử ông thấy vui vẻ mà bớt nghĩ tới chính trị. Lại thêm cả một đám “người đẹp” ngưỡng

mộ ông; ông phải viết thư cho họ, tán tỉnh họ, hẹn hò với họ.

Trong số đó có một thiếu nữ dễ tính, tập tễnh làm văn, cô Hortense Allart. Ông dạy cho cô nghệ thuật sửa văn và nghệ thuật yêu. Khi cô hỏi ông tại sao lại bôi bỏ những liên từ này, liên từ nọ thì ông đáp đó thuộc về thuật thẩm mỹ, chỉ cảm thấy được thôi, không thể giảng được. Cô thú thực rằng không có ông giáo nào khoan hồng hơn, nhã nhặn, bình đẳng, thân mật mà tận tâm hơn.

Một thiếu nữ khác, cô Léontine de Villeneuve tập làm thơ, cũng nhờ ông làm giáo sư dạy gieo vần. Hình như cô chỉ coi ông như cha thôi. Mà ông lại không hiểu vậy, nên viết một lập tự truyện ngắn, nhan đề là *Ái tình và tuổi già*, giọng rất bi thảm: ông lão sáu mươi đó quyết liệt chống cự với sự suy nhược già nua của mình.

## CHIU NGHÈO ĐỂ BẢO TOÀN DANH DỰ

Chính sách của Charles X càng ngày càng thất nhân tâm. Các bạn chiến đấu của Chateaubriand viết thư thúc ông từ chức và ông đưa đơn từ chức sứ thần. Phe tự do, như Thiers, Mignet, muốn ông làm lãnh tụ nhưng ông tự biết mình làm cây cờ để tập hợp đồng

chí thì được chứ chỉ huy thì không được, nên ông năm nhà viết một bộ sử để kiếm tiền tiêu.

Tháng bảy năm 1830, ông đang ở Dieppe ngắm cảnh biển với bà Récamier thì được tin Cách mạng nổ. Ông vội vàng về Paris. Sinh viên và thợ thuyền đã lập chướng ngại vật để chặn các đường phố. Cờ tam sắc phấp phới. Súng lác đác nổ. Chủ trương của ông là vẫn trung thành với nhà vua mà vẫn chiến đấu cho tự do. Chủ trương đó hợp với nguyện vọng đa số nhân dân. Charles X trốn qua Anh, đảng Cộng Hòa đưa Louis Philippe lên ngai vàng vì tin ông này có tư tưởng rộng rãi.

Chateaubriand chống lại quyết định đó một cách khéo léo vì ông khinh dòng Orléans (tức Louis Philippe) mà vẫn một dạ với dòng vua chính thống, công tước De Bordeaux. Đại ý ông bảo: Chính thể Cộng Hòa đại diện sẽ là chính thể tương lai của thế giới, nhưng hiện nay thì chưa hợp cho nước Pháp. Và chỉ có một dòng vua chính thống là có thể đủ mạnh để duy trì và tôn trọng những tự do của dân thôi.

Nói xong, ông bỏ phòng họp, tới phòng áo, cởi bỏ áo gươm, mũ lông, tước phẩm phục của quý tộc nghị viên, mà ra về. Ông can đảm lựa cảnh nghèo để bảo toàn danh dự. Nếu ông ngờ ý ủng hộ triều đình thì

nhất định là được quyền cao chức trọng. Càng về sau càng thấy Louis Philippe độc đoán có tư tưởng bảo thủ hẹp hòi, ông càng ghét, nhưng già rồi, ông không hăng hái đả kích nữa, lo viết sách để mưu sinh.

Ladvoat nhà xuất bản Toàn tập của ông phá sản. Vì hi sinh cho dòng Bourbon mà ông mất cả gia sản thì bây giờ ông có thể nhận trợ cấp của họ được. Nhưng ông khí khái: “Dự tiệc với các vua chúa thì thà chịu đói như hồi trẻ ở Londres còn hơn”.

Ông phải viết cho mau xong tập *Nghiên cứu sử học* (Études historiques) mà ông đã bắt đầu thảo hòi ở Thung lũng Chó sói. Trước ông định viết một bộ Pháp sử vĩ đại, mục đích là vạch rõ rằng Tôn giáo và Tấn bộ không phải là mâu thuẫn nhau, rằng bấy lâu nay Ki-Tô giáo và chế độ Quân chủ vì có tính cách chuyên chế mà sa đọa, thối nát rồi đây sẽ cởi mở, biết trọng tự do hơn. Ông đưa ra nhiều ý mới mẻ, nhưng hòi đó người ta bận lo về nhiều vấn đề khác nên không quan tâm tới. Lại thêm công việc khảo cứu không được kĩ lưỡng - ông không phải là một sử gia - cách bố cục trình bày luộm thuộm, nên tác phẩm không được hoan nghênh.

Thu được ít tiền bán sách, ông dắt bà qua Thụy Sĩ ở vì chán không khí Paris và cũng vì cô Hortense Allart bỏ rơi ông. Ông chua chát trách cô: “Cô bỏ tôi để theo

một người Anh, một kẻ thù của nước nhà ư?... Rồi qua Anh thì làm sao còn luyện tài viết văn của cô được nữa, mà chỉ có tôi mới biết cách làm cho nó nảy nở thôi”. Ông còn bảo cô rằng có đêm ông muốn tự tử. Cô ta cứ thản nhiên chẳng thương gì ông lao cả, vì “muốn hưởng những khoái lạc cao thượng, theo bản tính của mình”.

Ở Thụy Sĩ, cảnh cặp vợ chồng già này thực thâm: tính tình xung khắc nhau, không có con mà lại túng bấn, cần nhau, trách móc nhau hoài. Cũng may còn bà Récamier lâu lâu qua thăm ông, cùng với ông dạo cảnh trong rừng hoặc bên hồ. Ông đọc những đoạn văn mới viết cho bà nghe; thấy ông có giọng buồn lạ lùng, bà đâm hoảng, cố an ủi ông. Nhưng những buổi vui đó không nhiều, ông lại phải đối diện với khuôn mặt quạ quọ, nhọn hoắt của bà vợ, và để quên mọi sự, cầm cổ viết *Hồi kí*.

Khi bà Récamier trở về Paris, ông muốn đi theo, nhưng không biết viện lẽ gì được. Thì may vừa có tin nữ công tước Du Berry bị bắt giam ở Nantes. Ông bèn viết bài gởi đăng tất cả các báo, tuyên bố ông sẽ về Pháp để bênh vực phu nhân. Và ông về thật. Một người mỉa mai: “Người mừng nhất vì tin bà Du Berry bị bắt là ông Chateaubriand”.

## MỘT CẶP BẠN GIÀ

Năm 1835, sáu mươi bảy tuổi, ông sống trong một căn nhà ở đường Enfer, tại Paris, như trong một nhà tu. Nhà ở bên cạnh một bệnh xá do các nữ tu sĩ điều khiển. Họ thường qua thăm ông bà và ông bà thường giúp đỡ họ trong việc quyên tiền.

Sau ông bán căn nhà đó, mua một căn khác ở đường Bac để cho gần nhà bà Récamier.

Mỗi ngày ông thức dậy khi nghe tiếng chuông nhà thờ đổ lần đầu, thay quần áo - bộ nào cũng đã sờn cả - rồi ngồi vào bàn giấy hoặc đi đi lại lại trong phòng, suy nghĩ đọc cho một thư kí chép. Buổi chiều, khoảng hai giờ rưỡi, ông đi bộ lại Abbaye aux Bois thăm bà Récamier, ngồi chơi tới bốn giờ. Hai bạn già đó nói gì với nhau? Gần như chẳng có chuyện gì cả:

- Tôi pha trà nhé, ông De Chateaubriand?

- Vâng.

- Mời ông. Ông cần thêm chút sữa không?

- Xin bà vài giọt thôi.

- Ông xoi thêm chén nữa nhé?

- Tôi không dám làm nhọc bà quá như vậy.

Họ hiểu nhau rồi nên chẳng cần nói chuyện với



nhau miễn được gần nhau là đủ vui.

- Không có bà thì tôi không biết sẽ ra sao. Paris như một sa mạc. Bà về mau mau lên nhé.

Bà Chateaubriand thấy vậy nhiều khi cũng bực mình, nhưng đã có công việc phước thiện để làm cho qua ngày. Như mọi bà già không con không cháu, bà chỉ đi thăm các cô nhi quả phụ, và hễ về tới nhà là găt gông chua chát với chồng, với họ hàng, bạn bè, thậm chí Victor Hugo phải bảo: “Thượng Đế sẽ phải đặt lên bàn cân xem phước kia có bù được tội này hay không”.

Ông chỉ muốn yên tĩnh mà bà lại hay nói và lắm lúc ông phải làm thinh cho yên cửa yên nhà. Quả đáng tội, ông cũng quá quắt lắm, gần bảy mươi tuổi mà vẫn cài một bông hoa lên ve áo, lên đi thăm các người đẹp ngưỡng mộ cái danh của ông, gặp họ vẫn tặng họ những lời khen thật tình tứ: “Gần xuống lỗ rồi mà thấy một đóa hoa mơn mớn như cô, thật là buồn làm sao!” - “Nhưng thưa cụ, có những người bất tử đấy ạ...” - “Đã đẹp lại thông minh lanh lợi như cô thì làm sao tôi không mềm lòng cho được”. Ông vẫn rán quên cái tuổi già của mình mà kéo lại cái thời xuân.

## TẬP HỒI KÝ

Năm 1842, bảy mươi hai tuổi, ông vẫn còn mạnh,

qua Londres thăm bá tước Henri V, người đã tặng ông số tiền ân cấp Quý tộc nghị viện. Năm sau lại đi Venise thăm Henri V nữa.

Mấy năm sau này, văn tài của ông như thứ nhị độ mai, phát ra rực rỡ hơn trước.

Tập *Vie de Rancé* (Đời Rancé) cô đọng mà có bút pháp phóng túng, mạnh bạo, mới hơn cả bút pháp của Hugo, Lamartine mà danh lúc đó đang lên. Nhất là tập *Hồi kí* ông cố tô chuốt cho thành một tác phẩm hoàn toàn, bất hủ vì ông biết rằng hai bộ *Le Génie du Christianisme* và *Les Martyrs* chỉ được hoan nghênh một thời thôi, còn truyện *René* tuy có giá trị lâu bền nhưng lại ngắn quá.

Tập *Hồi kí* đó ông bắt đầu viết từ năm 1809 ở Thung lũng Chó sói, từ năm 1817 viết tiếp, tới năm 1830 đã được mười hai cuốn chép xong tuổi thơ của ông. Bây giờ ông khai triển thêm, muốn chép cả thời đại ông nữa. Ông định để vào khoảng 1880 sẽ cho ra đời nhưng ông cần tiền và một nhà xuất bản xin phép ông in trước một phần.

Bà Récamier hội họp một số nhà quyền thế và văn sĩ, cho họ nghe vài đoạn trong tác phẩm đó để họ quảng cáo cho ông. Các nhà báo tức thì xin phép ông

đăng những đoạn đó với những lời khen nhiệt liệt. Những bài báo đó gom lại in thành một tập nhỏ không bán mà tặng những người nào đặt cọc mua trước toàn tập của Chateaubriand gồm cả tập *Hồi kí* sẽ in sau khi tác giả mất. Nhà sách Delloye thành lập ngay một công ti để mua tập *Hồi kí*: có một ngàn sáu trăm cổ phần, mỗi cổ phần năm trăm quan, tổng cộng là tám trăm ngàn quan.

Công ti nộp ngay cho Chateaubriand một trăm năm mươi sáu ngàn quan. Và mỗi năm lãnh mười hai ngàn quan nữa cho tới khi chết.

Ông viết xong, bỏ vào một thùng bằng sắt, gán kín lại, giao cho một phòng chường khế. Bộ đó có thể coi là tác phẩm quan trọng nhất của ông: sự phán đoán có phần thiên lệch nhất là khi ông nhắc tới các kẻ thù của ông, vẫn có chỗ thiếu tự nhiên, khó khăn, nhưng phần đầu về tuổi xuân của ông có nhiều đoạn rất đẹp, trữ tình và nên thơ; phần sau thỉnh thoảng có được vài ý mới mẻ: chẳng hạn ông báo trước rằng chế độ xã hội sẽ thắng, nhưng sẽ thắng bằng sự độc tài, như vậy lợi không bù hại; kĩ nghệ sẽ phát triển và nhân loại sẽ phải giải quyết vấn đề thất nghiệp và vấn đề quá nhân rồi; người ta sẽ bỏ quyền tư sản, nhưng mất quyền đó thì con người sẽ mất tự do...

Xong bộ *Hồi kí*, ông viết tập *Rancé*, dịch thơ Milton và viết về văn học Anh. Ông làm việc cho tới ngày cuối cùng, tay bị tê liệt, run run mà còn rán coi lại tập *Hồi kí*, bôi một chữ, thay một tỉnh từ, bỏ một chỗ điệp tới trang cuối ông đề: “Coi lại rồi”. Và kí tên, lại cho vào thùng sắt, gắn lại. Đúng là một nghệ sĩ.

### MỘT PHIẾN ĐÁ HOA, MỘT THÁNH GIÁ GIỮA TRỜI ĐẤT BAO LA

Năm 1846, ông bị một tai nạn xe, gãy xương quai xanh, rồi bị chứng phong thấp, một cánh tay bị tê liệt. Ông chết lần chết mòn mỗi ngày. Có việc cần thiết lắm mới lại Viện Hàn Lâm, nhưng vẫn rán tới thăm bà Récamier. Cảnh hai bạn già đó thực cảm động: bà thì lòa, ông thì tê liệt mà ngày nào cũng gặp nhau để được gần nhau thôi chứ chẳng có chuyện gì cả.

Năm 1847 vợ mất, ông muốn tục huyền với bà Récamier. Bà đáp:

Cưới làm gì? Có ích gì đâu? Ở tuổi chúng ta có lẽ nghi gì cảm tôi sẵn sóc ông đâu? Nếu ông thấy buồn rầu vì cảnh cô độc thì tôi sẵn sàng lại ở chung nhà với ông. Tôi tin chắc rằng thiên hạ thấy mối tình của chúng mình là trong sạch... Mối tình như vậy hoàn toàn rồi, thay đổi nó làm chi?...

Tháng hai năm sau cách mạng lại nổ. Hay tin vua Louis Philippe bị lật, ông bảo: “Tốt”. Ít tuần sau ông đau phổi rồi đau bàng quang. Nghe tiếng ồn ào ở dưới đường, ông hỏi: “Cái gì đó?”. Người ta đáp rằng hai phe đánh nhau ở Paris và nổ súng. Ông đòi đi coi. Hai hôm sau ông mất.

Khi tẩy lễ lâm chung xong rồi, mắt ông bừng sáng lên, lo lắng nhìn theo bà Récamier, nhưng không gọi bà lại gần mình mà bà thì lòa, không thấy cặp mắt thất vọng của ông. Lát sau ông tắt nghỉ (ngày mùng 4 tháng bảy năm 1848, thọ 80 tuổi).

Victor Hugo lại điếu, thấy ông nằm trên một chiếc giường sắt nhỏ, vẻ mặt thanh nhã, dưới chân chông hai cái thùng, thùng lớn nhất chứa bản thảo tập *Hồi kí*, sinh viên trường Bách Khoa và trường Sư phạm đứng canh: một bà lão qui ở bàn thờ Chúa: bà Récamier.

Paris đương sùng sục lên làm Cách Mạng, cho nên ít người dự đám táng - Victor Hugo lấy điều đó làm ân hận: đáng lẽ phải làm quốc táng cho ông mới phải. Hugo sau này có phước hơn ông về điểm đó. Đám táng lớn hay nhỏ hình như cũng do số mạng.

Thi hài ông đưa về Saint Malo, chôn ở một đảo

nhỏ, Grand-Bé, giữa cảnh biển mênh mông mà ông yêu từ hồi nhỏ. Chỉ có một phiến đá hoa, một thánh giá, không ghi tên tuổi nhưng ai cũng biết rằng đó là nơi nghỉ cuối cùng của Chateaubriand.

Năm sau bà Récamier cũng theo ông mà qui tiên.

# HONORÉ DE BALZAC

(1799 - 1850)

- *Sống bằng cây viết, thực điên khùng, ghê gớm quá.*

Balzac

- *Tôi không được rời bàn viết suốt một tháng. Tôi liêng đời của tôi lên bàn viết như một nhà luyện kim thuật liêng vàng vào lò. (...) Tôi sống dưới một chế độ độc tài khe khắt nhất, thứ độc tài mà tự mình bắt mình phải chịu (...). Tôi là một tên bị cực hình về bút và mực.*

Balzac.

- *Nghĩ! Ai mà chẳng biết toa thuốc đó. Nhưng làm sao mà nghĩ được?*

Balzac

## ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI ĐẠI?

Tôi cho rằng phải bắt tay vào việc mới nhận định được đúng tài hơn nữa, phải là người có đại tài mới



Balzac qua nét vẽ Boulanger



hiếu được bậc thiên tài. Cho nên các nhà phê bình và tiểu thuyết gia tầm thường chê Balzac là thiếu nghệ thuật mà trái lại, các văn hào từ Lamartine, Hugo, tới Marcel Proust... đều phục Balzac là kì tài, vĩ đại, hào quang rực rỡ, một con đại bàng, một đấng sáng tạo... Somerset Maugham bảo tiểu thuyết hay nhất của nhân loại là *Chiến tranh và Hòa bình* của Tolstoi, còn tiểu thuyết gia lớn nhất của nhân loại là Balzac. Ngưỡng mộ Balzac nhất là Stefan Zweig: Cả một thời đại, cả một vũ trụ, cả một thế hệ sống trong tám chục cuốn tiểu thuyết của ông (tức Balzac) (...). Trong dự định của ông còn bốn chục cuốn nữa viết dở dang hoặc chưa viết; nếu ông viết hết được thì sự nghiệp của ông tới cái mức không ai quan niệm nổi, thành ra kì quái, làm cho tất cả các người tới sau phải hoảng sợ”.

Hết thấy các nhà đó đều nhận rằng Balzac có một nghị lực phi thường và một sức tưởng tượng phong phú lạ lùng.

Stefan Zweig trong cuốn *Trois maîtres* (Grasset-1949) bảo như vậy nhờ ảnh hưởng của thời đại. Balzac sanh đúng vào thời Napoléon lên như diều. Mới ngày nào còn là một kẻ vô danh, từ một đảo hoang ở Địa Trung Hải tới Paris, không quen thuộc ai, mà bỗng hai bàn tay trắng, Bonaparte chiếm được Paris, rồi nước

Pháp, rồi cả châu Âu. Những chiến công gần như hoang đường của “chú cai bé nhỏ” đó Napoléon - nhất định đã đập mạnh vào óc Balzac hồi trẻ; rồi lớn lên một chút, Balzac lại được thấy tận mắt Napoléon, thấy tận mắt sự xáo trộn tất cả các giá trị vật chất và tinh thần do Napoléon gây ra. Và đối với một em nhỏ - lời của Stefan Zweig - trông thấy một nhà chinh phục, tức là muốn sau thành một nhà chinh phục”. Mà đã không thể chinh phục thế giới bằng khí giới được nữa thì chỉ còn cách là chinh phục bằng nghệ thuật. Vì vậy mà “Balzac bắt đầu viết; không phải như các người khác để kiếm tiền, để làm vui thiên hạ, để có một tủ đầy tác phẩm (...) mà để được đội cái mũ miện trên văn đàn” như Napoléon đội mũ miện trên ngôi báu.

Stefan Zweig muốn giải thích “hiện tượng Balzac” bằng ảnh hưởng của thời đại. Thời đại ảnh hưởng tới con người, thật Balzac có thể đã mong thành một Napoléon trên văn đàn đấy, nhưng Hugo, Alexandre Dumas - cha mà chẳng vậy ư? Còn như bảo Balzac viết không phải để kiếm tiền thì đọc tiểu sử của Balzac, ta thấy lời đó sai: Balzac cho thành công là có danh vọng và kiếm được nhiều tiền.

Vậy thuyết của Stefan Zweig chỉ đáng tin một phần nhỏ thôi.

CHA VÀ MẸ

André Allemand trong cuốn *Honoré de Balzac: création et passion* (Plon - 1965) <sup>(1)</sup> đưa một thuyết khác: di truyền của cha mẹ. Thuyết này có phần đúng hơn.

*Bernard - François Balzac, thân phụ của Honoré là một con người kì cục. Sinh năm 1746 trong một gia đình nông dân nghèo ở Tarn, gồm mười một người con mà ông là anh cả; tổ tiên mấy đời vẫn mang tên họ là Balssa, tới đời Bernard thấy tên đó «bách tính» quá, mới tự nhận là hậu duệ của một dòng họ quý phái: Balzac d'Entragues nhưng còn rụt rè, không tự cho mình là quý phái, không dùng chữ de; mãi tới sau, Honoré nổi danh rồi, mới mạnh bạo ký là Honoré de Balzac, tự phong cho mình là hầu tước.*

Ngay từ hồi nhỏ Bernard đã có chí thoát cảnh cơ cực của đời sống nông dân. Thông minh, siêng năng, ông học được mấy năm, biết đọc, biết viết, rồi xin làm thư kí cho một chưởng khế.

Rồi năm hai mươi tuổi ông bỗng bỏ quê hương, đi khắp nước để tìm cơ hội lập thân. Năm 1776, ông tới Paris, không hiểu sao mà được làm thư kí trong nội

---

(1) Dịch ra là «*Honoré Balzac: sáng tạo và đam mê*».

các vua Louis XVI; Sau được bầu vào Hội đồng Đô thị Paris; Rồi làm tổng thư kí cho ngân hàng Doumerc ở Paris; Năm 1795 được làm giám đốc quân lương ở Tours. Con người có chí thật: Năm 1797 địa vị đã cao, mới kiếm vợ; Năm mười một tuổi, vẫn còn khỏe mạnh, cưới một thiếu nữ mười chín tuổi, cô Anne - Charlotte - Laure Sallambier.

Khi Honoré ra đời (1799), ông làm Phó thị trưởng Tours, gia đình phong túc. Sau Honoré, tới hai người con gái Laure rồi Laurence và một người con trai nữa, Henri, một đứa con ngoại tình mà bà Bernard rất cưng, làm cho Honoré phải ghen tị.

Ông có nghị lực, có cao vọng, ham vui, giao thiệp rộng, có tài kể chuyện, có giọng hóm hỉnh, mỉa mai, đôi khi tục tĩu lại ham đọc sách lung tung chẳng lựa chọn gì cả, viết được dăm cuốn sách về những vấn đề kì cục như: *Làm sao để phòng trộm cướp và ám sát. Con gái mà bị tình nhân lừa gạt rồi bỏ thì gây loạn cho xã hội ra sao. Lịch sử của bệnh chó dại...* Có cả một cuốn đứng đắn bàn về hai nhiệm vụ lớn của người Pháp, mà một nhiệm vụ là dựng khôi hoàn môn cho Napoléon, rồi khi Napoléon bị truất ngôi, dòng Bourbon lên cầm quyền thì ông lại hô hào thiên hạ dựng tượng cho vua Henri IV.

Nhưng hình như ông có một tật là nề vợ quá, mọi việc trong nhà do vợ quyết định hết. Bà trẻ, đẹp, rất lanh lợi, duyên dáng, hay làm đóm, sinh trong một gia đình trưởng giả ở Paris, thông minh, văn hóa cao, có hời môn lớn mà không hiểu tại sao lại nhận lời cầu hôn của một người tuy thành công nhưng thô lỗ và hơn bà tới ba mươi hai tuổi. Thích văn chương, đọc rất nhiều sách, có óc lãng mạn, tưởng tượng rất dồi dào, bà không thích công việc nội trợ, ngay đến con cái bà cũng không chăm sóc tới, sanh đẻ xong là giao ngay cho một người vú nuôi. Bà không thực là hà tiện nhưng quá quan tâm về chuyện tiền bạc, luôn luôn nhắc các con phải kiếm nhiều mà tiêu ít, nhà phong lưu mà bắt mọi người phải thiếu thốn, thành thử đời sống của Honoré và các em rất buồn thảm. Các con xa lánh bà, sợ bà thì bà lại trách là quân vong ân, không hiểu sự hy sinh vô cùng của bà.

Vì vậy Honoré chỉ mong thoát li gia đình càng sớm càng hay, và trong cuốn *Le Lys dans la vallée* sau này một tiểu thuyết có tánh cách tự truyện, ông oán gia đình:

Tôi có tật gì về thể chất hay tinh thần không mà mẹ tôi lạnh đạm với tôi?... Gửi tôi cho vú nuôi ở nhà quê, gia đình tôi quên tôi trong ba năm và khi tôi trở

về nhà thì chẳng ai coi tôi ra gì cả, đến nỗi người ngoài thấy vậy phải thương hại cho tôi...”.

## BỊ CHA MẸ BỎ BÊ

Tám tuổi Honoré vô nội trú trường Trung học Vendôme, do các linh mục phái Oratoire, một phái Tin lành, điều khiển. Đúng năm đó bà sinh cậu Henri mà bà rất cưng. Honoré oán mẹ điều đó nữa, trong tiểu thuyết thường tả những người mẹ tội lỗi hành hạ con chính thức mà nuông chiều con ngoại tình.

Honoré học không giỏi, nhưng được di truyền của cả cha lẫn mẹ, rất ham đọc sách, gặp bất kì cuốn nào cũng đọc: triết lí, tôn giáo, sử kí, khoa học... và đọc rất nhanh, nhìn thoáng qua được bảy tám hàng, mỗi câu chỉ đọc một chữ cũng hiểu được nghĩa. Lại thêm có óc tưởng tượng dồi dào như mẹ, nên cậu hiểu thấu, trông thấy rõ những điều đọc trong sách. Cậu đọc nhiều tới nỗi năm học đệ nhị (tức như đệ tam của ta), có lần cậu choáng váng rồi té xỉu, mê man. Trường học phải mời bà tới đưa cậu về nhà. Trong sáu năm ở Trung học, lần đó là lần thứ nhì bà lại trường thăm con. Và là lần nhất Honoré được về nhà đoàn tụ. Y như sáu năm bị nhốt khám, cả trong những tháng hè, tại sao mà có thể như vậy được nhỉ?

Trong truyện *Le Lys dans la vallée* ông cũng chép lại tâm trạng của mình hồi đó nữa:

“Biết bao nỗi đau khổ âm thầm trong cái cảnh cô độc ghê gớm đó, biết bao nỗi lo sợ khi nghĩ tới cái nông nổi bị cha mẹ bỏ bê như vậy. Bà thủ tướng tượng lần phát phần thưởng đầu tiên, tấm lòng dễ cảm của tôi ra sao (...). Khi lên lãnh thưởng trong tiếng kèn và tiếng hoan hô, không có ba má tôi để mừng cho tôi, mà cha mẹ các bạn tôi thì ngồi đầy cả rạp”.

Về nhà nghỉ ngơi ít tháng, Honoré bình phục, nhưng lại sầu khổ về nỗi lạnh nhạt của mẹ; cậu chỉ còn mỗi niềm an ủi và tâm sự với em gái là Laure.

Năm 1814, Napoléon đại bại, bị truất ngôi và đày ra đảo Elbe. Honoré vô trường Trung học Tours, học lại lớp đệ tam, mới được ba bốn tháng thì cả gia đình lên Paris vì ông Bernard có một chức vụ mới ở Paris.

Năm 1816, đậu bằng cấp Trung học vào hạng tầm thường, vô trường Luật, tính học ba năm để lấy tú tài Luật. Vừa học vừa làm thư kí cho một vị đại tọng rồi một vị chương khế. Cậu thích công việc đó vì nó giúp cậu hiểu được luật lệ, nhất là các vụ kiện cáo, các bi kịch trong xã hội, trong gia đình, rất có lợi cho công việc viết văn sau này. Nhưng cũng như cha, Honoré vui tính và có tài kể chuyện, làm cho bạn bè bỏ cả

công việc mà ngồi nghe, và viên chủ sự một hôm phải bảo cậu: “Ngày mai có nhiều công việc lắm, xin thầy Balzac đừng tới”.

## HAI NĂM TẬP NGHỀ VIẾT VĂN

Năm 1819, thân phụ cậu, bảy mươi ba tuổi, phải về hưu, lương hưu trí không được bao nhiêu, nên gia đình mua một ngôi nhà ở Villeparisis, cách Paris độ vài chục cây số, rồi về đó ở cho đỡ tốn.

Honoré không muốn mà cũng không thể rời Paris được. Đầu năm 1819 chàng đã đậu Tú tài Luật. Song thân phụ chàng hi vọng chàng kiếm được một cô vợ giàu, mở được một phòng chường khế. Chàng cương quyết chống lại ý đó và nằng nặc đòi viết văn. Bà bất bình vì chỉ mong con mình mau làm giàu mà viết văn thì làm giàu sao được. Nhưng ông Bernard đã viết được mấy cuốn sách để cầu danh nên hiếu con hơn, khoáng đạt hơn, thấy con thông minh, bằng lòng cho Honoré thử viết trong hai năm, mỗi năm, sẽ chu cấp cho một ngàn rưởi quan, bằng số lương của một thư kí. Như vậy là hi sinh nhiều lắm, gần hết số tiền hưu trí (1695 quan) của ông rồi.

Bà đi kiếm cho Honoré một phòng ở đường Lesdiguières. Phòng ở từng lâu năm, sát mái nhà, thấp, tối, bẩn thỉu, ngói hờ, trông thấy trời được, mùa đông



lạnh buốt mà mùa hè rất hầm. Chàng phải nấu nướng lấy và hứa với cha mẹ không được đi dạo phố, không được giao du (chỉ tiếp xúc với vài người quen thôi), để gia đình khỏi mang tiếng nuôi một đứa con báo cô lang thang vô nghề nghiệp.

Vậy chàng có đủ phương tiện để tập nghề viết văn trong hai năm, tuy chẳng phong lưu, nhưng còn sướng hơn Victor Hugo hồi trẻ chỉ có hai xu mỗi ngày để ăn, sướng hơn cả Alexandre - Dumas cha vì Dumas chỉ được mẹ cho có năm chục quan để lên Paris tìm việc lấy mà làm, vừa làm vừa tập viết.

Ngồi một mình trong cái phòng ở thượng lương đường Lesdiguières đó, Honoré thấy sung sướng đã được tự do, thoát li gia đình, vừa chấm miếng bánh mì vào sữa vừa ngó những mái nhà trải ra như bát úp ở trước mặt, mái bằng ngói đỏ, mái bằng đá đen (ardoise: thứ đá lợp nhà và để làm bảng đen cho trẻ em viết), mái phủ rêu vàng hoặc xanh. Tối đến, những tia ánh đèn lọt qua những khe cửa khép không kín, và ánh mờ mờ ở dưới đường tỏa lên, gợi nên một không khí huyền ảo trong sương mù. Ban sáng, ánh mặt trời lấp lánh trên một biển mái nhà, khắp bốn phía, khói tỏa từ các ống khói lên, tan vào trong làn sương mỗi lúc một nhạt. Chàng thấy cảnh nên thơ: “Tôi yêu phòng giam của tôi”.

Chàng bắt đầu làm việc liền. Nhưng viết gì đây? Có biết bao đề tài ở trong đầu, thực là khó lựa. Sau cùng chàng quyết định: viết một kịch lịch sử bằng thơ, kịch *Cromwell*. Kịch ở nước ta rất khó bán, nhất là kịch bằng thơ; nhưng ở Pháp từ thế kỷ XVII, nó rất được hoan nghênh, cũng như tuồng cải lương của ta hiện nay vậy; viết một kịch được hoan nghênh, diễn độ một trăm lần thì nổi danh liền mà lại phong lưu nữa, mỗi lần diễn, soạn giả có thể được lãnh hai trăm quan, mỗi quan thời đó bằng 100 bạc Việt Nam năm 1969. Vì vậy Hugo, Dumas-cha... đều bắt đầu sự nghiệp bằng một vở kịch.

Honoré lựa thể văn đó là phải. Chàng suốt ngày suốt đêm tìm, đầu lúc nào cũng bùng bùng:

“... Cháy em ơi, cháy ở trong khu anh ở, tại đường Lesdiguières, căn số 9, tầng lầu 3<sup>(1)</sup> trong đầu một gã trai trẻ. Một tháng rưỡi nay nhân viên cứu hỏa rán dập tắt mà không được. Gã mò một mỹ nhân mà chính gã không biết mặt. Nàng có tên là cô Vinh Quang” (Thư cho cô Laure).

Hai mươi ba tuổi, muốn ăn lúc nào thì ăn, ngủ lúc nào thì ngủ, có một công việc say mê, hi vọng tràn trề,

---

(1) Theo André Maurois là tầng lầu 5, theo Allemand là tầng lầu 3.

còn gì sướng hơn nữa! Nhưng sao mà khó tìm vãn thể, câu thơ thiếu tiết điệu, nhịp nhàng; suốt ngày đêm cầm cổ viết viết, bồi bồi, chỉ khi nào cần thiết lắm mới xuống phố. “Nhất định tác phẩm đầu tay phải là một danh tác, nếu không thì anh sẽ tự vãn cổ anh, em ạ”. (Thư cho Laure). Tự vãn cổ mình thì làm sao chết được.

Sau cùng, tháng 5 năm 1820, chàng viết xong vở kịch: hai ngàn câu thơ, mười hai cước, và ôm bản thảo về Villeparisis để gia đình phê phán.

Ông bà Balzac mời một số người thân lại - có cả chàng rể Surville, kỹ sư cầu cống, chồng mới cưới của cô Laure. Honoré ngồi ở giữa phòng đọc tác phẩm của mình cho mọi người nghe. Mỗi lúc giọng chàng càng hăng say.

Nhưng khi đọc xong, mọi người đều im lặng, thất vọng, không khí thật lạnh lẽo. Một người cất tiếng khen lấy lòng rồi chỉ trích nhiều chỗ. Honoré tự bào chữa và sau cùng, do lời đề nghị của Surville, gia đình gửi tác phẩm cho một nhà phê bình, Andrieux giáo sư trường rất nổi danh Collège de France (Pháp Quốc học viện). Andrieux bảo tác giả vở đó “nên làm bất kì một nghề gì khác, đừng đeo đuổi văn chương nữa”.

Honoré vẫn chưa chịu khuất phục, nhưng hai năm

sau chàng thú thực với Laure rằng kịch *Cromwell* chẳng ra cái quái gì cả.

Vân chưa hết hạn hai năm, Honoré can đảm trở lại căn gác xép đường Lesdiguières, viết nữa. Chàng được cha di truyền cho một nghị lực đánh thép và một tham vọng mênh mông. Phải thành công, nhất định phải thành công, phải giàu sang, được mọi người ngưỡng mộ. Trước hết phải kiếm cho được nhiều tiền đã, danh vọng sẽ tới sau. Mà muốn kiếm được nhiều tiền, thì phải chịu thị hiếu của độc giả.

#### XƯƠNG TIỂU THUYẾT CỦA HUÂN TƯỚNG R'HOONE

Thời đó, dân chúng chán ngán những chiến tranh tai hại ở cuối đời Napoléon, chỉ thích đọc những tiểu thuyết giạt gân, tình cảm, loại “tiểu thuyết đen” (roman noir) hoặc tiểu thuyết lịch sử. Phong trào phát từ Anh trước hết. Cô Ann Radcliffe nổi tiếng nhờ viết những truyện rừng rợn; rồi tới Byron và Walter Scott cũng có một số độc giả vĩ đại. Truyện nào kể những vụ đâm chém, cướp bóc, hiệp dâm trong các đường hẻm, hầm tối là được người ta tranh nhau đọc; nếu thêm một chút màu mè lịch sử, bóng dáng một hiệp sĩ kiểu D'Artagnan thì càng được hoan nghênh. Năm 1821, ở Pháp cuốn *Melmoth, con người lang thang* “thành công” vĩ đại. Thế thì đại gì mà không bắt chước

thiên hạ. Gần hết hạn hai năm rồi, cần kiếm được tiền đã, cần được độc lập đã. Viết một danh tác lưu danh hậu thế thì vẫn là đáng khen đấy, nhưng đói rét thì làm sao viết được?

Honoré bèn kiếm một bọn viết lách trạc tuổi mình vô tài mà vô lương tâm như Auguste Lepoitevin de l'Egreville, Etienne Arago, cùng nhau lập một “xưởng sản xuất tiểu thuyết” bậy bạ, và Stefan Zweig gọi xưởng đó là công ti Horace de Saint- Aubin, vì Honoré không kí tên thật mà lấy biệt hiệu đó, hoặc bút hiệu Huân tước R’Hoone. R’Hoone là tự mê của Honoré, cũng như Khải Hưng là tự mê của Khánh Giu. Tà nhận thấy chàng đã ham chức tước rồi đấy, và cũng biết những tiểu thuyết bậy bạ mình đang viết chẳng làm vẻ vang gì cho tên tuổi cả. Sau này, khi nổi danh rồi, chàng thú thực những tiểu thuyết đó toàn là thứ tiểu thuyết “con heo” hết (cochonnerie).

Xưởng Horace de Saint-Aubin sản xuất thực mau: từ 1820 đến 1825, cho ra lò ít nhất là hai chục truyện, có người bảo là ba chục, có người bảo trên bốn chục: *L’Héritière de Biragne* (1822), *Jean Louis* (1822), *Clotilde de Lusignan* (1822), *Le Vicaire des Ardennes* (1822), *Le Centenaire* (1822), *La dernière fée* (1823) vân vân...

Và quả như chàng dự tính, tiền tuôn vô đầy túi, và

chàng không do dự một chút, khoe với cô Laure rằng danh tiếng chàng mỗi ngày mỗi tăng, bằng có là:

Truyện *L'Héritière de Birague* bán được 800 quan.

- *Jean Louis* - 1.300 quan.

- *Clotilde de Lusignan* - 2.000 quan.

Rồi chàng viết thêm: “Chẳng bao lâu nữa, Huân tước R’Hoone sẽ thành một nhân vật ai cũng nhắc tới, một tác giả phong phú nhất, dễ thương nhất, các bà các cô yêu quý nhất, vân vân...”

Không những vậy, Huân tước R’Hoone còn bán cây bút cho các chính khách do dự, dễ tiện nhất nữa. Họ “com-măng” gì Huân tước cũng viết, hôm nay bênh vực đảng này vì người này, ngày mai có thể vì người khác, cũng chửi ngay lại đảng đó. Rồi y như ông bố, viết cả sách chỉ cách cho các người lương thiện khỏi bị bọm bọm lòng gạt (*L’art de ne pas être dupe des fripons* - 1825), cách thắt cà vạt theo mọi kiểu... Tới nỗi mà Stefan Zweig, người ngưỡng mộ Honoré de Balzac nhất, cũng phải bảo rằng ông ta (Huân tước R’Hoone) lấy những mảnh trong tiểu thuyết của mình vá vúi vào tiểu thuyết của người khác rồi ủ lại, nhuộm lại, tung ra thị trường mọi thứ hàng, từ triết lý, chính trị, tới câu chuyện phiếm, miễn là bán được nhiều tiền, tóm lại là

không có một sự dơ dáy nào về văn chương mà Huân tước ta không nhúng tay vào.

Đúng vậy, lúc đó Honoré chỉ muốn như cha, leo lên thật mau trên nấc thang xã hội đã, để ba mươi tuổi, có thể đầy túi mà hưởng thụ cho sướng đời. Lời hứa với cô Laure năm 1819: “Nhất định tác phẩm đầu tay của anh phải là một danh tác nếu không thì anh sẽ tự vận cổ anh”, bây giờ chàng đã quên hẳn rồi; và chàng hứa một lời khác: “Phải kiếm được năm trăm quan mỗi tháng. Anh đang ở cái tuổi xuân mà chưa được hưởng một bông hoa nào của đời cả”.

Nguyện vọng của chàng hồi đó còn khiêm tốn: chỉ cần năm trăm quan mỗi tháng (bằng hai lương chú em rể, kỹ sư cầu cống). Thời đó số độc giả Pháp tăng lên dữ dội và một số văn sĩ kiếm được rất nhiều tiền: Tập thơ *Les Méditations* của Lamartine in sáu chục ngàn bản. Truyện *Les Mystères de Paris* của Eugène Sue in ba ngàn bản, bán hết nội trong một ngày, tái bản tức thì, một tuần lễ sau bán được mười ngàn bản, tính ra mỗi năm tác giả thu được 75.000 quan, trong khi tiền công nhật của một thợ mỏ là hai quan. Thực là hoàng kim thời đại của các nhà xuất bản, nhà sách và nhà văn.

Năm 1822, Honoré in được năm cuốn như trên chúng ta đã thấy, kiếm có thể được mười ngàn quan,

gấp rưỡi số tiền ước ao (sáu ngàn quan mỗi năm) rồi chứ, nhưng lòng tham của chàng không đáy, muốn làm giàu thật mau, mau nữa, mỗi ngày một mau, và chàng bỏ cái xưởng chế tạo tiểu thuyết mà nhảy qua ngành kinh doanh.

### BA LẦN KINH DOANH ĐỂ RỐT CUỘC MANG NỢ

Cả xã hội Pháp thời đó chỉ ham làm tiền vì hạng phú hào giữ trọng trách trong các triều Charles X, Louis Philippe, và cách mạng kỹ nghệ đã tạo nên một số tân phú gia chỉ biết có giá trị của đồng tiền. Chính thủ tướng Guizot thời vua Louis Philippe khi nghe dân chúng phàn nàn rằng vì nghèo, đóng thuế ít, không được bỏ phiếu, đã trâng tráo bảo họ: “Sao không làm giàu đi?” rồi bác bỏ mọi đề nghị cải cách xã hội. Vậy thì ta không lấy làm lạ rằng chàng Honoré liệng cây viết để làm một nhà kinh doanh.

Con người đó có óc tưởng tượng phong phú, nhiều sáng kiến, nảy ra ý <sup>(1)</sup> xuất bản một loại sách in trọn tác phẩm của các văn hào cổ điển: Molière, La Fontaine, Corneille, Racine... Sách sẽ in đẹp có nhiều hình: thế là chàng đem bàn với một nhà xuất bản Urbain Canel, kiếm thêm hai người hùn vốn nữa, một y sĩ và một sĩ

---

(1) Có tác giả bảo ý này của một nhà xuất bản Urbain Canel.



quan hồi hưu, cho đủ tám ngàn quan. Công ti mới thành lập thì đã rã vì ý kiến bất đồng, họ suýt ẩu đả nhau. Rốt cuộc ba người kia rút vốn ra. Honoré cương quyết làm một mình, may được một tình nhân giúp vốn.

Tình nhân này là quả phụ De Berny, lớn tuổi hơn mẹ chàng, bạn của mẹ chàng, có bốn năm người con. Chàng quen bà ở Villeparisis, mấy lần đầu chàng tỏ tình, bà chỉ mỉm cười cho là con nít (bà bốn mươi lăm tuổi mà chàng mới hai mươi hai), nhưng khen chàng là thông minh, có nhiệt tình, có tương lai. Chàng tán sất, lời cực thiết tha, than thở não nuột, bà mĩa mai rồi chế giễu. Chàng càng bám riết, ngày ngày viết thư tình, lời cuồng nhiệt đôi khi đẹp đẽ. Riết rồi bà quý phái đó đành, đâm ra yêu chàng nồng nàn tới cái mức chàng phải khuyên lại bà nên thận trọng một chút.

Lúc này bà hùn vốn cho chàng xuất bản, sống lên lút với chàng. Cuốn đầu tiên chàng xuất bản là cuốn *Toàn tập La Fontaine*. Giá đề hai mươi quan, cao quá, làm cho các nhà sách hoảng không dám mua. Một năm sau, chỉ bán được có hai chục cuốn. Chàng hạ giá xuống mười ba quan, mười hai quan, sau cùng phải bán lỗ, thiếu nợ mười lăm ngàn quan.

Để gỡ gạc, chàng xoay qua nghề in, vay tiền của mẹ, của em gái, em rể, của Dilecta - tên chàng đặt cho

bà De Berny - của bà Delannoy, một người bạn của mẹ, để mua một nhà in và tháng sáu năm 1826, làm giám đốc nhà in. Ai muốn in gì chàng cũng nhận hết, từ quảng cáo tới sách thuốc, tự điển, sách luật, tiểu thuyết, kịch *Cinq Mars* của Alfred de Vigny... Từ sáng sớm có mặt ở xưởng, đi đi lại lại, coi sóc thợ thuyền, tiếp đãi khách khứa, kiểm soát máy in, lo cung cấp giấy, đích thân sửa ấn cảo, làm việc như mọi, mặt mày nhễ nhại, quần áo lem luốc dầu và mực. Lúc đó chàng còn nghĩ đến văn chương, đến vinh quang không? Chắc là không.

Bà De Berny lo thức ăn thức uống cho chàng, tin ở khả năng của chàng lắm. Nhưng chàng có một tật là không biết kế toán, sổ sách như một khu “rừng hoang”; tiền đi đâu mất không biết, tới nỗi không có để trả công thợ. Lại phá sản lần nữa.

Để gỡ gạc, chàng lại xoay qua nghề khác: nghề đúc chữ. Lại thất bại. Bà De Berny phải bỏ tiền ra mua lại xưởng đúc chì, giao cho con trai trông nom, chỉ ít năm là khá. Mà hai cơ sở trước, xuất bản và in thì cũng vậy, hề qua tay người khác đều phát đạt cả. Rõ ràng là Honoré chỉ biết viết chứ không biết kinh doanh.

Rốt cuộc sau ba bốn năm làm ăn, năm 1829, chàng mang nợ một trăm mười ba ngàn quan, trong số đó có

năm chục ngàn quan nợ mẹ và các em. Chàng đành trở lại với cây viết.

## TRỞ VỀ NGHỀ VIẾT VĂN - THÀNH CÔNG RỰC RỠ NHỜ "MIẾNG DA LỪA"

Trước hết phải dọn tới một khu hẻo lánh, đường Cassini, ở ranh giới Paris và ngoại ô để trốn nợ trong một thời gian đã, mới có thể yên ổn mà viết được.

Con người đó thật lạ lùng, có phải là vô tâm không, nợ đũa như vậy mà vẫn xài sang, muốn sống như ông hoàng, phòng đầy những thảm quý, sách quý, tủ áo đầy những bộ đồ 120 quan, bằng một tháng lương thư kí. Cơ hồ như chàng nghĩ: "Chủ nợ réo, mặc họ! Mẹ và em sạt nghiệp vì mình, mặc họ, mình cứ sống cho thỏa thích đã". Bà De Berny thường lại săn sóc cho chàng, một người bạn lo giao thiệp với các chủ nợ, để chàng tĩnh tâm viết.

Không hiểu sao, lúc này rất cần tiền mà chàng không viết loại tiểu thuyết "con heo" như trước, lại viết những truyện đứng đắn, mà viết hay. Hình như tới cái tuổi đó - ba mươi - thiên tài của chàng mới phát hiện.

Tiểu thuyết đầu tiên của chàng, nghĩa là tiểu thuyết

đầu tiên kí tên thật Honoré Balzac, chứ không dùng bút hiệu Horace de Saint - Aubin hoặc Huân tước R'Hoone nữa, là truyện *Le Dernier Chouan* (sau đổi lại là *Les Chouans*) do một người bạn, Latouche, bỏ tiền ra in. Chouan là tên gọi những người dân quê bảo hoàng miền Normandie, Bretagne đã cầm khí giới chống lại Đệ nhất Cộng hòa Pháp. Truyện tả những cuộc chiến đấu rùng rợn giữa hai phe Trắng (Bảo hoàng) và Xanh (Cộng hòa); “họ bắn lẫn nhau như bắn thỏ”. Tính tình, ngôn ngữ các nhân vật chính đều tả đúng, sắc bén. Bán ế, sau tám tháng chỉ được 450 cuốn, nhưng được các nhà sành văn khen là hay, và chính Balzac cũng nhận định được đúng sở trường: tài sáng tạo, sức tưởng tượng mạnh mẽ; cùng sở đoản của mình: hơi thô, thiếu tế nhị. Chàng tự tin, quyết chí viết những tác phẩm lớn, làm cho dân Paris phải phục mình. Tình nhân cũ - Dilecta - và một tình nhân mới cũng quý phái, công tước phu nhân D'Abrantès cũng tập tễnh viết văn, khuyến khích chàng, làm cho Dilecta nổi ghen.

Năm đó thân phụ chàng qua đời, cảnh nhà túng bần, mà món nợ của mẹ, chàng vẫn chưa trả được.

Sau *Le Dernier Chouan* chàng cho ra liên tiếp *La Paix du ménage*, *La Maison du Chat qui pelote*, *El*

*Verdugo, Physiologie du Mariage*. Cuốn sau bàn về sinh lý trong vấn đề hôn nhân tỏ rằng chàng rất hiểu tâm lý phụ nữ, ý kiến táo bạo. Sách bán rất chạy, danh của chàng vô được các phòng khách của giới quý phái. Đồng thời chàng gom góp tài liệu để viết một bộ về các bi hài kịch trong đời tư: *Scènes de la vie privée*.

Có giá trị nhất trong hồi này là Truyện *La peau de chagrin* (Miếng da lừa) <sup>(1)</sup> một truyện có tính cách quái đản của phương Đông. Đề tài là một miếng da lừa có phép như một lá bùa, người làm chủ nó muốn cầu cái gì sẽ được cái nấy. Trên miếng da có in mấy hàng chữ phạn sắp theo hình tam giác dưới đây:

NẾU ANH LÀM CHỦ TÔI THÌ ANH SẼ LÀM  
CHỦ ĐƯỢC TẤT CẢ. NHƯNG ĐỜI ANH SẼ THUỘC  
VỀ TÔI. TƯƠNG ĐẾ MUỐN VẬY. CẦU XIN ĐI,  
ANH SẼ ĐƯỢC THỎA MÃN. NHƯNG PHẢI TIẾT  
CHẾ SỞ NGUYỆN THEO ĐỜI SỐNG CỦA ANH. ĐỜI  
CỦA ANH ĐÓ. MỖI LẦN ANH CẦU XIN ĐIỀU GÌ  
TÔI SẼ THUN LẠI GIẢM ĐI NHƯ ĐỜI SỐNG CỦA  
ANH. ANH MUỐN TÔI Ừ? CỨ LẤY ĐI. TƯƠNG ĐẾ  
SẼ LÀM THỎA ƯỚC NGUYỆN CỦA ANH.

được!

---

(1) Miếng da lừa hoặc ngựa, để để bao các hộp, sách... sản xuất nhiều nhất ở Trung Đông.

Vậy cứ mỗi lời cầu nguyện được thực hiện thì bẻ mặt miếng da thu lại. Khi miếng da không còn gì nữa thì người làm chủ miếng da sẽ chết. Ông lão bán đồ cổ có miếng da đó mà không cầu xin một điều gì cả nên sống được trăm tuổi. Không dùng tới nó, ông bán cho một thanh niên, chàng Raphael. Gã sướng quá, cầu nguyện đủ thứ: vợ đẹp, con khôn, quyền cao chức trọng, của cải, danh vọng... miếng da cứ lần lần thun lại, tới khi chỉ còn một miếng nhỏ xíu. Giá ngưng lại, đừng ước muốn gì nữa thì còn sống thêm được, nhưng gã trông thấy tình nhân của gã gần như khỏa thân, gã muốn ái ân với nàng. Và gã tắt thở.

Đầu đề thực hấp dẫn. Có tài tưởng tượng như Balzac thì có thể tả được bao nhiêu cảnh li kì trong xã hội; mà lại chứa một phần triết lí tựa như triết lí đạo Phật, đạo Lão, mặt sát đời sống xa hoa, trụy lạc, mặt sát sự phú quý, danh vọng, cả sự hoạt động nữa.

Nghệ thuật thực mới mẻ: xen lẫn sự quái đản vào sự thực, nên các nhà phê bình đều nhiệt liệt khen. Sách bán rất chạy, Balzac lãnh được 3.750 quan tác quyền và ông được đặt ngang hàng với những danh sĩ bậc nhất đương thời. Chỉ hai năm sau tác phẩm của ông được truyền bá khắp châu Âu: Nga, Ý, Đức, Anh, Na Uy, Thụy Điển. Ở trong nước, còn có một số phê bình

gia chê nhiều lật trong văn của ông, chưa chịu nhận ông là thiên tài, nhưng ở ngoại quốc danh ông mỗi ngày một tăng, tiểu thuyết của ông được hoan nghênh vào bậc nhất.

## TÔI LÀ MỘT TÊN BỊ TỘI CỤC HÌNH VỀ BÚT MỰC

Sau khi bỏ ngành kinh doanh mà cầm bút trở lại, ông có ý sáng tác để lưu danh không? Chắc là không. Theo André Wurmser trong cuốn *La Comédie inhumaine* - Gallimard 1964, thì ông viết chỉ có ý để kiếm tiền, để sống. Wurmser dẫn một bức thư Balzac gửi cho tướng De Pommereul tháng chín năm 1828 trong đó có câu; “Tôi sắp cầm bút lại, ngọn bút lông quạ hay lông ngỗng<sup>(1)</sup> phải giúp cho tôi đủ sống và trả được nợ cho má tôi”. Lời thú đó rất chân thành, ta có thể tin được.

Nhưng tại sao ông không trở lại loại tiểu thuyết “con heo” mà ông đã thành công về phương diện kiếm tiền? Điều này không có tài liệu nào nhắc tới. Có lẽ tại ông đã già giặn về tinh thần không thích công việc thấp kém đó nữa; có thể là được bà De Berny tin ở tài năng mình nên ông thấy công việc đó không xứng đáng với ông nữa.

---

(1) Thời đó chưa có ngọn bút sắt.

Vì nợ đòi, cần tiền gấp, ông phải viết thật nhiều: năm 1829 và 1830, năm nào cũng được bốn năm truyện. Có khi viết liên tiếp cả tháng:

*«Tôi không được rời bàn viết suốt một tháng; tôi liêng đòi của tôi lên bàn viết như một nhà luyện kim thuật liêng vàng vào lò».*

*«Tôi sống dưới một chế độ độc tài khát khe nhất, thứ độc tài mà tự mình bắt mình phải chịu. Tôi làm việc suốt ngày đêm... Không được tiêu khiển... Tôi là một tên bị tội cực hình về bút và mực...».*

Hôm nào ông đi ngủ vào sáu giờ chiều thì dặn người nhà nửa đêm đánh thức, rồi viết liên tiếp mười hai, mười lăm giờ. Vậy còn thì giờ đâu mà tiêu khiển? Buổi tối nào đi coi hát hoặc phải dự một bữa tiệc thì mấy tuần sau khóa cửa, tự giam trong phòng viết. Khoác một chiếc áo ngủ trắng - ông không chịu dùng màu khác - ông viết một hơi không nghỉ hăng mấy chục trang. Có lần ông hăng say viết trong năm đêm rồi gọi cho nhà in được hai trăm tờ bản thảo.

Ý của ông đòi dào quá, ông không kịp sắp đặt cứ cho tuôn lên giấy. Lần đầu chỉ là một bản phác thảo, hỗn độn. Ấn công trông thấy xanh mặt. Phải rán mà đọc, đúng hơn là đoán rồi xếp chữ, vờ đưa ông sửa.



Bản sửa này trông mới kinh khủng. Từ mỗi hàng ông kéo một nét bút ra tới lề để thêm một vài chữ hay sửa một câu. Những nét vọt ra lề ngồng ngoèo như con rắn hoặc trắng như lược guom. Hàng nào cũng đầy những chỗ bôi, xóa, móc, viết đè lên, coi rồi cả mắt, ông lại viết thêm vào những miếng giấy lớn, nhỏ dán chi chít chung quanh ấn cáo như “tám bố cáo hay bức bình phong” vậy.

Sửa như vậy rồi ông liệng cho ấn công. Ấn công lại mò mẫm, đoán từng câu mà xếp chữ lại, đưa ông sửa lại nữa. Năm sáu lần như vậy mà lần nào cũng như lá bùa. Có khi tám lần, mười lần. Trang tiểu thuyết nào ông cũng sửa kỹ như vậy, mà mỗi năm viết bốn năm truyện, ta thử tưởng tượng nghị lực và sinh lực của ông ghê gớm ra sao. Phải là hạng bò mộng mới kéo cày như vậy năm này qua năm khác được, mà hình thù ông quả thực như bò mộng: mặt tròn, bụng bự, chân ngắn, lùn, đặc biệt là cái cổ bạnh, bao nhiêu sinh lực dồn vào đó hết, còn bao nhiêu tinh anh dồn cả vào cặp mắt đen, sáng ngời, nhìn ai thì như soi vào đáy lòng người đó.

Vậy ông viết vì tiền nhưng không viết ầu. Tâm hồn nghệ sĩ của ông ở đó: phải viết để kiếm ăn nhưng đã viết thì say mê, không vì một lẽ gì mà cấu thả: nhà in thúc, nhà xuất bản thúc, nợ réo cũng mặc, nếu cần

thì tạm trốn trong ít lâu, gấp quá thì bớt giờ ngủ, giờ ăn để sửa chữa cho cẩn thận.

### LÀM NHƯ TRẦU ĐỂ TRẢ NỢ

Khi danh ông chưa nổi, ông đã ham sống xa hoa; khi danh vang rồi, ông càng sống xa hoa hơn nữa để xứng với danh. Cơ hồ như ông bị cái mặc cảm tự ti là sinh ra trong một nhà tuy phong lưu đấy, nhưng gốc gác bình dân, cho nên rất ham chức tước, ham được giới quý phái chấp nhận. Các tình nhân chính của ông đều là các bà quý phái hết: De Berny, nữ công tước D'Abrantès, hầu tước phu nhân De Castries... và khi được họ chấp nhận rồi thì ông tự cho mình là quý phái, phải sống đời quý phái.

Nợ trên trăm ngàn quan, chưa trả được đồng nào mà cũng sắm xe độc mã, nuôi một tên tòng bộc bặn áo dẫu đi hầu theo xe; y như một vị công tước hay hầu tước vậy; rồi đánh mấy chiếc nhẫn kim cương, sắm mấy chiếc can đầu nạm ngọc; áo gi-lê bằng lụa, nút áo bằng vàng; có lần được dự đám cưới công tước D'Orléans, đông cung thái tử của vua Louis Philippe, ông lại một tiệm áo cũ, thuê một bộ áo hầu tước; thêm chữ *de* trước tên Balzac: Honoré de Balzac, tự nhận là hậu duệ của quý tộc Balzac d'Entragues.

Các bạn văn mĩa mai ông, ông bất chấp: có thiên tài như ông thì dù mang chức vương cũng là xứng chứ. Chỉ khổ cho ông là sống cái đời quí phái tốn kém quá, và ông phải vay mượn thêm nữa, nợ mới đắp vào nợ cũ, suốt đời mang nợ và suốt đời kéo cày để trả nợ. Đúng là ông tự cột thân ông vào cái ách là cày bút. Nhưng đã là văn sĩ, có ai thoát khỏi cái ách đó không? Giàu có như Victor Hugo thế kỉ trước lúc đã đứng tuổi, hoặc gần đây như André Maurois mà nhà xuất bản nào “com-măng” một tác phẩm thì cũng không bao giờ từ chối. Họ sinh ra để viết như con tằm để nhả tơ, hoặc con trâu để kéo cày - thì họ phải viết, khi nào không viết được nữa mới thôi, còn cái việc viết vì phải trả nợ, vì muốn sắm chiếc xe độc mã, những áo lụa, khuy vàng, hay vì một lí do gì khác, cái đó là phụ. Hình như chính họ cũng mong có cái gì thúc đẩy, để có việc mà làm hoài. Như André Maurois đã nói: “Đối với một người đã chơi một canh bạc lớn thì sự rút lui về nghỉ ngơi là một điều gần như chịu không nổi. Người đó đã ghiền một thứ là hoạt động, không thể tự tẩy độc được nữa”.

## MỘT LỐ TÌNH NHÂN

Văn nhân vốn là nòi tình. Ở thời nào, xứ nào họ cũng mê thanh sắc. Cơ hồ như một số hạch nội tiết

của họ phát triển khác thường, nhờ vậy họ sáng tác rất mạnh mà đam mê cũng rất hăng. Ở phương Đông chúng ta, Bạch Cư Dị, Đỗ Mục, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ... đều lưu nhiều thiên tình sử, ham tiếng đàn tiếng phách, có vài ba â ca nhi tri kỉ hoặc vài ba nàng hầu. Ở phương Tây, Dumas-cha, Hugo, Lamartine... đều mê các đào hát và luật lệ, tôn giáo không cho phép họ cưới nàng hầu, thì họ có vô số tình nhân, nhà nào cũng trên sổ chục.

Balzac ngoài ba chục tuổi vẫn chưa có vợ, nhưng lúc nào cũng có vài ba tình nhân chính thức, còn số không chính thức, nghĩa là sử không chép thì ta không sao biết được. Năm 1831 ông vẫn sống với bà De Berny nhưng bà đã năm mươi bốn, năm mươi lăm tuổi, nên tiếng tơ tiếng trúc của họ càng thêm lồi nhịp. Ông lại lui tới với nữ công tước D'Abrantès nhưng bà này ham cái việc làm văn hơn là chuyện tình ái, chỉ muốn ông làm cố vấn thôi, lâu lâu mới thưởng công ông một chút, nên ông làm quen thêm một nàng nữa, Zulma Carrand.

Ông là hạng người tham lam vô độ, về sáng tác của cải, danh vọng và tình ái, không biết thế nào là đủ. Cho nên ông vẫn mong gặp được một thiếu nữ nữa, hoặc thiếu phụ cũng được, trẻ, đẹp, giàu có, quí phái. Nhưng về phần ông, ông có gì? Có danh đấy, có tài

đấy, những cái đó chỉ như thứ hương thơm thoang thoảng chứ không có giá trị trong một phòng chường khế; mà hình dáng ông lại xấu xí, không quắc thước, hay thanh nhã chút nào cả, ngán nhất là cái số nợ kinh khủng của ông: trăm ba chục ngàn quan.

Tháng mười năm 1831 ông nhận được một bức thư mà người gởi tự xưng là một thiếu phụ Anh. Bao thư đề: “Gởi ông De Balzac ở Paris. Vậy mà thư tới tay ông mới lạ chứ. Thiếu phụ Anh đó viết tiếng Pháp như người Pháp quý phái, trách ông trong cuốn *Physiologie du Mariage* có giọng trắng trợn quá, phê phán phụ nữ một cách nghiêm khắc quá. Ông ngờ rằng bà ta mạo danh, viết một bức thư rất cảm động để cảm ơn. Một danh sĩ bận tíu tíu, không có một phút nghỉ ngơi trân trọng viết bốn trang lớn để đáp mình như vậy, còn gì hân hạnh cho bằng! Bà ta bèn cho biết tên thực: hầu tước phu nhân de Castries, thất bại về hôn nhân, thất vọng cả về tình (tình nhân của bà, một vị công hầu trẻ tuổi chết vì ho lao), rồi té ngựa, mang tật ở xương sống, bây giờ sống với cha mẹ hoặc ông chú ông bác. Bà ta mời Balzac tới chơi. Được lời như mở tấm lòng, Balzac tạm gác bút ít bữa để bay tới bên cạnh người đẹp. Vì bà ta đẹp thật: ba mươi lăm tuổi, mặc dầu tàn tật mà vẫn tươi trẻ, duyên dáng. Mà cái dáng điệu bà nằm ở tràng kỉ, với cái không khí trong phòng mới quý phái

làm sao! Ông được tiếp đãi như một hầu tước hay công tước chính hiệu. Ông hí hửng, tràn trề hi vọng. Hạng đàn bà quý phái chính cống đó, trước kia ông vẫn ao ước thì bây giờ đây sắp thành tình nhân của ông rồi.

Ông bỏ bê công việc viết lách, từ Paris xuống Aix, nghĩa là từ miền Bắc xuống miền Nam nước Pháp - thời đó đã làm gì có xe lửa, xe hơi - để được gần bà. Bà tỏ vẻ quý trọng, ân cần với ông lắm; ông càng tán sất sạt, nhưng chỉ được phép chạm nhẹ vào tà áo hoặc hôn tay bà thôi. Mà tối nào họ cũng ngồi tới khuya để tâm sự với nhau chứ. Nếu ông đánh bạo, ôm bà hôn đại thì bà nổi quạu lên, viện ra đủ lý lẽ: nào là tôn giáo, nào là vết thương trong lòng, vết thương trong xương sống, đủ thứ, làm cho ông tiu nghỉu như chó ăn vụng bột.

Ông cứ bị kìm chế lại hoài, muốn nổi điên lên: “Mình mỗi ngày phải làm việc mười tám giờ có thì giờ đâu mà kéo dài cái trò khi tán tỉnh này bên cạnh một cụ đàn bà bệnh tật!”. Rồi cuộc ông phải xa lần, quay tìm phía khác.

“NGƯỜI LẠ”

Vừa may, cuối tháng hai năm sau (1832), ông nhận

---

(1) L'Etrangère, cũng có thể hiểu là người ngoại quốc vì thiếu phụ này là người Ba Lan.

được một bức thư cũng bí mật nữa ký tên: *Người lạ* <sup>(1)</sup>  
Từ tuồng chữ tới lời văn đều có vẻ là của một người  
đàn bà đang hoang, sang trọng nữa. Bà ta khen Balzac  
có thiên tài, nhưng chê *La Peau de Chagrin* là hơi thiếu  
tế nhị, không bằng tập *Scènes de la Privée*.

Nhận thêm được mấy bức thư nữa, bức nào cũng  
ký: *Người lạ*. Có bức còn nhấn mạnh: “Đối với ông, tôi  
chỉ là *Người lạ* cho tới suốt đời tôi”.

Mà con người lạ đó ngưỡng mộ ông lạ lùng: “Đọc  
tác phẩm của ông, lòng tôi rung động... Ông là bậc  
siêu nhân về phương diện hiểu lòng người... Một linh  
tính làm cho tôi cảm thấy ông. Nếu gặp ông, tôi sẽ  
nhận ra liền: Ông ấy đây... Ông có cái lửa thiêng của  
thiên tài...”.

Cách xa nhau cả ngàn dặm, không hề biết mặt  
nhau mà bà ta muốn làm cái “lương tâm văn nghệ”  
của ông. Balzac không biết làm cách nào dò la cho ra,  
muốn điên lên, thì một hôm nhận được mấy hàng này:

«*Xin ông viết cho một vài chữ trên tờ Quotidienne  
để tôi biết chắc rằng ông đã nhận được thư của tôi và  
tôi có thể thư từ với ông mà không ngại gì cả. Xin ông  
đề: Gởi N.L. <sup>(1)</sup> H.B.*»

---

(1) Nghĩa là *Người lạ*. Tiếng Pháp là: *Al'E*.

Màn bí mật đã vén một chút sau chín tháng chờ đợi; Balzac trả lời liền trên số *Quotidienne* ngày mừng chín tháng chạp.

Thư sau, bà ta cho biết tính danh: hồi trẻ là bá tước tiểu thư Eveline Rzewuska, gốc Ba Lan, sau cưới một nhà quý tộc Nga, Wenceslas Hanski, lớn hơn mình hai mươi hai tuổi. Chồng rất giàu, làm chủ một điền trang 21.000 héc-ta, có 3.035 nông nô.

Y như trong truyện thần tiên của Ba Tư. Như vậy thì trả thù được “mệ” De Castries điệu bộ, kiểu cách kia rồi. Thật đúng sở nguyện của nhà văn ta: trẻ, mới hai mươi bảy tuổi bà ta khai vậy, chứ sự thực là ba mươi ba tuổi) đẹp (ông chưa thấy mặt, nhưng tin chắc vậy), quý phái, giàu có ngoài sức tưởng tượng của ông, mà ông chồng lại già. Vì có ông chồng này, nên phải thận trọng một chút. Nhưng bà Hanska<sup>(1)</sup> đã tính toán chu đáo cho rồi: nữ gia sư Henriette Borel dạy cô Anna (con duy nhất của bà) sẽ làm cái thùng thư cho hai bên.

Ông nằng nặc đòi được gặp bà, bà chịu lòng. Hai người hẹn hò với nhau ở Neuchâtel (Thụy Sĩ), nơi quê quán của Henriette Borel. Vì không hiểu tại sao bà

---

(1) Chúng tôi đoán rằng tiếng Nga đàn ông là Hanski, đàn bà là Hanska.



nhất định không chịu qua Pháp. Dù có phải qua Nga thì ông cũng sẵn lòng, huống hồ là qua Thụy Sĩ. Bà dắt cả một đội gia nhân tới Newchâtel trước, báo tin cho Balzac, nhưng vẫn tỏ ý lo ngại bọn văn sĩ Pháp táo bạo quá về chuyện tình. Balzac phải vỗ về: “Kẻ si tình này chỉ là một em bé thôi, có lẽ một em bé hơi phóng túng một chút; nhưng trong sạch như một em bé và tình yêu ngây thơ như một em bé... Từ trước tôi mới chỉ ôm những ảo mộng thôi...”

Ông lại bỏ hết công việc viết lách, kiếm có qua Thụy Sĩ tìm mỗi bán sách theo kiểu mua năm - mỗi tháng ra một cuốn, mỗi cuốn một quan - tức như các kiểu “club du livre” ngày nay. Non một thế kỷ sau người ta mới thực hiện sáng kiến tài tình đó của ông.

Tới Newchâtel, ông gửi thư ngay cho nữ gia sư Henriette hẹn tới giờ nào đó thì đi chơi ở đâu đó. Đúng giờ, Balzac lại nơi hẹn, thấy một bà đang ngồi đọc sách ở bờ hồ. Bà lại cố ý đánh rớt chiếc mùi soa ở dưới chân ghế. Balzac lại gần, nhìn vào cuốn sách thì là một tiểu thuyết của mình. Họ đóng trò như vậy mà cả hai đều rất cảm động. A! Cái thế kỉ lãng mạn của Pháp! Bà không ngờ rằng bậc thiên tài của mình tròn như thùng to-nô, tóc bù xù, răng gãy mất vài chiếc, nên mới đầu hơi khó chịu, nhưng nhìn vào cặp mắt của Balzac thì cảm tưởng đó tiêu tan hết, chỉ thấy “chàng”

lanh lợi, thông minh. Còn chàng mới đầu cũng hơi võ mộng một chút: nàng tiên của mình mập quá, cổ lớn, trán vồ, môi dày, nhưng khi nàng cất tiếng lên, có vẻ nửa nghiêm trang, nửa loi lả, thì chàng cũng mê ngay.

Ông chồng đã nghe danh Balzac, vui vẻ tiếp đãi chàng. Coi bộ ông ta suy nhược rồi, Balzac rất mừng. Họ dắt nhau đi coi phong cảnh, rồi lại hẹn lễ Noel gặp nhau ở Genève nữa.

### MẤY TÁC PHẨM BẤT HỦ

Về Paris Balzac cảm cố viết bù, vì nợ réo ở bên tai. Trong mấy năm từ 1832 tới 1835 ông làm việc kinh khủng: nguồn hứng rất dồi dào phí bao nhiêu thì giờ và sức lực vào những chuyện tình ái như vậy mà đều đều năm nào cũng sáng tác được bốn năm cuốn; có lẽ nhờ sự khuyến khích của bà De Castries, bà Hanska, mà viết được những cuốn hay nhất của ông như: *Le Médecin de campagne*, *Eugénie Grandet*, *Le Père Goriot*, *Le Lys dans la vallée...*

Truyện *Le Médecin de campagne* (Y sĩ làng) - cũng như truyện *Le Curé de village* (Mục sư làng) - diễn những tư tưởng chính trị của Balzac. Hồi đó phong trào xã hội đương phát mạnh, ông cũng như Goerge Sand, Victor Hugo bênh vực dân nghèo. Nhân vật chính là Bác sĩ Benassis có con trai với một người đàn

bà rồi bỏ người ta, người đó chết sau khi tha thứ cho ông, ông hối hận, ở vậy nuôi con, đứa con cũng chết nữa. Ông về một làng, tận tụy hi sinh cho dân quê để chuộc lỗi cũ. Lời văn rất mạnh mẽ, nhiều đoạn hay như đoạn một người lính kể lại đời Napoléon lúc đó đã gần thành một nhân vật thần thoại.

Thành công nhất là truyện *Eugénie Grandet*. Hai cha con, mà cũng là hai nhân vật chính, tính tình tương phản nhau. Cha, lão Grandet, trước làm nghề đóng thùng chứa rượu, nhờ cho vay cất cổ và vắt cổ chà ra nước mà có một sản nghiệp rất lớn, con gái là Eugénie Grandet trái lại, rất nhân từ, cao thượng, hy sinh cho người khác, cho “đời của đàn bà là cảm xúc, yêu, đau khổ và tận tụy với người”. Lão Grandet là một lão hà tiện điển hình, như lão Harpagon trong kịch Molière, nhưng truyện không có tính cách hài kịch, mà bi đát.

Lão Goriot trong *Le Père Goriot* cũng có một tật nặng, một đam mê như hầu hết các nhân vật điển hình của Balzac. Ông già đó rất nhu nhược, cưng con gái quá mức, chỉ sống cho chúng thôi, mà chúng hư hỏng, vong ân, không xứng với tấm lòng của cha. Hễ cái gì chúng thích thì ông cho là tốt, là thiện. Cô Delphine (con gái ông) mến gã Rastignac, thế là ông khuyến khích, khuyến nủ gã, lại còn làm trung gian cho gã và con gái mình nữa. Ông đau, chúng bỏ mặc ông

nằm liệt ở giường chờ chết, mà giông xe đi chơi; ông không những an phận, còn bênh vực chúng nữa: “Tôi hay rồi, các cháu đi có công việc làm ăn...” hoặc: “Đề cho các cháu nó ngủ”. Khi ông hấp hối, chúng cũng không tới, nhưng ông vẫn tưởng rằng chúng đứng ở bên, thều thào gọi tên chúng, rồi lắt thờ.

Balzac vẽ nhiều nét đậm quá, và đọc xong ta đã không thương xót mà còn giận ông già lơ bịch đó nữa.

*Le lys dans la vallée* gần là một tự truyện của tác giả. Một thanh niên Félix de Vandenesse (tức Balzac) tỏ lòng yêu bà De Mortsauf ở Tours (tức bà De Berny) lớn tuổi hơn mình nhiều. Mới đầu bà ta bất bình vì là một hiền phụ, rất tận tụy với chồng con. Chàng bám riết rồi lòng bà ta xiêu xiêu, nhưng mối tình của họ vẫn trong sạch. Sau De Vandenesse, về Paris, yêu một người đàn bà khác. Bà De Mortsauf ghen, rầu rĩ rồi chết, khi gần chết ân hận rằng đã quá tiết hạnh, không được hưởng thú nhục dục với chàng. Truyện có nhiều đoạn quá dài, giọng văn hơi cầu kỳ, nhưng cảm động, rất hợp thời lãng mạn đó.

Ngoài ra còn những truyện: *Le Colonel Chabert*, *Louis Lambert*, *La fille aux yeux d'or*, *Contes drolatiques*... nghệ thuật không cao nhưng cũng được hoan nghênh.

Balzac thu được khá nhiều tác quyền nhưng vẫn không đủ tiêu - những chuyến đi Aix đi Thụy Sĩ để gặp tình nhân rất tốn kém - ông phải viết không nghỉ tay mà vẫn thấy thiếu thì giờ. Phải uống cà phê thật đậm, gần như đặc quánh lại để thức đêm mà viết. Thứ cà phê đó bụng trống mà uống vào thì bào bọt, làm cho bao tử nóng bỏng, sung lên; những lúc đó, ý xô đẩy trong đầu ông, lóc ra, ông lia lịa chép lên giấy. Ông đau bao tử, đau tim, đau gan, mặc, cứ viết, phải viết cho xong truyện này đến truyện khác. “Tôi như con dê bị cột vào cọc. Bao giờ số phận mới cởi mở cho tôi đây?”. Ông than thở như vậy, nhưng rồi lại bảo: “Ngừng lại đó, Thân chết! Tôi chưa xong công việc của tôi”.

## BÁN NON TÁC PHẨM VÀ TRỐN NỢ

Biết bao giờ mới xong. Ông chỉ có một thân một mình mà sáu bảy năm cầm cố viết như vậy, số nợ nần không giảm. Năm 1829, sau khi thất bại về kinh doanh, (mở nhà xuất bản, nhà in, xưởng đúc chữ), ông thiếu nợ trên trăm ngàn quan, thì cuối năm 1835, ông vẫn còn thiếu nợ 105.000 quan, nghĩa là trừ số 45.000 quan thiếu mẫu thân mà ông chưa trả được đồng nào, còn thiếu người ngoài 60.000 quan nữa.

Ông phải dùng cách cổ điển là vay nợ mới để trả bớt nợ cũ, nhưng trừ một số bạn thân lâu lâu giúp ông

một số nho nhỏ dăm bảy trăm quan mà họ coi là tặng ông vì biết ông không sao trả nổi, còn thì ai mà đại gì đưa tiền cho ông nếu không có gì bảo đảm. Ruộng đất, nhà cửa không có, dĩ nhiên ông chỉ có thể dùng cây viết để bảo đảm: bán non các tác phẩm chưa viết, nghĩa là bán da con gấu như trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine.

Ông ký những hợp đồng mà từ xưa đến nay chưa nhà văn nào dám ký, bán trước cả một loạt cuốn mà ông hứa viết trong bao lâu, như bán bộ *Etudes philosophiques* cho nhà Gosselin; *Etudes de Moeurs* cho nhà Mame, những bộ đó tuy mang nhan đề là Nghiên cứu (*Etudes*) nhưng chính là tiểu thuyết.

Các nhà đó già giặn kinh nghiệm rồi, ghi thêm trong hợp đồng là hễ giao trễ tác phẩm thì mỗi tuần ông phải bồi thường cho họ một ngàn quan. Dù làm việc đêm ngày cũng không thể kịp được. Gần tới hạn, ông phải gắng sức một cách kinh khủng. Trong thư cho bạn bè hoặc tình nhân, lời than thở xuất hiện như một điệp khúc:

*«Công việc ngập tới cổ. Đời tôi thay đổi hẳn, máy chạy khác nhịp rồi. Sáu bây giờ chiều, tôi đi ngủ như gà mái, một giờ khuya tôi thức dậy và làm việc tới tám giờ sáng, tám giờ sáng tôi ngủ một giờ rưỡi, ăn một món gì nhẹ nhẹ, uống một tách cà phê nguyên chất rồi lại kéo*

*xe tới bốn giờ chiều; tiếp khách, tắm rửa hoặc ra phố, rồi ăn xong bữa chiều là đi ngủ liền. Phải sống đời đó trong vài tháng mới giữ được lời cam kết với các nhà xuất bản”.*

Chính những lúc đó vệ quốc quân còn lại nhà bắt ông phải đi làm lính gác như một công dân khác, nếu không thì bị nhốt khám. Ông phải trốn, dọn lại căn nhà số 13 đường Bataille, mượn tên một nhân vật ma, bà quả phụ Durand để thuê nhà. Bất kỳ ai muốn vô nhà cũng phải dùng một mật khẩu (mot de passe); mật khẩu đó thường thay đổi: *Mùa táo đã tới rồi... hoặc... Tôi đem hàng ren ở Bỉ qua...* Tầng dưới và tầng lầu nhất đều bỏ trống. Lên tầng lầu nhì, đi tới cuối một hành lang buồn thảm, mới tới cửa phòng làm việc của ông.

## KHI NGHỆ SĨ RA BÁO

Thấy công việc viết tiểu thuyết đó chỉ làm cho ông sa lầy thêm, không sao trả hết nợ được, đầu năm 1836 ông rán vùng vẫy nữa: kiếm bạn hùn vốn mua lại tờ *Chronique de Paris*, vay thêm bốn mươi lăm ngàn quan để khai thác tờ báo. Cũng như Alexandre Dumas - cha, ông được nhiều bạn văn hứa giúp: Victor Hugo, Théophile Gautier...; nhưng cũng như Dumas-cha rất cuộc ông phải viết gần hết; và cũng như Dumas - cha

Balzac - chủ nhiệm tự trả lương cho Balzac - chủ bút một cách rất hậu.

Có một tòa soạn để các văn hữu hội họp, còn gì thú bằng. Balzac nợ thì nợ chú vẫn tiêu xài một cách đế vương, mời bọn họ lại thết tiệc, ăn uống no nê, cười giỡn hả hê, rồi khi chia tay - xin họ bài thì bài chưa sẵn.

Mới đầu tờ báo rất được hoan nghênh: thấy tên một lá danh sĩ trong tòa soạn, ai mà chẳng muốn mua nhất là những bài bình luận thời sự của Balzac lại rất hóm hỉnh, chẳng hạn: “Ông Thiers - bộ trưởng Nội vụ - hồi nào tới giờ chỉ có mỗi một ý nghĩ: là nghĩ đến ông Thiers” - “Ông Guizot - bộ trưởng Giáo dục rồi Ngoại giao - là một cái chong chóng đặt trên ba ngôi nhà; ông Thiers là một cái chong chóng mặc dầu quay hoài mà vẫn đặt hoài trên một ngôi nhà”.

Nhưng số độc giả mua dài hạn cứ giảm xuống: tháng giêng: 160, tháng hai: 40, tháng ba: 19, tới tháng bảy chỉ còn 7. Rốt cuộc phải bán lỗ tờ báo. Lần thứ tư ông thất bại về kinh doanh.

Bán xong tờ báo, ông qua Turin (Ý) để bênh vực quyền lợi của một người bạn trong một vụ kiện về gia tài; khi trở về Paris thì hay tin Dilecta (bà De Berny) đã mất ngày 27 tháng bảy 1836. Niềm vui cuối cùng



của bà là đọc lại *Le Lys dans la vallée* mà Balzac đã gửi tặng bản in đầu tiên. Bà thấy lại hình ảnh của bà non hai chục năm trước trong cuốn đó. Balzac nhận thấy rằng bà đã tận tâm với mình nhất, lại hướng dẫn mình trong văn nghiệp một cách sáng suốt nhất. Bà Hanska (Người La) từ nay thay bà De Berny trong đời ông.

### MƠ MỘNG RỒI THẤT VỌNG

Ở Ý về, số nợ của Balzac tăng thêm 53.000 quan, tổng cộng là 162.000 quan. Một chủ nợ, Duckett có ý muốn bỏ tù ông. Ông phải trốn chui trốn nhủi; một tình nhân của ông vì ghen tuông, tố cáo chỗ ẩn náu của ông. Nhân viên công lực tới bao vây nhà, một người bạn thân mặc dầu túng thiếu phải trả giùm cho ông một ngàn rưởi quan để ông khỏi phải vô khám vì nợ.

Chính trong những lúc nguy như vậy, ông càng sáng tác được mạnh và hay. Ông diễn được các ấn tượng của ông trong khi qua Ý, và truyện *Massimilla Doni* tả được nỗi buồn thấm thía mà nên thơ của giới quý phái Venise than tiếc thời vàng son của thành Venise thời cổ, thời mà ánh đèn tỏa ra từ mọi cánh cửa sổ, điện Memmi, cả trăm chiếc “gông-đôn”<sup>(1)</sup> cột ở dưới thêm các lâu đài, sóng vỗ bập bênh, và các nhà

---

(1) Thuyền nhỏ (gondole), nhẹ mà rất đẹp, đặc biệt của thành Venise, một thành xây cất trên nước, ở bờ biển.

quí phái thanh nhã, diễm lệ chen chúc nhau trong các phòng tiệc lộng lẫy du dương tiếng nhạc và tiếng hát của trạc phu từ mặt nước đưa lên.

Vừa thoát được cảnh bị bắt giam, ông tính lần này trốn ra ngoại ô Paris, mua một căn nhà lá không xa đô thị lắm để lúc nào cần tiêu khiển có thể về Paris mà không tốn thì giờ. Tiền đâu? Điều đó ông không hề nghĩ tới. Hễ muốn là làm liền. Ông coi đời sống như một tiểu thuyết, cứ tưởng tượng rồi sẽ dựng được truyện. Và ông tưởng tượng một công việc làm ăn rất phát đạt: ông sẽ cho in toàn thể tác phẩm của ông; những độc giả ngưỡng mộ ông - số đó nhiều lắm - tất sẽ đặt tiền mua trước nếu ông để giá rẻ cho họ. Thế là thu trước được một số tiền bôn bộn rồi. Rồi ông sẽ viết hai ba vở hài kịch, có thể là bốn, năm vở nữa. Mà viết kịch thì mau làm giàu lắm. Lại còn gia sản của bà “quả phụ” Hanska nữa chứ, vì ông tin chắc rằng ông chồng suy nhược như vậy, chẳng bao lâu sẽ từ bỏ cõi trần mà bà sẽ sống trên núi vàng.

Như vậy đủ đảm bảo quá rồi. Ông bèn kiếm một khu đất ở làng Ville - d'Avray, trên đường đi Versailles, và mới đầu ông tính dựng một căn nhà lá thôi, thì bây giờ ông bảo kiến trúc sư cất cho ông một biệt thự tốn 40.000 quan. Ông đưa trước cho nhà thầu 1.500 quan và công việc bắt đầu.

Tại biệt thự đó ông viết truyện *César Birotteau* và *La Maison Nucingen*...

*César Birotteau* cũng là một tác phẩm nổi danh. Ông châm biếm những tham vọng của giai cấp “buốc gia” (bourgeois) thời đó. Birotteau nhờ làm nghề chế tạo dầu thơm mà thành đại phú, như vậy chưa mãn nguyện, còn muốn mua chút vinh dự nữa, cho có đủ cả phú lẫn quý, thành thử thành con bò vắt sữa cho bọn xảo quyệt. Tác phẩm đầy những chi tiết nhiều khi nhằm về mảnh khoe buôn bán, đầu cơ trục lợi, nhưng có nhiều đoạn miêu tả nhân vật và phong tục một cách sắc sảo.

Ông cũng bán non tác phẩm đó và để viết cho kịp hạn ông phải ngâm chân vào nước hột cái cho máu khỏi dồn lên đầu. Tóc bạc nhiều, ông thấy kiệt sức, lại phàn nàn với Zulma Carraud: “Chỉ còn mỗi một phương thuốc bá ứng, là chết, và anh không sợ chết”.

Bác sĩ khuyên ông nghỉ ngơi ít tháng vì phổi ông đau, nghe có tiếng khừ khừ rồi. Nghỉ? Ai mà chẳng biết toa thuốc đó. Nhưng làm sao nghỉ được? Phải viết cho xong *César Birotteau* đã chứ, mà xong *César Birotteau* lại còn *La Maison Nucingen* nữa:

“Tôi đã tới lúc không còn tiếc đời nữa; hy vọng thì xa lắc xa lơ; mà chịu cực khổ cũng không tìm được sự

yên tĩnh. Nếu được làm việc có điều độ thì tôi không phàn nàn gì cả; nhưng tôi có nhiều nỗi buồn rầu và nhiều kẻ thù quá”.

## BỐN MƯƠI NGÀY VÀ ĐÊM VIẾT XONG NĂM TẬP TRUYỆN

Viết xong *César Birotteau* ông ra đảo Sardaigne ở Địa Trung Hải để xin khẩn một mỏ bạc vì lần trước đi Mila, Venise, có người giới thiệu cho ông mỏ đó. Chuyến đi này cực kỳ khó nhọc: toàn đường mòn không có xe, phải đi ngựa, cũng không có quán trọ, không có thức ăn. Tới Argentina thì hay một công ty ở Marseille đã xin được phép khai mỏ rồi, công ty đó sau phát đạt.

Nhưng cuộc hành trình không phải là vô ích vì trước khi ra Sardaigne, ông ghé thăm nữ sĩ Goerge Sand ở Nohant, được bà kể cho nghe tình sử của nhạc sĩ Franz Liszt và Marie d'Agoult mà bà không thể viết được. Truyện tình đó, sau ông chép lại trong tiểu thuyết *Les Galériens de l'amour*.

Về Paris ông hay tin tình nhân của ông, nữ sĩ D'Abrantès chết trong cảnh nghèo nàn. Bà nhờ Balzac hướng dẫn viết được vài cuốn trung bình, sau thất bại. Hỏi bà còn khá, các văn sĩ như Hugo, Broglie,

Noailles, Théophile Gautier thường tụ họp tại nhà bà. Tới khi tác phẩm bán không được, túng thiếu, bà phải dọn lại một căn phòng nhỏ xiu, sau cùng chết trong một nhà thương thí. Hugo, Chateaubriand, Dumas, bà Récamier đi đưa đám, muốn dựng cho bà một mộ bia nhưng chính phủ không chịu giúp đỡ.

Biệt thự ở Ville - d'Avray cất xong, ngoài có một tấm bảng bằng cẩm thạch đen với hai chữ vàng: *Les Jardies* phí tổn không phải là 40.000 quan như đã dự tính, mà tới 100.000 quan! Vì đất đồi, dốc quá ông phải san phẳng thành từng lớp, xây tường ngăn cho nước mưa khỏi xối mà trông trọt được. Ông tính cất một nhà kiếng ủ cây để trồng trăm nghìn gốc khóm. Mỗi trái khóm thời đó ở Paris bán được 20 quan (hai ngàn bạc Việt Nam hiện nay), ông sẽ bán rẻ 5 quan thôi, cũng được 500.000 quan mỗi năm, trừ phí tổn đi còn lời được 400.000 quan mà “khỏi phải viết lách gì cả”. Khỏe ru!

Cuộc làm ăn đó cũng hóa ra mộng nữa - suốt đời ông chỉ ôm ảo tưởng - và ông đành trở về ba dự định cũ: viết truyện và kịch, in toàn thể tác phẩm và đợi cho bà Hanska thành quả phụ.

Viết thì ông viết rất hăng: kiếm một người cộng tác, Charkes Lasailly đọc cho chàng ta chép những

đoạn phác các tình tiết trong truyện *L'Ecole des Ménages*. Nhưng ai mà làm việc theo nhịp điệu của ông được. Mới vài ngày đầu Lasailly đã hoảng hốt, chạy trốn. Một giờ khuya bắt chàng thức dậy, ngồi chép lia lịa tới bảy giờ sáng, uống xong tách cà phê rồi lại chép nữa. Hạng thường nhân đâu có thể sống chung với siêu nhân được. Có lần trong 40 ngày và đêm ông viết xong năm tập truyện!

Ông kiếm người cộng tác khác, Laurent Jan nhưng chàng này chẳng giúp ông được gì, vẽ được ít tám hình cho tác phẩm của ông còn thì nói giỡn cho vui. Được một đức là trung thành, nên không nỡ đuổi.

Sau *L'Ecole des Ménages*, ông viết *Le Curé de village* để trình bày những tư tưởng về chính trị của ông cũng như truyện *Le Médecin de Campagne*, rồi tới kịch *Vautrin*.

Kịch thất bại vì ông không có tài soạn kịch. Mới diễn được một lần thì bị cấm: nhà cầm quyền cho là thương luân bại lý và động chạm tới nhà vua.

Sau vụ đó, các chủ nợ lại càng réo, Balzac phải bán *Les Jardies* để trả nợ. Ông dùng một mảnh khỏe gian xảo: cho đấu giá và nhờ một người bạn kiến trúc sư đứng ra mua với giá 17.550 quan (nhà và vườn đã tốn cho ông 100.000 quan); số tiền đó chia cho hai

chủ nợ, mà vì thông lưu với kiến trúc sư ông vẫn còn được làm chủ nhà, tuy không ở đó nữa.

Lần này ông trốn rất kỹ: mượn một căn nhà ở một nơi hẻo lánh, trên sườn một ngọn đồi lỏm chớm tại Passy cũng gần Paris. Có một cầu thang khuất đưa lên phòng ông. Lại có hai cổng. Thừa phát lại tới cổng trước thì ông lên ra cổng sau. Bàn bè cũng phải thuộc mặt khẩu mới được vô. Tóm lại ông như con thỏ ở trong hang vậy.

Chủ nhà là thím Louise Breugnol, kém ông năm tuổi, gốc gác nông dân, nhưng hoạt động, lanh lẹ, chuyên làm nghề quản gia cho các văn sĩ độc thân, bề ngoài là quản gia nhưng bề trong chắc còn cái gì hơn vậy nữa.

Balzac, đã chán các bà quý phái rắc rối không bình dị, nên an phận với thím ta, lại phong tước cho thím nữa, gọi thím là bà *De Breugnol*.

Thím giúp cho ông được nhiều: trông nom mọi việc nội trợ lại lo việc ngoại giao với các nhà xuất bản, nhà in, tòa báo vì thím thông thạo các loại hợp đồng của nhà văn. Thím rất tận tụy với ông; được ông dắt đi du lịch, hứa hẹn đủ thứ, thím tưởng rằng mình là tình nhân của danh sĩ Balzac, hãnh diện lắm, có biết đâu ông vẫn còn ước ao được làm chồng “quả phụ” Hanska.

CÚI ĐẦU CHÀO TÔI ĐI, TÔI SẮP THÀNH  
MỘT THIÊN TÀI ĐÂY

Năm 1841, vận của Balzac có vẻ lên.

Đầu năm ông ký với một nhóm nhà sách (Dubocher, Furne, Hetzel và Paulin) một hợp đồng để xuất bản toàn thể tác phẩm của ông mà ông đặt cho nhan đề là *La Comédie humaine* (Tuồng đời). Cuối năm, ông Hanski mất. Như vậy là những mộng của ông sắp thực hiện được.

Từ năm 1833, ông đã có một dự định vĩ đại. Một hôm ông lại nhà em gái và em rể (ông bà Surville) bảo họ: “Cô và dượng phải cúi đầu chào tôi đi, tôi sắp thành một thiên tài đây”. Và ông trình bày kế hoạch của ông cho họ nghe: từ trước, các tiểu thuyết của ông có tính cách rời rạc, bây giờ ông tính gom cả lại, bổ túc thêm xây lại thành một tòa văn chương.

Năm sau ông khoe với bà Hanska rằng tòa văn chương vĩ đại đó sẽ gồm ba phần:

- Phần *Nghiên cứu phong tục* gồm những tiểu thuyết tả lòng con người, tình tình, lối sống từ tuổi trẻ tới tuổi già...

- Phần *Nghiên cứu triết lí* gồm những tiểu thuyết giảng lại sao con người lại có những tình cảm như



vậy, vậy phần trên là hậu quả thì phần này là nguyên nhân.

- Sau cùng là phần *Phân tích* để tìm ra các qui tắc, như trong cuốn *Physiologie du Mariage* (Sinh lý hôn nhân).

Ông tính sẽ viết 24 cuốn cho phần đầu, 15 cuốn cho phần nhì và 9 cuốn cho phần ba. Dĩ nhiên những truyện ông đã viết từ trước, có thể cho vào trong bộ đó sau khi sửa lại chút ít, thay đổi vài cái tên, vài ngày tháng. Ông sẽ viết thêm nhiều truyện nữa cho đủ bộ. Và đây là sáng kiến của ông: một số nhân vật đã hoạt động trong các tiểu thuyết trước sẽ xuất hiện lại trong các tiểu thuyết sau, như các bác sĩ Biandron, Desplein, các cảnh sát Corentin, Peyrade, các nhà tài chánh Nucingen, Keller, các người cho vay nặng lãi Gobseck, Palma, vân vân... Như vậy toàn thể tác phẩm của ông sẽ là một bức bích họa vĩ đại tả mọi giới trong một hai thế hệ. Năm 1834 ông áp dụng ngay ý đó và cho một số nhân vật cũ xuất hiện trở lại trong truyện *Le Père Goriot*.

Bây giờ (1841) ông mới tìm được nhan đề *La Comédie humaine* cho toàn bộ, nhờ nghĩ tới tác phẩm bất hủ *La Divine Comédie* (Hài kịch thần thánh) của Dante. Ông đã viết được nhiều cuốn trong các mục

*Scènes de la vie privée* (Cảnh đời tư), *Scènes de la vie parisienne* (Cảnh đời sống ở Paris), *Scènes de la vie de province* (Cảnh đời sống ở tỉnh). *Etudes de mœurs*, *Etudes philosophiques* và một cuốn: *Physiologie du mariage* trong mục *Etudes analytiques* Ông viết lời mở đầu cho toàn bộ bảo rằng ông có dự tính lớn lao đó từ khi đọc công trình nghiên cứu của nhà sinh vật học Geoffroy Saint Hilaire (1772-1844) mà nảy ra ý này: trong xã hội có đủ các hạng người cũng như trong thiên nhiên có đủ các loài vật; một nhà tư bản, một người thợ, một quân nhân, một nhà lí tài, một thi sĩ có những bản tính khác nhau cũng như một con sư tử, một con lừa, một con chồn, một con cừu...

Nhưng *Tuồng đời* phức tạp hơn nhiều. Trước hết, trong loài vật, con đực và con cái bao giờ cũng cùng giống: sư tử đực sống với sư tử cái, bò đực sống với bò cái; còn trong loài người, người chồng có thể là cọp, người vợ có thể là cừu, hoặc người vợ có thể là sư tử mà người chồng có thể là con lừa, con trâu. Lại thêm, loài vật không thay đổi nhiều: một con cọp suốt đời là cọp, sinh con đẻ cái, cả vạn năm sau cũng vẫn là giống cọp; con người khác hẳn: một văn sĩ có thể thành một chính khách, một nhà lí tài; một con buôn có thể thành một nghị sĩ quốc hội, hoặc một người thợ, một quân nhân; mà một người cha giáo viên có thể có năm sáu

người con, mỗi người ở trong một giới. Sau cùng, nhờ bàn tay và bộ óc loài người tạo được những dụng cụ làm thay đổi đời sống, thay đổi nền văn minh, do đó tính tình, tập quán cũng thay đổi.

Balzac có tham vọng nghiên cứu, phân tích hết các hạng người trong thời đại của ông. Ông tạo được hai ba ngàn nhân vật, cho họ tác động lẫn tới nhau, yêu nhau, ghét nhau, hãm hại nhau, giúp đỡ nhau, gặp nhau, xa nhau; thôi thì đủ cả: quí phái, “buốc giao”, công chức, quân nhân, con buôn, nhà báo, chính khách, luật sư, chương khế, bồi bếp, đào kép... lời nổi Engels phải phục rằng đọc tiểu thuyết của Balzac học được nhiều hơn là đọc tác phẩm của các sử gia, kinh tế gia, thống kê gia chuyên môn. Sự thực chương trình của Balzac vĩ đại quá, ông không đủ thì giờ thực hiện hết được, và ông chỉ tả tâm lý, phong tục của hai giai cấp: quí phái, “buốc giao” là kỹ nhất còn giai cấp thợ thuyền và nông dân, ông chưa phân tích được nhiều.

Cảnh trong truyện ông tả cũng rất đúng. Ông biết rõ các khu ở Paris, ở chỗ nào ông cũng len lỏi tới: phòng khách của các bá tước, hầu tước phu nhân, quán ăn các sinh viên, hậu trường các hí viện, phòng riêng của các kỹ nữ, tiệm thợ may, tiệm bán đồ cổ, phòng vẽ một họa sĩ... Đi tỉnh nào ông cũng ghi chép phong cảnh các lâu đài, giáo đường, nhất là không khí trong miền,

tâm trạng các giai cấp chống đối nhau trong các biến cố từ 1789 tới 1830.

Cũng như đa số các đại tiểu thuyết gia khác, chẳng hạn Tolstoi, Victor Hugo ông thường xen vô tiểu thuyết nhiều đoạn bàn về chính trị, tôn giáo... thành thử có vẻ nặng nề, nhưng chính những tư tưởng đó làm cho toàn thể có tính cách lớn lao, xét chung thì chủ trương của ông là đề cao sức mạnh của ý chí khi nó tập trung vào một mục tiêu duy nhất. Cho nên về chính trị ông muốn có một chính thể mạnh, có thể độc tài miễn là đắc lực, sáng suốt, đưa dân tộc tới đường vinh quang. Ông ngưỡng mộ Napoléon và bất bình rằng nước Pháp đã làm “một cuộc cách mạng lớn lao mà để cho rơi vào tay vài con người quá tầm thường”.

Về tôn giáo, ông muốn trở về sự thần bí của Ki Tô giáo hồi nguyên thủy. Nhưng ông không khinh vật chất, nhận rằng sinh lí ảnh hưởng tới tâm hồn; tinh thần và vật chất cùng tác động tới nhau, không thể tách rời ra được.

Do đó, về ái tình và hôn nhân, ông mong có một trái tim và một lâu đài chứ một nhà lá với một trái tim thì không đủ.

Như vậy, dĩ nhiên ông đề cao kim tiền. Một phần do ảnh hưởng của gia đình: thân mẫu ông thường bảo

“có nhiều tiền, thật nhiều tiền là có tất cả”; thân phụ ông suốt đời chỉ lo nhắm mỗi một mục đích thành công về của cải và địa vị, em gái và em rể ông, ông bà Surville, cũng vậy, bỏ số lương kỹ sư mà ra kinh doanh để mau làm giàu, nhưng thất bại. Một phần nữa do ảnh hưởng của thời đại: nhờ cách mạng kỹ thuật, giới đại tư bản bắt đầu lên, các công ty thành lập và phát triển mạnh. Xã hội châu Âu bị kim tiền chỉ huy, ông không cưỡng lại nổi phong trào.

Tóm lại nhân sinh quan của ông chẳng có gì là cao, chỉ là thực tế thôi, đôi khi trắng trợn nữa. Ông cho một nhân vật, Vautrin, thốt câu này: “Có hai thứ sử, sử chính thức gồm toàn những lời sai ngoa đem những tình cảm cao thượng để giảng các hành động; và bí sử trong đó cứu cánh biện hộ cho phương tiện, chỉ có thứ sử này mới đúng sự thực. Xét chung thì con người theo thuyết vận mệnh họ thích các đại sự, họ đứng về phe kẻ thắng, vậy bạn cứ thành công đi, rồi người ta sẽ cho hành động của bạn là phải. Hành động của bạn tự nó không có giá trị, ý nghĩa gì cả: người khác cho nó một giá trị, một ý nghĩa ra sao thì nó thành ra như vậy. Cứ có một bề ngoài cho đẹp để đi, giấu cái mặt trái của đời bạn đi mà đưa ra cái phần nào hào nhoáng ấy. Cái gì cũng ở trong hình thức cả”.

Vậy ta chỉ nên nghe bài học của ông về nghị lực thôi. Chưa nhà văn nào có nghị lực kinh dị như ông: có hồi sửa ấn thảo mười lăm mười sáu lần, viết mười tám giờ một ngày! Còn về mục tiêu của đời sống thì chúng ta có thể nghĩ khác ông được.

Ông là một con người siêu việt, đam mê phi thường nên những nhân vật chính của ông cũng có những nét như ông. Sống một cách mãnh liệt, khác hẳn hạng người trung bình, quá khích trong hành động: thờ con bò vàng thì như Gobseck, ham danh vọng thì như Cécar Birotteau, cung con thì như Goriot.

Những nét ông tả họ đậm quá nhưng vẫn giống sự thực. Ông bảo “nghệ thuật là cô đọng thiên nhiên lại”. Ông mượn ba bốn cá tính chung quanh ông để tạo cá tính một nhân vật; rồi ông sửa đổi cá tính đó cho hợp với truyện; sau cùng tô đậm, “bóp méo” để nhân vật “hóa thân” đi, mà thể hiện được một ý của ông là đam mê tới mức hóa ra tàn nhẫn hoặc nhu nhược. Vì vậy mà nhiều chỗ văn ông khoa trương, phóng đại tới lỗi bịch (Victor Hugo cũng có tật đó), nhưng xét toàn thể tác phẩm *Tuồng đời*, (La comédie humaine) chứ đừng xét từng tiểu tiết, từng truyện một, thì ai cũng phải nhận rằng sức tưởng tượng, sáng tạo của ông thực vĩ đại.

Từ 1831, ông viết tiếp được hết các bộ *Splendeurs et misères des courtisanes* (Cuộc đời vàng son và cùng khổ của các kỹ nữ), *Illusions perdues* (Những ảo tưởng đã mất) và mười truyện khác. Còn năm mươi ba truyện nữa ông mới chỉ định được nhan đề, ghi được sơ lược nội dung chứ chưa kịp viết: như *Les Héritiers Boisrouge*, *Les Théâtre come il est*, *L'Anatomie des Corps enseignants...* Nếu ông sống được bảy chục tuổi mà thực hiện xong chương trình đó thì ông thực đáng là một đấng Tạo hóa trong văn học.

#### SỞ NGUYỆN GẦN ĐẠT ĐƯỢC

Mấy năm 1838 - 1841, bà Hanska thừa viết thư cho Balzac có lẽ ngại chồng ghen. Balzac lo lắng đi coi bói, và thấy bói báo chỉ trong sáu tuần sẽ nhận được một bức thư làm thay đổi cả đời sống của ông. Bọn thầy bói không phải luôn luôn đoán bậy. Ngày mừng năm tháng giêng năm 1842, Balzac nhận được một bức thư viên đen gửi từ Ukraine cho hay ông Wenceslas Hanski mất tháng 11 năm trước. Balzac mừng rơn nhưng trong thư chia buồn với quả phụ, vẫn giữ được giọng trang nhã, kín đáo: “Mặc dầu biến cố đó làm cho tôi đạt được sở nguyện tha thiết của tôi non mười năm nay, nhưng có bà và Thượng Đế chúng giám, tôi có thể tự hào rằng lòng tôi luôn luôn hoàn

toàn phục tùng ý chí Thượng Đế, và cả trong những lúc đau khổ nhất, tâm hồn tôi không bao giờ bị những ước vọng xấu xa làm cho dơ bẩn. Có những lúc bất giác xung động, không sao ngăn cản được. Tôi thường nói: “Sống với *nàng* thì đời mình sẽ nhẹ nhàng biết bao!”. Không có hy vọng thì người ta không thể giữ đức tin, tấm lòng, cả cái bản chất thâm kín của mình được... Nhưng tôi hiểu nỗi buồn của bà...”.

Có điều ông không ngờ là quả phụ đó thành thực tiếc ông chồng già đã che chở mình, hiểu mình và ân cần với mình đó. Ông ta đã làm di chúc để cho bà trọn quyền hưởng gia tài tới suốt đời. Gia đình bên chồng phản đối, cho như vậy là không hợp lệ. Vụ đó đưa lên Nga hoàng quyết định. Bà lại còn sợ nếu gia đình bên chồng nắm được những chứng cứ về mối tình của bà với Balzac thì sẽ không cho bà giữ cô Anna, người con duy nhất của bà nữa: Vì vậy bà rất thận trọng lãnh đạm trả lời Balzac: “Ông được tự do”. Như vậy là đoạn tuyệt rồi ư? Cái mộng mười năm nay tưởng sắp thực hiện được thì tan vỡ ư.

Balzac liền viết cho bà những bức thư tình đẹp đẽ cảm động thành thực nhất, khuyên bà đi Pétersbourg để theo dõi vụ kiện, và lần lần những bức thư của bà thân mật hơn. Nhờ vậy ông hăng hái viết kịch *Les Ressources de Quinola* (thất bại nữa) và vài truyện cho



bộ *Splendeurs et Misères des courtisanes*, David Séchard...

Ông mơ mộng về tương lai: hai ông bà giữ biệt thự Les Jardies, mua một căn nhà nữa ở Paris, mỗi năm có 24.000 quan lợi tức thêm 15.000 quan của Hàn Lâm viện, mỗi ngày viết sáu giờ thôi kiếm thêm được 20.000 quan nữa.

Năm sau ông qua Pétersbourg thăm bà Hanska, bà thắng trong vụ kiện. Trở về Paris, ông đau, mà vẫn không nghỉ, suốt ngày hết sửa ấn cáo bộ *Tuồng đời* lại viết tập *Illusions perdues*. Ông vận động để ứng cử vào Hàn Lâm Viện. Victor Hugo, Charles Nodier, Dupaty... bênh vực ông, nhưng Hàn Lâm Viện là viện của bọn nhà giàu, có thể bầu một tên ăn cắp mà khéo xoay xở để khỏi ngời khám và có một sản nghiệp vĩ đại, còn đối với một thiên tài mà nghèo thì viện gạt ra không thương xót chút gì cả”. Được Charles Nodier trả lời như vậy, Balzac có một thái độ rất đàng hoàng, rút đơn ra liền.

Lúc này sức ông bắt đầu suy, thường phàn nàn với bạn: “Tôi phải sáng tác, sáng tác hoài! Chính Thượng Đế kia mà cũng chỉ sáng tạo có sáu ngày thôi.

“Tôi đã thành cái máy tạo câu, cơ hồ cơ thể tôi bằng sắt”.

“Sống bằng cây viết, thật là điên khùng, ghê gớm quá”.

Tiểu thuyết của Dumas và Eugène Sue đương lên, tranh mất một số độc giả của ông, ông lại càng chưa thể nghỉ được, rần viết cho xong bộ tiểu thuyết tràng giang *Splendeurs et misères des courtisanes*.

Trọn năm 1845, ông đi du lịch với mẹ con bà Hanska ở Dresde, rồi đưa họ qua Pháp, đi thăm các miền Touraine, Marseille, Naples; nên chỉ viết được mỗi một cuốn *Un homme d'affaires*.

Năm sau họ lại cùng nhau đi du lịch Ý, Thụy Sĩ, Đức. Bà Hanska có mang, nhưng đứa con hoang của họ không nuôi được.

Năm 1847, bà Hanska sắp gả được con gái, nghĩa là sắp được tự do, Balzac tính lập tổ uyên ương để sống chung với bà. Ông mua ngôi nhà ở đường Fortunée, vùng tiền ra xây cất lại, sắm những đồ cổ không có giá trị đem về bày chật nhà, rồi qua Francfort đón bà về ở. Mới vô nhà, bà đã nổi dóa. Ở xa ông, đọc văn của ông thì bà quý ông được, từ khi biết rõ ông hơn, bà ngán ngấm: con người đó quê mùa, thiếu giám thức, thiếu cả lương thức, tiêu tiền một cách vô lối. Vì vậy ở ít lâu bà lại về Ukraine.

Tháng chín, Balzac phải qua Ukraine kiếm bà, đề nghị làm hôn lễ lên, bà không chịu.

Năm đó là năm cuối cùng ông còn sáng tác được mạnh: sau truyện *La Cousine Bette* tới *Le Cousin Pons*, *Le Député d'Arcis*.

Tháng hai năm sau ông về Paris thì Cách mạng 1848 nổ. Từ đây bắt đầu những ngày tàn của ông.

### GIƯỜNG CƯỚI SẼ LÀ GIƯỜNG ÔNG TẮT THỞ

Tháng hai năm 1848 cả nước Pháp sùng sục lên đả đảo nội các Guizot quá bảo thủ, chỉ bênh vực quyền lợi của phe tư bản mà đàn áp thợ thuyền. Thiers bảo nội các như một con thuyền bị nước vô, mỗi phút một chìm xuống. Ngay Vệ quốc quân cũng đứng về phe dân chúng, hô hào cải cách.

Balzac từ hồi làm chủ nhiệm tờ *Chronique de Paris* đã mạt sát Guizot, ông mong một chính quyền mạnh hơn, có tài năng hơn. Nhưng lần này Louis Philippe bị hạ bệ, ông không mừng mà còn ngại sẽ có nhiều cuộc xáo động trong nước. Nhất là khi hay tin một chính phủ Cộng Hòa sắp thành lập ông càng sợ sẽ không lập lại được trật tự, sẽ có cướp bóc tàn phá, đói kém.

Tuy nhiên khi bầu Quốc Hội, ông cũng ra ứng cử

ở Paris chỉ được có hai mươi phiếu! (Lamartine được 259.800 phiếu) vì ông đưa ra một chính sách chuyên chế, mạnh mẽ, mà dân chúng không ưa.

Trong thời Cách mạng, người ta hội họp, hoan hô, đả đảo, diễn thuyết, xuống đường chú ai mà đọc tiểu thuyết và coi diễn kịch. Tiền bạc thiếu thốn, vật giá leo thang, ông chán nản, muốn trở qua Ukraine nữa. Nhưng ít nhất phải xoay được lộ phí đã.

Ông rán viết cho xong kịch *La Marâtre* mặc dầu mắt ông đau, coi một mà thành hai (có lẽ do dây thần kinh ở mắt có tật). Ông hi vọng sẽ thu được năm, sáu trăm ngàn quan, nếu không thì nguy. Kịch được đem diễn. Các nhà phê bình như Théophile Gautier, Jules Janin khen là hay, “tự nhiên mà có nghệ thuật, duyên dáng mà mạnh mẽ”. Lần đầu tiên ông thành công về kịch, nhưng lại không gặp thời: dân chúng tản cư rất đông, Paris vắng hoe, ngày thường có mười ngàn chiếc xe ở Champs Elysées thì bây giờ chỉ có năm chục chiếc. Đêm tối ít ai dám ra khỏi cửa. Kịch chỉ diễn được mỗi một lần và ông chỉ thu được có năm trăm quan. Ông hy vọng khi trật tự vãn hồi rồi sẽ diễn lại. Và ông dự tính viết bốn, năm kịch khác: *Les Petits Bourgeois*, *Mercadet*, *Orgon...* sẽ đưa *Tuồng đời* lên sân khấu. Vì, tại sao không? Như vậy mới thật đúng với nhan đề chứ.

Trong khi chờ đợi, ông vận động với Lamartine và tòa đại sứ Nga, xin được phép qua Ukraine nữa, và lần này ông ở bên cạnh bà Hanska, tại Wierzchoronia từ cuối năm 1848 tới đầu năm 1850.

Ông dẫn người thân tiếp xúc với các cụ Hàn để ông được bầu vào Hàn Lâm Viện thay chân Chateaubriand mất tháng bảy năm 1848. Victor Hugo tận lực giúp ông nhưng tới khi bầu, công tước de Noailles được hai mươi lăm phiếu, Balzac chỉ được hai! Tám ngày sau, lại có một ghế trống nữa ở viện, ghế của Vatout. Balzac lại vẫn được có hai phiếu của Hugo và Vigny thua bá tước De Saint Priest, một vị bất tử mà ngày nay chẳng ai còn nhắc nhở tới nữa. Laurent Jan báo tin đó cho Balzac, bảo: “Hình như các ông bá tước tồi lại là những ông Hàn tốt.”

Balzac thúc bà Hanska làm lễ cưới. Bà phải xin phép Nga Hoàng. Tháng chín 1849, Balzac đau tim nặng, không đi được nữa, hơi cử động là muốn nghẹt thở. Bà Hanska và con gái, có chàng rể nữa tận tâm săn sóc ông. Bệnh tim chưa hết thì tới bệnh phổi. Ông nằm liệt giường hai mươi ngày.

Sau cùng, tháng ba năm 1850, Nga Hoàng cho phép bà Hanska tái giá; ngày 14, họ làm lễ cưới ở giáo đường Sainte-Barbe de Berditcherff. Mười giờ tối họ

mới về đến nhà: chú rể 51 tuổi, đau tim và phổi muốn nghẹt thở, còn cô dâu năm chục tuổi bị bệnh phong, nhức nhối, tay chân sưng vù, không còn cử động được nữa, ngày nào cũng đi bác sĩ, thọc chân vào trong bụng đã phanh ra của một con heo sữa mà cũng không bớt.

Ta phải nhận rằng Eveline (tức bà Hanska) không đồng tâm với Balzac bằng bà De Berny, từ khi thành quả phụ (1842) đã mấy lần do dự, không muốn kết hợp đời mình với đời của Balzac vì thấy tính tình ông kì cục, nhưng lần này, bà tỏ ra rất can đảm, có lòng hy sinh cao: bà biết bệnh của ông khó mà hết được, cưới rồi bà phải đóng cái vai khán hộ rồi lại sẽ thành quả phụ nữa thôi, mà bà vẫn tỏ ra vui vẻ. Vui nhất là Balzac: sau mười sáu năm chờ đợi bây giờ mới thực hiện được cái mộng cuối của một người vợ qui phái, giàu có, “người duy nhất mà ông đã yêu, và sẽ yêu mỗi ngày một hơn lên, cho tới khi chết”, như ông nói: Chính ông cũng không biết rằng giường cưới của ông sẽ là giường ông tắt thở. Nên ông nóng về Pháp để được chết tại nhà.

## MỘT TÒA LÂU ĐÀI XÂY TRÊN NỀN HOA CƯƠNG

Một buổi tối tháng năm một chiếc xe ngừng lại ở ngôi nhà đường Fortunée: một ông già muốn hết hơi, thở hổn hển, sờ soạng bước xuống xe, vì mắt gằn như

đui; phía sau là một người đàn bà còn khá đẹp. Trong nhà đèn sáng trưng và đầy hoa, nhưng kéo chuông mấy lần mà không ai ra mở cửa. Y như một ác mộng. Người đánh xe phải chạy tới kiếm một người thợ khóa lại mở cửa. Thì ra người đẩy tờ coi nhà, François Munch, thỉnh linh hóa điên phá phách lung tung rồi chặn kỹ cửa lại. Hai ông bà mỗi người vô một phòng riêng để nghỉ. “Miếng da lừa” của Balzac đã thu lại chỉ còn bằng đầu ngón tay!

Đau tim, đau phổi, đau bao tử, mắt lòa, lại thêm chân bị chứng hoại thư sưng vù lên, thịt thối ra, chảy nước tanh hôi tới buồn mửa.

Bà can đảm, tận tâm săn sóc chồng. Nghị lực của bà thực mạnh. Ông muốn viết thư thăm ai thì đọc cho bà chép rồi ông ký tên ở dưới. Bệnh có lúc tưởng như giảm, nhưng bác sĩ cho rằng không bao giờ qua khỏi được, có ngày để một trăm con đĩa lên bụng ông cho chúng hút bớt máu.

Hugo lại thăm, ái ngại cho ông bà, thấy bà sau ba tháng thức đêm, rạc người đi.

Giữa đêm ngày 18 tháng tám ông tắt nghỉ.

Ngày 21, trước huyệt ở nghĩa địa Père Lachaise, Hugo đọc điệu văn:

“Ông De Balzac là một người đứng đầu trong số những người vĩ đại nhất, một người đứng cao nhất trong số những người tốt nhất... Tất cả các sách của ông hợp thành một cuốn duy nhất, một cuốn linh động, chói lọi, sâu sắc (tả) tất cả nền văn minh hiện đại của chúng ta; một cuốn sách kỳ diệu mà thi sĩ đặt cho nhan đề là *Tuồng đời*, và cũng có thể gọi là *Sử ký* được (...)

Đó là sự nghiệp ông để lại cho chúng ta đó, sự nghiệp cao đẹp và vững chắc, một lâu đài xây dựng trên những lớp hoa cương: từ nay danh ông sẽ chói lọi trên đỉnh lâu đài đó...”

Sau Hugo tới Baudelaire, Dostoievski, Browning, Proust, Alain, André Maurois, Somerset Maugham... và bây giờ thì cả thế giới đều nhận rằng Balzac là người đứng đầu trong số các tiểu thuyết gia của nhân loại.

Một hành động đẹp nữa của bà Balzac là nhận lãnh gia sản của chồng, mặc dầu bà biết rằng nó không đủ để trả nợ cho ông. Bà không trở về Ukraine, ở lại Pháp trả hết nợ cho ông và lo xuất bản tất cả di cảo của ông: *Les Petits Bourgeois*, *Le Député d'Arcis*, do một nhà văn Charles Rabou viết tiếp cho hoàn thành.



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
– Tựa .....	5
– Walt Disney .....	7
– William Somerset Maugham .....	43
– Goeth .....	79
– Chateaubriand .....	155
– Honoré de Balzac .....	216

## VỀ VIỆC XUẤT BẢN SÁCH NGUYỄN HIẾN LÊ

*Nhà văn quá cố Nguyễn Hiến Lê có trên một trăm (100) tác phẩm đã đăng ký tại Hãng Bảo hộ quyền Tác giả Việt Nam thuộc Bộ Văn Hóa số 189/VH/HBH) ngày 16-12-1988.*

*Nhà xuất bản nào muốn in sách Nguyễn Hiến Lê xin tiếp xúc để thương lượng với ông Lê Ngô Châu và ông Nguyễn Q. Thắng là những người được ủy nhiệm họp pháp, đại diện cho gia đình nhà văn Nguyễn Hiến Lê.*

*Địa chỉ:*

*- 160 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3.*